

# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

## ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN

- Lời kinh bạch
- Lý lịch gốc của những quyển sách do ông Nguyễn Trung Hậu soạn

### DANH MỤC NHỮNG QUYỂN SÁCH TRONG KẾT TẬP

#### "ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN"

1. Đại Đạo Căn Nguyên (1930)
2. Tiên Thiên Tiết Học (1927)
3. Luận Đạo Vấn Đáp (1927)
4. Châu Thân Giải (1927)
5. Chơn Lý (1928)
6. Ăn Chay (1928)
7. Đức Tin (1928)
8. Luân Hồi Quả Báo (1956)

)  
)(  
\_)\_(\_  
(( ))  
))  
)  
|  
(

## LỜI KỈNH BẠCH

Tiên phụ, Ông NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUÂN ĐỨC, lúc sảnh tiền có soạn chín quyển sách về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong đó có bảy quyển soạn vào thập niên ba mươi, tức vào những năm đầu khai Đạo và hai quyển vào những năm 1955 và 1956.

Trong quá trình soạn thảo, Người còn ngại sơ sót, nên có cầu Đức CHÍ TÔN xin chỉ dạy và được dạy như sau:

*". Hậu, sách con làm ra đều có giá trị, là nhờ có Thầy giáng tâm con.*

*Con sợ sai lầm cũng phải, nhưng về sự sai siễn, dẫu bức Thánh xưa làm sách cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm.*

*Vậy con cứ an lòng mà làm ích thêm nữa. Thầy hằng ở bên con mà dùi dắt cho trí hóa rộng thêm nghe con".*

(Thánh giáo ngày 10-5-1927 do Bảo Pháp và Hiền Pháp thủ cõ)

Về quyển "Luân Hồi Quả Báo" cùng hợp soạn với Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi năm 1956, do sự gợi ý của Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt qua đàm cơ ngày 09-10-1955, do Ngài Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cõ, có đoạn như sau:

*". . . Các Đấng đã vận động đủ mọi lề hầu giúp tư tưởng cho đại đồng nhơn loại, ngọt cơ hiệp nhút chưa thành thì khó phổ thông giáo lý. Phần đồng họ chạy theo phái mạnh là có ý xu hướng xu thời. Vậy Ngài Bảo Pháp nên soạn một quyển sách Nhơn Quả để phổ thông đặng giúp ích cho Đời cùng Đạo . . ."*

Ngày 23-12-1955, sau khi soạn xong quyển "Luân Hồi Quả Báo", Người có trình cho Ngài Lê Văn Duyệt duyệt lại. Ngài khiêm tốn không duyệt, lại bảo cầu Đức QUAN ÂM BỒ TÁT duyệt giúp cho. Nên có đàm cơ sau này, do Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cõ:

## QUAN ÂM BỒ TÁT

"Hỉ Chư Thiên Phong,

Vì có khải của Tả Quân Lê Văn Duyệt cầu xin  
chỉnh quyển "Luân Hồi Quả Báo".

Về vấn đề "Linh Hồn", may mắn lại có người tiếp  
được diễn lành trích lục và tự thông truyền mới được  
đượm tươi như thế đó. Vậy cứ ấn tổng ra để cho Chúng  
sanh hưởng ứng.

Về phần các Tôn giáo, hãy chỉ cho rõ, nhấn mạnh  
trong Tam Giáo Đạo. Buổi tận thế sẽ đến đây.

*Hay! Được! Bần nỡ để lời khen và cầu xin các  
Đấng ban ơn - Thăng".*

Hôm nay, muốn tìm cho đủ những quyển sách do  
tiên phụ soạn thảo để in lại là điều không phải dễ, vì  
phần lớn sách được phát hành trong những năm 1927-  
1930, cách đây hơn bảy mươi năm. Chúng tôi tìm trong  
tủ sách gia đình, mượn ở bè bạn, và may mắn lắm, mới  
kết hợp đủ chín quyển sách do tiên phụ soạn, nhưng  
phần nhiều là quyển photocopie.

Quyển "Đại Đạo Căn Nguyên" được soạn xong  
vào tháng 3-1930, nhưng ấn bản mà chúng tôi có là ấn  
bản do Thánh Thất An Hội, Kiến Hòa, Bến Tre tái bản  
năm 1957 với sự đồng ý của tác giả. Ngày 05-2 Kỷ Dậu  
(dl. 22-3-1969), Ngài Hiến Pháp Chưởng Quản Bộ Pháp  
Chánh, kiêm Trưởng Ban Đạo Sứ cho in lại quyển  
ĐDCN bằng Ronéo, trong đó, ở phần cuối, đã bỏ "Việc  
xây bàn" trích từ quyển Đạo Mạch Truy Nguyên của ông  
Huệ Chương.

Những quyển sách của Tiên phụ soạn được ghi  
tên tác giả là NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẦN ĐỨC.  
Có hai quyển **Ăn Chay** và **Đức Tin** được ký dưới bút  
hiệu THUẦN ĐỨC. Không có quyển nào ký tên dưới  
Thánh danh BẢO PHÁP cả.

Sau khi Tiên phụ thoát xác, ngày 27-6 Quý Sửu (dl.  
26-7-1973), bào huynh, cố Hiền Tài Nguyễn Trung

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Ngôn (bút hiệu Tam Đức) đã thay mặt gia đình có văn thơ hiến dâng toàn bộ bản quyền những sách do Tiên phụ soạn thảo cho Hội Thánh.

Sách được in trên nhiều khổ giấy khác nhau. Nay chúng tôi sưu tập lại bằng vi tính, theo khổ giấy đồng nhứt A5 (14,8 x 21 cm). Bìa được phục chế và thực hiện photocopie cũng theo khổ A5. Do đó chúng tôi xin sơ lược lại lý lịch gốc của các quyển sách như trang bên.

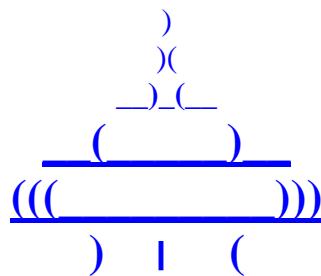
Hôm nay, ý nguyện của chúng tôi là kết hợp lại những sách do tiên phụ soạn thảo gồm tám quyển (trừ quyển Thiên Đạo) và lấy tên chung cho tám quyển là "**ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN**" để lưu lại hầu tránh thất lạc.

Việc sao lục được thực hiện nguyên văn theo sách đã ấn hành từ trước, chỉ chỉnh lại chánh tả theo năm sao lục (2001).

Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, năm Tân Ty (2001)

Thứ nam NGUYỄN TRUNG NHƠN  
(Giáo Hữu NGỌC NHƠN THANH)

Cẩn bút



**LÝ LỊCH GỐC  
CỦA NHỮNG QUYỀN SÁCH  
DO ÔNG NGUYỄN TRUNG HẬU SOẠN**

TT	TÊN SÁCH	Khổ giấy (cm)		Số trang gốc	Soạn xong năm	Án hành năm
		Ngang	Dài			
01	Tiên Thiên Tiêu Học	13.5	20.0	28	3-1927	1955
02	Luận Đạo Vấn Đáp	14.5	20.2	24	9-1927	?
03	Châu Thân Giải	14.0	20.0	32	10- 1927	1955
04	Chơn Lý	15.5	24.0	40	10- 1928	1928
05	Ăn Chay	11.5	15.5	36	--1928	1928
06	Đức Tin	12.0	18.0	32	--1928	1928
07	Đại Đạo Căn Nguyên	13.5	20.0	36	3-1930	1957
08	Luân Hồi Quả Báo	20.0	24.5	36	4-1956	1956
09	Thiên Đạo	14.0	20.5	150	--1955	1955

# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

---

## ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN

Tác giả  
**NGUYỄN TRUNG HẬU**  
Tự  
**THUẦN ĐỨC**

Sách này lược trình về căn nguyên  
của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phố Độ

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

## **MỤC LỤC**

- Cản Từ

1. Lời tựa tác giả
  2. Lời tựa của ông Đoàn Văn Bản
  3. Lời tựa của ông Trương Hữu Đức
  4. Lời tựa của ông Lê Văn Giảng
  5. Đạo vẫn có Một
  6. Tam Kỳ Phổ Độ là gì?
  7. Sự tích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
  8. Thượng Đế thâu phục Quan phủ Ngô Văn Chiêu
  9. Thượng Đế thâu phục mấy vị phò loan
  10. Thượng Đế thâu phục ông Lê Văn Trung
  11. Hiệp với ông Ngô Văn Chiêu
  12. Ông Ngô Văn Chiêu tách riêng
  13. Đàm lệ
  14. Khai Đạo nơi Chánh Phủ
  15. Phổ độ lục tỉnh
  16. Sự tích cảnh chùa Từ Lâm
  17. Ngày khai Thánh Thất
  18. Cuộc biến
  19. Trường công kích
  20. Dời Tòa Thánh về làng Long Thành Tây Ninh
-

## Cần Tù

Quyển **ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN** do Ông NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẦN ĐỨC biên soạn, là một trong 8 quyển được kết chung lại thành tập có tên là **ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN** do Giáo Hữu NGỌC NHƠN THANH (NGUYỄN TRUNG NHƠN), thứ nam của Ông sưu tầm và kết hợp lại năm TÂN TỴ 2001. Bản quyền toàn bộ sách đã được Cố Hiền Tài NGUYỄN TRUNG NGÔN (bút hiệu TAM ĐỨC), thay mặt gia đình hiến dâng cho Hội Thánh ngày 27-6 Quý Sửu (DL. 26-7-1973).

Chúng tôi xin trích **LỜI KINH BẠCH** của Hiền Huynh NGỌC NHƠN THANH, thay lời tựa kết tập **ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN** cho Chư Đồng Đạo lâm tường, nguyễn văn như sau:

### **LỜI KINH BẠCH**

Tiên phụ, Ông NGUYỄN TRUNG HẬU tự *THUẦN ĐỨC*, lúc sanh tiền có soạn chín quyển sách về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong đó có bảy quyển soạn vào thập niên ba mươi, tức vào những năm đầu khai Đạo và hai quyển vào những năm 1955 và 1956.

Trong quá trình soạn thảo, Người còn ngại sơ sót, nên có cầu Đức CHÍ TÔN xin chỉ dạy và được dạy như sau:

*". Hậu, sách con làm ra đều có giá trị, là nhờ có Thầy giáng tâm con.*

*Con sợ sai lầm cũng phải, nhưng về sự sai siễn, dầu bức Thánh xưa làm sách cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm.*

*Vậy con cứ an lòng mà làm ích thêm nữa. Thầy hằng ở bên con mà dùi dắt cho trí hóa rộng thêm nghe con".*

(Thánh giáo ngày 10-5-1927 do Bảo Pháp và Hiền Pháp thủ cõ)

Về quyển "Luân Hồi Quả Báo" cùng hợp soạn với Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi năm 1956, do sự gợi ý của Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt qua đàm cơ ngày 09-10-1955, do Ngài Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cơ, có đoạn như sau:

"... Các Đấng đã vận động đủ mọi lẽ hầu giúp tư tưởng cho đại đồng nhơn loại, ngặt cơ hiệp nhứt chưa thành thì khó phổ thông giáo lý. Phần đồng họ chạy theo phái mạnh là có ý xu hướng xu thời. Vậy Ngài Bảo Pháp nên soạn một quyển sách Nhơn Quả để phổ thông để giúp ích cho Đời cùng Đạo..."

Ngày 23-12-1955, sau khi soạn xong quyển "Luân Hồi Quả Báo", Người có trình cho Ngài Lê Văn Duyệt duyệt lại. Ngài khiêm tốn không duyệt, lại bảo cầu Đức QUAN ÂM BỒ TÁT duyệt giúp cho. Nên có đàm cơ sau này, do Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cơ:

### **QUAN ÂM BỒ TÁT**

*"Hỉ Chư Thiên Phong,*

*Vì có khải của Tả Quân Lê Văn Duyệt cầu xin  
chỉnh quyển "Luân Hồi Quả Báo".*

Về vấn đề "Linh Hồn", may mắn lại có người tiếp được diễn lành trích lục và tự thông truyền mới được đượm tươi như thế đó. Vậy cứ ấn tổng ra để cho Chúng sanh hưởng ứng.

Về phần các Tôn giáo, hãy chỉ cho rõ, nhấn mạnh trong Tam Giáo Đạo. Buổi tận thế ngày sẽ đến đây.

*Hay! Được! Bần nử để lời khen và cầu xin các  
Đấng ban ơn - Thăng".*

Hôm nay, muôn tìm cho đủ những quyển sách do tiên phụ soạn thảo để in lại là điều không phải dễ, vì phần lớn sách được phát hành trong những năm 1927-1930, cách đây hơn bảy mươi năm. Chúng tôi tìm trong tủ sách gia đình, mượn ở bè bạn, và may mắn lắm, mới kết hợp đủ chín quyển sách do tiên phụ soạn, nhưng phần nhiều là quyển photocopie.

Quyển "**Đại Đạo Căn Nguyên**" được soạn xong vào tháng 3-1930, nhưng ấn bản mà chúng tôi có là ấn bản do Thánh Thất An Hội, Kiến Hòa, Bến Tre tái bản năm 1957 với sự đồng ý của tác giả. Ngày 05-2 Kỷ Dậu (dl. 22-3-1969), Ngài Hiến Pháp Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh, kiêm Trưởng Ban Đạo Sứ cho in lại quyển ĐDCN bằng Ronéo, trong đó, ở phần cuối, đã bỏ "Việc xây bàn" trích từ quyển Đạo Mạch Truy Nguyên của ông Huệ Chương.

Những quyển sách của Tiên phụ soạn được ghi tên tác giả là NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẦN ĐỨC. Có hai quyển **Ăn Chay** và **Đức Tin** được ký dưới bút hiệu THUẦN ĐỨC. Không có quyển nào ký tên dưới Thánh danh BẢO PHÁP cả.

Sau khi Tiên phụ thoát xác, ngày 27-6 Quý Sửu (dl. 26-7-1973), bào huynh, cố Hiền Tài Nguyễn Trung Ngôn (bút hiệu Tam Đức) đã thay mặt gia đình có văn thơ hiến dâng toàn bộ bản quyền những sách do Tiên phụ soạn thảo cho Hội Thánh.

Sách được in trên nhiều khổ giấy khác nhau. Nay chúng tôi sưu tập lại bằng vi tính, theo khổ giấy đồng nhứt A5 (14,8 x 21 cm). Bìa được phục chế và thực hiện photocopie cũng theo khổ A5. Do đó chúng tôi xin sơ lược lại lý lịch gốc của các quyển sách như trang bên.

Hôm nay, ý nguyện của chúng tôi là kết hợp lại những sách do tiên phụ soạn thảo gồm tám quyển (trừ quyển Thiền Đạo) và lấy tên chung cho tám quyển là "**ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN**" để lưu lại hầu tránh thất lạc.

Việc sao lục được thực hiện nguyên văn theo sách đã ấn hành từ trước, chỉ chỉnh lại chánh tả theo năm sao lục (2001).

Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, năm Tân Ty (2001)

Thứ nam NGUYỄN TRUNG NHƠN  
(Giáo Hữu NGỌC NHƠN THANH)

Cần bút

Nên Thánh Thất New South Wales tái ấn hành quyển **ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN**, và lần lượt sẽ ấn hành toàn bộ kết tập **ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN** để phổ thông Chơn Đạo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng toàn thể Đạo hữu, Đạo tâm cùng Chư Thiện Tín gần xa khắp nơi trên Thế Giới.

Rằm Hạ Ngươn năm Nhâm Ngọ (2002)  
Thánh Thất New South Wales - Australia  
Kính cáo



## **Lời tựa của tác giả**

Có nhiều vị hỏi tôi tại sao tôi theo Đạo "TAM KỲ PHỒ ĐỘ" và gốc tích Đạo này bởi đâu mà ra.

Muốn trả lời theo câu hỏi này, tất phải dẫn tích dông dài, trưng đủ bằng cớ, phô nhiêu lý luận; thành thủ, dầu chủ tâm không phải là muốn làm sách, nhưng buộc lòng cũng phải dọn ra một quyển cỏn con, hầu lược thuật mới tròn sự tích.

Nhan đề quyển này nhỏ là "**Đại Đạo Căn Nguyên**" thì cũng bạo gan lắm rồi. Thế mà có một hai vị đạo hữu bảo tôi nên đề là "**Đạo Sứ**".

Không dám bạo gan như thế, nên tôi đáp lại như vầy: "*Tôi sở dĩ ký thuật sự tích Đạo lại một cách sơ lược cho mọi người rõ thấu vậy thôi, chớ đâu dám tự gọi là nhà làm sứ?*".

Phương chi, Đạo còn đương ở trong thời kỳ phỗ độ, tôi vẫn nhắc nhở công lao của mấy vị hành đạo trong năm Bính Dần là năm khai Đạo vậy thôi. Muốn làm Sứ Đạo, tất phải đợi nhiều năm sau này mới được.

Sau khi dọn thành quyển "**Đại Đạo Căn Nguyên**", tôi có cầu kiêm duyệt ở nhiều vị có chưn trong Đạo từ buổi phôi thai; hư thiệt lẽ nào, xin mời chư quý độc giả xem qua mấy lời tựa sau đây thì rõ.

Ngày 20 tháng hai, năm Canh Ngũ.

**Nguyễn Trung Hậu  
tự Thuần Đức**



## **Lời tựa của ông Đoàn Văn Bản**

Tôi rất hân hạnh được ông Nguyễn Trung Hậu trao cho tôi lược duyệt quyển "Đại Đạo Căn Nguyên" của ông sắp xuất bản.

Đứng về phương diện người có chưn trong Đạo Cao Đài từ ban sơ, tôi có thể nhìn nhận rằng sự tích lược thuật trong quyển sách này đều đúng với sự thật; lời ký thuật như chuyện đã qua, không vụ ngã mà cũng không tư vị.

Vậy tôi có mấy lời giới thiệu quyển sách này cho quý ông, quý bà để xem cho rõ sơ lược cái căn nguyên của một nền Tôn giáo, mà ai là người Việt Nam không nên không để ý đến.

Cầu Kho, le 12 Mars 1930.

**Đoàn Văn BẢN**  
tự Văn Long



## **Lời tựa của ông Trương Hữu Đức**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỎ ĐỘ (hay là Đạo Cao Đài) nay đã có tên tuổi trong lịch sử rồi, vì tôn chỉ của Đạo rất chánh đáng, sự công ích của Đạo đã rõ ràng, nên công chúng lấy làm hữu hạnh mà hoan nghinh Tôn giáo ấy.

Tôn giáo ấy, ai sáng lập ra? Những tay tế thế là ai? Câu hỏi đó, tưởng ai ai cũng đều mong mỏi cho có câu trả lời.

Nhưng, câu trả lời phải ở đâu mà ra, cho đủ bằng cớ chơn thật?

Chắc là phải tự nơi những người đầu công sáng lập, có nghe thấy rõ ràng từ lúc ban sơ. Nhưng người ấy cũng phải cho có đủ tư cách một người đạo nhơn, thì câu trả lời mới là chơn thật và có giá trị.

Nếu lịch sử của một nền Tôn giáo mà mất sự thật hay là còn một điểm tư vị, thì sao đáng gọi là lịch sử, sao đáng gọi là căn nguyên của nền chánh giáo? Tôi sở dĩ phải nói mấy câu này ra, là vì có lòng mừng chung với anh em, chị em mà đặng thấy cuốn "ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN" ra đời, mà tác giả là một người trong mấy vị đầu công, lại có lòng vô tư, vô ngã. Như vậy thì từ đây mới có một quyền lịch sử của Đạo rất đúng đắn, không tư vị và không mất sự thật.

Saigon, le 15 Mars 1930.

**Trương Hữu Đức**  
tự Hòa Dân



## **Lời tựa của ông Lê Văn Giảng**

Duyệt suốt quyển "Đại Đạo Căn Nguyên", tôi bắt giác đặng hồi tưởng công việc Đạo đã trải qua trong năm Bính Dần như chuyện trước mắt bây giờ.

Thật tôi rất hưu hạnh đặng thấy quyển sách này ra đời, và sự tích trong đấy đều đúng với sự thật. Ông Nguyễn Trung Hậu lại đứng về địa vị ký giả mà thôi, chớ không hạ một lời bình phẩm.

Cái giá trị quyển "Đ.Đ.C.N." là ở nơi đó.

Vậy xin có mấy lời thành thật gọi là giới thiệu quyển "Đ.Đ.C.N." cho anh em, chị em.

Vũng Liêm, le 20 Mars 1930.

**Lê Văn Giảng**



## **ĐẠO VĂN CÓ MỘT**

Từ xưa đến nay, người trong các Tôn giáo đều cho Đạo mình là tối cao, tối trọng. Về Đạo Nho, Thầy Tử Tư tán dương rằng: "Đạo Thánh Nhơn lớn vậy thay! Minh mông như biển, phát sanh dưỡng dục cho muôn loài. Cao thì cùng cực tận Trời. Rộng rãi vô cùng, bao gồm cả ba trăm điều lễ nghĩa, ba ngàn phép oai nghi!". (*Đại tai Thánh Nhơn chi Đạo! Dương dương hò! Phát dục vạn vật, tuấn cực vu Thiên, ưu ưu đại tai! Lễ nghi tam bách, oai nghi tam thiên!*).

Về Đạo Lão, lại có câu: "Đạo vô vi ở trước ngôi Thái Cực". (*Vô vi cư Thái Cực chi tiền*).

Đạo Phật thì có câu: "Phép mầu nhiệm cao sâu tột bực". (*Vô thượng thâm vi diệu pháp*).

Đạo Thiên Chúa thì có câu: "Ngoài Hội Thánh ra, thì không đâu là nơi cứu độ". (*Hors l'Église, point de salut*).

Môn đồ mỗi Đạo vịn theo đó mà cho Đạo mình là tối cao tối trọng, cho Đạo mình là chơn chánh, xem các Đạo khác như mị tà; vì vậy mà ít hay quan sát đến các Tôn giáo khác đểng sưu tầm những chơn lý, những chỗ cao siêu của Đạo người.

Nay, nếu lấy công tâm mà quan sát đến các Tôn giáo ở cõi Á Đông này, thì ta thấy rõ ràng các Tôn giáo, tuy bề ngoài khác nhau ở nơi lễ nghi tế tự, chớ tựu trung cũng đồng tín ngưỡng có một Đấng Chúa Tể cả Càn Khôn, Thế Giải mà thôi. Cho hay, các giáo lý, các giáo điều sở dĩ có chỗ khác nhau đi nữa, thì bất quá ở nơi tiểu dị mà thôi, chớ cũng đều giống nhau ở chỗ đại đồng.

Đạo Nho dạy về Nhơn đạo, cai trị phần đời, chủ trương ở sự sống mà thôi, nên không nói đến chuyện Quỷ Thần; nhưng cứ bằng cớ ở câu sau này tự Đức Khổng Tử nói ra, thì ta đủ quyết đoán rằng Ngài vẫn tin tưởng có Trời, tức là Đấng Chúa Tể vạn vật.

Đức Phu Tử nói: "Làm lành, Trời lấy phước mà trả lại. Làm chẳng lành, Trời lấy họa mà trả lại". (*Tử viết: Vi*

*thiện dã, Thiên báo chi dĩ phước. Vì bất thiện dã, Thiên báo chi dĩ họa).*

Về Đạo Lão, thì Đức Thái Thượng có nói ở kinh "Cảm Ứng" như vậy: "Vậy nên Trời Đất có đặt mấy vị Thần coi việc tội lỗi của người, tùy chỗ nặng nhẹ mà bót lộc".

( . *Thị dĩ Thiên Địa hữu tư quá chư Thần, y nhơn sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhơn toán*). (1) Thế thì Đức Thái Thượng cũng tin tưởng có cơ báo ứng của Trời Đất, tức là tin có Đấng Chúa Tể vạn vật.

Đạo Phật, tuy không nói đến Thượng Đế, nhưng cũng chẳng thấy trong kinh sách Phật, chỗ nào mà nói không có Trời. Có chăng là tại người sau bị đặt ra để kích bác Thiên Đạo vây thôi.

Nhưng, nếu truy nguyên đến câu niệm: "*Nam Mô A Di Đà Phật*" thì ta thấy rõ rằng Đức A Di Đà Phật tức là Chúa Tể Càn Khôn Thế Giới, mà thuở nay ta gọi là ông Trời đó vậy. Câu: "*Nam Mô A Di Đà Phật*" phát âm bởi câu Phạn ngữ: "Nama Adhi Buddha".

**Nama** (đọc trại thành ra Nam mô) nghĩa là cung kính, như Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng nghĩa là: Cung kính Phật, cung kính Pháp, cung kính Tăng.

**Adhi** nghĩa là đứng đầu hết như chữ A đứng đầu trong chữ vần vậy.

**Buddha** nghĩa là Bụt đà, sau đọc là Phật đà, rồi sau nữa lại đọc trở lại là Đà Phật cho xuôi vần. Phật là gì? Tức là Đấng tu đã nhiều kiếp đến bực toàn giác (illuminé).

**Adhi Buddha** (2) (đọc theo tiếng Annam là A Di Đà Phật) nghĩa là Đấng toàn giác đứng đầu hơn hết; Đấng ấy, nếu chẳng phải là Đấng Chúa Tể hết vạn vật, vậy chớ là ai?

Các nước, nước nào cũng tin tưởng có Đấng Chúa Tể vạn vật, cái tư tưởng vẫn in nhau, có khác là khác ở tiếng nói mà thôi. Như người Annam gọi là ông

"Trời", người Tàu gọi là "Thượng Đế", người Langsa gọi là "Dieu", người Đạo Phật gọi là "Adhi Buddha" (A Di Đà Phật). Trong Kinh Rig-Veda là quyển Kinh Thánh tối cổ ở Ấn Độ có câu: "Đạo có MỘT: Người ta vẫn dùng nhiều danh từ mà gọi. Người Do Thái gọi là GÉHOVAH (\*); người Đạo Thiên Chúa gọi là ĐỨC CHÚA TRỜI hay là ĐỨC CHA ở trên Thiên Đường; người Hồi Hồi xưng tụng là ALLHA; người Đạo Phật xưng tụng là PHẬT ĐÁ; người Jains(?) xưng tụng là JINA; còn người Thiên Trước lại gọi là BRAHMA". (*Ce qui existe est UN: Les hommes le nomment de bien des noms. Les Juifs l'ont appelé GÉHOVAH (\*); les Chrétiens, DIEU ou le PÈRE qui est aux Cieux; les Mahométans le vénérent sous le nom d'ALLAH; les Buddhistes sous celui de BUDDHA; les Jains sous celui de JINA; pendant que les Hindous le nomment BRAHMA - Doctrine de l'Unité*, par A. L. Caillet, Ingénieur civil).

Kỳ Hội quốc tế Thần linh học (Congrès Spirite International) nhóm tại thành Luân Đôn (kinh đô nước Anh) từ ngày 7 đến ngày 11 Septembre 1928, 26 nước đều công nhận rằng Thượng Đế là Đấng Toàn Tri và nguyên nhân tối cao của vạn vật. (*Existence de Dieu, Intelligence et Cause suprême de toutes choses*).

Do theo lý luận và bằng cớ trước đây, ta quyết đoán rằng, về phương diện tín ngưỡng, Đạo vẫn có MỘT mà thôi.

Ngày nay, Đạo Trời mở tại Nam bang, chỉ cái lẽ "ĐẠO VĂN CÓ MỘT" ấy cho mọi người rõ thấu, hầu qui Tam Giáo và hiệp Ngũ Chi làm một, cho nhơn loại cùng chung một mối tín ngưỡng, cùng thương yêu lẫn nhau; ấy chẳng phải là một sự đại vinh diệu và đại hạnh phúc cho nước Nam ta mà từ xưa nay chưa từng có đó sao?

---

(1) Ông H. Durville diễn lại ở quyển sách "Đạo huyền bí" (La Science secrète) như vậy: "Il y a, dit Lao Tseu, sur la terre et sur dessus de la terre, des forces intelligentes qui éprouvent le mouvement des actions, des hommes; suivant la faible ou la grande influence issue de ces actions, elles diminuent d'un

nogibre périodique le total de l'existence sur la terre ... ".

**(2)** Sau khi Đức Thích Ca tu đắc đạo rồi, chư môn đồ Ngài mới tặng Ngài là Phật (Buddha ou Bouddha). Câu niêm: "Nam Mô A Di Đà Phật" do câu: "Nama Adhi Buddha" mà phát âm ra, song lại có người tưởng đâu là tiếng Tàu rồi giải nghĩa A là Kiên, Di là Khôn vân vân ... Thật là phi lý thay.

**(\*) Phụ ghi:** Sách được soạn vào năm 1930. Thời bấy giờ người ta viết là GÉHOVAH, ngày nay là JÉHOVAH, cũng là một Đấng mà thôi.



## **TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ?**

Trong khoảng bốn năm trời mà liên lạc được hơn một triệu người cùng chung một lòng tín ngưỡng, ấy là một việc khó làm.

Ở nhầm đời mạt kiếp này, đương buổi thiên hạ xu hướng về lối văn minh vật chất, đeo đuổi theo cái chủ nghĩa kim tiền, mà dụng được một nền Đạo, lấy đức chí thành, lòng bác ái làm tôn chỉ đối phó với nhơn quần xã hội, lấy việc tồn tâm dưỡng tánh để đào luyện tinh thần cao siêu tuyệt lỵ, lại là một việc khó làm hơn nữa.

Vậy, chúng tôi dám quyết đoán rằng từ xưa đến nay không có cái phong trào tôn giáo nào được thiên hạ hoan nghênh như *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*.

**Tam Kỳ Phổ Độ là gì?** Là phồ độ lần thứ ba bên cõi Á Đông (3è Amnistie de Dieu en Orient). Nguyên có ba Ngươn hội: Thượng Ngươn, Trung Ngươn, và Hạ Ngươn. Thượng Ngươn là Ngươn Tạo Hóa (Cycle de Création). Nhơn loại ở nhầm Thượng Ngươn vẫn còn giữ vẹn Thánh đức của Thượng Đế ban cho; tuy ăn cây ở lỗ mà giữ tánh thiêng thiêng không sát sanh hại vật, không giành giựt lẫn nhau; tuy hình vóc xấu xa mà tánh tình chất phác, không gạt gẫm nhau, không mưu phản bạn. Ấy là thời đợi thái bình, tức là Ngươn vô tội (Cycle de l'innocence).

Cuối kỳ Thượng Ngươn, con người vì nhiễm bụi trần mà lu Thánh đức, bỏ đường Thiên lý mà sa vào đường nhơn dục. Vì vậy Thượng Đế mới lập ra Tam Giáo để cứu độ nhơn sanh, tức là *Nhứt Kỳ Phổ Độ*.

Nhơn Đạo có Văn Xương Thánh Quân mở dạy. Tiên Đạo có Hồng Quân Lão Tổ lập thành. Phật Đạo có Nghiêm Đăng Cố Phật giáo truyền.

Được tạo hóa ra rồi, nhơn loại tất phải có tần hóa. Tần hóa tất phải phán đấu. Phán đấu tất phải tiêu diệt. Ấy là thời kỳ Trung Ngươn (Cycle de progrès, c'est à dire de lutte ou de destruction). Vì muốn giải thoát cho nhơn sanh cái nạn tiêu diệt ấy, nên cuối kỷ Trung

Ngươn, Thượng Đế lập ra *Nhị Kỳ Phổ Độ*. Nhơn Đạo có Khổng Tử cảnh tỉnh nhơn tâm để duy trì đạo đức (1). Tiên Đạo có Lão Tử dùn dẫn nhơn sanh ra khỏi vòng thấp hèn vật chất mà xu hướng về lối cao thượng tinh thần. Phật Đạo có Thích Ca truyền bá cái chủ nghĩa từ bi bác ái cho sanh linh khỏi tiêu diệt lẫn nhau. Nhờ có *Nhị Kỳ Phổ Độ*, nên nhơn loại ở cõi Á Đông này mới tránh khỏi cái nạn tự diệt; không tự diệt tất bảo tồn. Hạ Ngươn tức là Ngươn bảo tồn vây (Cycle de Conservation).

Nay Hạ Ngươn hầu mǎn, Thiên Địa tuần huyền. Thượng Đế mới lập ra *Tam Kỳ Phổ Độ* hiệp Tam Giáo làm một mà qui hồi căn bản, tức là thời kỳ qui cỗ (Retour à l'origine).

Ấy Tam Giáo hiệp nhứt là cái chủ nghĩa của *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* đó vây.

Ngoại trừ những kẻ chú trọng về chủ nghĩa vô thần, thì chẳng nói chi, ngoại trừ những người vì một lẽ riêng mà bài bác mỗi Đạo thì tự lòng người, còn những bậc tu hành trong Cửu Lưu Tam Giáo, tưởng cũng nên thừa cơ hội này, hiệp cùng chúng tôi mà lo cho Đạo Trời ngày một hoằng khai, nhơn tâm ngày một hướng thiện, thì cái công đức ấy tưởng có lẽ cao gấp mấy cái công phu tự tu, tự giác vậy. Vì mình độ được một người tu niêm túc là độ được một linh hồn khỏi đọa lạc; mình độ được nhiều người tu, tức là mình tu cho mình đó.

---

**(1)** Luận Ngữ có câu: "Thiên hạ chi vô đạo giả cửu hỉ. Thiên tương dĩ Khổng Tử vi mộc đặc". Nghĩa là: Thiên hạ không đạo đã lâu rồi. Trời cho Khổng Tử ra làm cái mõ khuya để cảnh tỉnh nhơn tâm.



## **SỰ TÍCH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Kể từ năm Bính Dần (1926), cái phong trào rất thanh hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm cho nhiều nhà trí thức cùng các bực thiện tín muốn kiểm biết cho rõ gốc tích Đại Đạo bởi đâu mà ra. Nên tôi xin đem hết lòng thành thật lược thuật cái uyên nguyên Đại Đạo trong năm Bính Dần ra sau đây, cho ai là người có chút quan tâm về đường đúc xem qua cho biết.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Saigon. Nhưng trước kỵ khai Đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ nhiều chỗ đặng cảnh tĩnh nhơn tâm cùng để lời tiên tri rằng Đại Đạo hâu khai. Song vì ngày giờ chưa đến, Thiên cơ khó lậu, nên các Đấng ấy không chỉ rõ rằng Đạo sẽ mở tại đâu.

Như đàm tại Miễu Nỗi (Bến Cát, Gò vấp, Gia Định), đêm 17 tháng sáu, năm Quý Hợi (30 Juillet 1923), Tào Quốc Cựu Đại Tiên giáng cơ dạy như vầy:

"Khá rán luyện cho nén Đạo kéo uồng. Người sanh trong đời khó gặp đặng, vì Đạo là rát báu trong đời, không chi bì kịp. Chư nhu có phước, có duyên, nên mới gặp Đạo mở kỵ nầy là kỵ thứ ba. Thiệt chư nhu có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. *"Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ"*. Tiên Thánh đều lâm phàm mà độ kẻ nguyễn nhân. Chư nhu là kẻ nguyễn nhân. Hễ thành tâm làm Đạo thì tự nhiên đặng".

Đàm tại Đất Hộ (Chùa Ngọc Hoàng) đêm 22 tháng 7 năm Quý Hợi (2 Septembre 1923), Huê Quang Đại Đế giáng cơ như vầy:

"Huê phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,  
Quang minh tứ hướng thượng tam tài.  
Đại phước kim đơn thân đắc ngộ,  
Đế quân giáng hạ nhữ vô tai".

Ngày 13 Juillet 1923, Tây Phương Giáo Chủ giáng cơ cho một bài Thánh ngôn chữ Tây như vầy:

"Le monde est comme une grande foire où l'on mène des bêtes de somme et des boufs pour les vendre,

où la plupart des gens viennent pour acheter ou pour vendre; bien peu pour se donner le spectacle de la foire; pour voir comment les choses s'y passent, en vue de quoi elles se font, quels sont ceux qui l'ont établie et pourquoi ils l'ont faite.

Ainsi, il en est de même de la grande foire de la vie. Bon nombre de gens semblables aux bêtes de somme ne s'y occupent d'autre chose que du fourrage, car vous tous, vous ne vous occupez que d'argent, de terre et de magistrature. Il n'y a dans tout celà que du fourrage. Bien peu, parmi les hommes qui sont assemblés ici, ont la curiosité d'examiner ce qu'est le monde et qui le gouverne.

N'y-a-t-il donc personne qui le gouverne? Comment serait-il possible qu'une ville ou une maison puissent subsister un seul instant sans quelqu'un qui les administrait et que ce grand et magnifique ensemble fut maintenu dans un si bel ordre par les caprices du hasard? Il y a donc quelqu'un qui le régit. Quel est ce quelqu'un? Et comment le régit-il? Qui sommes nous, nous qui sommes nés de Lui. Y-a-t'il un lien entre Lui et nous et qu'avons nous à faire? Sommes-nous ou non en rapport avec Lui? Voilà les pensées de ce petit nombre qui ne songe d'ailleurs qu'à une chose, à quitter la foire après l'avoir bien regardée. Mais quoi? Le vulgaire se moque d'eux. C'est qu'en effet, à la foire, les marchands se moquent des simples spectateurs, et que les bêtes de somme, si elles avaient l'intelligence, se moquaient de ceux qui attachent du prix à autre chose qu'au fourrage.

Le but de toutes les religions comme celui de tous les centres initiatiques mystérieux, est essentiellement le même, malgré la différence des moyens: ne tendre qu'à alléger l'âme du poids de la matière, à l'épurer, à l'éclairer par l'irradiation de l'intelligence, afin que, désireuse de Biens spirituels et s'élançant hors du Cercle des Générations, elle puisse s'élever jusqu'à la source de son existence.

Les moyens d'ascension pour parvenir à un but si noble sont également communs aux religions, aux centres initiatiques. Ils comportent une partie exotérique (se dit de la doctrine enseignée publiquement par les anciens philosophes) et en premier lieu, la connaissance de Soi.

Vous ne pourrez rien faire pour parcourir la voie initiatique, si vous ne connaissez votre être en soi-même et dans ses rapports avec Dieu (Qui y Phật), avec la Nature (Qui y Pháp), avec l'Humanité (Qui y Tăng) dont vous dépendez et qui attendent votre action.

1/- Vous devez épurer le corps par une vie saine et régulière, par une hygiène bien comprise qui ne puisse ni alourdir la partie spirituelle par des joies trop animales, ni détruire le bon fonctionnement des organes par des privations inconsidérées. Une direction est utile pour atteindre ce juste milieu.

2/- L'esprit a besoin aussi d'éducation. Vous devez cultiver ses facultés sans lui laisser dessécher la vie sentimentale, ne lui permettre que des pensées dont les vibrations soient bienfaisantes autant en vous qu'autour de vous.

3/- Le cœur a besoin d'épanouissement: mais ce n'est pas l'épanouir que de vous faire un Dieu de votre personne. Seul l'altruisme lui donnera la paix et la joie nécessaire à son évolution.

Enfin pour répondre au besoin le plus élevé de notre nature, il est nécessaire d'admirer Dieu, de lui rendre dans notre cœur dans notre pensée un culte que nous parerons de toute la beauté possible, car l'amour et la reconnaissance se complaisent dans ces devoirs".

Lại ngày 11 Septembre 1926, Đức Giê-Giu giáng cơ cho một bài Thánh ngôn chữ Tây như vầy:

## **NGÃ GIA-TÔ GIÁO-CHỦ GIÁNG-ĐÀN**

### **Hỉ hiền sanh đắng đắng**

Je viens, moi, votre Sauveur et votre Juge. Je viens, comme autrefois, parmi les fils égarés d'Israël. Je viens apporter la vérité et dissiper les ténèbres. Ecoutez-moi: Le Spiritisme, comme autrefois ma parole doit rappeler aux matérialistes qu'au-dessus d'eux règne l'Immuible Vérité: Dieu Bon, le Dieu grand qui fait germer la plante et qui soulève les flots. J'ai révélé la doctrine divine; j'ai comme un moissonneur, lié en gerbes le bien épars dans l'humanité, et j'ai dit: "Venez à moi vous tous qui souffrez".

Mais les hommes ingrats se sont détournés de la voie droite et large qui conduit au Royaume de mon Père, et ils se sont égarés dans les âpres sentiers de l'Impiéte.

Mon Père ne veut pas anéantir la race humaine; il veut, non plus par des prophètes, non plus par des apôtres, il veut que, vous aidant les uns les autres, morts et vivants, c'est-à-dire selon la chair, (car la mort n'existe pas) vous vous secouriez et que la voix de ceux qui ne sont plus se fasse entendre encore pour vous crier: "Priez et Croyez"; car la mort est la résurrection, et la vie, l'épreuve choisie pendant laquelle vos vertus cultivées doivent grandir et se développer comme le cèdre.

Croyez aux voix qui vous répondent; ce sont les âmes elles-mêmes de ceux que vous évoquez.

Je ne me communique que rarement mes amis, ceux qui ont assisté à ma vie et à ma mort, sont les interprètes divins des volontés de mon Père.

Hommes faibles qui croyez à l'erreur de vos obscures intelligences, n'éteignez pas le flambeau que la Clémence divine place entre vos mains pour éclairer votre route et vous ramener, enfants perdus, dans le giron de votre Père.

Je vous le dis en vérité, croyez à la diversité à la multiplicité des esprits qui vous entourent. Je suis trop touché de compassion pour vos misères, pour votre immense faiblesse, pour ne pas tendre une main secourable aux malleureux égares qui voyant le ciel, tombent dans l'abîme de l'erreur. Croyez, aimez, comprenez les vérités qui vous sont révélées; ne mêlez pas l'ivraie au bon grain, les systèmes aux vérités.

Spirites, aimez-vous voilà le premier enseignement. Instruisez-vous, voilà le second. Toutes vérités se trouvent dans le Dao (Christianisme, Taoïsme, Bouddhisme, Confucianisme). Les erreurs qui y ont pris racine sont d'origine humaine. Et voilà qu'au-delà du tombeau que vous croyez le néant, des voix vous crient: "Frères, rien ne périt, Jésus Christ est le vainqueur du Mal, soyez les vainqueurs de l'Impiété".



## **THƯỢNG ĐẾ THÂU PHỤC QUAN PHỦ NGÔ VĂN CHIÊU**

Khi Quan phủ Ngô Văn Chiêu trấn nhậm tại Hà Tiên (nhằm năm 1919) ông thường thiết đàn thỉnh Tiên để cầu thuốc cứu chữa bệnh nhân cùng học hỏi về đường đạo đức. Có một vị giáng cơ xưng là Cao Đài Tiên Ông thường kêu đích danh quan phủ Chiêu mà dạy Đạo. Chư nhu hầu đàn thảy đều lấy làm lạ, vì thuở nay không hề thấy trong kinh sách nào nói đến Cao Đài Tiên Ông bao giờ, duy có một mình quan phủ Chiêu thông minh huệ trí, xem ý tứ trong mấy bài thi của Đức Cao Đài giáng cơ, thì nhận chắc rằng Ngài là Thượng Đế giáng lâm. Từ đó ông Chiêu lại càng kính trọng Đức Cao Đài hơn nữa và xin phép lập vị phượng thờ. Đức Cao Đài bèn dạy vẽ Thiên Nhẫn mà thờ.

Kịp khi ông Chiêu thiên nhậm về Saigon, ông lựa trong bạn đồng chí những vị nào có ít nhiều đạo đức mà khuyên thờ Đức Cao Đài và chuyên việc tu tâm dưỡng tánh. Chư vị ấy là: Quan phủ Vương Quan Kỳ, ông phán Nguyễn Văn Hoài, ông phán Võ Văn Sang, ông đốc học Đoàn Văn Bản.

Đó là mối Đạo mới bắt đầu phăn ra, song ông Chiêu vẫn là người rất nén dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ ông khuyên việc tu hành; vì vậy mà mối Đạo ít người biết rõ.



## **THƯƠNG ĐẾ THÂU PHỤC MÃY VỊ PHÒ LOAN**

Ông Cao Quỳnh Cư người gốc ở Tây ninh, xuống làm việc tại sở Hỏa xa Saigon. Ông mướn phố ở đường Bourdais. Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết, là ông Phạm Công Tắc nguyên làm việc tại sở Thương Chánh Saigon, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch, lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử. Lối tháng sáu năm Ất Sửu (1925), ba người lại bắt đầu tập xây bàn chơi. Ban đầu tính câu thử một vị thi hữu quá vãng là ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao. Quả nhiên vị ấy đến, chào hỏi nhau, nhắc sơ đến tình cố hữu, rồi gõ bàn cho một bài thi như vầy:

"Nhắn nhủ mấy anh một ít lời,  
Làn mây hồn trẻ đã xa chơi.  
Mẹ già nỗi hiếu chưa rời đạo,  
Vợ yêu niềm duyên chẳng trọn đời.  
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót xáy,  
Buồn trông làng cũ mắt chơi voi.  
Ai về gởi lại tình sông núi,  
Kiếp khác ơn sinh sẽ đắp bồi".

Ông Nguyễn Trung Hậu tự Thuần Đức nguyên trước là bạn thi hữu với ông Huỳnh Quý Cao, được nghe tin ấy, bèn đến nhà ông Cao Quỳnh Cư mà xin ông xây bàn để thỉnh ông Quý Cao về chơi. Ông Cư, ông Tắc, ông Sang đem bàn ra, thấp nhang vái ông Quý Cao, rồi xúm nhau để tay lên bàn, còn ông Hậu thì cầm giấy viết sẵn để chép. Cách chừng 15 phút đồng hồ, thì có ông Quý Cao về nhập bàn, cho một bài thi tứ tuyệt như vầy:

Âm Dương tuy cách cũng chung Trời,  
Sinh tịch đời người có bấy thôi.  
Chén rượu đồng tâm nghiêng ngửa đỗ,  
Thương nhau nhắn nhủ một đôi lời.

Thấy vậy, ông Hậu cũng còn nửa tin, nửa nghi, ông bèn nói rằng: "Tôi sẵn có làm một bài thi đem theo đây, xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại chơi cho vui". Ông Quý Cao bèn gõ bàn hai cái, nghĩa là ưng chịu. Bài thi ông Hậu như vầy:

Mấy năm vùng vẫy cõng tay không,  
Nào khác chiêm bao một giấc nồng.  
Cũ nắng tuần mưa dày dạn mặt,  
Mồi danh bả lợi ngần ngo lòng.  
Ngày qua thốn mòn xuân thu dập,  
Gương rạng phui pha cát bụi lồng.  
Chùr gấp cổ nhân lời ướm hỏi,  
Hỏi ra cho biết nẻo cùng thông.

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một mạch, không ngập ngừng chút nào cả. Bài họa như vầy:

Một tiếng u minh giống cửa không,  
Phồn ba giục tĩnh giấc đương nồng.  
Ngòi thuyền Bát nhã qua tinh biển,  
Mượn nước nhàn dương rưới lửa lòng.  
Cuộc thế lạnh lùng lẩn gió lọt,  
Đường đời ngán ngẩm bụi trần lồng.  
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên đạo,  
Oan trái phủi rồi phép Phật thông.

Sau lần lần có nhiều vị thiêng liêng khác nhập bàn. Mỗi lần đều có xướng họa thi chương, chỉ cách làm văn, thích nghĩa truyện Kiều, và dạy dỗ về đường đạo đức. Trong mấy Đấng thiêng liêng ấy, lại có một vị xưng là "A Ă Â". Bắt đầu hết, Ngài phán rằng: "Muốn cho Bàn Đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn Đạo như sau đây: Một là đừng kiểm mà biết Bàn Đạo là ai; hai là đừng hỏi đến quốc sự; ba là đừng hỏi đến Thiên cơ". Mấy ông xây bàn đều hứa giữ theo mấy điều ấy. Từ đây sự giao thiệp của người khuất mặt với kẻ dương gian càng ngày càng thêm mật thiết, không đêm nào là không xây bàn cầu thỉnh. Một hôm có ông Phạm Minh Kiên và ông Lê Thế Vĩnh vốn là người viết báo, đến viếng ông Cao Quỳnh Cư đương buổi Đức "A Ă Â"

về bàn, ông Cư bèn xin Ngài cho mỗi người khách một bài thi để làm kỷ niệm. Đức "A Ă Â" đáp: "Để Bần Đạo cho chung hai người một bài thi mà thôi". Ai nấy đều lấy làm lạ nghĩ vì tâm sự mỗi người mỗi khác, hai người mà chung một bài thi thì thế nào được. Đức "A Ă Â" gõ bàn cho một bài thi túyệt như vầy:

Một viết với thân giữa diễn đàn,  
Bằng xua trước giặc vạn binh lang.  
Đạo đời ví biết đời là trọng,  
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.

Ai nấy đều khen bài thi chỉ có bốn câu mà gồm đủ bộ vận hai nhà làm báo.

Một hôm khác, ông Hậu bạch cùng Đức "A Ă Â" như vầy: "Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được. Xin đem ra cho Ngài đối chơi". Đức "A Ă Â" bèn đáp: "Bần Đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối ra không chừng, quý vị chớ cười và niệm tình Bần Đạo mà chấn chỉnh lại cho".

Câu đối ông Hậu ra: "Ngồi trên ngựa đừng bò con nghé!"

Đức "A Ă Â" đối lại: "Cõi lưỡng trâu chớ khỉ thằng tê!"

Câu đối ông Hậu ra: "Ngựa chạy mang lạc".

Đức "A Ă Â" đối lại: "Cò bay le bè".

Từ đây ông Hậu mới phục tài Đức "A Ă Â" và hết lòng tin tưởng có người khuất mặt. Không bao lâu, người đến hầu đàn tại nhà ông Cao Quỳnh Cư càng ngày, càng đông; trong ấy có ông Trương Hữu Đức, làm việc ở sở Hỏa xa, và ông Bồng Dinh, tục kêu là Giáo Sỏi làm việc tại dinh Hiệp lý Saigon.

Một hôm khác, ông Bồng Dinh bạch cùng Đức "A Ă Â" rằng: "Trong Kiều có câu: Sứa san níp tử, xe châu, Vùi nồng một nắm mặc dầu cỏ hoa. Chẳng hay níp tử, xe châu là gì, xin Ngài chỉ giáo".

Đức "A Ă Â" đáp: "Níp Tử là cái rương của thầy Khổng Tử, xe Châu là cái xe của Châu Võ Vương ngồi

*đi phạt Trụ. Cái rương của Thầy Khổng Tử dùng đựng sách vở, tức là văn chương. Người văn sĩ thác rồi, thì bao nhiêu học thức văn chương cùng theo xác thịt mà chôn vào quan cữu. Nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ níp tử để gọi cái quan tài của bực văn chương tài tử là nàng Đạm Tiên. Vua Châu Võ Vương ngồi long xa đi phạt Trụ, tức là gồm thâu giang san nhà Trụ vào đấy. Còn người ở đời làm được bao nhiêu sự nghiệp, khi thác rồi cũng phủi tay không, thì chẳng khác nào bao nhiêu sự nghiệp tự mình gầy dựng ra trong buổi sanh tiền, sau khi nhắm mắt rồi, thầy đều thâu vào trong linh xa vậy. Cho nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ xe Châu để gọi cái linh xa của bực tài tình bạc mạng.."*

Một hôm khác, ông Cư bàn với các bạn rằng: "Bình sanh tôi lấy làm phục thi văn ông Lý Bạch. Vậy chúng ta cầu thử Ngài coi".

Đoạn các bạn mới thấp nhang ra giữa trời khẩn vái. Quả nhiên có Lý Đại Tiên đến cho một bài thi bát cú như vầy:

Đường trào hạ thế hưởng tam quan,  
Chẳng quản công danh, chỉ vị nhàn.  
Ly rượu trãm thi lời vẫn nhắc,  
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.  
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,  
Đầy túi thơ văn đồ chứa chan.  
Bồng Đảo còn mơ ngày bút múa,  
Tả tình thế sự, vẽ giang san".

Đoạn thỉnh ông Đỗ Phủ đến họa vận, Ngài họa như vầy:

Chẳng nể công khanh, bỏ ấn quan,  
Bồng Lai riêng thú hưởng thanh nhàn.  
Thi Thần vui vịnh ngoài rừng Trước,  
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.  
Nắng hạ Trời thương đưa gió quạt,  
Nồng thu Đất cảm đồ mưa chan.  
Vân du thế giới vui mùi đạo,  
Sớm dạo Kỳ san, tối Cầm san". (\*1)

Từ đây, các bạn "xây bàn" lấy làm đắc chí, vì hễ cầu thỉnh vị Tiên Thánh nào thì được nấy. Ấy là cách Thượng Đế sắp đặt để thâu phục mấy vị phò loan hồn ngày sau chấp cơ truyền Đạo.

Nhưng ông Cư thường than phiền rằng thông công cùng chư Thần Thánh bằng cách xây bàn lấy làm bất tiện, nên vào lối thượng tuần tháng tám, năm Ất Sửu, một vị Tiên Cô xưng là Thất Nương nhập bàn dạy phải kiêm Ngọc Cơ mà dùng. Ông Cư hỏi thăm mượn được cơ của ông ký Tý (cũng ở đường Bourdais) và cậy ông đến nhà chỉ giùm cách chấp cơ thể cho bàn. Từ đây có cơ rồi, mỗi đêm đều có Thần Tiên giáng cơ dạy đạo. Khi ấy, Đức "A Ă Ă" mới phân với mấy ông Cư, Tắc, Sang rằng: "*Muốn cho Ta tận tâm truyền Đạo, phải kêu Ta bằng Thầy cho tiện bè đôi đai*". Ba ông ấy vui lòng vưng chịu, từ đây giữ nghĩa thầy trò, tình giao thiệp càng thêm mật thiết.

Mãi đến đêm Noel (24 Décembre 1925), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, mấy ông Cư, Tắc, Sang nửa mừng, nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai ông Cư, Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giáng như vầy:

### **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

"Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ơn Thiên.  
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọng biên".

Đêm nay phải vui mòng vì là ngày Ta đã xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này sẽ

đầy ơn Ta. (\*2) Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa".

Đức Cao Đài lại phán rằng: "Bấy lâu Thầy vẫn tá danh "A Ă Â" là cốt để dùi dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây các con phải ra giúp Thầy mà khai Đạo. Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là đường nào chưa? Các con nên bắt chước Thầy trong mây mún thì mới xứng đáng là người đạo đức".

Đến đêm 1er Janvier 1926, có một người phụ nữ bên Đạo Thiên Chúa đến nhà ông Cao Quỳnh Cư mà phân như vầy: "*Xin cho tôi để thử trên bàn cầu cơ hình Đức Chúa Giê Giu và một cây Thánh Giá. Nếu Đức Cao Đài là Thương Đế thiệt, thì mới giáng cơ được, bằng là Quý Vương, thấy hai vật báu ấy tự nhiên phải tránh*".

Ông Cư bằng lòng cho thử, đoạn cùng ông Tắc ngồi lại cầu cơ. Đức Cao Đài giáng cơ như vầy:

"Các con hiểu Jésus là ai chẳng? Trước Ta đổ máu cho loài người vì thương yêu. Nay ta đến cứu loài người cũng vì thương yêu. Bây đủ thương yêu Ta đường ấy chẳng? Ta cầu bấy biết ăn năn. Ta trông thấy bấy biết ăn năn hầu cứu chữa bấy".

Từ đây mấy ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức đều hết lòng thờ phượng tin tưởng Đức Cao Đài và lo dưỡng tánh tu tâm để chuyên bề đạo đức.

---

**(\*1) Phụ ghi:** Trong TNHT bài thơ ấy như sau:

Chẳng kẽ công khanh bỏ ấn quan,  
Bồng lai vui Đạo hưởng thanh nhàn.  
Thi Thần vui hứng ngoài rừng Trước,  
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.  
Nồng hạ Trời thương đưa gió quạt,  
Nắng thu Đất cảm đỗ mưa chan.  
Vân du thế giải vui mùi đạo,  
Mơi viếng Kỳ san, tối Cẩm san.

**(\*2) Phụ ghi:** Trong TNHT có thêm câu: "Giờ ngày gần đến đợi linh nơi Ta".

## **THƯỢNG ĐẾ THÂU PHỤC ÔNG CỰU THƯỢNG NGHỊ VIỆN LÊ VĂN TRUNG (Cholon)**

Vào khoảng tháng tư nhuần, năm Ất Sửu (Juin 1925) trong Chợ Gạo (Cholon) thường đêm có thiết đàn thỉnh Tiên. Một hôm, ông Hội đồng Thành phố Cholon Nguyễn Hữu Đắc gặp ông Lê Văn Trung đương đi dạo mát; ông Đắc bèn rủ ông Trung lên Chợ Gạo hầu đàn. Biết chỗ rồi từ đây mỗi lần lên Chợ Gạo có cầu cơ thì ông Trung đều đến. Lần lần ông nhiễm thâm mùi Đạo, một ngày một tinh ngộ, phê lần gia đình thế sự, rồi trường trai giữ giới mà chuyên việc tu hành. Sau khi độ được ông Trung rồi, chư Tiên liền dạy bế đàn Chợ Gạo, làm cho chư nhu thảy đều ngơ ngẩn không rõ cớ chi.

Mãi đến ngày mồng năm tháng chạp, năm Ất Sửu (28 Janvier 1926) ở Saigon, Đức Thượng Đế giáng cơ dạy hai ông Cư Tắc đem cơ vô nhà ông Trung (Cholon, Quai Testard) cho Ngài dạy việc. Hai ông này lấy làm bợ ngợ vì thuở nay chưa hề quen biết ông Trung, nhưng lệnh trên đã dạy, dưới phải vâng theo.

Hỏi thăm tìm đến ông Trung, ông Cư thuật rõ đầu đuôi, thì ông Trung lòng rất hoan nghinh, lật đật sắm sửa thiết đàn, Thượng Đế giáng cơ dạy Đạo và khuyên việc tu hành. Ngài lại phán rằng Ngài đã sai Lý Thái Bạch dìu dắt ông Trung nơi đàn Chợ Gạo đã lâu rồi. Ngài lại dạy: *Trung, nhứt tâm nghe con. Sóng cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy láy.*

"Một Trời, một Đất một nhà riêng,  
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.  
Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng,  
Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên".

Từ đây ông Trung ngửa vâng Thánh ý, thâu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành đạo.

## **HIỆP VỚI ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU**

Cách đây ít ngày, Thượng Đế giáng cơ dạy mấy ông Trung, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức phải hiệp với ông phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi phải do nơi ông Chiêu là Anh cả. Lúc này trong Đạo kể được 13 người là: Ngô Văn Chiêu, Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức.

Đến đêm 30 tháng chạp, năm Ất Sửu (12 Février 1926) Thượng Đế giáng cơ cho mỗi người một bài thi như vầy: (\*1)

### **1.- Bài thi cho ông Võ Văn Sang:**

"Tân dân hỉ kiến đắc tân niên,  
Phổ độ tam kỳ bá thế hiền.  
Nhứt tịnh chủ tâm chơn đạo lý,  
Thăng Thiên hựt địa chỉ như nhiên".

### **2.- Bài thi cho ông Cao Quỳnh Cư:**

"Sắp út thương hơn cũng thế thường,  
Cái yêu, cái dại ấy là thương.  
Thương không nghiêm trị là thương dối,  
Đối dại vì chưng yêu dạ thương".  
  
Cư, trong năm mới này, Thầy trông mong  
con rõ đạo đức thấu hơn nữa. Gắng chí  
nghe.

### **3.- Bài thi cho ông Vương Quan Kỳ:**

"Nhụt nhụt tân hè nhụt nhụt tân,  
Niên đáo tân hè đạo dữ tân.  
Vô lao công quả tu đương tác,  
Niên quá niêm hè đạo tối tân".

### **4.- Bài thi cho ông Lê Văn Giảng:**

"Trần tục là nơi chỗ biển buồn,  
Nghe nơi Đại Đạo rán nghe luôn.

Ở trong nhà săn Thầy đưa khó,  
Ách nạn chi chi cũng chảy tuôn".

**5.- Bài thi cho ông Nguyễn Trung Hậu tự Thuần  
Đức:**

"Thuần phong mỹ tục giáo nhơn sanh,  
Đức hóa thường lao măc vị danh.  
Hậu thế lưu truyền gia pháp quý,  
Giáo dân bất lậu, tán thời manh".

**6.- Bài thi cho ông Nguyễn Văn Hoài:**

"Vô vi tối yếu đạo đương cầu,  
Đệ tử tâm thành bất viễn ưu.  
Thế sự vô duyên, vô thế sự,  
Tiêu tư bất xuất ngoại gian đầu".

**7. - Bài thi cho ông Phạm Công Tắc:**

"Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,  
Thầy thăng áp út quá buồn lòng.  
Muốn giàu Thầy hứa đem cho cửa,  
Cái cửa, cái công phải trả đồng".  
Nghe con, rán học Đạo, không Thầy biểu  
Chiêu đánh.

**8. - Bài thi cho ông Đoàn Văn Bản:**

"Thương thay trung tín một lòng thành,  
Chẳng kẽ quan mà chẳng kẽ danh.  
Thiệt thời bấy phận không con nối,  
Thầy rửa lòng Ta cũng chẳng dành".

**9. - Bài thi cho ông Lý Trọng Quý:**

"Lỡ một bước, luót một ngày,  
Một lòng thành thật chớ đơn sai.  
Lôi thôi buổi trước nhiều ân xá,  
Lấp lửng đừng làm tội bừa nay".

**10.- Bài thi cho ông Lê Văn Trung:**

"Đã thấy ven mây lố mặt Dương,  
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.  
Đạo cao phó có tay cao độ,  
Gần gũi sau ra vạn dặm trường".

### **THẮNG**

**Tái cầu** lại (nhằm 11 giờ khuya, giờ Tý năm Bính Dần) Thượng Đế dạy rằng:

"Chư đệ tử nghe: Chiêu buổi trước hứa lời truyền Đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, dù dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó.

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu đi độ người. Nghe và tuân theo.

Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

Đức, tập cơ, Hậu, tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo".

Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là kỷ niệm ngày khai Đạo mồng một giờ Tý năm Bính Dần vậy.

Qua đến đêm mồng 9, nhằm ngày Vía Trời, quan phủ Vương Quan Kỷ thiết đại đàm tại nhà ông ở đường Lagrandière. Đêm ấy có mời chư nhu và mấy vị đạo hữu kia hầu đàm.

Thượng Đế giáng cơ dạy như vầy:

"Bửu tòa thơ thói trổ thêm hoa,  
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.  
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,  
Bền lòng son sắt đến cùng Ta".

"Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muôn cho các con thuận hòa nhau hoài; ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con; các con tức là Thầy. Phải làm cho nhau đặng thế lực, đừng ganh ghen nghe. Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muôn. Ngày kia sẽ rõ ý muôn của Thầy".

Khi ấy quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà làm cho một bài thi kỷ niệm. Thượng Đế bèn cho một bài thi tú tuyệt:

"CHIỀU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,  
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.  
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,  
QUỜN(\*) MINH MÂN đáo thủ đài danh".

Thượng Đế lại phán: Quờn, Minh, Mân sau sẽ rõ.

Nguyên 12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 13 vị môn đệ trước hết của Thượng Đế, (có hai tên Sang: Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang). Còn ba chữ lớn ở câu chót vẫn là tên của ba vị hầu đàn.

---

(\*) Đêm ấy hai ông Cao Hoài Sang và ông Trương Hữu Đức vắng mặt.

(\*) Phụ ghi: Trong TNHT chữ Hườn.



## **ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU TÁCH RIÊNG**

Ông Trung vẫn vâng Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bè tự giác. Ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu: "Ngô thân bất độ hà thân độ?" mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 14 tháng ba, năm Bính Dần (24 Avril 1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.

Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau vì một đảng (ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mối Đạo, một đảng (ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bè tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng, thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế.



## **ĐÀN LỆ**

Trước ngày ông Chiêu tách riêng ra, Thượng Đế đã thâu phục nhiều vị có học thức và danh giá như quan Đốc phủ Lê Bá Trang, Quan phủ Nguyễn Ngọc Tương, Quan phủ Lê Văn Hóa, Quan phủ Mạc Văn Nghĩa, hai vợ chồng Quan huyện Nguyễn Ngọc Thơ, ông Lê Văn Lịch, ông Nguyễn Văn Tương, ông Trần Đạo Quang, ông Nguyễn Văn Kinh, ông Lâm Quang Bính thảy đều là trang rường cột (1) trong nền Đại Đạo. Chư vị phò loan ngoài năm ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, lại thêm được mấy ông Cao Quỳnh Diêu, Ca Minh Chương, Phạm Tấn Đài, Phạm Văn Tươi, Nguyễn Văn Kim, Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng, Huỳnh Văn Mân, Võ Văn Nguyên.

Nguyên ban đầu, mấy ông Trung, Kỳ, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, Bản, Giảng mỗi đêm đều tụu lại khi ở nhà ông Trung (Rue Testard Cholon), khi ở nhà ông Cư (Rue Bourdais Saigon), khi ở nhà ông Bản (Cầu kho) để cầu Thượng Đế giáng cơ dạy Đạo. Mà hễ mỗi lần có chư nhu đền xin nhập môn, Thượng Đế lại dạy phải đến Đại đàn Cầu kho. Vì vậy mà nhà ông Bản thành ra một cái đàn lệ, rồi gọi là Tiểu Thánh Thất, Thánh Thất Cầu kho ban đầu rất chật hẹp: Đồ đạc thiêú trước hụt sau, vị chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bắn chật, không đủ sức sắm đồ vật để thờ cho xứng đáng. Bàn thờ chỉ là một cái ghế nho nhỏ bằng cây dá tị. "Thiên nhãn" chỉ vẽ trong một mảnh giấy cao cao chừng ba tấc, ngang độ hai tấc tây. Chiêu đệm cũng không đủ trải mà lạy. Tình cảnh tuy nghèo, mà mấy chục bốn đạo mới không hổ, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn. Không bao lâu lại được nhiều vị đạo tâm lo sửa sang Thánh Thất lại mới có chút vẻ vang: Quan phủ Vương Quan Kỳ lo chưởng quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo, ông Đoàn Văn Bản, ông Nguyễn Trung Hậu, ông Tuyết Tấn Thành và ông Lê Thế Vĩnh lo sửa soạn dọn dẹp nơi Thất cho có trang nghi. Ông Lê Văn Giảng, ông giáo Hiển cùng một ít đạo hữu nữa lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thất.

Đương khi ở Thất Cầu kho, quan phủ Vương Quan Kỳ cùng mấy vị vừa kể trên đây lo thiết đàm giảng đạo, ông Lê Văn Trung lại cùng với mấy ông Cư, Tắc, Nghĩa xuống miệt Cần Giuộc lập đại đàm, khi thì ở chùa "Vĩnh Nguyên" khi lại ở "Hội Phước". Thêm có quan phủ Nguyễn Ngọc Tương, quan phủ Lê Văn Hóa, ông Lê Văn Lịch và ông Ngô Văn Kim giúp sức vào, nên trong mấy quận Cần Giuộc, Cần Đước, thiên hạ nhập môn nượp nượp; mỗi một lần thiết đàm số người cầu đạo kể có trót ngàn.

Cách không bao lâu, Thượng Đế dạy lập thêm năm cái đàm lệ nữa, kể chung với đàm Cầu kho là sáu cái:

1.- Một cái đàm ở Cầu kho do quan phủ Vương Quan Kỳ chứng đàm, sau lại có mấy ông Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với quan phủ Kỳ để luân phiên nhau mà lo việc cúng kiêng. Ông Nguyễn Trung Hậu và ông Trương Hữu Đức phò loan. Lo sắp đặt việc lễ, có mấy ông: Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường.

2.- Một cái đàm ở Cholon, tại nhà quan cựu Nghị viên Lê Văn Trung. Ông này cùng quan phủ Lê Bá Trang chứng đàm. Còn hai ông Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang thì phò loan.

3.- Một cái đàm ở Tân Kim (Cần Giuộc), tại nhà ông cựu hội đồng địa hạt Nguyễn Văn Lai. Quan phủ Nguyễn Ngọc Tương và ông Lê Văn Lịch chứng đàm. Hai ông Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi phò loan. Lo sắp đặt việc lễ có mấy ông: Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỉ, Võ Văn Kỉnh.

4.- Một cái đàm ở Lộc Giang (Cholon) tại chùa "Phước Long" của ông Yết Ma Giồng. Chứng đàm là quan phủ Mạc Văn Nghĩa, ông Yết Ma Giồng. Phò loan: hai ông Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng.

5.- Một cái đàn ở Tân Định, tại nhà quan huyện Nguyễn Ngọc Thơ. Ông này chứng đàn. Còn phò loan là hai ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc.

6.- Một cái đàn nữa ở Thủ Đức, tại nhà ông Ngô Văn Điều. Ông này chứng đàn. Phò loan: ông Huỳnh Văn Mai, ông Võ Văn Nguyên.

Ngoài đàn lệ, lại còn thiết đại đàn ở nhiều chỗ khác để giúp vào cuộc phổ thông Thiên Đạo.

Thượng Đế lại dạy lập một cái đàn riêng nơi nhà ông Đội Trần Văn Tạ để cứu chữa bệnh nhơn. Công quả ấy về phần ông Trần Văn Tạ và con ông là Trần Văn Hoằng lo lắng.

---

(\*1) Trang rường cột trong Đạo còn nhiều vị rất xứng đáng nữa như quan Đốc phủ Nguyễn Văn Ca, quan cựu Hội Đồng Quản Hạt Nguyễn Văn Hoài, quan Huyện Lê Văn Hộ, nhưng nhập môn sau ngày khai Đạo.



## **KHAI ĐẠO NƠI CHÁNH PHỦ (\*)**

Ngày 23 tháng tám năm Bính Dần (29-9-1926) ông cựu Thượng nghị viên Lê Văn Trung vâng Thánh ý hiệp với chư Đạo hữu hết thảy là 247 người, tại nhà ông Nguyễn Văn Tường đứng tên vào Tịch Đạo để khai Đạo với Chánh Phủ.

Tờ Khai Đạo đến mùng một tháng chín (7-10-1926) mới gởi lên Chánh Phủ cho Quan Nguyên Soái Nam Kỳ là ông Le Fol. Trong tờ ấy có 28 người ký tên thay mặt cho cả chư Đạo hữu có tên trong Tịch Đạo.

Tờ khai Đạo ấy, làm bằng chữ Langsa, phiên dịch ra như sau này:

*SAIGON, le 7 Octobre 1926.*

**Kính cùng Quan Thông Đốc Nam Kỳ, Saigon.**

Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho Quan lớn rõ:

Vốn từ trước, tại cõi Đông Pháp có ba nền Tôn Giáo là: Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo. Tiên nhơn chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các Chuởng Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu: "Gia vô bê hộ, lộ bất thập di", chỉ nghĩa là con người thuở ấy, an nhàn cho đến ban đêm ngủ không đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai thèm lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cớ sau này:

1. Những người tu hành đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một là làm lành lánh dữ và kinh thờ Đẳng Tạo Hóa.

2. Lại canh cải mối chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chân truyền.
3. Những dư luận phản đối nhau về Tôn giáo, mà ta thấy hằng ngày cũng tại bã vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra. Nên chi người Annam bây giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện, tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Annam, vì căm bỗn, vì Tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May mắn thay cho chúng sanh, Thiên tùng nhơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàm dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại cõi Nam này.

Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại ân xá lần thứ ba, những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng cơ dạy Đạo dạy chúng tôi đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tam Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.
2. Đạo đức của Phật giáo và Tiên giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhơn loại cư xử thuận hòa, mà lánh cuộc loạn ly giặc giã.

Chúng tôi gởi theo đây cho Quan lớn nghiệm xét:

1. Một bỗn sao lục Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
2. Một bỗn phiên dịch Thánh Kinh.

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhơn loại được cộng hưởng cuộc hòa bình như buổi trước. Được như vậy, chúng sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẻ, cực kỳ hạnh phúc không thể nào tả ra đặng.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người Annam mà đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi, và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây, đển khai cho Quan lớn biết rằng: Kể từ ngày nay, chúng tôi đi phồ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin Quan lớn công nhận Tờ Khai Đạo của chúng tôi.

### **Ký tên:**

**Mme Lâm Ngọc Thanh,** Nghiệp chủ ở Vũng Liêm.

**M. Lê Văn Trung,** Cựu Thượng Nghị Viện,  
thuởng thợ Ngũ Đắng Bửu  
Tinh (Chợ Lớn).

**- Lê Văn Lịch,** Thầy tu - làng Long An (Chợ  
Lớn).

**- Trần Đạo Quang,** Thầy tu - làng Hạnh Thông  
Tây (Gia Định).

**- Nguyễn Ngọc Tương,** Tri phủ - chủ quận Cần  
Giuộc.

**- Nguyễn Ngọc Thơ,** Nghiệp chủ - Sài Gòn.  
**- Lê Bá Trang,** Đốc Phủ Sú - Chợ Lớn.

**- Vương Quan Kỳ,** Tri Phủ sở Thuế Thân - Sài  
Gòn.

**- Nguyễn Văn Kinh,** Thầy tu - Bình Lý Thôn, Gia  
Định.

**- Ngô Tường Vân,** Thông Phán - Sở Tạo Tác,  
Sài Gòn.

**- Nguyễn Văn Đạt,** Nghiệp chủ - Sài Gòn.  
**- Ngô Văn Kim,** Điền chủ - Đại Hương Cả,  
Cần Giuộc.

**- Đoàn Văn Bản,** Đốc Học trường Cầu Kho.  
**- Lê Văn Giảng,** Thơ toán hảng Ippolito - Sài  
Gòn.

**- Huỳnh Văn Giỏi,** Thông Phán sở Tân Đáo - Sài  
Gòn.

**- Nguyễn Văn Tường,** Thông Ngôn sở Tuần Cảnh -  
Sài Gòn.

**- Cao Quỳnh Cự,** Thư ký Sở Hỏa Xa - Sài Gòn.  
**- Phạm Công Tắc,** Thư ký Sở Thương Chánh -

- |                     |   |
|---------------------|---|
| - Cao Hoài Sang,    | Sài Gòn.  |
| - Nguyễn Trung Hậu, | Thư ký Sở Thương Chánh -<br>Sài Gòn.                            |
| - Trương Hữu Đức,   | Đốc Học Trường Tư Thục Đa<br>Kao.                               |
| - Huỳnh Trung Tuất, | Thư ký Sở Hỏa Xa - Sài Gòn.<br>Nghịệp chủ Chợ Đủi - Sài<br>Gòn. |
| - Nguyễn Văn Chức,  | Cai Tồng - Chợ Lớn.   |
| - Lại Văn Hành,     | Hương Cả - Chợ Lớn.   |
| - Nguyễn Văn Trò,   | Giáo Viên - Sài Gòn.  |
| - Nguyễn Văn Hương, | Giáo Viên - Đa Kao.   |
| - Võ Văn Kỉnh,      | Giáo Tập - Cần Giuộc.   |
| - Phạm Văn Tỷ,      | Giáo Tập - Cần Giuộc.   |

---

**(\*) Phụ ghi:** Phần này có ghi trong Đạo Sứ của Bà Nữ Đầu  
Sư Hương Hiếu, và trong quyển Tiểu Sứ của Đức Qu. Giáo  
Tông do Phối Sư Thượng Cảnh Thanh biên soạn.



## **PHỎ ĐỘ LỤC TỈNH**

Khai Đạo xong rồi, việc phỗ độ lục tỉnh kể từ tháng chín năm Bính Dần chia ra như vầy:

1.- Mầy ông: Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo Quang lo phỗ độ trong mầy tinh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

Ông Cao Quỳnh Cư và ông Phạm Công Tắc phò loan.

2.- Mầy ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, lo phỗ độ trong mầy hạt: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Ông Nguyễn Trung Hậu và ông Trương Hữu Đức phò loan.

3.- Mầy ông: Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung lo phỗ độ trong mầy hạt: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Sa Đéc.

Ông Cao Quỳnh Diêu và ông Cao Hoài Sang phò loan.

Ông Nguyễn Văn Tương và ông Nguyễn Văn Kinh là người rõ thông đạo lý, lại đi khắp nơi mà giảng đạo để độ rõi người quen.

Kết quả cuộc phỗ độ này rất nên long trọng, chỉ có một tháng mầy mà kể có mầy vạn người nhập môn cầu Đạo.

Mồng mười tháng mười (mồng 10 tháng 10) là ngày tạm ngưng việc phỗ độ để lo sắp đặt lễ khánh thành Thánh Thất ở "Tử Lâm Tự" (Gò Kén, Tây ninh).



## **SỰ TÍCH CẢNH CHÙA "TỪ LÂM"**

Cảnh chùa này vốn của Hòa Thượng Như Nhãm ở chùa Giác Hải (Chợ Gạo) quyên tiền trong bồn đao của ông mà lập ra. Tháng bảy năm Bính Dần (Aout 1926) ông tịnh nguyện dâng chùa ấy cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để làm Thánh Thất. Khi ấy chùa cất mới vừa xong, nhưng chưa sơn phết, chưa trải xi măng (ciment) và chung quanh chùa vẫn còn bụi cây sầm uất.

Ông Nguyễn Ngọc Thơ phải ra tiền lo việc ấy cho hoàn tất, lại còn dựng cốt Phật Thích Ca và khai thác các việc khác như là: Đốn cây, trồng kiểng, đắp đường cho xe hơi vô tận chùa, và cất tịnh thất vân vân ...



## **NGÀY KHAI THÁNH THẮT**

Đêm 14 rạng mặt rằm tháng mười năm Bính Dần (18 Novembre 1926) là đêm khánh thành Thánh Thắt ở "Tử Lâm Tự".

Ông Lê Văn Trung thay mặt cho bốn đạo mời đủ các chức sắc viên quan Langsa và Annam đến dự lễ ấy. Chư bốn đạo và chư thiện nam, tín nữ hiện diện kể đến hằng muôn. Hội Thánh tiếp đãi khách một cách rất ân cần trọng hậu; ngoài cúng phẩm ra, thì không thâu tiền bạc của ai cả.



## **CUỘC BIẾN**

Đêm ấy, vì đong người mà cuộc hành lễ hóa ra thất nghiêm, nên Thượng Đế giáng cơ, chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Tà quái thừa dịp Thượng Đế và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thăng rồi, bèn nhập vào cho một vị nam và một vị nữ bỗn đạo mà gây rối ra, mạo xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát. Ban đầu trong bỗn đạo còn tin thiệt, hết dạ kinh thành, sau lần lần xem cách hành động của chúng nó lấy làm lộng, chứng ấy mới phân biệt chánh tà, thì là rất muộn. Rã cuộc, người biết đạo thì chẳng nói chi, duy kẻ nhẹ tánh thì gãi đầu, chắc lưỡi, ngắn ngắn, ngo ngo.

Thấy tình hình như vậy, ông quan ba Monet khuyên giải trong bỗn đạo như vầy: "Công việc các ông làm đây là rất phải; các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình, vì bên Tây, trong mấy đàn thiền Tiên, cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có lời khuyên các ông là từ rày sắp lên, hễ có cầu cơ, thì chớ nên hiệp nhau đồng đảo, vì cần phải cho thanh tĩnh, mà hễ đồng người, thì một là mất bè thanh tĩnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được, thì không linh nghiệm".

Lời châm ngọc của ông Monet đến ngày nay chúng tôi càng nhớ đến chừng nào thì chúng tôi lại càng thâm cảm thanh tịnh ông chừng này.



## **TRƯỜNG CÔNG KÍCH**

Cuộc biến ấy thành ra một trường công kích rất ném kịch liệt. Kẻ nghịch đạo nhơn đó mà hô lớn lên rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tà giáo, là Quái giáo lăng xăng. Tuy nhiên cũng có một ít người bỗn đao vì đó mà phải "ngã" chớ còn kẻ có chút quan tâm về Tôn giáo, càng nghe lời công kích chừng nào, càng để ý quan sát về Đại Đạo chừng này, thành thử trường công kích ấy lại trở làm giới thiệu cho nền Đạo mà tự người đứng ra công kích cũng phải nhìn nhận như vậy. Vì là chỉ trong ba tháng mở Đạo ở "Tử Lâm Tự" mà số người nhập môn (Langsa có, Cao Mên có, Khách trú có) kể đến hằng úc.



## **DỜI TÒA THÁNH VỀ LÀNG LONG THÀNH (TÂY NINH)**

Vì cuộc biến nọ, vì trường công kích kia mà Hòa Thượng Như Nhãn ngã lòng, và bỗn đao của ông đã cúng tiền cất "Tử Lâm Tự" cũng vì đó mà buộc ông đòi chùa lại.

Hội Thánh buộc phải giao chùa lại cho ông Như Nhãn. Đoạn mới mua một sở rùng 100 mẫu giá 25.000\$00 tọa lạc ở làng Long Thành. Khai phá được chừng 10 mẫu, rồi mới cất Tòa Thánh tạm mà an bài nơi đó, kể từ tháng hai, năm Đinh Mão.

Lúc bấy giờ, Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh. Nhưng người chủ trương việc Đạo, nhứt là ông Cao Quỳnh Cư, đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong, và chống trả với phản động lực bên ngoài.

Đến đây, tôi xin ngừng bút, tưởng bấy nhiêu đó cũng đủ cho quý vị độc giả rõ biết sơ lược về gốc tích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

**HẾT**

---

**ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN**

Tác giả NGUYỄN TRUNG HẬU

Tự THUẦN ĐỨC

In tại nhà in HÒA CHÁNH 16-18 Công Quỳnh (Arras cũ)  
Saigon

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

[thanhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhthatnsw@yahoo.com.au)

---

# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

---

## TIÊN THIÊN TIỄU HỌC

Của  
**NGUYỄN TRUNG HẬU**

Quyển sách nhỏ này đã dâng lên Hội Thánh kiêm  
duyệt rồi.

Sách dành cho chư Đạo Hữu mới nhập môn.

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

## **MỤC LỤC**

1. Lời Tựa
  2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
  3. Đắng Tạo Hóa
  4. Đạo là gì?
  5. Phải thương đồng loại
  6. Tu là gì?
  7. Sao gọi là trở về ngôi cũ?
  8. Ta có nên Tu một mình không?
  9. Tại sao ta phải lập công quả?
  10. Kinh kệ
  11. Phạm vong cần phải cầu siêu
  12. Cúng tế
  13. Kiếp người
  14. Luận về sự chết
  15. Kiếp luân hồi
  16. Nhơn quả
  17. Cơ bút
  18. Mười bài thi khuyến đạo
-

## **LỜI TỰA**

Ít bài sơ luận trong quyển sách này, cốt để giúp ích cho chư Đạo hữu mới nhập môn mà chưa hiểu đạo lý đặng rõ ràng.

Tôi chẳng dám tự xưng rằng biết Đạo, song đối với người chưa biết, may ra tôi cũng có một đôi phần hơn.

Tôi không dụng văn chương, chỉ nói thường cho dễ hiểu, lý luận lấy tiếng thường dùng, ví dụ cho rành rẽ, chẳng dám luận sang đàng, cho kẻ đọc mơ hồ khó hiểu . . .

Mars 1927

**NGUYỄN TRUNG HẬU**



## **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Đời mạt kiếp luân thường điên đảo,  
Khắp nhân gian tội báo dãy đài.  
Làm lành thì chẳng mấy ai,  
Những tay nghiệt ác tà tây lại nhiều.

Miễn mình đặng mơ chiềng vui sướng,  
Kẻ cơ hàn chẳng tưởng, chẳng thương.  
Túi tham tính chứa cho tràn,  
Không phân Địa ngục, Thiên đàng là đâu.

Câu: Thiện ác đáo đầu hữu báo,  
Phải biết rằng Thiên Đạo chí công.  
Tuy là Trời Đất mênh mông,  
Lưới thưa lồng lộng mây lông lọt nào.

Sớm muộn át biển hao núi lở,  
Đấng Hóa Công chẳng nỡ ngồi yên.  
Tử bi xuống phước độ đời,  
Dem đò Bát Nhã rước người thiện tâm.

Kẻ bạo ác lục trầm đáng số,  
Người hiền lương nỡ ngộ thiên tai?  
Hữu phần đến cảnh Bồng Lai,  
Vô duyên chẳng khỏi đọa ngay A Tỳ.

Vậy mới có Tam Kỳ Phổ Độ,  
Đại Đạo khai cứu khổ khắp nơi.  
Chứa chan muôn đội ơn Trời,  
Gióng chuông khử ám cho người hồi minh.

Khuyên ai xét tội tình từ thuở,  
Mà ăn năn sớm gõ lối lắn.  
Chớ nên quyền luyến hồng trần,  
Mau mau thức tỉnh tu thân vẹn tuyỀN.

Tu đặng cứu Cửu Huyền, Thất Tổ,  
Tu phòng sau độ rồi tử tôn.  
Tu cho trong sạch linh hồn,  
Linh hồn trong sạch Thiên môn mới gần.

Lời thành thật ân cần khuyến thiện,  
Chớ tưởng cho là chuyện hoang đàng.

Trải bao thế cuộc giàu sang,  
Khác nào một giấc mơ màng chiêm bao.  
Chớ lần lữa nữa sau than muộn,  
Đừng phui pha mà uổng ngôi xưa.  
Linh quang một điểm chẳng vừa,  
Giữ sao cho khỏi bợn nhơ mới mầu.  
Đầu cúi lạy khẩn cầu **Thượng Đế**,  
Đức háo sanh lo tế độ người.  
Tá danh là **Đức Cao Đài**,  
Cầm quyền **Quốc Đạo** bền dai đời đời.

N.T.H.



## **ĐÁNG TẠO HÓA**

Người ta thường gọi Ông Trời là Đáng Tạo Hóa. Sao gọi là Đáng Tạo Hóa? Tạo là làm ra, lập ra, Hóa là biến ra sanh ra. Đáng Tạo Hóa là Đáng Chí Tôn dũng nên Càn Khôn, Thế Giải, hóa sanh nhơn loại cùng cả vạn vật. Đáng Tạo Hóa là một khối linh quang rất lớn, do nơi khí Hu Vô mà hóa ra (éther).

Trước Trời Đất chưa mờ mang, giữa không trung chẳng có chi hết: Ấy là Hu Vô. Thoạt nhiên hai lǎn không khí, một lǎn nóng (Dương), một lǎn nguội (Âm) đụng nhau, nổ một tiếng lớn như sấm sét chúng ta thường nghe, hóa ra một khối lửa. Dương khi tiếng sấm ấy vừa nổ, thì đã có Chơn linh của Chí Tôn sanh ra ngay giữa khối lửa đó, gọi là *Thái Cực*. Thái Cực càng ngày càng lớn thêm hoài, chẳng dính nguyên khói đặng, phải rã ra làm hai đoạn dài mà xoay tròn giữa không trung. Sách gọi là *Thái Cực sanh Lưỡng Nghi*. Lưỡng Nghi vận chuyển, thoạt nhiên cây này nằm ngang cây kia, gài chữ thập (La croix) đưa ra bốn cánh. Sách gọi *Lưỡng Nghi phân Tứ Tượng*. Bốn cánh có hình này gọi là *Tứ Dương*, vì xoay lệ như chong chóng nên biến dạng ra bốn cái xen kẽ nữa, gọi là *Tứ Âm*, thành ra tám cánh. Sách gọi là *Tứ Tượng sanh Bát Quái*. Cái Bát Quái lửa ấy vận chuyển lẹ làng, đuôi mòn, cánh đứt, lần lần văng ra thành vàn vòn, muôn muôn hỏa cầu, lớn nhỏ không đều như pháo hoa cài vây. Những quả cầu ấy xoay tròn giữa không trung, lần lần nguội bớt, mới vì lửa mà biến ra đá bao quanh, chẳng khác gì sắt nướng thiệt đỏ tự nhiên biến ra một lớp sắt bao trùm ngoài vây. Khi có đá bao quanh, thì hỏa cầu nguội lần mà biến ra nước. Có đất, có sắt đá, có nước rồi mới có cây cỏ, có cây cỏ mới có lửa gọi là *Ngũ Hành*. Có Ngũ Hành rồi mới phân biệt Trời, Đất. Có Trời, Đất rồi mới có nhơn vật, biến biến, sanh sanh chẳng cùng, chẳng tột, nên gọi là *Bát Quái biến hóa vô cùng*.

Tuy trong Càn Khôn, Thế Giải có vòn vòn tinh đầu mặc dầu, chớ các vì sao nguội rồi mà thành địa cầu, có

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

nhơn loại ở thì chỉ có ba ngàn bảy mươi hai trái mà thôi (Tam thiên thế giới và Thất thập nhị địa). Khí Hư Vô dung nhau tại ngôi Bắc Đẩu. Lập Bát Quái cũng tại ngôi Bắc Đẩu, nên Bạch Ngọc Kinh là nơi Đấng Chí Tôn ngự cũng tại ngôi Bắc Đẩu. Vì vậy mà về Thiên Nhãm Thầy tại ngôi sao ấy. Ngôi Bắc Đẩu là rún của Càn Khôn, Thế Giới.

Có bài thi giáng cơ của Lý Thái Bạch Đại Tiên như vầy:

**Thái** cực sơ khai lập Lưỡng Nghi,  
**Bạch** vô Thiên Địa vị phân thi.  
**Kim** quang, lôi, điển, âm dương định,  
**Tinh** tú tùng sanh chuyển tú vi.

Ấy vậy Thiên Địa lập ra cũng thọ sanh nơi khối linh quang Thái Cực. Người cũng thọ hưởng một phần nhỏ mọn của khối linh quang ấy (monade). Nên chi Thầy thường nói "Các con là Thầy, Thầy là các con".

Cái khối linh quang rất lớn lao của Đấng Chí Tôn rất nên huyền diệu, tủa ra muôn muôn, vàn vàn ánh sáng, bao trùm cả thế giới, cho nên nơi nào có ánh sáng là nơi của Chí Tôn ngự. Trong mỗi tua ánh sáng ấy, dường như có một con mắt, để xét xem việc lành dữ của nhơn loại. Có câu phuơng ngôn Lang sa rằng: "*Dieu voit tout. Dieu existe partout et à tout moment*".

Nghĩa là: "*Trời thấy cùng hết. Ở đâu và giờ nào cũng có Trời cả*".

Nên chi những việc mình làm, dầu lành, dầu dữ, dầu trong chõ tối, dầu giữa thanh thiên, bạch nhật, không một mảy mún nào mà Trời không thấy, thậm chí hễ tâm mình vừa động, thì Đấng Chí Tôn đã biết rồi. Vì sao vậy?

Trên tôi đã nói rằng mỗi người đều thọ lãnh một điểm linh quang của Ngài (chacun de nous est une parcelle divine). Cái điểm linh quang ấy ở tại tâm ta, hễ tâm ta động, điểm linh quang của ta tiếp với khối linh quang của Ngài mà cảm ứng nhau (vibrer à l'unisson), như hai chõ có điện thoại giao tiếp nhau vậy. Bởi cớ mà

Ngài biết rõ việc mình đương tính đó. Sách Nho có câu:  
*"Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất giai tri"*.



## **ĐẠO LÀ GÌ?**

Nghĩa lý chữ Đạo rất bao hàm, sâu xa, thiêu học như tôi khó mà giải cho đích xác, tôi xin luận sơ lược như vầy:

Đạo là cội rễ của Càn Khôn, Thế Giải. Trước khi có Đời thì đã có Đạo rồi.

Âm Dương là Đạo, bao trùm cả Trời Đất. Âm Dương dựng nên Càn Khôn, Thế Giải rồi mới có Đời.

Đạo là vô vi, Đời là hữu hình. Vô vi và hữu hình buộc phải hiệp nhau làm một mới đặng. Có Đạo mới có Đời, có Đời nhờ có Đạo.

Tỉ như cây đèn luôn về ngọn lửa của nó là hữu hình tức là Đời. Còn ánh sáng giọi ra vốn vô vi, tức là Đạo.

Nếu cây đèn không ánh sáng ai còn gọi cây đèn?

Cái chén, vòng gốm ngoài là hữu hình, tức là Đời. Mà lòng trong ở trong là vô vi, tức là Đạo. Nếu chén không có lòng đựng cơm, rót nước, sao kêu bằng chén?

Cái cửa, vòng khuôn cây ngoài và hai cánh (hay là một cánh) là hữu hình, tức là Đời, còn cái khoảng trống không, để chun qua lại là vô vi, tức là Đạo. Nếu không lỗ chun qua chun lại, ai cho là cái cửa?

Cái bánh xe, luôn về vành tròn và cái hoa cùi, là hữu hình, tức là Đời, mà cái lỗ trống ở giữa để tra cốt vào cho bánh xoay là vô vi, tức là Đạo. Nếu không có lỗ để tra cốt, thì làm sao bánh xe xoay đặng? Rồi thì ai cho là bánh xe?

Thi hài chúng ta là hữu hình, tức là Đời, còn linh hồn là vô vi, tức là Đạo, nếu người không hồn thì phải tiêu diệt.

Nghĩa bóng thì Đạo là Đường vô hình, vô ảnh, để dùi dắt nhơn sanh trở về quê xưa, cảnh cũ, tức là Bạch Ngọc Kinh. Phật gọi là Niết Bàn (Nirvana). Nên chi, kẻ thắc gọi là về quê, là nơi nguyên bồn mình hiệp làm Một cùng Đấng Chí Tôn. Mà muốn đắc kiếp ấy, cần phải đi

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

cho nhầm đường (Hành Chánh Đạo). Nếu ta đi sai đường (Tà Đạo), thì chẳng khỏi lạc vào chốn hiểm nguy, mà làm nô lệ đời đời, kiếp kiếp của Tà Thần, Tinh Quái.

Ấy vậy, Đạo rất cần ích cho cá nhân và xã hội. Người có Đạo biết giữ luật Trời, biết kiêng phép nước, biết trọng cang thường luân lý, biết thương đồng loại.

Trong nước mà có Đạo, xã hội cộng hưởng hòa bình, dân sự được thuần phong, mỹ tục.

Kẻ vô đạo như đứa mù, mà là đứa mù tất phải lạc vào nẻo vạy đường tà, đọa chốn trầm luân, khổ hải, buổi chung qui phải mạt kiếp dưới A Tỳ, đọa Tam đồ không phương trối tránh.

Làm quan ý quyền hiếp đáp dân lành, đứa ngu quên thầy phản bạn, làm loạn luân thường., gãm lại cũng vì vô đạo mà ra.

Nước không đạo, dân phải hèn, như người không hồn, xác phải tiêu diệt. Đạo là hồn nước vậy.

Đạo là thuyền độ chúng sanh qua khơi sông mê, biển khổ. Thuyền tuy không đáy, người hữu duyên chở mấy chặng chìm, kẻ vô phuort một người cũng đắm.

### **THI RẰNG**

Đạo như đuốc huệ rọi đường tu,  
Đạo vốn nguồn trong rửa mạch sầu.  
Đạo giải oan khiên cǎn nghiệp trước,  
Đạo gìn hạnh phúc cháu con sau.  
Đạo dùi kẻ đến miền an lạc,  
Đạo chỉ người tìm chước diệt lao.  
Đạo để làm nền vun cội đức,  
Đạo là thang bắc tận trời cao.



## **PHẢI THƯƠNG ĐỒNG LOAI**

Con người nhờ thọ tinh cha huyết mẹ, mới tượng nên hình vóc. Cha mẹ là Tạo Hóa về phần vật chất. Còn về hồn thì mọi người đều thọ của Đấng Chí Tôn một điểm linh quang mới có sự hằng sống. Ấy vậy, Đấng Tạo Hóa là Cha chung cả thiền hạ về phần thiêng liêng.

Thế thì cả thiền hạ bất luận dân nào, nước nào đều là con một Cha, mà hễ con một Cha thì phải tất thương nhau. Ấy là Đạo.



## **TU LÀ GÌ?**

Tu là trau giồi đức tánh, dọn mình cho trong sạch, ăn năn tội cũ, cho tâm mình trở nên tinh tấn, linh hồn mình trở nên nhẹ nhàng, sáng láng, hầu khi thoát xác trở lại bỗn nguyên (ngôi cũ), hiệp làm một cùng Chí Tôn, gọi là đắc kiếp.

Tu chẳng cần phải cạo đầu, mặc áo già, ở chùa và tụng kinh gõ mõ cho nhiều. Quý chặng là tại tâm đó thôi.

Ta vừa làm Nhơn đạo, vừa lo Thiên đạo cũng được vậy, nghĩa là cũng làm ăn như thường, song khác hơn người thường là ngoài giờ làm lụng, thay vì đi chơi bời vô ích, rượu trà cờ bạc,.v.v. cho tổn tiền sanh bệnh, ta lại để giờ rảnh ấy mà trau mình, quan sát việc hành động nội ngày coi phải hay là quấy, như có lở làm điều chi ta nghĩ ra mà biết là quấy, thì phải ăn năn sám hối, hầu ngày sau khỏi tái phạm. Ấy là: "*Quân tử thận kỳ sát thân*". Trong giờ rảnh, ta nên để lòng thanh tịnh mà hàm dưỡng tinh thần, cùng là tưởng Trời, niệm Phật, nếu ta thành tâm tưởng niệm thì tự nhiên có Trời Phật độ ta vì Trời Phật tại tâm chớ chẳng đâu xa.

Chớ nên hẹn rằng: "*Nay tôi còn lo nhơn đạo, tu chưa được, đợi chừng nào nhơn đạo rồi sẽ tu*". Tính như vậy rất lầm, vì Nhơn đạo tức là Thiên đạo. Nhơn đạo lo thành là phù hợp với Thiên đạo đó. Nếu rày lần, mai lứa, chẳng lo dưỡng tánh, tu tâm, đợi đến buổi chung qui mới rõ Thiên đàng Địa ngục thì đã muộn rồi.

Trên tôi nói không cần vô chùa mới là tu được, ấy là lời nói rộng cho kẻ mới làm đạo. Chớ chừng tu đến bực tối thượng thừa rồi, cũng phải vào tịnh thất hay là tìm chốn u huyền mà ẩn thân luyện đạo.



## **SAO GỌI LÀ TRỞ VỀ NGÔI CŨ?**

Con người mới sinh ra, đã thọ lãnh một điểm linh quang (linh hồn) của Đấng Tạo Hóa. Điểm linh quang ấy lúc ban sơ còn mới mẻ, trong sạch, cho nên trong Tam Tự Kinh có câu: "*Nhơn chi sơ, tánh bốn thiện*". Lần lần con người lớn lên, say mê trần tục, vương lấy tội tình. Điểm linh quang ấy nhiễm lấy bợn nhơ mà hóa ra trọng trước. Ấy vậy, ta cần phải trau giồi nó lại cho trong sạch, nhẹ như xưa (nghĩa là tu) hầu ngày sau ta thoát xác rồi, linh hồn ta nhẹ nhàng sáng láng mới trông trở về ngôi cũ là nơi ta trước đã đồngぶc cùng Đấng Tạo Hóa vậy.



## **TA CÓ NÊN TU MỘT MÌNH KHÔNG?**

Ta phải tu một mình trước đã, rồi sau mới độ người. Nếu mình độ mình không được, thì mong độ ai? Song lời nói ấy là theo bực thượng thừa kìa, vì bực ấy cần phải thanh tâm tịnh trí mà luyện đạo. Chớ như mình đây còn đương lộn theo trần tục, thì cũng nên độ người mà làm công quả đã.

Trong giờ rảnh thay vì đến nhà quen luận chuyện xằng, ta lại giờ chuyện tu hành đạo đức mà luận cho người nghe, may ra người có hồi tâm mà theo đường phải, thì là công đức của ta đó.

Vì vậy mà Thầy chúng ta buộc mỗi Môn đồ độ cho được ít nữa là mười hai người nhập môn.



## **TẠI SAO TA PHẢI LẬP CÔNG QUẢ?**

Phàm muôn cất nhà, trước hết phải có tiền, phải lo mua cây, ngói, vôi, gạch,.v.v.

Muốn đắc đạo làm Tiên, Phật, thì trước hết phải lo làm âm chất và công quả cho đầy đủ, xứng đáng phẩm vị ấy mới đặng.

Âm chất là tiền bạc vô hình, công quả là cây, ngói, vôi, gạch vô hình để cất cái nhà "Làm Tiên Phật" đó vậy.

Nếu không đạo đức cùng không đủ âm chất, dầu cho rõ máy huyền vi, cũng không trông luyện cho thành đạo.



## **KINH KỆ**

Tụng kinh là tỏ dấu kỉnh thành cùng Trời, Phật. Miệng tụng kinh, lòng tưởng đến Trời Phật, linh hồn mình dường như thông công với Trời Phật vậy. Vả lại, mỗi lần tụng, miệng niệm ra những câu lành, tâm trí cảm giác theo, lâu ngày mình nhiễm lấy điều lành, rồi lần lần, mình bổ hóa cho mình mà trở nên người lương thiện.

Tụng kinh phải cho thành tâm mới có cảm động, có cảm rồi mới có ứng, có ứng rồi mới có nghiệm.

Kinh kệ vốn khoa văn, thành tâm đưa linh hồn lên thông công cùng Thầy là thật hành. Nếu chẳng thật hành, khoa văn chẳng ích chi.

Langsa gọi: Théorie sans pratique.

Huống chi kinh diễn mỗi mỗi đều có ý từ sâu xa, tụng kinh phải cầu lý, vô lý chẳng phải kinh. Nhờ hiểu thông cho cạn lý mới thấu đáo Thiên cơ, mới đặng hiệp tánh cùng Chí Tôn. Hiệp tánh của Chí Tôn tức là hiệp tánh của Tiên Phật. Người chẳng xét nét cùng lý kinh diễn, để chế độ thật hành, dầu khổ mõ, đánh chuông, tụng kinh ngày đêm, hao khí, tổn thân, đến chết cũng không thành đạo đặng.

Phải kinh thanh, tâm thanh, khẩu thanh thì cầu kinh mới cảm ứng.

Tóm lại, kinh kệ cốt để tỎ dấu kỉnh thành Trời, Phật, Thánh, Thần, để cảm hóa lòng người và chỉ rõ máy huyền vi cho người làm đạo, chớ chẳng phải làm cho người trở nên Tiên, Phật được.

Muốn làm Tiên Phật phải luyện Tinh-Khí-Thần, rồi nhờ huyền diệu Chí Tôn hiệp nhứt. Mà phép luyện đạo là Tiên Thiên bí thuật, cần có Minh Sư chỉ điểm mới nén.

Ta nay nhờ có Thầy là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế độ rồi phàn hồn, ấy là **Đệ Nhứt Minh Sư** đó, miễn ta thành tâm tu niệm, trì trai, giữ giới, hễ ngày giờ đến, là buổi công viên, quả mãn, lo chi luyện đạo không thành.

## **PHẠM VONG CẦN PHẢI CẦU SIÊU**

Trời Phật là Đấng Đại Từ, Đại Bi, thấy con cháu thành tâm cầu kinh rồi tội cho ông bà, cha mẹ, vì thương lòng chí hiếu mà giảm bớt tội cho.

Còn phạm vong nghe đến câu kinh cũng được cảm hóa ít nhiều, biết ăn năn về lỗi trước, bớt lần sự đau đớn của lương tâm hành phạt.

Vì vậy mà phạm vong cần có con cháu cầu siêu, còn kẻ tung kinh phải thành tâm trai giải khấn cầu, may ra mới có cảm động lòng Trời Phật.



## CÚNG TẾ

Sự cúng tế chẳng qua là tỏ ra bề ngoài lòng thành kinh ở trong, chớ chẳng phải cúng tế để dang cho Trời Phật độ. Muốn cho Trời Phật độ, trước hết mình phải độ lấy mình đã, nghĩa là mình phải biết tu tâm, dưỡng tánh, diệt tận phàm trần, sau Trời Phật mới chỉ tâm pháp diệu lý cho mình luyện theo cho trúng cách thì mới trông mong siêu phàm nhập Thánh được.

Tỉ như mình đương đói, có người đem đồ ăn lại cho mình, nếu mình cứ ngó đồ ăn hoài thì thế nào mình no được?

Muốn no, cần phải ăn, muốn thành Tiên Phật, phải luyện theo tâm pháp diệu lý của Tiên Phật chỉ mới được.

Thường thấy nhiều người hay cúng chùa niệm Phật, tụng kinh mà chẳng thiện tâm, cứ cho vay ăn lời thái quá, mắng chửi tội đói, việc ác nào cũng chẳng chùa.

Những kẻ ấy dầu cho cúng tế tới chết cũng chẳng siêu thăng được, có chẳng là thêm tội cho mình đó thôi.

Tiên Nho có câu rằng: "*Thiên Địa chí công, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phước, bất vị thất lễ nhì giáng họa*".

Tuy vậy, chớ việc cúng tế chớ khá bỏ qua. Nếu là việc vô ích thì Thánh Hiền xưa chê ra lễ nghi tế tự làm chi?

Ta cúng tế Trời Phật mà ta biết tu tâm, dưỡng tánh, thì chi tốt bằng? Ấy là gấm thêm hoa đó.

Như ta thờ Thầy ta là Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta cần phải cúng Tứ thời. Sự cúng ấy có ích cho ta, chớ không có ích chi cho Thầy.

Mỗi ngày ta cúng, đạo tâm ta mới nở nang, tú chi chuyển động, tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng tế, chi cho khỏi lòng đạo của ta một ngày một xao lâng, sự thành kinh của ta một ngày một phui pha mà ra điều thất lễ.

## KIẾP NGƯỜI

Một đời người trên cõi tạm này gẫm lại không mấy lát: Mới tóc xanh, kế bạc đầu như ngựa qua cửa sổ, như nước chảy hoa trôi, sống đó, thác đó.

Vả cái sống là cái cùng khổ của đời người, thường gặp nhiều sự đau đớn hơn là vui vẻ. Nào là sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, nào là khổ thương tâm, oán hận trong cơn tử biệt sanh ly, trong buổi thời quai vận kiễn.

Ta lo làm cho nhọc xác, hao tổn tinh thần, làm giàu của chất đầy rương. Một mai nhắm mắt đi rồi, thì bao nhiêu sự nghiệp, lợi danh thảy đều phủi sạch, chỉ đem theo xuống dạ đài có hai món là *Phước* với *Tội* mà thôi. *Phước Đức* là sự nghiệp săn dành nhờ đó mà linh hồn ta được tiêu diêu nơi lạc cảnh Thiên đường hưởng nhờ *Thanh phước*, hoặc tái kiếp lại trần gian mà hưởng nhờ *Hồng phước*. Còn *Tội Lỗi* là mối dây oan nghiệt để buộc trói linh hồn ta nơi Địa ngục, A Tỳ, hoặc kéo lại trần gian, đưa vào cõi "Luyện hình" (\*1) mà đèn bồi tội trước, thì cuộc vay trả, trả vay biết bao giờ cho dứt? Vậy thì ta nên tu tâm dưỡng tính mà độ lấy phần hồn, ấy là *phương pháp diệt lao thoát tục* đó.

---

(\*1) Cõi "Luyện hình" là chỗ linh hồn kẻ hung ác phải chịu hình phạt mà đèn tội lỗi. Langsa gọi là "Purgatoire". Cõi luyện hình tức là cái cảnh khổ cùng khốn nạn của kẻ vì kiếp trước bạo tàn tội lỗi mà kiếp này phải đọa.



## **LUẬN VỀ SỰ CHẾT**

Thường thế gian gọi chết là hết, vì dốt không biết Đạo nên tưởng lầm. Ta vẫn có hai cái xác thân: Một xác thân thiêng liêng và một xác phàm. Cái xác thiêng liêng mới thiệt là chánh thân của ta, vì nó không tiêu, không diệt. Còn xác phàm chẳng qua là xác tạm đó thôi, nó cũng như cái nhà cho linh hồn ở tạm trong đó một kiếp ngắn ngủn vậy. Hễ cái nhà ấy hư (tức là ta chết) thì linh hồn bỏ nhà ấy, kiêm nhà khác. Nếu lúc sanh tiên ta làm nhiều âm chất thì hồn ta được ở nhà khác, mà cao sang đẹp đẽ. Ấy là chuyển kiếp làm người giàu sang sung sướng.

Bằng chẳng vậy thì phải ở nhà khác mà xấu xa chật hẹp. Nghĩa là chuyển kiếp làm người nghèo cực, tật nguyền. Hoặc làm thân trâu ngựa, mang lông, đội sừng, mà đền bồi tội trước. Còn muốn nhập Thánh vức, khỏi luân hồi, thì chỉ có phương tu luyện mà thôi.

Ấy vậy, hễ biết Đạo rồi, thì cho cái chết là cái không có. Chết bất quá là thay đổi chỗ ở mà thôi. Chớ cái xác thiêng liêng vẫn còn đời đời kiếp kiếp. Nên chi ta phải lo cho phần hồn hơn phần xác, nghĩa là tu.

Có nhiều kẻ gặp lúc khốn đốn, khổ cùng, liều mình đi tưởng vậy là phủ sạch nợ trần. Điều ấy lấy làm sai lầm, vì mình bị điều sâu nǎo đó là tại nơi quả báo tiền khiên.

Tự vận là muốn tránh hình phạt ấy, cũng như tội nhơ vượt ngục vậy. Khi chết rồi phải chuyển kiếp để đền tội cho tất, chớ không trốn tránh đâu khỏi được. Té ra tránh đầu nọ, mắc đầu kia, lại còn bị miệng thề dèm pha là khác.

Phương ngôn Langsa có câu: "Le désespoir est naturel chez celui qui croit que tout finit avec la vie du corps; c'est un non-sens chez celui qui a foi en l'avenir". Nghĩa là: "Sự ngán đời (hủy mình) xem chẳng chi lạ cho kẻ tưởng rằng thân hết thì đời hết; còn với kẻ tin có kiếp vị lai thì không nghĩa lý chi cả".

## **KIẾP LUÂN HỒI**

Kiếp luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, từ thú cầm mới tới địa vị nhơn phẩm. Đến kiếp người rồi phải luân đi, chuyển lại nhiều lần mới được hoàn toàn, cho đến khi tìm ra mối Đạo, tu tâm, luyện tánh, thoát khỏi luân hồi đặng siêu phàm nhập thánh là buổi cùng đường luân chuyển.

Nay ta được làm người đây, thì ta đã trải qua biết muôn muôn, vàn vàn kiếp trước. Trong mỗi kiếp ta đã hiểu thấy chút ít, luân chuyển kiếp này qua kiếp kia, thì sự kiến thức, học hỏi của ta càng tăng thêm mãi.

Ta thường thấy nhiều đứa con nít trí huệ thông minh, đứa giỏi môn học này, đứa lại thiên về môn học kia. Ta gọi mấy đứa trẻ ấy có thiên tư. Cái thiên tư ấy vẫn do nơi sự học hỏi của chúng nó trong nhiều kiếp trước.

Tôi xin trưng ít bằng cớ dưới đây, để chứng rằng có kiếp luân hồi.

Rơm là một loại thảo mộc, mà ủ rục rồi lại sanh ra nấm. Nhiều thứ lá cây hóa ra côn trùng, như cào cào, giọt sành, con lăng quăng hóa ra con muỗi, sâu thành bướm, lươn hóa chồn,..v.v.

Phàm muôn loại, dầu lớn, dầu nhỏ, hễ biết bò, bay, máy, cựa đều có linh hồn (\*1), ấy đó linh hồn con lươn trở nên linh hồn con chồn. Vậy thì linh hồn con sanh vật chuyển lại làm linh hồn con người cũng chẳng lạ; mà linh hồn người này chuyển làm linh hồn người kia lại càng chẳng lạ hơn nữa. Ấy là luân hồi chuyển kiếp, tức là cuộc biến thiên của vạn loại.

Nếu không có luân hồi, quả báo, thì đâu có phép công bình thiêng liêng Tạo Hóa? Ví kiếp chết là kiếp mâu, thì ai lại tu nhơn tích đức làm chi, việc ác nào lại chẳng dám làm, miễn là được của nhiều, vui lòng, sướng dạ, vợ ấm, con no, phu phi cho qua một kiếp, vì đến buổi lâm chung thì ai như nấy, khỏi lo lành thường, dữ răn.

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

**(\*1)** Như côn trùng nhỏ nhít, thì một đám sanh một lượt duy có một linh hồn chia ra mà thôi (âme groupe).



## **NHƠN QUẢ**

Nhơn quả là một cái luật thường phạt tự nhiên, để cảnh hưởng những điều lành dữ của ta làm. Nhơn quả cũng như một cái gương (kiếng) để rọi mặt. Mặt ta sạch, kiếng rọi ra sạch, mặt ta dơ, kiếng rọi ra dơ.

Nhơn quả cũng tỉ như một tấm vách tường, điều lành dữ ta làm như một trái banh bằng thun liêng vào vách ấy. Hễ liêng nhẹ, thì banh dội nhẹ, còn liêng mạnh thì banh dội mạnh. Tiên Nho có câu: "*Chưởng đậu đắc đậu, chưởng qua đắc qua*".

Ta là chủ của nhơn quả ta, vì tự ta gây nó ra. Nếu ta muốn cái kiếng rọi mặt ta cho sạch sẽ, thì ta rửa mặt cho sạch, ta muốn vách tường dội banh lại nhẹ, thì ta liêng nhẹ, .v.v... Nếu ta muốn kiếp sau đặng hưởng giàu sang, phú quý, thì kiếp này ta lo làm lành lành dữ. **Ấy là Tu.**

Vả lại điều họa phước không có tìm ta: Tại ta vời nó đến. Cho nên trong Kinh Sám Hối có câu rằng:

*"Điều họa phước không hay tìm tới,  
Tại người vời nới mới theo mình".*

Có người tu nhơn, tích đức lại chịu nghèo cực, khổ hèn, còn kẻ bạo tàn, hung ác, có khi được hưởng phước giàu sang. Tại sao vậy?

Vì kẻ nghèo hèn ấy kiếp trước đã làm nhiều tội lỗi, cho nên kiếp này phải chịu thảm sâu để đền bồi tội ấy, mãn hạn rồi sẽ được hưởng phước giàu sang, hoặc đợi đến kiếp sau mới hưởng.

Còn kẻ giàu sang nói trên đó, tuy bây giờ làm nhiều điều tội lỗi, mà nhờ kiếp trước tích đức tu nhân, nên kiếp này được hưởng cuộc vinh hoa phú quý, đợi hưởng hết rồi mới bị hành phạt về tội lỗi bây giờ, hoặc đợi kiếp sau.

Muốn biết kiếp trước mình, hãy xem số phần mình bây giờ đây. Muốn rõ kiếp sau mình, hãy xét điều lành dữ mình làm bây giờ đó.

Cho nên có ba bức nhơn quả:

1. *Tiền thế nhơn quả,*
2. *Kim thế nhơn quả,*
3. *Hậu thế nhơn quả.*

Trời đất rất công, dũ lành báo ứng, xin ai xét lấy  
rắn mình thì gần Thần, Tiên vậy.



## CƠ BÚT

Cơ bút là việc tối trọng trong Đạo. Chúng ta từng thấy nhiều đứa trẻ học hành thì tối tăm, mà vẽ vời lại khéo léo. Lại có đứa học văn giỏi giắn, còn bút toán chẳng ra chi,.v.v.

Vì mỗi đứa đều có thiên tư riêng. Việc bút cơ cũng vậy, mỗi người tuy tập được, mà chẳng phải giỏi hết được. Người có thiên tư về cơ bút, tập cơ bút mới hay. Kẻ phò cơ, chấp bút là người thông ngôn (interprète, intermédiaire) của Thần, Thánh, Tiên, Phật vậy. Nếu thông ngôn dở và không quen thuộc, thì làm sao có chỗ hay được? Vì vậy mà kẻ chấp cơ cần phải tập luyện mới được thuần thục, và nhứt là phải có khiếu thông minh mới được hoàn toàn.

Khi chấp cơ phải cho đại tịnh, thì chơn thần (périsprit) xuất hoặc khỏi xác (đồng mê), hoặc một phần khỏi xác (đồng tỉnh) mà nghe dạy rồi viết theo, có một hai khi viết trật chữ nữa (orthographe).

Chơn thần viết ra là nhò điển quang (\*1) trong mình tiếp với điển quang ngoài mà làm cho tay mình cử động.

Như chơn thần mình minh mẫn, thì nghe sao đồ lại vậy; còn nếu nó không có khiếu thông minh, thì hoặc nghe không rõ, hoặc không nhớ, rồi đồ lại sai đi. Cho nên có người phò cơ chấp bút, cũng viết lăng xăng mà câu văn lầy làm vô vị. Lại vầy nữa, có khi kẻ chấp cơ không đại tịnh, chơn thần muốn điều chi rồi tự ứng viết ra (autosuggestion).

Nếu chơn thần không được tinh tấn và tâm tánh có nét vạy tà, thì tà mị nương theo đó mà nhập cơ, mạo nhận tên ông Thánh này, ông Tiên nọ mà dẫn dụ ta vào đường bất chánh.

Vậy nên việc cơ bút lầy làm tối trọng, dùng đến phải quan phòng. Nếu cơ bút viết ra câu văn xăng xịu và dạy điều trái đạo lý, tốt hơn kẻ phò cơ phải dẹp đi cho khỏi điều quan hệ về sau.

Tỉ như mình ép ai làm điều chi mà người ấy không đủ sức, hoặc không khứng làm, thì thế nào họ làm vừa lòng mình được. Chơn thần cũng vậy, nếu nó không hạp về việc cơ bút, mình vì ham mộ mà ép nó, bắt đắc dĩ nó phải vâng theo, thế thì làm sao cho có huyền diệu được? Có khi mình làm cho nó rối loạn đi, thì lấy làm thiệt hại cho mình, không điên thì cũng ngây ngật mà chó, như nhiều gương chúng ta đã thấy rồi.

Có kẻ hỏi rằng: "*Nếu đàn này cầu Thầy, đàn kia cầu Thầy, thậm chí đến sáu bảy đàn cầu Thầy một lượt, thi làm sao Thầy giáng cơ cho hết?*"

Tôi đã nói rằng Thầy là một khối linh quang rất lớn, diễn quang Thầy bao trùm cả Càn Khôn, Thế Giải, Thầy ngự một chỗ như tại nhà dây thép chánh vậy. Muốn giáng nơi đâu, Thầy cứ dùng diễn quang mà truyền tin, chơn thần kẻ phò cơ tiếp lấy rồi đồ lại, cũng như sở dây thép chánh truyền tín cho các sở ngánh vậy. Thế thì Thầy ngự một chỗ, dùng huyền diệu Chí Tôn ấy mà chứng đàn cả ngàn chỗ một lượt cũng chẳng lạ chi.

Như chấp cơ mà mê, thì chơn thần ra trọn khỏi xác, nghe dạy tỏ rõ, cho nên thi phú được trọn hay, vì là phần của Thánh, Tiên làm ra, kẻ chấp cơ không dự đến, các Ngài chỉ mượn xác đồng mà làm cây bút viết ra vậy thôi. Song dùng đồng mê phải nhiều khó khăn, cực nhọc mới được một ít lời hoặc một vài câu thi mà thôi, có nhiều khi cầu đôi ba đêm mà không được, là vì nhầm khi chơn thần kẻ chấp cơ không ra trọn xác. Lại nơi đàn phải cho đại tịnh, một tiếng gà gáy, chó sủa cũng đủ làm cho Thần, Tiên thăng đi, là vì lúc ấy chơn thần kẻ thủ cơ nghe tiếng động, hoảng kinh nhập về xác.

Đồng tĩnh thì chơn thần ra không trọn khỏi xác, thi phú viết ra một hai khi có chỗ khuyết điểm, là vì chơn thần nghe không được tỏ rõ nên đồ lại sai đi chút ít.

Nhưng dùng đồng tĩnh có chỗ tiện nhiều hơn đồng mê: Đã dễ cầu đàn, lại khỏi lo về phần động tĩnh cho lắm.

**Điều xin nhớ:** - Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ là thấy ta thành tâm cầu khẩn đến dạy dỗ chúng ta theo đường đạo đức, chớ chẳng hề lậu máy Thiên cơ cho ta biết đâu. Các Ngài muốn dạy điều chi tự ý, chớ chẳng phải ta muốn hỏi điều chi được nấy, cho nên có nhiều khi không khứng trả lời theo ý muốn của ta.

Việc phò cơ, chấp bút tôi đã thường dùng, nên hiểu thấu chút ít về diệu tánh bút cơ mới dám luận sơ ra cho chư Đạo hữu nghe chơi. Việc cơ bút có lăm điệu quan hệ, nếu không linh Thầy, xin đừng tập đến là tốt.

---

**(\*1)** Trong mình mỗi người đều có điển. Kẻ mới thác, điển quang trong thân chưa thiệt dứt, nếu có một con mèo nhảy ngang qua, điển trong xác ấy tiếp với điển con mèo, rồi thây ma chuyển động, đi đứng như hồi sống, chừng hai đường điển tan ra, thì hết. Các loài thú, chỉ có con mèo là nhiều điển hơn hết, nhứt là mèo mun tuyền sắc, có kẻ gọi là Linh miêu.



**PHỤ THÊM  
MƯỜI BÀI THI KHUYẾN ĐẠO**

- I. Danh lợi bôn chôn lắm cực lòng,  
Đáo đầu muôn việc vốn không không.  
Mê tâm chân bước dang xa mé,  
Oan trái lòng toan thoát khỏi vòng.  
Hứng giọt nước dương dàm mát mặt,  
Chèo thuyền biển khổ lướt êm dòng.  
Cuối đường nganh lại miền xung đột,  
Xe ngựa mà kinh đám bụi hồng.
- II. Bụi hồng xót kẻ lấp vùi thân,  
Bao thuở ăn năn định tĩnh thần?  
Ngoài cõi thành thơi là Cực lạc,  
Trong vòng buộc trói áy đai cân.  
Đai cân một giấc đai cân mộng,  
Cực lạc muôn đời Cực lạc xuân.  
Xuân dập, thu dồn, con ác xế,  
Một ngày tắc bóng một thâu lần.
- III. Lần bước chen vào chốn thành thơi,  
Hơn ngàn phú quý đổi trên đời.  
Khôn ngoan tính qui bày trăm chước,  
Hình vóc tiêu ma có mấy hồi.  
Chi bằng tu tâm cùng dưỡng tánh,  
Để chờ phước Phật với ơn Trời.  
Trời đâu có phụ người thiền niệm,  
Tượng bởi người tìm chẳng biết nơi.
- IV. Biết nơi Chánh Đạo rán lần dò,  
Cái kiếp làm người áy kiếp lo.  
Ham miếng cao lương thường hại mạng,  
Mê mồi danh lợi luồng bày trò.  
Hoa kia mấy thuở tìm người đến,  
Người lại nhiều phen rước họa vô.  
Sao bằng tương đưa thừa sống rôn,  
Luân hồi sau mới thoát thân cho.

- V. Thoát thân cho khỏi đọa tam đồ,  
Cánh cửa nhà Tiên mặc sức xô.  
Đại Đạo mở Tam Kỳ Phổ Độ,  
Chung thân gìn nhứt niệm Nam Mô.  
Se sua trối kẻ chân hài hớn,  
Lam lụ quen mình tám vải bô.  
Bô vải bốn mùa che ấm lạnh,  
Rách mà cho sạch, rách thơm tho.
- VI. Thơm tho là chín phẩm tòa sen,  
Sao đặng về sau núp dưới bèn.  
Miền tục lánchez theo miền tịnh độ,  
Xác phàm đổi lấy xác thiêng liêng.  
Niết Bàn ví chẳng khi kè Phật,  
Bồng Đảo nào không lúc dựa Tiên?  
Tiên Phật vốn người, người cũng thế,  
Thế nhiều công quả mới là nêu.
- VII. Nên chặng cũng tại ở lòng mình,  
Nghi hoặc vì chưng kém đức tin.  
Tin tưởng Phật, lòng thành ấy Phật,  
Mến yêu tinh, dạ quấy là tinh.  
Vô vi chưa dễ bày chân tướng,  
Bất chánh thường hay lộ giả hình.  
Tự cổ đà chia năm mổi Đạo,  
Đạo nào cũng một gốc làm lành.
- VIII. Làm lành, lánh dữ ấy phương tu,  
Khổ hạnh, dày công Cá hóa Cù.  
Đuốc huệ rạng soi làn bóng tối,  
Phất trần quét sạch đám sương mù.  
Vừa chừng đất Việt vun nền chánh,  
Phải buổi trời Nam mở Đạo to.  
Thiên Địa tuần huyền từ trước định,  
Gom về một mối: Thích, Tiên, Nho.
- IX. Nho Giáo từ xưa Khổng Thánh roi,  
Trải bao dâu bể hóa sai dời.  
Duy trì mối Đạo nào không kẻ,

Bồi đắp nền Nhơn săn có người.  
Sắn có người lo đâu kẽ vốn,  
Nào không kẻ chịu giúp nêu lời?  
Vốn lời rồi cũng đồng công quả,  
Công quả khuyên ai chớ bỏ trôi.

- X. Chớ bỏ trôi xuôi mối Đại Đồng,  
Trước lo làm Đạo, phải làm công.  
Rung chuông tĩnh thế ba kỳ dội,  
Thức khách mê tân một giác nòng.  
Kẻ trước người sau qua biển khô,  
Em dùn anh dắt lại non Bồng.  
Bỏ đi điều vui tạm trên đời tạm,  
Danh lợi bôn chôn lắm cực lòng.

## CHUNG



**TIÊN THIỀN TIỀU HỌC**  
Của NGUYỄN TRUNG HẬU  
In tại nhà in HOÀNG HẢI  
152 Đường Cô Giang SÀI GÒN  
1955

Thánh Thất New South Wales - Australia  
Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002  
[thanhhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhhthatnsw@yahoo.com.au)

---

# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

---

## LUẬN ĐẠO VĂN ĐÁP

Người soạn: NGUYỄN TRUNG HẬU  
Người in: LÂM QUANG BÍNH

Quyển sách này có trình Hội Thánh xem.  
Sách dành cho chư Đạo Hữu mới nhập môn.

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

## **MỤC LỤC**

- Tiêu Tụ
  - Đôi lời kính cáo cùng chư Đạo Hữu
  - Ý tưởng về Chơn Đạo
  - Ý tưởng về Chơn Giáo qui nguyên
  - Vấn đáp về ĐĐTKPĐ
  - Vấn đáp về các bức Thiên Phong
  - Vấn đáp về việc tu hành
  - Vấn đáp về việc cúng kiếng phuợng thờ
-

## **TIỂU TỰ**

Trong quyển sách "LUẬN ĐẠO VÂN ĐÁP" này, tác giả sắp ra người ngoại Đạo đến vấn Đạo một nhà tu theo "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Người cật vấn có ý rõ thông đạo lý thể nào, lời hỏi tuy có chiềng nghiêm khắc mà giữ lối thanh tao, nên kẻ hầu đáp vui lòng ứng đối.

Tác giả tài sơ trí siễn, biết Đạo bao nhiêu bài giải bấy nhiêu, mong rằng quyển sách hèn mọn này giúp ích trong muôn một cho chư Đạo Hữu mới nhập môn, cùng phá tan cái màn u ám của kẻ mơ hồ, ấy là sở vọng của tác giả vậy.

Cholon, le 2 Septembre 1927

**Bảo Pháp NGUYỄN TRUNG HẬU**



## **ĐÔI LỜI KÍNH CÁO CÙNG CHƯ ĐẠO HỮU**

Hội Thánh nhóm ngày mồng 6 tháng 8 năm Đinh Mão đã công nhận và hoan nghinh quyển sách "LUẬN ĐẠO VÂN ĐÁP" của tác giả là Đạo Hữu Nguyễn Trung Hậu. Lời giải phân chánh lý, câu văn từ trôi chảy, ai nghe qua cũng đều hiểu. Ấy là một quyển sách rất cần ích cho chư Chức Sắc Thiên Phong đã lãnh phần trách nhiệm lớn lao để phổ thông Thiền Đạo.

Vì vậy nên tôi ra công ấn tổng quyển sách này. Xin chư Hiền Hữu hãy đọc rồi chiêm nghiệm cho kỹ càng, hầu đối đáp với người chưa rõ tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Quyển sách này sẽ dùng làm việc cần ích trong Đạo, còn tác giả thì dung trọn bản quyền cho Hội Thánh.

Nay kính,

**Thái Phối Sư LÂM QUANG BÌNH**



## **Ý TƯỞNG VỀ CHƠN ĐẠO**

Một người lạc bước vào rừng đương hồi tần thối lưỡng nan, không ngồi một chỗ mà đợi hùm tha, rắn cắn, mà cũng không lẽ quanh lối này, queo ngõ kia cho mệt nhọc và mất ngày giờ lại càng lạc lầm thêm nữa. Vậy phải làm sao bây giờ? Cứ nhắm tới đi hoài, dầu không nhầm đường chớ cũng ít lạc, lại có lẽ ra khỏi rừng sâu hang thẳm mà lánh hùm ngây, rắn dữ.

.....

.....

Rừng tràn tục này vẫn nhiều người lạc đến: Muốn tìm đường Đạo để thoát khỏi rừng kia, nhưng chẳng biết đâu mà kiêm. Dương cơn tần thối lưỡng nan, không lẽ ngồi một chỗ cho ra người vô đạo, rồi đợi hùm tha rắn cắn là lũ Quý Vô Thường, mà cũng không lẽ quanh lối này, queo ngõ kia cho lạc vào đám Bàng Môn, Tả Đạo. Vậy phải làm sao bây giờ? Cứ nhắm thẳng đi tới, thì là Chánh Đạo. Ta cứ biết rằng Đáng Tạo Hóa sanh ra ta, ta cứ thờ phượng Ngài thì khỏi sai đường, lạc lối, dầu không đến nơi Bồng Đảo, Niết Bàn chớ cũng thoát khỏi rừng tràn tục mà lánh luân hồi chuyển kiếp. Ta đã kính trọng Đáng Tạo Hóa, thì ta cũng phải kính trọng những vị Quan viên Chức sắc của Ngài, tức là Thánh, Thần, Tiên, Phật vậy.



## **Ý TƯỞNG VỀ TAM GIÁO QUI NGUYÊN PHỤC NHỨT**

Phàm muốn tu bổ một cái nhà hư nát, trước hết ta phải lo cất một cái nhà tạm khác cho có chỗ nấu nương, rồi mới dỡ nhà hư cất lại. Nếu không phòng bị như vậy, lúc dỡ nhà lấy đâu đùm đỗ? Mà muốn cất cái nhà lại cho vẻ vang chắc chắn, không lẽ bỏ hết cây ngói cũ mà mua cả đồ mới cho tốn hao vô ích, mà ta phải lựa coi cây nào còn tốt thì dùng, ngói nào còn nguyên thì lợp, rồi mua thêm chút ít đồ mới cho đủ dùng mà thôi. Đó là cứ chỉ của kẻ biết quan phòng, tiết kiệm.

.....  
.....

Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo) vẫn là cái nhà Đạo của ta từ xưa, đã trải bao tuế nguyệt, phong sương cho đến rường xiêu cột ngã. Thế mà ta đã có cái nhà tạm khác rồi: Tức là lòng tôn sùng tín ngưỡng Trời, Phật, Thánh, Thần của ta vậy.

Hạ Ngươn này là buổi ta lo cất cái nhà Đạo lại. Tức là chấn hưng Tôn Giáo. Cây ngói đã có sẵn, không lẽ bỏ hết mà mua lớp mới, vậy thì vật nào hư nát bỏ đi, vật nào còn tốt cứ dùng, rồi châm thêm đồ mới mà cất cái nhà Đạo lại cho chắc bền cao ráo.

Cái nền nhà (Nho) thì ta cứ dùng như xưa, song phải đắp lên cao ráo, cho chắc chắn hơn nữa. Tức là chấn hưng Nho Giáo.

Cột vách (Thích) thì ta bỏ cây nào sâu mọt và hư mục mà châm thêm cây mới. Tức là chấn hưng Phật Giáo.

Ngói, kèo (Đạo) thì ta cũng làm một thế. Tức là chấn hưng Tiên Giáo.

Đoạn ta mới cất lên một cái nhà mới cao ráo, tốt xinh, chắc chắn, có thể bền bỉ muôn đời. Cái nhà Đạo mà ta cất đây tức là Đạo Cao Đài Thượng Đế gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Thê thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đạo chuyền  
Tam Giáo qui nguyên phục nhứt theo lẽ tuần huờn.

Sao là tuần huờn? Việc chi cũng có thi, có chung,  
có tạo thê tức là có tận thê, cái tận là cái cuối cùng, mà  
hễ cuối cùng chẳng dứt, thì phải qui nguyên trước lại gọi  
là tuần huờn.



## **LUẬN ĐẠO VÂN ĐÁP**

### **CHƯƠNG THỨ I VÂN ĐÁP VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỒ ĐỘ**

1. Nghe rằng anh tu theo Đạo Tiên phải chăng?
2. Thuở nay tôi nghe nói Ngọc Hoàng Thượng Đế, sao bây giờ anh gọi là Cao Đài Thượng Đế?
3. Cơ bút là tối trọng, anh nói rằng Thượng Đế giáng cơ dạy Đạo, mà lấy chi làm chắc? Không biết chừng Thánh, Thần hoặc Ma Quỷ nhập cơ, rồi mạo danh Thượng Đế, chớ bức Chí Tôn đâu khứng giáng chốn phàm trần này là nơi âm khí nặng nề ô trược?
4. Anh nói Thượng Đế biến hóa vô cùng mà anh tưởng tượng Ngài ra thế nào?
5. Anh nói rằng Thánh, Thần, Tiên, Phật không dám mạo danh Thượng Đế thì tôi cho là phải. Song tôi còn e một nỗi là kẻ chấp cơ không thiệt chăng?
6. Anh mới nói Đạo Gia Tô, Đạo Lão, Đạo Thích là Chánh Đạo, thế thì Tam Giáo đã có rồi, hà tất phải cùn lập Đạo khác?
7. Nếu muốn chuyển Tam Giáo, qui nguyên phục nhứt, sao Thượng Đế không chuyển Đạo bên các xứ liệt cường cho dễ, lại lựa chi xứ Nam Việt là xứ nhỏ nhen, hèn yếu, con cũng đồng con, sao lại thương người Nam hơn người nước khác, tôi e mất công bình đi chăng?
8. Chẳng phải một nước Việt Nam hèn mọn mà thôi, thiếu gì nước khác còn thấp hèn hơn nữa, như...
9. Tại sao lúc trước đàn nào cũng có cầu cơ mà bây giờ ngưng vậy?

---

Để tiện việc tham khảo phần trên đây được thêm vào.  
Nguyên bản chánh không có.

**VĂN: Nghe rằng anh tu theo Đạo Tiên phải chăng?**

**ĐÁP:** Nhiều người, vì thấy có cơ bút, tưởng rằng tôi tu Tiên, vì cơ bút do nơi Đạo Tiên mà ra chớ kỳ trung Đạo mà tôi sùng bái là Đạo của Đức Cao Đài Thượng Đế gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

**VĂN: Thuở nay tôi nghe nói Ngọc Hoàng Thượng Đế, sao bây giờ anh gọi là Cao Đài Thượng Đế?**

**ĐÁP:** Mỗi lần khai Đạo, Ngọc Đế đều lấy Thánh danh riêng, như đời Châu Sơ, Ngài giáng thế bên Trung Hoa lập Đạo Tiên, thì lấy Thánh danh là Lão Tử, qua lối Trung Châu (giữa đời nhà Châu), Ngài giáng sanh bên Ấn Độ, lập thành Đạo Phật, Ngài lại lấy Thánh danh là Thích Ca Mâu Ni Phật. Đời Hörn, giáng sanh lập Đạo Thánh, Ngài lại lấy Thánh danh là Jésus. Ngài phỗ độ lần này là lần thứ ba bên Á Đông, nên gọi là Tam Kỳ Phổ Độ. Ngày nay, tùy theo thời thế, Ngài không giáng sanh như hai lần trước, chỉ dùng huyền diệu Tiên bút mà truyền Đạo, Ngài lại lấy Thánh danh là Cao Đài.

Vả lại, Cao Đài là Thánh danh tắt, chớ toàn danh là: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

1. **Cao Đài** là Đài Cao, chỉ về chỗ cao thượng của Đạo Nho,
2. **Tiên Ông** là chỉ về *Đạo Tiên*,
3. **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** chỉ về *Đạo Phật*. Thánh danh ấy gồm đủ Tam Giáo qui nguyên phục nhứt vậy. Tuy vẫn gọi Thánh danh là Lão Tử, Thích Ca, Jésus, Cao Đài, chớ cũng một Chơn linh của Thượng Đế.

**VĂN: Cơ bút là tối trọng, anh nói rằng Thượng Đế giáng cơ dạy Đạo, mà lấy chi làm chắc? Không biết chừng Thánh, Thần hoặc Ma Quỷ nhập cơ, rồi mạo danh**

## ***Thượng Đế, chó bực Chí Tôn đâu khứng giáng chốn phàm trần này là nơi âm khí nặng nè ô trước?***

**ĐÁP:** Phải, cơ bút là việc tối trọng, cho nên muốn thấu đáo diệu tánh bút cơ, cần phải gia công tra cứu, nhứt là năng hùng đàm, phải dò Thánh Ngôn từ đầu chí cuối, rồi nghĩ suy, xét nét đến cùng. Tôi cũng nên phân cho anh biết rằng nhiều bài Thánh Ngôn giáng cơ đều dạy đạo lý sâu xa huyền bí, ngoài Thượng Đế thì không vị Thánh, Thần, Tiên, Phật nào dám lẬU ra cho nhơn sanh biết được. Cơ bút là tối trọng, nếu không hiểu Đạo và ít năng hùng đàm, thì không thể nào phân biệt giả chơn cho được. Đieu bút cơ như âm nhạc, kẻ thuở nay không thông thạo, không thể nghe đòn mà biết dở hay. Tuy cũng nghe như mọi người, mà điêu cao thâm, giọng phù trầm, không phải nhà nghè, không bao giờ thấu được. Đieu cơ bút như vàng, như ngọc, chưa dùng đến chưa hề biết thử ra sao. Sách có câu "Vị thường thức kim, yên nǎng thí kim".

Thánh, Thần, Tiên, Phật là bậc quả cao, đức trọng, lẽ đâu dám coi luật Trời làm nhẹ mà mạo danh Ngài? Dầu có giáng cơ dạy Đạo thì cũng thọ mạng nơi Ngài, có vậy thì cũng xưng danh thiệt mà thôi, hà tất phải giả danh cho phạm đến Thiên Điều? Còn nếu nói rằng sơ ma quỷ nhập cơ rồi mạo danh Thượng Đế thì lại càng sai lầm hơn nữa. Ma quỷ vẫn thuộc âm thần, trọng trước, lành ghét, dữ ưa. Lẽ đâu chịu nhọc giáng cơ dạy đạo mà dù dắt chúng sanh vào đường ngay nẻo phải, há không trái ngay sở thích của họ đi chăng? Mà nếu dạy đạo thì ma quỷ biết chi mà dạy? Nói cùng mà nghe, bất luận vì khuất mặt nào, nếu giáng cơ dạy điều đạo đức, rồi thiên hạ nghe theo, cho đời được thái bình, dân gian an lạc, thì chúng ta cũng nên sùng bái vì khuất mặt ấy. Cái chánh, cái tà cũng dễ cho chúng ta phân biệt. Kìa như Đạo Gia Tô, Đạo Lão, Đạo Thích đều là Chánh Giáo, nên mới có muôn vạn người tín ngưỡng, Đạo Cao Đài mới có hơn một năm mà đã có mấy mươi muôn người sùng bái, đó là một bằng cớ hiển nhiên chứng

chắc là Chánh Đạo. Lại nữa, về Thiên Đạo thì chỉ có Ngọc Hoàng Thượng Đế lập ra mà thôi, không phải Ngài thì không ai lập được, mà lập được tức là Ngài vậy.

Anh lại nói rằng có lẽ đâu Thượng Đế khứng xuống chốn phàm trần ô trược. Câu hỏi này làm cho tôi rõ rằng anh chưa biết Đạo là gì. Anh tưởng cho Thượng Đế như người phàm vậy, nên muốn giáng cơ nơi đâu cần phải đích thân đến đó. Thượng Đế vẫn biến hóa vô cùng, muốn giáng cơ nơi đâu, Ngài chỉ dùng diễn quang truyền tín mà thôi, có đâu xuống phàm mà anh phòng lo âm khí nặng nề ô trược.

### **VĂN: Anh nói Thượng Đế biến hóa vô cùng mà anh tưởng tượng Ngài ra thế nào?**

**ĐÁP:** Chúng ta không thể nào lấy trí phàm mà tưởng tượng hình dạng Ngài cho được. Thượng Đế không hình dạng riêng như người phàm vậy. Nếu Ngài giáng sanh bên Tây Âu thì lấy hình dạng người Tây Âu, Ngài giáng sanh bên Đông Á thì lấy hình dạng người Đông Á, Thượng Đế vẫn là một khói linh quang vô cùng vô tận, nhờ đó mà nhơn loại, thú cầm và thảo mộc mới có sự hằng sống. Cái ánh sáng chói rọi của các ngôi tinh đầu là Ngài, cái dạng non cao rừng thẳm là Ngài, cái vẻ nông sâu, biển cả là Ngài, chòm thảo mộc sum suê, thanh mâu là Ngài, cái giác tánh của thú cầm là Ngài, cái linh tâm của nhơn loại là Ngài. Tóm lại vạn loại đều có chất sanh, mà cái chất sanh vẫn một phần trong khói linh quang của Thượng Đế, tức là Thượng Đế vậy. Tôi giải sơ cho anh hiểu chút ít vậy thôi, chứ không thể nào giải cho tận lý được. Muốn giải cho tận lý, thì không khác nào giải cho một người đui từ trong bụng mẹ biết cái màu đỏ là làm sao.

### **VĂN: Anh nói rằng Thánh, Thần, Tiên, Phật không dám mạo danh Thượng Đế thì tôi cho là phải. Song tôi còn e một nỗi là kẻ chấp cơ không thiệt chẳng?**

Người Đạo hỏi: - Anh thuở nay có hầu đàm chưa?

**Người kia trả lời: . Có một đôi khi.**

Người Đạo hỏi: . Mỗi lần hầu đàm, anh phải tốn kém bao nhiêu?

**Người kia trả lời: . Đàm lập ra, tự do ai muốn đến hầu cũng được, miễn ăn mặc cho trang hoàng thì đủ, khỏi tốn kém chi hết (Đây tôi xin để lại hai chữ vấn đáp như trước).**

**ĐÁP:** Thế thì kẻ phò cơ dối giả có ích gì? Như một hai lần thì cho kẻ phò cơ dối giả cũng còn có chỗ phải, chớ đàm lập ra năm nay, tháng nọ, ai công đâu làm vậy? Mà nếu cho là dối giả, thì kẻ chấp cơ dối giả lấy họ là phải hơn. Song họ dại gì mà dối giả lấy họ. Vả lại, thiếu gì chuyện dối, lại cả gan mạo danh Thượng Đế mà làm việc trò chơi?

**VĂN: Anh mới nói Đạo Gia Tô, Đạo Lão, Đạo Thích là Chánh Đạo, thế thì Tam Giáo đã có rồi, hè tất phải cần lập Đạo khác?**

**ĐÁP:** Đạo đã có sẵn từ tạo Thiên, lập Địa, hễ có Đời tức là có Đạo. Hư Vô là Đạo, Âm Dương là Đạo, Trời Đất là Đạo, nhơn vật là Đạo. Tam Giáo là Đạo chánh thuở nay, song bị tay phàm canh cải càng ngày càng xa Thánh giáo mà hóa Phàm giáo. Thượng Đế lấy làm đau đớn, hằng thấy nhơn sanh phải bị sa vào tội lỗi, mạt kiếp chốn A Tỳ, nên nhứt định chuyển Tam Giáo qui nguyên phục nhứt chấn hưng Tôn giáo lại cho hoàn toàn, rồi khêu sáng ngọn đèn thiêng liêng lên để dùi dắt bước đường cho kẻ có công tu hành mà phải xẩy chơn, lạc lối.

**VĂN: Nếu muốn chuyển Tam Giáo, qui nguyên phục nhứt, sao Thượng Đế không chuyển Đạo bên các xứ liệt cường cho dễ, lại lựa chi xứ Nam Việt là xứ nhỏ nhen, hèn**

**yêu, con cũng đồng con, sao lại thương  
người Nam hơn người nước khác, tôi e mất  
công bình đi chăng?**

**ĐÁP:** Vì e mất lẽ công bình thiêng liêng ấy nên Ngài mới chuyển Đạo tại nước Nam. Vì bấy lâu dân ta cam chịu phận hèn, nếu không nhờ mối Đạo Trời, thì chẳng biết chừng nào thoát khỏi vòng hắc ám.

**VĂN: Chẳng phải một nước Việt Nam hèn  
mọn mà thôi, thiếu gì nước khác còn thấp  
hèn hơn nữa, như...**

**ĐÁP:** Phải, song mấy nước ấy còn kém bè đạo đức chưa đến hồi gội ờn võ lô. Nước Nam ta, tuy hèn mọn mặc dầu chớ nền đạo đức, mối luân thường còn nắm giữ. Thượng Đế là Cha cả, các nước vẫn con chung. Nước nào biết gìn giữ cang thường, biết trau giòi đạo đức, thì tự nhiên được lấy phần hơn. Theo phàm đây, tỉ như một ông cha có ba bốn đứa con, tuy ông cũng đồng thương, mà nếu muốn giao phần trách nhiệm chi nặng nề một đứa trong chúng nó, tự nhiên ông cũng lựa đứa nào cho đạo đức vẹn toàn mới khứng giao trách nhiệm ấy. Nước Nam ta vẫn là đứa con lựa của Thượng Đế vậy.

**VĂN: Tại sao lúc trước đàn nào cũng có cầu  
cơ mà bây giờ ngưng vậy?**

**ĐÁP:** Lúc ban sơ, chúng tôi chưa hiểu Đạo là gì, Thượng Đế mới giáng cơ chỉ bảo về việc phổ thông cùng trật tự trong nền Đạo, nay đâu đó đều xong, luật Đạo lập thành cứ theo mà hành đạo. Buổi ban sơ chúng tôi như con nít mới học đi, Ngài dùng huyền diệu cơ bút để dìu dắt bước đường cho vững, nay đã cứng gối rồi, Ngài để cho đi một mình mà tự lập, nếu Ngài giáng cơ mãi, thì nhân lực ở đâu?

## **CHƯƠNG THỨ II**

# **VĂN ĐÁP VỀ CÁC BỰC THIÊN PHONG**

1. Phần nhiều bức Thiên Phong trong Tam Kỳ Phổ Độ đều có vợ con lại làm ăn như kẻ khác, vậy thế nào tu cho tiện?
2. Tôi lại dòm thấy trong hàng Thiên Phong vẫn còn nhiều vị tánh tình không mấy tốt, bước đường đời của họ trải qua còn để lăm điệu nhơ bợn.
3. Tu hành thì áo bã hài gai mới phải, sao mấy vị Thiên Phong ăn mặc chi hàng lụa đủ màu, lại còn mao cao, khăn đẹp, e mắt phẩm hạnh người tu đi chăng?
4. Tôi thường thấy có người mới nhập môn chưa chút chi gọi là công quả, mà cũng được thọ Thiên Phong, té ra Thiên tước chẳng là rě lắm sao?

---

Để tiện việc tham khảo phần trên đây được thêm vào.  
Nguyên bản chánh không có.

---

### **VĂN: Phần nhiều bức Thiên Phong trong Tam Kỳ Phổ Độ đều có vợ con lại làm ăn như kẻ khác, vậy thế nào tu cho tiện?**

**ĐÁP:** Như tu mà để vợ, bỏ con kia, thì mới gọi rằng tu không tiện vì để vợ, bỏ con là lỗi phần nhơn đạo, mà hễ nhơn đạo không tròn, thế nào tu qua Thiên Đạo? Vả lại, tu là tu, còn con vợ là con vợ, hai điều không can dự với nhau. Tu là gì? Là trau giồi đức tánh, qui chánh, cải tà, ai ai cũng trọng quyền tự do áy hết. Cứ nói như anh vậy thì kẻ có vợ con không được phép cải tà qui chánh hay sao? Tu hành đều có thứ lớp, ban sơ tập theo hạ thừa, lần lần bước lên từng cấp, đến bức thượng thừa, tức nhiên phải đoạn hết trần duyên mới có thể mong ngày đắc đạo. Mà thời kỳ ấy còn xa, nay cứ lần lụa bước nào hay bước nấy, không thái quá mà cũng không bất cập.

Nếu vì Thiên Đạo mà phê hết nhơn tình thế sự, rồi nhơn đạo không xong, thế nào qua Thiên Đạo?

**VĂN: Tôi lại dòm thấy trong hàng Thiên Phong vẫn còn nhiều vị tánh tình không mấy tốt, bước đường đời của họ trải qua còn để lầm điều nhơ bợn.**

**ĐÁP:** Ở đời ai đặng trọn lành, xưa như Đức Khổng Tử là bực Chí Thánh, mà hằng bữa còn phải xét mình thay! Tôi tưởng lại chẳng những là hàng Thiên Phong trong Đạo mà thôi, nhiều bực cao sang quyền quý cũng chưa tránh khỏi lỗi lầm trong bốn phận, nhưng thấy chẳng là tại mình vạch ra cùng không vạch ra đó thôi. Phương chi, biết lỗi mà ăn năn tự hồi là bực hiền đó. Một vị cao sang quyền quý bây giờ đây, biết đâu buổi trước không phải là một người hạ tiện? Một kẻ bạo tàn bây giờ đó, biết đâu sao nầy không trở nên một người lương thiện? (\*1) Cái cảnh ngộ, cuộc thế thời hay đổi đời tánh nết, biến cải nhơn tâm, nếu lấy việc đã qua của một người mà bình phẩm việc của người ấy đương làm, tôi e chưa chánh đáng vậy.

**VĂN: Tu hành thì áo bã hài gai mới phải, sao mấy vị Thiên Phong ăn mặc chi hàng lụa đủ màu, lại còn mão cao, khăn đẹp, e mất phẩm hạnh người tu đi chăng?**

**ĐÁP:** Đạo là việc trọng, cần phải lập chánh thể, cho có lớn nhỏ để dùi dắt nhau, anh trước em sau cho có điều trật tự, mà hễ có chánh thể, cần phải mặc sắc phục khác nhau cho biệt phân lớn nhỏ. Ba sắc áo đỏ, vàng, xanh đó chỉ về ba phái trong Tam Giáo:

1. **Sắc đỏ** thuộc về phái Ngọc (NHO)
2. **Sắc vàng** thuộc về phái Thái (THÍCH)
3. **Sắc xanh** thuộc về phái Thượng (ĐẠO)

Còn như Tín đồ thảy thảy mặc toàn **sắc trắng**, nghĩa là hễ bước chơn vào đường đạo rồi, nhứt nhứt phải giữ lòng thanh bạch theo màu áo mình đó vậy, rồi mới mong bước lên hàng Chức Sắc. Thiên phục chỉ để dùng trong khi hành lễ mà thôi, cũng như y phục bên các Đạo khác vậy, chớ không phô trương ra ngoài mà cho là lòe loẹt.

**VÂN: Tôi thường thấy có người mới nhập môn chưa chút chi gọi là công quả, mà cũng được họ Thiên Phong, té ra Thiên tước chẳng là rẽ lầm sao?**

**ĐÁP:** Đạo mới mở ra, tự nhiên có điều dễ ấy rồi lần lần đổi dễ ra khó, nếu đợi cho có công quả xứng đáng rồi mới phong Chức Sắc thì buổi ban sơ lấy ai hành đạo? Vả lại mấy bực Thiên Phong đó vẫn có tiền căn, cựu phẩm chi đây, nên mới được Thiên ân dường ấy. Song Chức Sắc Thiên Phong bất quá là Chức Sắc cho mượn trước để hành đạo vậy thôi. Nếu chẳng lo phỗ độ chúng sanh để bồi công, lập quả cho xứng đáng phẩm vị mình, rõ cuộc rồi Thiên tước ấy có vinh diệu chi?

---

(\*1) Nếu như Tào Tháo lúc toan thích khách Đổng Trác mà rủi bị Đổng Trác giết đi, thì đời nay ai không cho Tào Tháo là trung cang nghĩa khí? Còn nếu như Quan Công đầu Tào buỗi nọ rồi mang bệnh thác liền đi, thì đời nay ai lại không cho là phản bạn?



## **CHƯƠNG THỨ III VĂN ĐÁP VỀ VIỆC TU HÀNH**

1. Thời đại này là thời đại kim tiền, mạnh được yếu thua, khôn sống, bóng chết, đương hồi lượn sóng cạnh tranh lùng lẫy, duốc văn minh chói rọi Mỹ Âu. Nước ta là nước thấp hèn, lẽ phải nôn nóng theo người, nếu cả nước cứ để dạ tham thiền, lim dim niệm Phật, tôi e phải phê hết việc đời, rồi có ngày phải tuyệt chủng đi mà chó?
2. Sao Tạo Hóa không sanh nhơn loại cho trọn lành, để sanh chi kẻ hiền, người dữ, rồi phải nhọc công giáo đạo?
3. Anh chắc có luân hồi, quả báo chăng?
4. Tạo Hóa phép tắc vô cùng, nếu Ngài dùng huyền diệu Chí Tôn, tôi tưởng một ngày Đạo lập đã thành rồi?
5. Anh gọi tu là trau giòi đức tánh, cải dữ làm lành. Tôi thuở nay cứ một mực làm lành, không hung ác với ai, chẳng tham lam trộm cướp của ai, hà tất phải cần tu?
6. Tu hành có chắc thành Tiên, Phật chăng?
7. Theo lời anh giải đó, thì tu cũng là một điều tốt, song tu thì phải sớm khuya kinh kệ, Răm Ngươn phải đi chùa, một là mất hết ngày giờ, hai là phê việc làm ăn rồi ra nghèo túng, ai vô mà chịu cho mình?
8. Nếu cả thế gian tu hết rồi thành Tiên Phật hết thì trái đất này phải bỏ không sao?
9. Theo lời anh nói, thì tu hành là thờ Trời, kinh Phật, giữ đạo luân thường, vậy thì đủ rồi, cần gì phải ăn chay? Vậy chó con trâu ăn cỏ cả đời, sao không thành Tiên Phật?
10. Anh đã phân rằng nếu vẹn đạo tu hành, sự thành Tiên, Phật tự nhiên cũng đến, bây giờ anh lại nói phải luyện Đạo, mà luyện Đạo tức là trông mong thành Tiên, Phật. Lời anh giải đó, có khi tương phản nhau chăng?
11. Luyện Đạo là làm sao và làm thế nào luyện thành Tiên, Phật?

12. Đạo lập ra để độ tận chúng sanh, chớ chẳng phải độ riêng được ít người. Anh gọi mầu nhiệm mà không chỉ, thế nào gọi là độ tận chúng sanh?
13. Tôi thường thấy nhiều người vào Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rồi mà vẫn không thông đạo lý chi cả, nếu vô Đạo rồi mà không hiểu chi hết, cứ mỗi ngày cúng mãi, thì có ích chi?
14. Tôi lại từng thấy nhiều người đã vào Đạo rồi mà còn chơi bời theo lối rượu trà hút xách. Thế sao gọi rằng tu?
15. Số người vào Đạo kể đến hằng muôn, như vậy thì biết nhau sao hết phỏng giúp đỡ lẫn nhau?

---

Để tiện việc tham khảo phần trên đây được thêm vào.  
Nguyên bản chính không có.

---

**VĂN: Thời đại này là thời đại kim tiền, mạnh được yếu thua, khôn sống, bóng chết, đương hồi lượn sóng cạnh tranh lùng lẫy, đuốc văn minh chói rọi Mỹ Âu. Nước ta là nước thấp hèn, lẽ phải nôn nóng theo người, nếu cả nước cứ để dạ tham thiền, lim dim niệm Phật, tôi e phải phê hết việc đời, rồi có ngày phải tuyệt chủng đi mà chớ?**

**ĐÁP:** Tôi đã giải trước rằng tu hành đều có thứ lớp, bực hạ thừa cũng làm ăn như thường, duy tâm chí giữ được hiền từ, tánh tình chơn thật, cả nước đặng vậy, trăm họ thái bình, muôn dân liền lạc, đối với nhau được chữ ôn hòa, không ganh hiền ghét ngõ, chẳng mong lường gạt lẫn nhau, buôn bán giữ mục thiệt thà, cư xử một lòng thành tín. Nếu được vậy thì khôn dại có ích chi?

Cạnh tranh là một điều bó buộc trong luật đời, nhờ cạnh tranh mà đường nông thương sanh hoạt, nhà kỹ nghệ mở mang, song phải dụng tinh thần, trí thức và do

theo công lý, đạo đức mà cạnh tranh, dùng vũ lực mà cạnh tranh, tức là hiếp lấn nhau về đường mạnh yếu, đòn mà mắng phải cái nạn cạnh tranh bằng vũ lực ấy thì là đòn dã man, có đâu gọi là văn minh được? Ngày nào cả nhơn loại rõ thông đạo lý, rồi biết thương nhau như con một cha, thì mạnh yếu có ích gì? Rồi ra tránh khỏi cái nạn giết lấn nhau, mà hễ không giết lấn nhau nữa thì lo chi tuyệt chủng?

Nước ta thấp hèn về phần vũ lực và học thức mà thôi, chớ chưa ắt thấp hèn về phần đạo đức. Cái thua kém thì chịu đã đành, còn điều mà ta có thể hơn người, tức là đạo đức, lại sao không lo trau giồi un đúc?

Kẻ tu đến bực thượng thừa là kẻ phế hết tràn duyên lại là phần ít. Kìa như một sở học đường, tuy vân số đến năm ba trăm sĩ tử, mà sau rồi lại được mấy người bước chon vào đường quan lại? Nếu bao nhiêu học sanh đều trúng thí rồi bỏ vào hàng quan lại hết bấy nhiêu thì ai đâu mà lo việc khác? Tuy nhiều thì nhiều thiệt, mà khi bước chon ra khỏi bốn vách học đường rồi, trong hàng sĩ tử cũng có kẻ rủi, người may, kẻ hay, người dở. Cho nên nếu cả nước mà tu thì cũng chưa ắt tu đồng một bực thượng thừa hết. Tu bực nào nhờ theo bực này, tỉ như học lớp nào biết theo lớp này, duy có một điều ích chung là: Nếu cả thảy lo tu thì cả thảy được ít nhiều đạo đức, cũng như cả thảy học sanh lo học thì cả thảy được ít nhiều học thức vậy. Thế thì dầu cho cả nước mà tu thì việc đòn cũng không bỏ phé.

### **VĂN: Sao Tạo Hóa không sanh nhơn loại cho trọn lành, để sanh chi kẻ hiền, người dữ, rồi phải nhọc công giáo đạo?**

**ĐÁP:** Con người tho sanh đều được trọn lành, cái bỗn tánh ấy do nơi điểm linh quang của Tạo Hóa ban cho. Rồi ra có kẻ lành, người dữ là tại nơi biết cùng không biết trau giồi Thánh chất đó thôi. Đáng Tạo Hóa là Cha cả, nhơn loại vẫn con chung, cha nào lại chẳng muôn cho trai lành, gái hạnh. Cha dầu muôn vậy mà con cãi

quá thì mới sao? Vậy mới có lành thường, dữ rắn, luân hồi quả báo. Ấy là luật công bình thiêng liêng của Tạo Hóa. Ngài lại vì đức háo sanh không nỡ để cho sanh linh chịu nhiều hình phạt, mới lập Đạo cho mà nhở. Đạo vẫn là đường để dắt sanh linh thoát khỏi luân hồi, quả báo vậy.

**VĂN: Anh chắc có luân hồi, quả báo chăng?**

**ĐÁP:** Tôi có đủ bằng cớ chứng chắc rằng có luân hồi, quả báo, mà muốn cho anh hiểu rõ, không phải luận vắn tắt mà rành, muốn luận cho rành, cần phải giảng giải đông dài mất hết ngày giờ quý báu của chúng ta. Vậy xin anh hãy xem sách "Tiên Thiên Tiểu Học" nơi trang 21, 22 (\*) và sách "Luân Hồi Quả Báo" thì rõ thông.

---

(\*) Sách "TIÊN THIỀN TIỂU HỌC" bài số 15: Kiếp Luân Hồi.

**VĂN: Tạo Hóa phép tắc vô cùng, nếu Ngài dùng huyền diệu Chí Tôn, tôi tưởng một ngày Đạo lập đã thành rồi?**

**ĐÁP:** Nếu Ngài dùng huyền diệu theo lời anh mới nói đó, kẻ dữ chỉ sợ oai linh của Ngài mà theo Đạo vậy thôi, chứ chẳng chi gọi là tín ngưỡng, mà người không tâm đạo, không tín ngưỡng có đáng cho Ngài độ rồi chẳng? Vả lại, Đạo Trời có lăm điều hư hư, thiệt thiệt, ý Ngài muốn cho mọi người thông thả xét suy, kẻ có lỗi mà biết ăn năn tự hối mới đáng cho Ngài cứu độ.

**VĂN: Anh gọi tu là trau giòi đức tánh, cải dữ làm lành. Tôi thuở nay cứ một mực làm lành, không hung ác với ai, chẳng tham lam trộm cướp của ai, hè tất phải cần tu?**

**ĐÁP:** Tôi đã nói rằng không ai dám gọi mình là trọn lành, Thánh Hiền xưa còn phải xét mình hằng bửa. Ngày nay mình là người hiền đức, biết đâu cảnh ngộ sau này

không biến đổi mình ra người hung bạo? Tu là đem mình buộc vào luật Đạo, có luật bó buộc mới có thể giữ mình trong sạch luôn luôn. Vả lại mấy kẻ thuở nay hay làm lành lánh dữ, tuy vẫn chẳng tu hành, mà tự nhiên đã có Đạo rồi (*Đạo tâm*), có một điều là không hay biết, vì không hay tìm kiếm xét suy. Tôi đã nói rằng: *Hết có Đời tức là có Đạo*. Con người sanh ra thọ của Tạo Hóa một điểm linh quang, tức là *Đạo Trời* vậy. Hình hài lại nhờ thọ tinh cha, huyết mẹ, tức là *Đạo Cha Con*, ở trong đất nước vua là *Đạo Vua Tôi*, nhờ ơn Thầy dạy dỗ, tức là *Đạo Thầy Trò*, vân vân. Biết *Thiên Đạo* mà theo, rõ *Nhơn Đạo* mà giữ là kẻ hoàn toàn. Nhơn Đạo giữ tròn mà xa Thiên Đạo là người khiếm khuyết vậy.

### **VĂN: Tu hành có chắc thành Tiên, Phật chẳng?**

**ĐÁP:** Làm lành để cầu danh, làm phải để được phước, tức là người không chơn chánh. Tu là biết ơn Trời Đất, biết đạo luân thường, cho tròn bốn phận làm người, chớ tu mà trông thành Tiên, thành Phật thì chưa gọi là chơn tu. Song sự thành Tiên Phật đó, nếu vẹn đạo tu hành, dầu không mơ tưởng, tự nhiên cũng đến.

### **VĂN: Theo lời anh giải đó, thì tu cũng là một điều tốt, song tu thì phải sớm khuya kinh kệ, Rầm Ngươn phải đi chùa, một là mất hết ngày giờ, hai là phê việc làm ăn rồi ra nghèo túng, ai vô mà chịu cho mình?**

**ĐÁP:** Cúng kiêng ngoài giờ làm lụng, ít giờ rảnh ché bót chút đỉnh cũng không sao, quý chẳng tại *lòng thành kính* đó thôi, còn việc Rầm Ngươn cúng chùa là tự lòng mình, rảnh thì đi, không rảnh thì thôi, không ai bó buộc, ở nhà cúng mà thành còn hơn đi chùa mà thất kính. Anh lại nói rằng sự cúng kiêng làm cho phê bót việc nhà. Điều ấy rất sai, theo lời tôi mới giải, thì cúng kiêng là cúng kiêng, làm ăn là làm ăn, ngày giờ đâu đó khác nhau, giàu nghèo là do mạng số hoặc ăn cần ở kiệm, hoặc phóng

túng chơi bời, sợ tu mà phải nghèo là không chánh đáng vậy. Duy có kẻ thuở nay hay tham lam, lường gạt người thì mới sợ tu mà nghèo, vì sợ nếu tu, thì không dám tham lam lường gạt nữa, rồi ra mất mối lợi đi.

**VĂN: Nếu cả thế gian tu hết rồi thành Tiên  
Phật hết thì trái đất này phải bỏ không sao?**

**ĐÁP:** Nếu trái đất này phải bỏ không theo cách anh nói đó, thì cũng nên cầu cho nó bỏ không, chứ có sao đâu phòng sơ? Điều khá tiếc là không được như vậy. Kẻ tu hành như lúa, mà lúa trồng hoài ai lại thấy dữ? Kẻ không tu như cỏ, mà cỏ phát hoài ai thấy tuyệt chăng? Anh sợ cho thế gian hết người, thì không khác nào anh sợ cho cả thế gian hết cỏ vậy.

**VĂN: Theo lời anh nói, thì tu hành là thờ  
Trời, Kinh Phật, giữ đạo luân thường, vậy thì  
đủ rồi, cần gì phải ăn chay? Vậy chờ con  
trâu ăn cỏ cá đói, sao không thành Tiên  
Phật?**

**ĐÁP:** Ăn chay là một phần bó buộc trong luật Đạo, giải ra đây thì dông dài lắm, xin anh xem sách "Trai kỵ" thì rõ. Còn nói con trâu ăn cỏ cá đói mà không thành Tiên Phật là tại nó không có linh tánh và không luyện Đạo như người. Tỉ như muốn cất một cái nhà phải cần có vôi ngói, cây, gạch, cát, đá, vân vân. Mà nếu mua mấy vật ấy rồi chất đồng đó, thế nào thành cái nhà cho được? Muốn thành cái nhà, phải cất, muốn thành Tiên Phật, phải luyện Đạo.

**VĂN: Anh đã phân rằng nếu vẹn đạo tu hành,  
sự thành Tiên, Phật tự nhiên cũng đến, bây  
giờ anh lại nói phải luyện Đạo, mà luyện Đạo  
tức là trông mong thành Tiên, Phật. Lời anh  
giải đó, có khi tương phản nhau chăng?**

**ĐÁP:** Có gọi là tương phản? Tôi đã nói rằng nếu vẹn đạo tu hành, dầu không mơ tưởng mà tự nhiên cũng thành Tiên Phật. Cái luyện là một phần bó buộc trong đạo tu hành. Tu phải luyện, không luyện, không trọn đạo tu vậy. Giả sử như anh ăn cơm, anh không vì no mà ăn. Anh ăn là tại đói, cái đói nó buộc phải ăn, mà ăn tự nhiên phải no. Kẻ tu không vì thành Tiên Phật mà luyện, luật Đạo buộc tu phải luyện, mà luyện xong, tự nhiên thành Tiên Phật. Kẻ tu mà không luyện Đạo là giữ không trọn luật tu, cho nên khi thoát xác rồi, linh hồn được chuyển kiếp lại làm người cao sang, phú quý mà hưởng hồng phước trần gian, kẻ nào quả cao, đức dày hơn thì đăng thăng Thần, nhập Thánh mà thôi, chớ không thành đăng Tiên, Phật là hai phẩm vị rất cao, rất trọng để thường người giữ trọn luật tu.

**VĂN: Luyện Đạo là làm sao và làm thế nào luyện thành Tiên, Phật?**

**ĐÁP:** Điều đó tôi không thể trả lời, vì là việc nhiệm mầu trong Đạo, cần phải tu hành mới trông rõ thấu.

**VĂN: Đạo lập ra để độ tận chúng sanh, chớ chẳng phải độ riêng được ít người. Anh gọi mầu nhiệm mà không chỉ, thế nào gọi là độ tận chúng sanh?**

**ĐÁP:** Chánh Phủ mở trường học ra ta có ý trông cho trẻ thơ học đến thành nghè mà lãnh bằng "Tốt nghiệp". Nếu không được vây là tại mình biếng nhác chẳng khứng học hành, Chánh Phủ muốn vậy mà mình không muốn thì phải sao? Đạo mở ra để độ tận chúng sanh cho đến lãnh bằng "Tốt nghiệp Tiên Phật", không được vây là tại mình chẳng khứng tu hành, Trời Phật muốn vậy mà mình không muốn thì phải sao? Anh không chịu khổ hạnh tu hành mà anh biểu chỉ cho anh cái nhiệm mầu trong Đạo thì chẳng khác nào đưa học sanh biếng nhác mà nài xin Chánh Phủ ban cho cái bằng "Tốt nghiệp" vậy.

**VĂN: Tôi thường thấy nhiều người vào Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rồi mà vẫn không thông đạo lý chi cá, nếu vô Đạo rồi mà không hiểu chi hết, cứ mỗi ngày cúng mãi, thì có ích chi?**

**ĐÁP:** Cúng kiêng là dấu kinh thành tỏ ra bề ngoài, còn kẻ mới nhập môn mà chưa thông đạo lý cũng là việc thường tình. Tỉ như trẻ thơ mới học thì thế nào làu thông kinh sử cho được? Muốn hiểu phải học tập lần lần, mà số kẻ vào Đạo đếm đến hằng muôn, không thể dạy riêng từng người cho tiện. Vì lẽ ấy mà Hội Thánh đã định làm sách, dịch kinh cho dễ phổ thông nền Chơn Đạo.

**VĂN: Tôi lại từng thấy nhiều người đã vào Đạo rồi mà còn chơi bời theo lối rượu trà hút xách. Thế sao gọi rằng tu?**

**ĐÁP:** Nhiều người thì chưa ắt, nên nói một ít người làm phải hơn. Dầu đến năm bảy chục người như vậy nữa, cũng chưa gọi là nhiều, vì nếu đem số năm bảy chục mà sánh với số hằng muôn người vào Đạo, thì năm bảy chục có nhiều đâu? Những kẻ rượu trà, hút xách ấy, tuy chưa bỏ dứt, chớ cũng giảm được vài phần. Thà là có giảm rồi có dứt, còn hơn kẻ khác kia, đã không giảm bớt chút nào, lại còn tăng thêm là khác. Tâm chí con người vẫn nhiều bực, kẻ đại chí trong nhứt thời cũng đủ cải ác tung lương, bực thường nhơn cần phải lần lần tự hối.

**VĂN: Số người vào Đạo kể đến hằng muôn, như vậy thì biết nhau sao hết phòng giúp đỡ lẫn nhau?**

**ĐÁP:** Chẳng những hằng muôn mà thôi, Đạo Trời ngày một mở mang, chư Tín đồ ngày một tăng số, rồi đây hằng ức, hằng triệu có dư. Vì vậy mà mỗi nơi đều lập ra họ hàng, trong mỗi Họ lại có người làm đầu để dùi dắt chư Tín đồ về đường Đời và đường Đạo. Các Họ đều do theo một tôn chỉ, một qui củ mà hành động, thế thì

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

nhiều Họ mà cũng như một vậy. Về việc giúp lẫn nhau, chẳng những giúp đỡ người đồng Đạo mà thôi, bất luận người nào, dầu đồng Đạo, dầu khác Đạo, dầu kẻ nghịch thù cũng vậy, nếu ai nguy biến mà mình có phương cứu được thì cũng phải ra tay tế độ, ái nhơn như ái kỷ, ấy mới gọi là biết thương đồng loại.



## **CHƯƠNG THỨ IV VĂN ĐÁP VỀ VIỆC CÚNG KIẾNG PHƯỢNG THỜ**

1. Vào Đạo rồi, mỗi ngày buộc phải cúng Tứ Thờ, buộc chi nhiều vậy, e mất hết ngày giờ đi chăng?
2. Nếu Đạo tâm minh mạnh, thì lo gì xao lâng?
3. Tại sao vẽ con Mắt mà thờ Thượng Đế?
4. Vậy sao không thờ đủ hai con mắt?
5. Sao lại lập vị Thái Bạch, Quan Âm, cùng Quan Thánh chung với Thượng Đế. Tôi e trái đạo quân thần đi chăng? Vì có câu: "Quân Thần bất đồng tịch".
6. Minh có phép thờ vì Tiên Phật nào khác không?
7. Cúng kiêng phải tốn kém nhiều, như nghèo quá thì làm sao?
8. Vậy thì có lòng thành là đủ, cần chi phải cúng kiêng?
9. Tôi lại từng thấy một hai đàn mỗi lần đọc kinh, bày ra đòn địch rộn ràng chi vậy?
10. Giữa Thiên Bàn chong một ngọn đèn luôn luôn cả đêm cả ngày chi vậy?
11. Đốt hai cây đèn phía ngoài là ý gì?
12. Tại sao phải cúng rượu, trà, hoa quả?
13. Mỗi lần cúng đốt chi tới năm cây nhang?
14. Mỗi lần lạy sao không chấp tay như thuở nay vậy, lại bày ra chi cho khác kiểu là tay mặt úp ngoài tay trái, rồi ôm tròn nhau vậy?
15. Tại sao mà trước khi lạy phải chấm dầu lên trán, rồi chấm qua bên tả và bên hữu?
16. Tại sao mà lại phải cúi đầu ba lần, rồi mỗi lần cúi phải gật bốn cái vậy?

---

Để tiện việc tham khảo phần trên đây được thêm vào.  
Nguyên bản chính không có.

**VĂN: Vào Đạo rồi, mỗi ngày buộc phải cúng Tứ Thời, buộc chi nhiều vậy, e mất hết ngày giờ đi chăng?**

**ĐÁP:** Cúng Tứ Thời là cách tập mình chịu cực lần lần vì tu là khổ hạnh trăm bề, mà muốn chịu nỗi khổ hạnh, trước phải tập lần. Vả lại, cúng kiêng có ích cho mình chớ chẳng ích chi cho Thượng Đế. Mỗi ngày có cúng, Đạo tâm mới nở nang, tứ chi vận chuyển, tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng kiêng, chỉ cho khởi Đạo tâm mình một ngày một xao lãng, sự kinh thành của mình một ngày một phui pha mà ra điều thất lễ.

**VĂN: Nếu Đạo tâm mình mạnh, thì lo gì xao lãng?**

**ĐÁP:** Đó là phần ít, sợ là sợ cho kẻ mới nhập môn kìa, chớ kẻ có đạo tâm vững vàng, dầu khổ hạnh bao nhiêu cũng không ngã lòng nản chí, nói chung mà nghe, nếu phải hy sanh về Đạo cũng chẳng chối từ.

**VĂN: Tại sao vẽ con Mắt mà thờ Thượng Đế?**

**ĐÁP:** Thờ "Thiên Nhãn" bởi nhiều cớ:

1. Thờ "Thiên Nhãn" mỗi ngày ra vô đều thấy, bụng tính điều chi sai quấy, dường như có "Thiên Nhãn" ấy ngó chừng mà dặn rắng: "Thầy hằng ở bên con mà để mắt dòm con, con chớ toan điều quấy". Ấy là một chước rất hay để cho mình giới lòng, trau hạnh.
2. Thượng Đế là một khói linh quang vô cùng vô tận bao trùm cả Càn Khôn Thế Giới, nơi đâu cũng có Ngài, mà nhứt là trong tâm ta, mà nhãn lại chủ tâm, cho nên thờ con mắt là thờ Ngài vậy. Ngài vẫn có dạy rắng: "Nhãn thị chủ tâm, Lưỡng quang chủ thể, Quang thị thần, Thần thị Thiên, Thiên giả ngã dã".
3. Từ khi Đạo bế, tu vẫn hữu công mà không đắc quả. Nhiều ông có công luyện Đạo, chỉ biết luyện Tinh hóa Khí mà thôi, còn đem Khí hiệp Thần thì không

làm đặng. Vì Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm, mà Thần thì cư tại nhãnh, cho nên thờ Thiên Nhãnh là đem Thần hiệp cùng Tinh Khí cho đủ Tam Bửu là cơ mầu nhiệm siêu Phàm nhập Thánh.

### **VĂN: Vậy sao không thờ đủ hai con mắt?**

**ĐÁP:** Việc chi cũng do một mà ra rồi cũng trở về Một (*Tout part de l'Unité et retourne à l'Unité*). Số Một là số chánh của Thượng Đế, vì vậy nên phải thờ một con Mắt mà thôi. Ấy cũng là cơ mầu nhiệm trong phép luyện Thần. Anh là người ngoại Đạo, tôi không phép giải hết cho anh rõ, chỉ luận sơ ít tiếng mà thôi. Khi cúng, muốn luyện Thần, mình phải chăm chỉ ngó vào Thiên Nhãnh, con mắt mình đừng cho xao xuyến và nháy nhó, giữ được như vậy ít nữa cho tàn một nhang thì tâm bình, thần định. Nếu thờ hai con Mắt, phần nào ngó con mắt bên hữu, phần nào ngó con mắt bên tả, thì thế nào cho thần định đặng?

### **VĂN: Sao lại lập vị Thái Bạch, Quan Âm, cùng Quan Thánh chung với Thượng Đế. Tôi e trái đạo quân thần đi chăng? Vì có câu: "Quân Thần bất đồng tịch".**

**ĐÁP:** Trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ này, Thái Bạch thay mặt cho Đạo Tiên, Quan Âm thay mặt cho Đạo Thích, Quan Thánh thay mặt cho Đạo Nho mà phổ độ chúng sanh để chuyển Tam Giáo qui nguyên phục nhứt. Nên phải lập vị mà thờ, gọi là *Tam Trần Oai Nghiêm*. Ấy là phép thờ phượng theo Tiểu đàn nơi nhà của mỗi Tín đồ, còn nơi Thánh Thất lớn thì thờ đủ Tam Giáo là: Thích Ca, Lão Tử, Khổng Thánh. Nếu đem câu: "Quân Thần bất đồng tịch" ra đây mà nói thì rất sai lầm. Quân Thần bất đồng tịch là gì? Là không ngồi chung một chiếu kìa. Chớ theo phép thờ phượng thì đâu đó đều có trật tự, oai nghiêm. Lập vị Thượng Đế thân trên, Tam Trần phía dưới, sao cho là đồng tịch?

**VĂN: Mình có phép thờ vì Tiên Phật nào khác không?**

**ĐÁP:** Tam Trấn hay về việc Tam Kỳ Phổ Độ thì buộc mỗi Tín đồ phải lập vị. Ngoài ra muôn thờ thêm vì Tiên Phật nào tự ý, song phải thờ chánh bực Thần, Thánh, Tiên, Phật, chớ chẳng nên thờ phượng Tà Thần, Tinh Quái như là Ông Tướng, Cậu Trạng, Cô Hai, Cô Ba vân vân. Tôi cũng nên giải luôn cho anh biết rằng về việc ông bà đã quá vãng rồi, thì cũng phượng thờ theo tục lệ xưa nay, không điều chi canh cải, song phải nhường chỗ xứng đáng hơn hết mà lập vị Thượng Đế cùng Tam Trấn, ấy là lẽ có nhiên, vì ông bà cũng phải kính thờ Trời Phật.

**VĂN: Cúng kiêng phải tốn kém nhiều, như nghèo quá thì làm sao?**

**ĐÁP:** Tôi đã nói rằng quý không là tại lòng mình, kẻ thành tâm, dẫu một nhánh cây, một chung nước lạnh trong sạch cũng đủ cho Trời, Phật chứng lòng. Kính thành Trời, Phật mà không biết lấy chi tỏ ra bề ngoài, nên mới dùng sự cúng kiêng. Trời, Phật có chứng là chứng tắc lòng thành, chớ không vì lễ mense. Sách có câu: "Thiên Địa chí công, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phước, bất vị thất lễ nhi giáng họa". Tôi lại nhớ Thượng Đế có giáng cơ cho một bài như vầy:

"Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Không cần hạ giải vọng cao ngôi.  
Sang bần trôi mặc, tâm là quý,  
Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi".

Xem đó thì biết sự thành kính là quý nơi lòng chớ không quý nơi cúng kiêng.

**VĂN: Vậy thì có lòng thành là đủ, cần chi phải cúng kiêng?**

**ĐÁP:** Anh thật hỏi dông dài quá, tôi đã nói rằng sự cúng kiêng là dấu kính thành tỏ ra bề ngoài, không thể làm thì

thôi, còn làm được cũng chớ khá bỏ qua. Ví dụ: Kính thành cha mẹ là bè trong, còn cách cư xử đối với người thế nào cho ra dấu thành kính là bè ngoài. Anh kính thờ cha mẹ mà anh không trình thưa, đậm dạ, hỏi ngủ, hào ăn, quạt nồng ấp lạnh, ai có hỏi thì anh nói rằng có lòng thành kính thì đủ. Thế thì đủ chưa?

**VĂN: Tôi lại từng thấy một hai đàn mỗi lần đọc kinh, bày ra đòn địch rộn ràng chi vậy?**

**ĐÁP:** Lễ nhạc là nền nếp nhà Nho từ xưa đến nay, dùng lễ nhạc là duy trì phong tục nước nhà vậy. Vả lại giọng đòn, tiếng quyển dùng để đưa hơi, và nhắc nhịp cho kẻ tụng kinh, như nhà Thiền xưa nay đánh chuông, gõ mõ vậy.

**VĂN: Giữa Thiên Bàn chong một ngọn đèn luôn luôn cả đêm cả ngày chi vậy?**

**ĐÁP:** Đó là "Thái Cực Đèn". Trước khi mở mang Trời Đất, khí âm dương đụng nhau hóa ra một khối lửa gọi là *Thái Cực*, tức là Thượng Đế, đèn Thái Cực chỉ về khối lửa ấy.

**VĂN: Đốt hai cây đèn phía ngoài là ý gì?**

**ĐÁP:** Ấy là Lưỡng Nghi quang.

**VĂN: Tại sao phải cúng rượu, trà, hoa quả?**

**ĐÁP:** Cúng năm sắc trái cây gọi là *Ngũ hành*, tuy vậy chớ cũng có một đôi người vì thiêú kém cũng không đủ năm sắc trái cây, ấy cũng nên châm ché. Bông chỉ về *Tinh*, rượu chỉ về *Khí*, trà chỉ về *Thần*. Tinh, Khí, Thần là *Tam Bửu* của con người vậy.

**VĂN: Mỗi lần cúng đốt chi tới năm cây nhang?**

**ĐÁP:** Đốt nhang để tẩy trước cho không khí. Ba cây đốt trong gọi là án Tam Tài (Thiên, Địa, Nhơn), hai cây cắm

ngoài cho đủ năm cây, gọi là tượng Ngũ Khí. Năm cây hương ấy hiệp lại với Ngũ hương trong mình mình là:

1. *Giải Hương* nghĩa là phủi sạch việc trần thi trong mình mới thơm.
2. *Định Hương* nghĩa là định tâm, định thần được thi trong mình mới thơm.
3. *Trí Huệ Hương* nghĩa là phải phát huệ thi trong mình mới thơm.
4. *Tri Kiến Hương* nghĩa là phải biết mình, thấy mình thi trong mình mới thơm.
5. *Giải Thoát Hương* nghĩa là luyện lặng dương thần xuất nhập thi trong mình mới thơm.

**VĂN: Mỗi lần lạy sao không chấp tay như  
thuở nay vậy, lại bày ra chi cho khác kiều là  
tay mặt úp ngoài tay trái, rồi ôm tròn nhau  
vậy?**

**ĐÁP:** Mỗi việc chi trong sự cúng kiêng phượng thờ đều có nghĩa lý cả, tại mình không kiềm hỏi cho hiểu, rồi cho người bày đặt. Vậy xin giải ra đây cho anh rõ:

Nay Đạo đã hoằng khai thì như bông sen đã nở, rồi sanh ra trái, gọi là kết quả, ấy là hai tay ôm tròn lại như trái cây vậy. Mà kết quả rồi không phép hưởng riêng một mình, phải gieo ra cho chúng sanh chung hưởng, gọi là *Phổ độ*. Vì vậy mà khi cúi lạy phải sờ hai bàn tay ra như gieo hột vậy. Lại nữa: Cách lạy ấy cũng do theo nghĩa lý của cuộc tạo Thiên lập Địa. Tay mặt úp ngoài tay trái gọi là *Âm Dương* tương hiệp (hữu là Âm, tả là Dương), khí Âm ngậm khí Dương mới sanh *Thái Cực* là hai bàn tay ôm tròn lại, đó *Thái Cực* sanh *Lưỡng Nghi* là hai ngón cái, khi lạy hai ngón cái tréo nhau gài chữ thập, gọi *Lưỡng Nghi* phân *Tứ Tượng*, đoạn tám ngón tay kia trải ra gọi là *Bát Quái*. Nhờ thế mà nhiều kẻ sau này được siêu Phàm nhập Thánh gọi là "Biến hóa vô cùng".

**VĂN: Tại sao mà trước khi lạy phải chấm dấu lên trán, rồi chấm qua bên tả và bên hữu?**

**ĐÁP:** Chấm dấu lên trán nghĩa là kính *Phật*, bên tả là kính *Pháp*, bên hữu là kính *Tăng*, gọi là *Tam Qui*.

**VĂN: Tại sao mà lại phải cúi đầu ba lần, rồi mỗi lần cúi phải gật bốn cái vậy?**

**ĐÁP:** Gật ba lần bốn cái là mười hai gật, thế cho mười hai lạy. *Lạy mười hai lạy là lạy Thượng Đế* vì Thượng Đế là Thập Nhị Khai Thiên, chúa cả Càn Khôn, Thế Giải nǎm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay là: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Số mươi hai là số riêng của Thượng Đế.

Tôi hầu đáp với anh cũng đã bonent rồi, đến đây xin dứt, mong rằng anh cứ bình tâm lấy lý mà nghiệm lý thì công trình hầu đáp của tôi chẳng uổng. Chớ như đối với kẻ không do chính lý, cứ cho người quấy mà cũng không hiểu tại sao người quấy, với hạng ấy tôi chịu làm thính.

## CHUNG

---

### LUẬN ĐẠO VĂN ĐÁP

Người soạn: NGUYỄN TRUNG HẬU

Người in: LÂM QUANG BÍNH

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

[thanhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhthatnsw@yahoo.com.au)

---

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

---

**CHÂU THÂN GIẢI**

Tác giả: NGUYỄN TRUNG HẬU

Có trình Hội Thánh kiểm được  
ngày 20 Octobre 1927

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

## **MỤC LỤC**

- Lời Tựa
  - Xác Hồn
  - **CHƯƠNG THỨ NHÚT**
    - Ngũ tạng
    - Ngũ quan - Lục căn - Lục trần
    - Thần kinh
  - **CHƯƠNG THỨ NHÌ**
    - Tinh Khí Thần
    - Phải hiệp Tinh Khí Thần làm một
    - Nguyên nhân và Hóa nhân
    - Vạn loại chuyển kiếp đồ
    - Nhị xác thân
    - Âm Dương Luận
    - Phàm thai
    - Thánh thai
    - Chiêm bao
  - Khuyên lánh xa Tửu, Sắc, Tài, Khí
-

## LỜI TỰA

Trong số mấy mươi muôn Đạo Hữu, tưởng có khi nhiều người cũng rõ thông đạo lý. Song người thì mỗi Đạo buộc ràng, kẻ lại gia đình bận bịu, không rảnh rang soạn sách, dịch kinh, để phổ thông đạo lý cho kẻ mới đầu cơ. Cho hay người biết Đạo thật nhiều, mà kẻ chưa thông chẳng ít.

Mấy vị Giáo Hữu, Giáo Sư không thể nào giảng Đạo riêng cho mỗi người được. Vì vậy mà có cuốn sách nhỏ này, cốt để thay thế cho chư vị ấy mà truyền bá sơ lược chút ít về đạo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sở dĩ để dùi dắt bước đường kẻ mới đưa chân vào nền Đạo. Xin khá biết cho.

Sách này luận về châu thân, mà do theo đạo lý, lại chia ra làm hai chương: Một chương luận về vật chất, một chương giải về tinh thần.

Muốn luyện Đạo, trước phải biết mình mà muốn biết mình thì quyển sách này may ra cũng là một bài học vỡ lòng cho người chưa rõ Đạo. Nhưng không phải như tiểu thuyết mà dễ hiểu, đọc một bài cần phải suy nghĩ một bài, có khi còn phải xem đi xét lại đôi ba phen, nếu đọc sơ qua một bận rồi cho là khó hiểu thì chẳng ích chi, rất uổng công người khổ tâm đặt để.

Cholon, le 25 Novembre 1927

**Bảo Pháp NGUYỄN TRUNG HẬU**



# **CHÂU THÂN GIẢI**

## **XÁC HỒN**

Con người vẫn có hai phần, *phần hồn* và *phần xác*.

### **Phần xác:**

Tuy mắt phàm coi thân hình như một, chớ kỳ trung bỗn thân là một khối chất chứa vàn vàn, muôn muôn sanh vật. Những con sanh vật ấy lại câu kết nhau mà thành khối. Chúng nó nhờ vật thực của ta ăn vào mà lớn lần lần, mà sanh sanh hóa hóa thêm nữa. Vì vậy mà thân thể một đứa hài nhi càng bửa càng lớn lần cho tới tuổi trưởng thành mới thôi (Ấy là giới hạn thước tấc của hình vóc con người).

Con người càng già, thì ngũ tạng lục phủ càng suy, tinh thần hao kém, sự ăn uống một ngày một giảm. Những con sanh vật trong châuhân cũng nhơn đó mà gầy mòn, mà hếch chúng nó gầy mòn, thì thân thể con người tất phải xóp ve, gầy guộc. Có khi những con sanh vật của một phần trong châuhân, vì một duyên cớ chi mà chết đi, thì chỗ ấy phải trở nên tê bại, hay là chai, vì đã mất sự sống rồi.

Khi chết, xác phải tiêu diệt, rục rã ra, chơn linh của mấy con sanh vật ấy lìa khỏi xác mà trở về nơi không khí. Ấy là: Của đất trả về cho đất, của Trời trả lại nơi Trời.

### **Phần hồn:**

Hồn là vật thiêng liêng (\*1) do nơi khôi linh quang của Tạo Hóa ban cho.

Có kẻ cù khôi không chịu tin có phần hồn, cứ nói rằng con người biết nghĩ suy, tính toán là tự nơi cái óc mà ra, mà hếch thác rồi, thì vạn sự giai hưu, một kiếp thác là một kiếp mắt, cái linh hồn và cảnh Thiên đàng Địa ngục là điều vô bằng cớ.

Kẻ ấy chẳng hiểu rằng cái óc chẳng khác nào một cái máy đánh chữ của linh hồn lợi dụng mà tỏ ra những điều tư tưởng, những nét buồn vui, thương ghét vây thôi. Hồn túc thị là người đánh máy ấy. Có máy mà chẳng có người đánh thì làm sao ra chữ được? Có xác thịt (có óc) mà không hồn, thì làm sao biết nghĩ suy tính toán? Kia một cái chuông treo giữa gió: Như gió thổi làm cho chuông vận động mà kêu, thì bất quá là kêu bòn bon inh ôi vây thôi, có đâu ngân giọng u minh, khoan nhặt? Muốn cho tiếng chuông u minh khoan nhặt, cần có tay người động vào mới được. Cái óc con người chẳng khác nào cái chuông ấy. Nếu không có linh hồn là người động chuông, thì đâu lộ ra được nhiều tư tưởng ly kỳ cao thượng.

Con người nhờ có linh hồn mới biết nghĩ suy, tính toán, thương ghét, buồn vui. Vậy hỏi chớ khi chung cuộc rồi (khi thác) cái điểm linh ấy đi đâu? Không lẽ mà mất đi được? Vậy chẳng là uổng công trình của Tạo Hóa nắn đúc cho mình lắm ư? Ấy vậy, cái linh hồn ấy phải sống đời đời kiếp kiếp (\*2) rồi ra mới có Luân Hồi, Quả Báo là lẽ công bình thiên nhiên của Tạo Hóa.

Trong châu thân, hồn xác pha lẫn nhau. Tỉ như muốn làm xi măng ạt mê (ciment armé) phải trộn sạn và cement lộn nhau, đoạn phải trộn nước vào mới đánh thành khối được. Châu thân chẳng khác chi khối xi măng ạt mê đó. Sạn ấy là xương, xi măng là thịt, nước là hồn.

Ví dụ một cái ly không, tuy vẫn mắt thường ta thấy trong không, chớ hẳn thật trong lòng ly chứa đầy không khí. Châu thân ta ví như cái ly: Linh hồn ta như không khí. Ta không thấy không khí trong ly như ta không thấy đặng phần hồn trong châu thân vậy.

Muốn cho nước trong đặng tinh khiết, cái ly cần phải tinh khiết, còn muốn cho linh hồn trong sạch châu thân cần phải trong sạch. Đó là về phần tinh khiết mà thôi. Chớ không cần phải có một châu thân tráng kiệu mới có linh hồn tráng kiệu, vì ta thường thấy nhiều

người hình thù tráng kiện mà trí thức tối tăm, còn kẻ thì hình vóc ốm o mà thông minh trí tuệ. Cái chau thân tráng kiện bất quá là cần ích cho cơ thể mà thôi, chứ chẳng ích chi cho phần hồn. Chau thân tráng kiện tỉ như một cái máy tốt và chắc chắn, máy chắc chắn thì lâu hư, thân thể tráng kiện thì lâu tiêu diệt, mà có tiêu diệt thì tiêu diệt phần xác vậy thôi, chứ phần hồn chẳng hề tiêu diệt.

Phần bỗ dưỡng linh hồn chẳng do nơi vật thực hữu hình. Hồn vẫn không hình chất, nên phải dùng vật thực không hình chất mà bỗ dưỡng. Vật thực không hình chất ấy tức là sự học hỏi và cách tịnh luyện tinh thần trong mây cơn nhàn, khoảng vắng.

Phải hiểu rằng xác thịt tỉ như một cái nhà cho linh hồn ở tạm trong mỗi kiếp ngắn ngắn trên cõi trần này vậy thôi. Xác thịt nhờ khí huyết mẹ cha tạo thành, còn linh hồn thì do nơi Thiên tử (Trời cho). Nếu linh hồn với xác thịt tự một gốc mà ra, thì tánh chất thông minh hay là u ám của con cháu phải do nơi cha mẹ, ông bà, nghĩa là hễ ông bà cha mẹ thông minh thì sanh ra con cháu thông minh, còn u ám thì sanh ra con cháu cũng đồng một thể.

Sự thật lại không phải vậy, vì có nhiều người u ám mà sanh ra con cháu thông minh trí tuệ. Cũng có người thông minh trí tuệ lại sanh ra con cháu ngu ngây, dại dột, thậm chí anh em vẫn một huyết mạch với nhau mà cũng còn có kẻ khôn người dại (\*3). Cái xác thịt do nơi khí huyết cha mẹ tạo thành, thì vẫn do nơi xác thịt cha mẹ, nghĩa là cha mẹ yếu ớt bệnh hoạn sanh con yếu ớt bệnh hoạn (\*4), cha mẹ mạnh khỏe thì sanh con mạnh khỏe.

---

(\*1) Thiêng liêng là không thấy, không nghe, không rờ được.

(\*2) Nhiều Đạo Thần Linh đã dùng đồng tiền và cơ bút chứng chắc rằng linh hồn vẫn có và vẫn sống đời đời kiếp kiếp.

(\*3) Con cái đầu có giống cha mẹ thì giống nơi vật chất mà thôi, vì vật chất do nơi khí huyết lưu truyền.

(\*4) Tuy vậy chớ khi lớn lên, hình vóc con cái cũng có khi biến đổi

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

khác hẳn với hình vóc sơ sanh là vì nhở biết giữ vệ sanh và tập tành thề tháo.

$$\frac{((\underline{( \underline{ ) } )}))}{) - + (})$$

## **CHƯƠNG THỨ NHÚT**

### **NGŨ TẶNG**

Châu thân con người tỉ như một cái xương lớn, phân ra nhiều sỗ làm lụng, tuy phận sự khác nhau, chớ vẫn chung về một mối là tiếp dưỡng châu thân để bảo tồn sự sống. Mấy sỗ làm lụng ấy chia ra làm năm gọi ngũ tặng. Ngũ tặng là: Tâm, Can, Vị (\*1), Phế, Thận.

Người có ngũ tặng như Trời Đất có ngũ hành (\*2). Nếu không có ngũ hành thì không có Càn Khôn, Thế Giải, còn nếu không có ngũ tặng thì cũng không có nhơn loại.

Đắng chủ trương cai quản ngũ tặng là thần hồn của ta. Khi thần hồn lìa xác, ngũ tặng vắng chủ trương phải ngưng, mà hễ ngũ tặng ngưng tức là ta chết vậy.

#### **VỊ (bao tử)**

Trong ngũ tặng, cần nhứt hơn hết là tặng này, vì nó chứa vật thực, rồi làm cho tiêu tán ra huyết để vận chuyển cùng mình mà nuôi lấy châu thân.

#### **TẶNG CAN (lá gan)**

Gần tặng Tì, lại có tặng Can nhỉ ra một thứ nước xanh xanh, vàng vàng mà đắng gọi là mật (đởm) để phụ với tặng Tì làm cho vật thực dễ tiêu hóa, nhứt về vật mỡ dầu.

#### **TẶNG THẬN (trái cật)**

Trước khi huyết vận chuyển khắp châu thân, thì có tặng Thận lọc đi lược lại cho trong sạch, còn cáu cặn thì xuồng bàng quang (bong bóng) mà theo đường tiểu tiện. Tặng Thận có hai trái: trái bên hữu gọi là Thận hỏa, trái bên tả gọi là Thận thủy. Ba tặng: Tì, Can, Thận đều ở nhầm hạ tiêu. (\*3)

#### **TẶNG TÂM (trái tim)**

Khi hai tạng kẽ trên đó làm cho vật thực tiêu hóa ra huyết rồi, tạng tâm lại vận chuyển huyết khắp châú thân. Trái tim tì như một ống bơm vừa xịt ra, vừa hít vào được. Hễ trái tim tóp vô, huyết trong ấy túa ra theo mạch máu mà châú lưu khắp thân thể, rồi trái tim phùng ra huyết lại trở về. Trái tim cứ thoi thóp như vậy mãi đặng vận chuyển huyết vô, ra. Nếu ta đặt tay trên ngực, thì nghe trái tim động, gọi là "đánh trống ngực".

Khi huyết trở lại rồi nhiễm lấy vật do mà hóa bầm, vì đã chạy cùng thân thể, như nước mưa khi ở không trung rót xuống thì trong sạch, mà hứng vô lu rồi lại đục đi, vì bị bụi bặm, côn trùng hoặc giữa không khí, hoặc trên mái nhà nhiễm vào.

### **TẠNG PHẾ (lá phổi)**

Tạng phế có hai lá ở nhầm trung tiêu. Trái tim thì ở giữa, mà cái đuôi lại trich qua bên tả.

Nhờ sự hô hấp (\*4) không khí mới vô ra nơi phổi. Mỗi lần hít vô, không khí vào đến phổi, nhờ lấy khinh khí (oxygène) trong hơi thở ấy huyết bầm mới đặng tươi nhuận lại như trước mà luân chuyển nữa.

Mỗi lần thở ra, hơi thở lại hóa ra trước khí, vì nó đã dùng mà tươi nhuận huyết bầm, tì như nước sạch mà dùng rửa giặt rồi phải dơ vây.

Muốn cho thân thể thường tráng kiện, ít sanh bệnh, ta cần phải biết điều dưỡng ngũ tạng theo cách sau đây:

**VỊ:** - Chớ làm tưởng rằng hễ ăn uống đặng nhiều thì mập mạp và mạnh dạn. Ta thường thấy nhiều người mỗi buổi ăn sấp hai, sấp ba kẻ khác, mà ốm vẫn huờn ốm. Còn có kẻ ăn uống theo mực thường mà lại nở nang phì mỹ. Ấy có phải tại ăn nhiều mà mập đâu. Nên nói ăn nhiều thì bình hoạn, gầy ốm là phải hơn. Vì ăn quá độ, vật thực không tiêu, tạng tì phải mệt, mà mệt tắt phải đau (gọi là phạt tì). Vậy, muốn bồi tì, nên ăn uống có độ lượng, nhứt là nên dùng rau cỏ hơn thịt cá, vì rau cỏ là vật thực nhẹ nhàng, mau tiêu, lại nhờ thô khí nóng

của thái dương (mặt trời) khử độc (\*5) rồi nên ăn vô ít sanh bệnh hoạn.

**CAN:** - Ăn uống quá độ lượng phạt Tì, rồi Can là ăn chịu với Tì hơn hết, phải can thiệp mà sanh bệnh. Rượu là món phạt Can hơn hết, phần nhiều bợm rượu thường đau gan là bởi cớ ấy.

Sự can đởm chí khí của con người do nơi Can mà phát ra (cho nên thường gọi kẻ nầy dạn gan, người kia nhát gan là vậy). Sự sân si hân nộ là do nơi can đởm, chí khí mà phát lên. Cho nên bớt sân si, hân nộ thì điều Can vậy.

**TÂM:** - Ăn uống quá độ lượng cũng hại cho tạng Tâm. Kẽ đau tim hay mệt mỏi, bần thần, ăn rồi bắt buồn ngủ, nặng đầu, làm việc gì, đầu nhẹ nhàng cho mấy cũng mệt thở hào hển. Vì hẽ trái tim bệnh, huyết mạch chạy không đều, huyết mạch không điều hòa thường sanh các chứng bệnh ấy.

Sự lo lường, tư tưởng do nơi tâm trí phát sanh. Nhiều lo tưởng thường lao tâm, tiêu tú. Đoạn tư tưởng là bỗn tâm vậy.

**THẬN:** - Ăn uống quá độ lượng, vật thực không tiêu tán, mà hẽ vật thực không tiêu tán, thì Thận là cái bàn lọc, phải nhọc công gạn lược nhiều lần, rồi phải hao mòn, mà hẽ gạn lọc nhiều lần thì chỉ tồn nhiều cặn cáu, cho nên nước tiểu thường hôi đục.

Tạng Thận cũng là máy làm ra tinh (\*6) (vật ăn uống bảy ngày mới hùn một điểm tinh). Dâm dục nhiều hao tinh, phạt thận, dứt dâm dục là bỗn thận vậy.

**PHẾ:** - Hai lá phổi là vật mềm mại và có lỗ hang như tàng ong vậy. Nếu khí thở không đặng trong sạch (nghĩa là chứa nhiều côn trùng bụi bậm), lỗ phổi phải vì bụi bậm mà bít nghẹt, thêm nỗi côn trùng ấy vào phổi ăn khoét hư đi (vì phổi mềm), biểu sao không bình hoạn, nhứt là không tránh khỏi cái bệnh rất hiềm nghèo là ho lao vậy. Về vật thực chẳng nên ăn vật chi sanh lảm (sống sít, lạnh lẽo) vì mấy vật ấy quen đàm. Hẽ đàm

nhiều thì chặn phổi bít nghẹt mà sanh ra hen, suyễn. Nên ở chỗ cao ráo mát mẻ, nhà cửa cho thiệt khoảng khoát, cho có thanh khí, nên ở nơi vắng vẻ như ruộng, đồng, rẫy bái.

Tạng phế là máy hô hấp không khí (hơi thở). Nói nhiều mệt sức hao hơi, mà mệt sức hao hơi thì phạt phế. Muốn bổ phế, chớ nên nhiều lời lăm tiếng.

Tóm lại, sự thọ yếu của con người do nơi mình mà ra. Cho hay số mạng định trước, mà ta có thể cải đặng. Cho nên có câu "*Nhân định thắng thiên*" là vậy đó. Tỉ như đời người là trăm tuổi, nếu chúng ta biết bảo tồn thân thể, tịnh dưỡng tinh thần, có lẽ ta sống quá tuổi ấy được. Còn nếu ta ăn uống quá độ lượng cho hao mòn ngũ tạng, nhiều lo rộn tính cho tiêu tán tinh thần thì thế nào sống lâu đặng?

Kia như một cái cầu đúc, quan bác vật định cho là bền bỉ trăm năm. Mà nếu xe cộ chở chuyên nặng nề qua lại thường ngày, tự nhiên cầu ấy phải mau hư, mau sụp.

Thân thể ta như một cái máy, sanh mạng như hơi mạnh (force motrice) để làm cho cái máy chạy vậy. Nếu vật dụng (tức là ngũ tạng) trong máy ấy hư, là tại người thợ coi máy (tức là ta) không kỹ càng, chớ hơi mạnh (sanh mạng ta) không can dự vào. Mà hễ máy hư không chạy, thì hơi mạnh phải dứt (tức là ta chết).

---

(\*1) Tì là lá lách mà đến ngày nay, khoa học vẫn chưa xác định công dụng của tạng này ra sao, cho nên trong ngũ tạng, chúng tôi dùng vị (bao tử) thê cho tạng tì.

(\*2) Ngũ hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Sách thuộc gọi: Tâm thuộc hỏa, Can thuộc mộc, Tì thuộc thổ, Phế thuộc kim, Thận thuộc thủy.

Muốn nói trúng hơn thì vật thực tiêu hóa rồi thành ra một thứ nước trắng tráng, đồng chất với huyết rồi hiệp với huyết làm một mà vận chuyển khắp châu thân để nuôi lấy sự sống.

(\*3) Châu thân chia làm ba tầng gọi là tam tiêu. Tầng trên (đầu) gọi là thượng tiêu, tầng giữa (ngực) gọi là trung tiêu, tầng dưới (bung) gọi là hạ tiêu.

(\*4) Hô là thở ra, háp là hít vô.

(\*5) Khử độc là làm cho hết độc, côn trùng trong rau cỏ bị hơi nóng mặt trời chết bét.

(\*6) Xin xem bài giải về Tinh, Khí, Thần.

## **NGŨ QUAN - LỤC CĂN - LỤC TRẦN**

Ngũ tạng trong mình gọi là ngũ nội, còn thân ngoài lại có ngũ quan. Ngũ quan nghĩa là năm chức hay biết về việc ngoại là: *Nhãn, Nhĩ, Tì, Thiệt, Thân.*(\*1)

- **Nhãn** (*mắt*) để thấy.
- **Nhĩ** (*tai*) để nghe.
- **Tì** (*mũi*) để hửi.
- **Thiệt** (*lưỡi*) để nếm mùi.
- **Thân** (*mình*) để rõ biết các vật cứng, mềm, nóng, lạnh.

Nhờ thấy, nghe, hửi, nếm, rò rãm mới biết việc kia, vật nọ, mà hễ biết việc kia, vật nọ rồi mới sanh ý. Ý là gì? Là sự muôn tưởng, nghĩ ngợi do nơi ngũ quan mà sanh. Nếu mắt không thấy, tai không nghe, mũi không hửi, lưỡi không nếm, thân không biết cứng mềm, nóng lạnh, thì con người biết chi mà muôn tưởng, mà nghĩ ngợi?

Kinh Phật gọi *Nhãn, Nhĩ, Tì, Thiệt, Thân*, Ý là **lục căn** (sáu cội rễ trong chau thân). Lục căn lại hiệp với **lục trần** (sáu bợn nhớ) là: *sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp*.

- **SẮC** là màu đẹp đẽ, hình dung tốt tươi.
- **THỊNH** là lời ngon ngọt, giọng thâm trầm.
- **HƯƠNG** là mùi mẽ thơm tho.
- **VỊ** là mùi ngon ngọt (chỉ về vật ẩm thực).
- **XÚC** là sự cảm động.
- **PHÁP** là những sự vật xảy ra.

Mắt thấy sắc xinh vật đẹp bắt ham (Sắc).

Tai nghe tiếng ngọt ngon, giọng thâm trầm phải mến (*Thịnh*).

Mũi hửi mùi thơm phải đẹp (*Hương*).

Lưỡi nếm vật ngon phải thích (*Vị* ).

Thân không tịnh phải cảm động (*Xúc*).

Ý thường hay muồn mà sanh ra sự vật (*Pháp*).

Lục trần là sáu bợn nhơ thường hay rù quyền con người say mê tục thế, quên đường đạo đức, xa mồi luân thường. Nó lại bao phủ lương tâm mà làm cho phải nặng nề, nhơ bợn. Vì lục trần mà con người phải hao mòn thân thể, mờ mệt lương tâm, xa lìa cội rẽ, rồi kiếp luân hồi không phuong thoát khỏi.

Nên chi muồn thoát tục mà tìm nguồn Tiên, cõi Phật, ta phải diệt hết lục trần đi. Mà muồn diệt lục trần, trước phải lo trừ nơi cội rẽ là lục căn vậy.

Phải giữ cho được mắt chay, tai chay, mũi chay, lưỡi chay, thân chay, ý chay (ấy là lục trai đó). Sao gọi là mắt chay, tai chay, mũi chay, lưỡi chay, thân chay, ý chay?

**1.- Mắt chay**, nghĩa là không thèm xem sắc đẹp, dù ai xinh lịch thế nào cũng chẳng qua là thây đi, thịt chạy, xem sắc tốt như tro bụi để làm nhơ danh giá, như gươm đao để đẻo xé thân hình, như thuốc độc hại tán tinh thần.

Ta nên tự nghĩ như vầy: Hòa gian với gái có chồng là phá gia cang người, rồi sau vợ con mình phải trả quả.

Hòa gian với gái góa bụa, là phá tiết người, với gái chưa chồng là phá trinh, làm cho người lỡ làng duyên phận về sau.

Mắt chẳng nên dòm lên trên thấy người cao sang hơn mình mà ganh ghét, chớ nên ngó xuống thấy kẻ thấp hèn hơn mình mà khỉ thị.

Tóm lại, vạn ác dâm vi thủ, nếu giữ được mắt chay, thì diệt được bợn nhơ thứ nhứt là SẮC vậy.

**2.- Tai chay** nghĩa là không thèm nghe đến lời ngon ngọt, giọng thâm trầm, giữ được vây khỏi bị ai rù quyền vào đường tà, nèo vạy, khỏi gây hòn thua, phải quấy (*Vô lỵ do vô sự, vô sự tiểu Thần Tiên*). Ở đời lầm người giả dối, miêng tuy ngọt dịu, mà lòng chứa gươm đao, giọng kèn tiếng quyền của họ có thể làm cho gái

mắt tiết trinh, trai hư danh giá. Vậy nên lời phi, tiếng thị mặc ai, chẳng nên đem vào tai mà bị cám dỗ, chẳng nên lắng nghe rồi đồ đi, nói lại cho ra việc "Ngồi lê đồi mách", ai cười chê nhiếc mắng ta, ta cứ ngờ tai giả điếc, thì khỏi lo cãi cọ tranh đua, họ nói mặc họ, mình không nghe, nói thét mỏi miệng tự nhiên phải nín.

Tóm lại tai có mà như điếc thì diệt được bợn nhớ thứ nhì là THỊNH vậy.

**3.- Mũi chay** nghĩa là mũi giữ đứng cho biết mùi, đi ngang chỗ hôi tanh, chẳng biết hôi tanh mà góm, đứng gần kẻ xạ ướp, hương xông chẳng vì xạ ướp hương xông mà động. Giữ được vậy thì diệt đặng bợn nhớ thứ ba là HƯƠNG vậy.

**4.- Lưỡi chay** nghĩa là lưỡi chẳng cầm ném miếng ngon vật lạ, miếng ăn chỉ no dạ thì thôi. Ham miếng cao lương, mỹ vị chi cho khỏi sát sanh hại vật. Mình ăn ngon miệng mà con sanh vật phải hại mạng, thì ăn sao đành? Tuy là loài vật, chớ cũng thọ hưởng một điểm linh quang như mình. Kiếp này nó là con sanh vật, biết đâu kiếp trước nó chẳng phải là người? Kiếp này mình làm người, biết đâu kiếp trước mình chẳng phải là con sanh vật? Ôi! Luân hồi chuyển kiếp, người vật, vật người, luân chuyển lại qua cũng đồng một thể. Mình ăn thịt loài vật tức là mình ăn thịt lẫn nhau, mà người có lương tâm há nỡ ăn thịt lẫn nhau cho đành đoạn?

Ông Mạnh Tử nói rằng: "*Thầy cầm thú bị đem giết thì Ngài bất nhẫn. Nghe nó kêu la thảm thiết khi bị thọc huyết, Ngài không đành ăn thịt*". Lòng nhân này hiệp với đức háo sanh Tiên Phật đó.

Người có tiền của còn mua chim cá mà phóng sanh thay! Như mình nghèo không phóng sanh thì thôi, nỡ nào lại sát sanh cho đành đoạn?

Lưỡi chay cũng chẳng nên đắm say mùi rượu. Uống rượu vô loạn tâm, mà hễ loạn tâm thì sanh quấy. Người xưa dùng rượu để cúng tế Thánh Thần, dùng rượu làm lễ mà thôi. Chớ Thánh Thần đâu hưởng rượu của người phàm tục?

Người nay lấy nê câu "Vô tửu bất thành lẽ" rồi trong việc quan, hôn, tang, tế, mỗi mỗi thảy dùng rượu, thậm chí đến lúc bi hoan, ly hiệp cũng dùng rượu, buồn gọi dụng tửu binh giải phá thành sầu, vui gọi dụng rượu Tô hứng chí.

Hại thay! Rượu là giống độc, ai cũng đều biết, mà nhiều kẻ lại ưa dùng, ấy cũng là lạ đó.

Có lời tục rằng: "*Lưỡi không xương nhiều điều lắc leo*". Muốn giữ cho lưỡi được trọn chay ta chẳng nên nhiều lời lăm tiếng. Nửa lời nói ra chẳng phải, còn tồn đức bình sanh thay. "*Bán cú phi ngôn tồn bình sanh chí đức*", phương chi uốn ba tắc lưỡi mà việc không nói có, việc có nói không, quấy làm ra phải, phải sửa thành quấy, thì tồn đức biết bao. Lời nói ra phải cho cẩn thận, đáng nói thì nói, không đáng thì thôi, đừng bạ đâu nói đó mà tồn đức hao hơi, lại còn nỗi sự sanh, sanh sự.

Tóm lại nếu giữ lưỡi đặng trọn chay, thì chẳng những diệt tận bợn nhơ thứ tư là Vị mà lại còn giữ đặng tư cách người tu hành đạo đức nữa.

**5.- Thân chay** nghĩa là thân mình không cần trau giòi xinh đẹp, ăn mặc tốt tươi, chẳng cần dùng quần là, áo lụa, chẳng ham nệm gấm, giường ngà. Người tu hành phải ép xác để cầu khổ hạnh (*Xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần*). Áo vải, quần bô, miễn che thân, ấm cật là đủ, đã giữ hạnh kẻ tu hành, lại vẹn câu tiết kiệm, nằm chẳng lừa giường êm nệm ấm, nơi đâu sạch sẽ được yên giấc là xong.

Nếu thân trau giòi, chải chuốt cho đẹp dạ mình, cho vừa mắt chúng, chi cho khỏi sanh lòng cảm động mà ra điều tình tệ.

Giữ được thân tịnh như vậy, thì tâm không xao động, không cảm xúc, tức là diệt được bợn nhơ thứ năm là XÚC vậy.

**6.- Ý chay** là ý chẳng vọng tưởng việc ác, không mơ ước việc cầu cao, không tính lợi cho mình mà hại cho người, chẳng tính điều tham lam, trộm cướp.

Làm ác gặp ác chẳng sai (*Tích ác phùng ác*).

Tính việc cầu cao mà không đủ sức làm, đã không nên việc, lại hao tài, tốn sức, rồi ra người thất chí, mà hễ thất chí thì cả đời không làm chi nên đặng. Chi bằng an phận thủ thường, tố nào theo tố nấy.

Tính lợi cho mình mà hại cho người là mất lẽ công bình. Làm người không giữ luật công bình đâu trọn tư cách làm người đặng?

Tham lam, trộm cướp (\*2) của người không thể hưởng lâu đặng (*Hoạnh tài bất phú*). Không gặp nạn này cũng vương lấy tai kia, khiến hao tài tổn của cho hết tiền phi nghĩa ấy đi. Dầu trốn khỏi luật hình dương pháp, chớ lương tâm cắn rút hằng ngày, thêm nỗi luật Âm Cung rành rọt, đợi buổi chung qui gia hình chẳng vị.

Tóm lại, giữ được ý chay như vậy thì diệt được bợn nhớ thứ sáu là PHÁP vậy.

Lục căn chay rồi, lục trần tự nhiên tiêu diệt. Đó là giặc bè ngoài, còn cõi Tâm là giặc bè trong, phải chay mới được.

**Tâm chay:** - Nghĩa là tâm minh phủi sạch mọi việc trần duyên, không hay, không biết, không lo, không tưởng, muốn việc chi trên phàm tục này không trụ nơi tâm được, phải tan như giá, phải rã như sương, cõi tâm trống như không, trắng như giấy, tâm có mà như không. Ấy là sắc túc thị không. Hễ tâm trần chêt, tâm đạo khởi ra. Ấy là không túc thị sắc.

Giữ được tâm chay như vậy, tức là gần Đạo rồi.

Tu luyện cốt lo cho phần hồn ngày sau được tiêu diêu, tự toại nơi cõi Niết Bàn Cực Lạc, khỏi lao lụ, khỏi khổ phiền, khỏi tiêu diệt. Ta nay còn lộn theo trần tục mà nếu giữ được tâm chay, tức là gặp Niết Bàn tại thế.

Vậy khuyên người đồng đạo rán kiên tâm trì chí sửa tánh, răn lòng, một ngày làm lấy một mảy lành, trau tria một nét hạnh, lần lần nhứt nhu nguyệt nhiễm cũng đặng trọn lành. Nếu thấy khó ngã lòng, sao cho là Đạo?

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Muốn lánh xa trần khổ, trước phải chịu khổ tâm,  
khổ hạnh bây giờ là ngôi Cực lạc về sau vậy.

---

(\*1) Theo sách Tây thì quan thứ năm là da. Đây tôi đề là Thân cũng  
vây vì cả châu thân đều bọc da.

(\*2) Tham lam trộm cướp có nhiều cách:

- Làm quan hè lạm của dân, làm chủ lường công cướp việc, ấy là cách cướp giựt của người thượng phẩm.
- Bán buôn lường thăng tráo đấu, xúi kiện thưaặng hưởng huê hồng, gạt người lấy cửa, ấy là cách cướp giựt của hàng trí thức.
- Lấy xâu ăn đầu, cò gian, bạc lận, làm tớ ăn lời chủ, đào hầm khoét vách, cướp giụt hành hung, ấy là thủ đoạn của phuòng hạ tiện.



## **THẦN KINH**

Thần kinh là đòn lạc chạy theo xương thịt, có dây có sợi mà trắng, bắt từ óc và cốt chỉ trong xương sống tua ra khắp thân hình. Nhờ nó mà chau thân chuyển động và hay biết về việc nhức đau, nóng lạnh, vân vân.

Có ba thứ thần kinh:

1. Thứ làm cho giãn ra.
2. Thứ làm cho co vô (hay thứ này gọi là vận động thần kinh).
3. Thứ làm cho hay biết nóng lạnh, đau nhức. (thứ gân này gọi là tri giác thần kinh).

Ví dụ ta muốn giơ tay ra, linh hồn ta sai khiến loại thần kinh thứ nhứt, đoạn nó giãn ra rồi tay ta mới giơ ra hoặc giơ lên được. Khi ta muốn co tay vô, linh hồn ta sai khiến loại thứ nhì, đoạn nó rút lại rồi tay ta mới co vô được (hai thứ này chẳng khác nào dây trân để làm cho máy chạy vậy).

Khi ta dứt tay, loại thần kinh thứ ba tiếp lấy sự đau đớn rồi chạy cho giác hồn hay biết (xin xem bài giải về Tinh, Khí, Thần). Thứ này chẳng khác nào dây điền để truyền sự đau đớn, nhức nhối, nóng lạnh cho giác hồn vậy.

Ngoài ba thứ này lại có một bộ thần kinh khác không tung lấp linh hồn mà cũng không ăn chịu với giác hồn nữa. Bộ thần kinh này làm cho trái tim thoi thóp, huyết vận chuyển, phổi hô hấp, tì vận động. Ta không thể nào muốn cho trái tim không thoi thóp, huyết mạch không vận chuyển, phổi không hô hấp được v.v., vì linh hồn không phải sai khiến nó được, thậm chí khi ta ngủ, tim, phổi, tì vị, huyết mạch cũng vận động luôn luôn, bộ thần kinh này gọi là giao cảm thần kinh (Grand sympathique). Giao cảm thần kinh lại do theo sanh hồn, sanh hồn còn nó còn hành sự, sanh hồn dứt (tức là thá) nó phải ngưng vậy. Tuy gọi là vô khiển mặc dầu, chớ

nếu ta biết phép luyện sanh hồn (luyện thần) ta cũng có thể điều khiển nó được vậy.

Bên xứ Ả Rập (Arabic), các thầy tu gọi là Pha-kia (fakir) thường luyện đẳng phép mầu ấy, họ muốn làm cho trái tim không động, mạch máu không chạy, hơi thở ngưng lại dễ như chơi vậy. Thậm chí có nhiều thầy cao đệ hay dùng phép trá tử (giả chết) trong đôi ba tháng rồi sống lại như thường.

Tóm lại sự thần thông quảng đại, phép tắc thiêng liêng của Tạo Hóa, ta đã săn trong mình (vì ta là Tiểu Thiên Địa) tại ta không tìm kiếm đó thôi, nếu ta biết phương pháp luyện tự nhiên đoạt máy Càn Khôn.



## **CHƯƠNG THỨ NHÌ**

### **TINH KHÍ THẦN**

Trời có Tam Bửu (ba vật báu) là: *Nhật, Nguyệt, Tinh*. Đất có Tam Bửu là: *Thủy, Hỏa, Phong*. Người có Tam Bửu là: *Tinh, Khí, Thần*. Tinh, Khí, Thần là gì và bởi đâu mà ra?

Khi mở mang Trời Đất, người mà Tạo Hóa sanh ra trước hết gọi là Nguyên nhân (*êtres créés*) (xin xem bài giải riêng), Nguyên nhân này do khôi Linh quang của Tạo Hóa nảy ra (*émanation divine*). Trong khôi Linh quang của Tạo Hóa có ba nguồn gọi là Tam Hồn:

1. Linh hồn (Âme intelligente)
2. Sanh hồn (Âme aérienne ou vitale)
3. Giác hồn (Âme spermatique ou sensitive)

Tuy là ba Nguồn hồn chớ cũng pha lẫn nhau làm một, cho nên một mà ba, ba mà một.

Nguyên nhơn bởi thọ điểm trong khôi Linh quang của Tạo Hóa thì vẫn đủ ba hồn ấy:

- **Linh hồn** tức là bỗn nguyên của nguồn **THẦN**.
- **Sanh hồn** tức là bỗn nguyên của nguồn **KHÍ**.
- **Giác hồn** tức là bỗn nguyên của nguồn **TINH**.

Nhờ Linh hồn mới có tính khôn ngoan, biết nghĩ suy xem xét đủ điều.

Nhờ Sanh hồn mới có sự sống.

Nhờ Giác hồn mới biết đau đớn, nóng lạnh, mệt khỏe v.v.

Khi Nguyên nhân chưa mang lấy xác phàm (\*1) thì Giác hồn chưa biết đau đớn, nóng lạnh, mệt khỏe là vì chưa có phần vật chất.

Lần lần Nguyên nhân lại dùng vật thực huyết nhục mà xác thanh khiết phải hóa ra trọng trước, thêm nỗi dâm tình vọng động mà biết trần lõ. Vật ăn uống đều có

chất sanh, những chất sanh ấy ăn vào cấu kết lại thành khối mà làm xác phàm (formation des cellules), có xác phàm rồi mới biết nóng lạnh, có trán lõi mới biết hổ ngươi, vì vậy mới chầm lá cây để che thân thể, sau lần lần dùng đến da thú vật, v.v.

Nguyên bỗn của Tinh, Khí, Thần là vậy đó. Đây xin giải ra từ ngươn để cho mọi người dễ hiểu hơn:

**1.- Cai quản về phần trí**, trí lại tự óc (não) mà ra, nên thường gọi tiếng chung là trí não. THẦN là vật thiêng liêng (\*2) thường thường ở tại mắt, tuy vậy chớ nội châu thân chỗ nào đến cũng được cả.

**2.- KHÍ** là hơi thở, trong hơi thở đều có chất sanh để bảo tồn sự sống. Con người mới sanh ra, khóc ré lên, châu thân vận chuyển, rồi tiếp lấy thanh khí vào mình. Ở ngoài, thanh khí thuộc về Tiên Thiên (\*3) trong sạch, khí thở vào mình rồi bị nhiễm lấy vật chất xác phàm mà hóa ra Hậu Thiên ô trược (xin xem bài giải về tạng Phé).

**3.- TINH** thuộc về lưu chất (mình nước) sét sét mà trong. Nhờ TINH mà con người mới có sức lực, nối dòng giống và tạo Nhị xác thân. Trong phần TINH cũng có chất sanh, chia ra làm ba, một phần trong sạch hơn hết gọi là tinh ba xông lên thành hơi (TINH hóa KHÍ) hiệp với KHÍ, THẦN mà tạo Nhị xác thân (Périsprit) (xin xem bài giải riêng), một phần xông lên vào theo lỗ xương sống (canal rachidien) đến tận óc để làm khí lực (énergie) cho bộ thần kinh vận chuyển, một phần nữa là phần cặn cáu để nảy sanh dòng giống.

Ở đời, ai ai cũng cần phải làm lụng mới có mà ăn, phải lo lường, tính toán mới ra tiền bạc, phải giao cấu nhau mới sanh con nối hậu. Hễ lao động nhiều phải lao lực (KHÍ), lo lường, tính toán nhiều phải hao THẦN, dâm dục nhiều tốn TINH, thêm nỗi thất tình, lục dục làm cho thân phàm phải mau hao mòn tiêu tụy. Cho nên người càng già càng suy nhược, vì ba báu ấy càng bừa càng hao mòn rồi rốt cuộc phải chết, tỉ như thắp đèn càng thắp càng hao dầu, khi hết dầu đèn phải tắt. Ấy là cuộc

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Dinh Hư Tiêu Trưởng vậy. Muốn sống lâu phải tránh mây điền tồn mạng vừa kể trên đó đi.

Còn muốn siêu Phàm nhập Thánh, ta cần phải luyện TINH, KHÍ, THẦN mới được.

---

(\*1) Khi Nguyên nhân chưa mang xác phàm thì còn thuộc về Thiên Tiên, vật chất ăn vào cấu kết thành xác phàm thuộc Hậu Thiên cho nên sách gọi "Thiên sanh, Địa thành".

(\*2) Thiêng liêng là không thấy, nghe, rờ rẫm được.

(\*3) Tiên Thiên là sanh trước Trời, không hình dạng, trong sạch như không khí, điện quang, v.v. Hậu Thiên là sanh sau Trời, thuộc về vật chất trọng trước.



## **PHẢI HIỆP TINH, KHÍ, THẦN LÀM MỘT**

Tinh, Khí, Thần là bốn mạng của con người. Muốn siêu Phàm nhập Thánh mà trở về với Tạo Hóa thì phải luyện Tinh hóa Khí, rồi luyện Khí hóa Thần cho ba vật báu ấy hiệp lại làm MỘT điểm linh quang, mới có thể hiệp MỘT với khối linh quang của Tạo Hóa mà đắc kiếp.

### **Luyện Tinh Hóa Khí**

Tinh vẫn thuộc về lưu chất, muốn luyện cho thành hơi (khí), ta phải nấu nó ra hơi, như nấu nếp đặt rượu vậy, gọi là Hỏa Hầu (Tôn chỉ quyển sách này chỉ luận sơ lược về châm thân mà thôi), muốn biết cách luyện Tinh, Khí, Thần thế nào xin xem lấy Đơn Kinh, song Đơn Kinh có nhiều chỗ mắc mỏ, có xem thì hiểu chút đỉnh vậy thôi, chớ chỗ cao sâu, huyền bí không thể nào thấu đáo, chỗ huyền bí duy có nhờ Thầy ta chỉ bảo mà thôi. Nhiều ông do nơi Đơn Kinh luyện đạo, bị nhiều chỗ hiểu lầm, luyện đạo không thấy ấn chứng lại còn hại cho tinh thần là khác.

### **Luyện Khí Hóa Thần**

Tuy luyện Tinh hóa Khí rồi, chớ khí ấy còn thuộc về Hậu Thiên, ta còn phải lọc đi lược lại theo phép Vận Châu Thiên cho khí trở nên nhẹ nhàng trong sạch, cho Hậu Thiên Khí đổi lại Tiên Thiên Khí mới có thể hiệp làm một với Thần được, sách gọi là Âm Dương tương hiệp (xin xem bài giải về Âm Dương).

### **Luyện Thần Hườn Hu (\*1)**

Chừng ấy Thần ta đã đầy đủ rồi, song chưa hiện xuất dương thần ra được. Ta cần phải luyện sao cho nó trở nên như khí Hu Vô, mới nhẹ nhàng hơn không khí, rồi mới có thể trở lại Hu Vô chi khí, hiệp làm một với Tạo Hóa gọi là đắc đạo.

Chơn linh của Tạo Hóa do nơi khí Hu Vô sanh ra. Khí Hu Vô là gì? Là khí không không, tự nhiên mà có,

không sanh, không tuyệt, không trước, không sau, xem không thấy, lóng chẳng nghe, rờ không đụng. Mình không thể nào tìm ra cỗi rễ, mà dầu muôn tìm ra cũng không có. Cho hay vật chi cũng có căn bỗn. Chúng ta lấy căn bỗn Càn Khôn Thế Giải là khí Hư Vô thì đủ, nếu hỏi dàn lân hoài như vậy: "Vật chi sanh ra khí Hư Vô, rồi vật chi lại sanh ra vật mà sanh ra khí Hư Vô đó?". Nếu hỏi như vậy thì ngồi mà hỏi cho đến chết cũng chưa dứt câu hỏi được.

Chơn linh của con người cũng do nơi khí Hư Vô, luyện Thần minh trở lại Hư Vô chi khí, thì là trở về căn bỗn đó.

Như chúng ta bền tâm tu luyện cho nhầm cách thức Thầy ta chỉ vẽ, thì chúng ta có thể hiện xuất dương thần trong khi còn tại thế mà vân du thiêng ngoại. Theo luật nặng nhẹ tự nhiên (loi de la Pesanteur), thì vật chi nhẹ hơn không khí đều được bay lên, vật chi nặng hơn phải rơi xuống. Ví dụ: Hút một điếu thuốc, khói thì bay lên vì nhẹ hơn không khí, còn tàn thuốc thì nặng hơn nên phải rớt xuống. Khi hồn ta lìa xác, nếu nhẹ hơn không khí, thì theo Nê Hườn Cung mà bay lên, nếu nó nặng hơn không khí, thì nó phải theo cửu khiếu mà đọa xuống. Có người thác rồi, lỗ tai, con mắt, mũi, miệng đều ra máu, là tại hồn xuất mạnh quá.

---

(\*1) Trước khi tạo Thiên lập Địa là lúc Hỗn độn sơ khai (chaos) nghĩa là lúc sơ khởi khí Vô Cực, thì chưa có Trời Đất, nhơn vật chi hết. Cái không không, mờ mờ đó là Hư Vô, là bốn căn tánh thể ta vậy. Ta do gốc đó mà sanh ra, trở về Hư Vô chi khí gọi là Hườn Hư.



## **NGUYÊN NHÂN VÀ HÓA NHÂN**

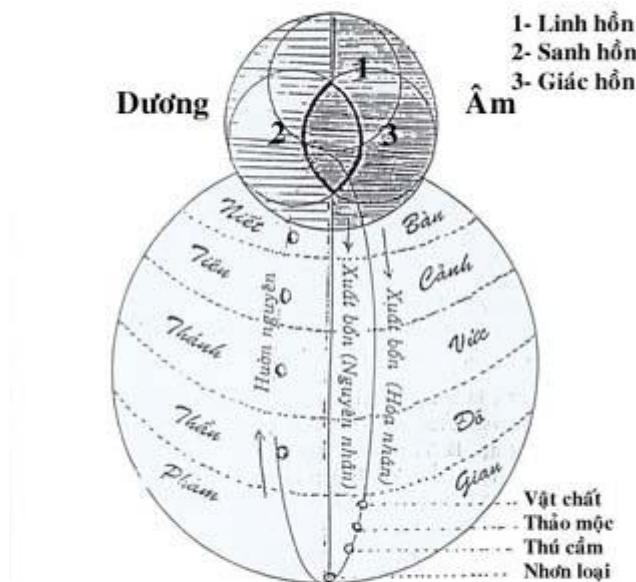
Trong vạn loại, từ vật chất đến con người, thảy thảy có chất sanh (électron) (cái chất sanh ấy do nơi khối Linh quang của Tạo Hóa ban cho). Kiếp luân hồi lại bắt từ vật chất đến thảo mộc, từ thảo mộc lên thú cầm, từ thú cầm đến nhơn loại: Nhơn loại còn phải luân đi chuyển lại muôn vàn kiếp nữa mới đặng hoàn toàn. Ấy là cuộc luân chuyển theo luật tự nhiên của Càn Khôn, Thê Giải (évolution). Người mà do phép luân chuyển ấy sanh ra, nghĩa là bắt từ vật chất phát sanh, gọi là Hóa nhân (êtres évolués). Con người của Tạo Hóa sai xuống lúc ban sơ để lập nên nhơn loại, sau buỗi tạo Thiên lập Địa thì gọi là Nguyên nhân (êtres créés). Nguyên nhân cũng phải chuyển kiếp luân hồi như Hóa nhân vậy. Nguyên nhân thường gọi là kẻ có tiền căn, cựu vị.

Luân hồi chuyển kiếp chẳng khác nào sự hô hấp huyết mạch trong châu thân. Huyết trong trái tim tua ra khắp châu thân, rồi trở lên phổi nhuân sắc lại cho trong sạch đặng trở về tim. Thái Cực chẳng khác nào trái tim, người đắc đạo huyền nguyên hiệp nhứt với Thái Cực (Đẳng Tạo Hóa) thì cũng như huyết nhuận sắc rồi trở về hiệp làm một với trái tim vậy. Cho nên châu thân con người gọi là Tiểu Thiên Địa thì phải lắm. Muốn rõ cách chuyển kiếp thể nào xin xem hình sau đây



## VẬN LOẠI CHUYỂN KIẾP ĐỒ

### THÁI CỰC



## VẬN LOẠI CHUYỂN KIẾP ĐỒ



## **NHỊ XÁC THÂN**

Nhị xác thân là gì? Là thân thứ hai của con người (thân thứ nhứt tức là thân phàm, xác thịt). Có kẻ gọi là tướng tinh. Khoa học Tây có chỗ gọi là Périsprit, có chỗ gọi là Double, hoặc là Corps astral. Nhị xác thân thuộc về lưu động chất (fluide) là vật thiêng liêng, cho nên mắt không thấy đặng, nhưng có khi nó cũng có thể hiện hình ra cho người ta thấy, nên gọi là bán hữu hình. Cái nhị xác thân của người nào thì lấy in theo hình ảnh của người này như rập vậy. Nhị xác thân chánh là xác thiệt của phần hồn. Khi hồn còn ở xác phàm, nhị xác thân cũng ở theo xác phàm, hễ hồn lìa khỏi xác phàm thì nhị xác thân cũng thoát ra theo bao bọc Linh hồn.

Kẻ thác rồi mà hiện ra cho người ta thấy (thường gọi là ma hiện hình) là hiện hình cái nhị xác thân ấy (Métérialisation du Périsprit).

Kẻ tu đắc đạo rồi có thể ngồi một chỗ mà xuất nhị xác thân ra khỏi xác phàm, rồi cũng đi đứng, nói năng như thường, con mắt phàm không thể nào phân biệt nó với xác thịt được.

Nhị xác thân của Thần, Thánh, Tiên, Phật lại huyền diệu vô cùng, trong nháy mắt đạo khắp ba ngàn thế giới, núi non, cây cối, sắt đá chi chi cũng qua được là vì nhị xác thân thuộc lưu động chất, mà lưu động chất của Tiên, Phật lại thuộc về Cao Thiên Khí, cho nên không vật chi cản ngăn được hết.

Trong một cái xác phàm tinh khiết mới có được nhị xác thân tinh khiết. Mà muốn cho xác phàm tinh khiết thì chẳng nên dùng vật thực huyết nhục là vật chất nặng nề, ô trược. Vì vậy nên muốn luyện đạo cần phải trường trai, vì đồ chay thuộc về thảo mộc, nhẹ nhàng tinh khiết.



## **ÂM DƯƠNG LUẬN**

Tôn chỉ sách này là luận về châu thân mà thôi, muốn cho rõ nghĩa hai chữ Âm Dương là chữ tôi thường dùng trong sách, nên xin giải sơ lược ra đây.

Dương là sáng, Âm là tối. Theo Trời Đất thì ngày là Dương, đêm là Âm, cho nên mặt trời gọi là Thái Dương, mặt trăng gọi là Thái Âm. Dương khí là khí nóng, trong sạch nhẹ nhàng, Âm khí là khí lạnh (nguội), ô trược, nặng nề. Thần Tiên thuộc về Dương thần, nhẹ nhàng mà siêu thăng, Tà Ma thuộc về Âm thần, ô trược, nặng nề, phải đọa giáng. Sách gọi là Dương thăng, Âm giáng.

Về nhơn loại thì đòn ông thuộc Dương, đòn bà thuộc Âm.

Phần tinh của đòn ông thuộc về Dương, của đòn bà thuộc Âm.

Về loài vật thì Dương là đực, Âm là cái; Dương là trắng, Âm là mai. Thiên Tiên Âm Dương thuộc khí, Hậu Thiên Âm Dương thuộc chất.

Về Tiên Thiên, thì khí Dương khí Âm đụng nhau mới sanh Thái Cực: Thái Cực lại sanh Trời Đất. Ấy là Âm Dương tương hiệp.

Về Hậu Thiên thì tinh cha (Dương) tinh mẹ (Âm) tương hiệp mới sanh sanh hóa hóa (chỉ về Phàm thai).

Đèn điện ta thắp, cũng nhờ Âm Dương tương hiệp mà sanh ánh sáng, vì có hai dây điện: Một dây nóng thuộc Dương, một dây nguội thuộc Âm.

Theo phép Đạo, luyện Khí (Âm) hiệp Thần (Dương) cũng gọi là Âm Dương tương hiệp (chỉ về Thánh thai). Khi luyện được Âm Dương tương hiệp rồi thì hiện xuất hào quang như đèn điện sanh ánh sáng vậy.

Thánh Hiền xưa cũng do Âm Dương tương hiệp mà đặt ra chữ MINH 明 là sáng. Bên tả (\*1) là chữ NHỰT 日 bên hữu là chữ NGUYỆT 月, hai chữ ráp lại là Âm Dương tương hiệp thành ra chữ 明 là sáng.

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Lạy Phật Trời, hai tay chấp lại cũng gọi là Âm Dương tương hiệp phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hóa hóa.

---

(\*1) Tả thuộc Dương, hữu thuộc Âm, nên thường gọi là Nam tả, Nữ hữu.



## **PHÀM THAI**

Trước khi dựng nên Trời Đất, khí Hư Vô chia ra Âm Dương. Ấy là Đạo Âm Dương tương hiệp mới sanh Thái Cực, Thái Cực lại sanh Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi phân Tứ Tượng. Tứ Tượng sanh Bát Quái. Bát Quái lại biến hóa vô cùng mới có nhân loại. (Xin xem sách TIỀN THIỀN TIỀU HỌC thì rõ hơn). Đó là cuộc dựng nên Trời Đất. Cuộc gầy dựng nhơn loại cũng đồng một thể. Khi vợ chồng giao cấu nhau, phần tinh hai người hiệp lại gọi là Âm Dương tương hiệp. Phần tinh của đòn bà ngâm lấy phần tinh của đòn ông thành ra một khối nhỏ tròn như trứng (\*1) vậy gọi là đậu thai, tức là Thái Cực. Thái Cực lần lần lớn dài, đoạn sanh ra đầu, đầu và mình đó là Lưỡng Nghi, kế mọc ra tứ chi (hai tay, hai chân) gọi là Tứ Tượng. Tứ chi của con trai gọi là Tứ Dương, của con gái gọi là Tứ Âm. Khi lớn lên, đàng trai đàng gái phôi hiệp nhau thì Tứ Dương nằm trên Tứ Âm, thành ra Bát Quái, vì đó mà sanh con đẻ cháu gọi là biến hóa vô cùng.

Ngũ tạng trong thân thể con người phù (hợp?)(\*) với ngũ hành của Trời Đất, cửu khiếu lại ứng đối với cửu tiêu.

Tóm lại, cuộc gầy dựng nhơn loại chẳng khác nào cuộc gầy dựng Trời Đất, cho nên con người gọi là Tiều Thiên Địa.

---

(\*1) Phần tinh đòn ông ở trong, phần tinh đòn bà bao ngoài, cho nên của đòn ông sanh xương, của đòn bà sanh thịt.

(\*) Trong bản chính không có chữ hợp, chúng tôi nghĩ có chữ hợp câu trên mới đầy đủ ý nghĩa hơn.



## **THÁNH THAI**

Luyện Khí (Âm) hiệp Thần (Dương) gọi là Âm Dương tương hiệp, khi ấy là đậu Thánh thai, gọi là Thái Cực (Đạo gia gọi là Linh đơn, Thiền gia kêu là Xá Lợi Tử). Thái Cực sanh Lưỡng Nghi rồi phân Tứ Tượng theo phàm thai vậy.

Tứ chi của xác phàm thuộc về Hậu Thiên gọi là Tứ Âm, tứ chi của Thánh thai thuộc về Tiên Thiên gọi là Tứ Dương. Tứ Âm hiệp với Tứ Dương thành ra Bát Quái. Khi đắc đạo rồi, nhì xác thân huyền diệu vô cùng, thoát xác phàm chứng nào cũng đặng, vân du thiên ngoại dễ như chơi, gọi là biến hóa vô cùng.

Tóm lại Phàm thai, Thánh thai đều do theo luật Thiên Đạo, một gốc mà ra. Langsa có câu: "Tout part de l'Unité", nghĩa là mỗi mỗi đều do Một mà ra. Một ấy tức là Trời vây.

Phàm thai phải đủ mười tháng mới đủ hình, Thánh thai cũng phải mười tháng mới toàn thân mà xuất anh nhi (tức là nhì xác thân). Song anh nhi còn nhỏ, chưa được cứng cát, nên phải gia công luyện thêm ba năm nữa gọi là Tam niên nhũ bộ (ba năm bú mớm). Tam niên nhũ bộ rồi, Dương thần mới được thần thông, khi ấy như muốn ở nán lại phàm gian cứu dân độ thế, hay là thoát xác phi thăng tùy ý.

Muốn chứng quả cao hơn nữa (là bực Kim Tiên đồng vai với Phật), cần phải tìm chốn non cao thanh tịnh, bồi bổ dương thần cho cứng cát thêm nữa. Phải tịnh dưỡng như vậy cho đặng chín năm, gọi là "Cửu niêm diện bích".



## **CHIÊM BAO**

Chiêm bao có hai thứ: Ảo mộng và Thần mộng. Ảo mộng là chiêm bao thấy điều huyền hoặc cho nên thường gọi là mộng mị hay là mộng huyền.

Thần mộng là chiêm bao linh, thấy sao có vậy.

**Ảo mộng** thường bởi nhiều cớ:

1.- Trong giấc ngủ, hoặc ăn uống không tiêu, hoặc nằm cắn mạch máu làm cho máu chạy không đều. Mà hễ máu chạy không đều thì loạn trí (thần): Loạn trí mới thấy bậy bạ, như kẻ điên bị loạn trí thấy bậy bạ mà nói xàm. Cái mó trong giấc ngủ chẳng khác chi cái nói xàm của kẻ điên vậy. Đờn bà đường kinh không điều hòa (hay trồi sụt) ngủ hay chiêm bao là bởi cớ ấy.

2.- Trong giấc ngủ, nếu phách (\*1) chế hồn, não (óc) ta phải vắng chủ trương thì không chỉ kèm chế, nên sự suy nghĩ, lo lường của ta trọn ngày mà đã in vào não đó, thura dịp tuôn ra lộn xộn (như bầy chiên không người giữ tuôn bậy vậy), hồn ta lúc đó bị phách chế, mơ màng nửa biết, nửa không cho nên khi tỉnh giấc rồi, ta nửa quên nửa nhớ.

**Thần mộng** do nơi duyên cớ sau này: Trong giấc ngủ ngũ tạng, lục phủ đều êm tĩnh, như máy để êm không chạy, người coi máy (tức là hồn) được thong thả mới xuất ngoại thân, song xuất không trọn khôi xác (nếu xuất trọn xác thì chết rồi) vì phải còn một phần ở lại (ấy là phần ít), khi ấy hồn mới vân du cảnh ngoại (nếu hồn được tinh khiết, thì có thể lên tận cõi trên), khi thấy vầy, khi thấy khác, có khi gặp hồn khác mà chuyện vân với nhau.

Phần hồn xuất xem thấy bao nhiêu, thì phần hồn ở lại in vào não bấy nhiêu, nên khi ta tỉnh giấc, thì nhớ đủ đầu dây mối nhợ. Ấy là Thần mộng (ít khi có lăm).

Có người thưở nay chưa hề quen biết cái nhà kia mà chiêm bao thấy mình đến đó, nhà cửa thế nào, cách sắp đặt làm sao đều thấy rõ hết. Khi tỉnh giấc, đến đó xem thử, thì chẳng sai một mảy. Ấy là Thần truyền.

Đời xưa có người trong giấc chiêm bao mà kết nghĩa kim bằng với nhau, gọi là nghĩa Thần giao.

---

(\*1) Phách là phần trọng trước của Thần Hồn, thuộc Âm. Khi Hồn lìa khỏi xác (chết), phách phưởng phất theo mây gió, không bao lâu phải tan rã, chất sanh trong phách lộn theo không khí, rồi ta lại hít vào mình. Thê thì trong Trời Đất không vật chi sanh thêm mà cũng không vật chi tuyệt bớt (Rien ne se crée, ni ne se perd). Cuộc tử sanh, cuộc tiêu hóa bất quá là đem đầu nợ đắp đầu kia vậy thôi. Lafin d'une chose est le commencement d'une autre (Cái cuối cùng của vật này là cái khởi dương của vật khác).



## **KHUYÊN LÁNH XA TƯU SẮC TÀI KHÍ**

Kẻ từ thuở mờ mang trời đất,  
Nguồn nhơn sanh tánh chất thật thà.  
Vì chung trần tục đắm sa,  
Một ngày một nhiễm một xa cội nguồn.  
  
Người thì mảng pha tuông biển sắc,  
Kẻ tìm nơi đồ bác chen vào.  
Đã ham rùng thịt rượu ao,  
Lại quen tánh khí bào hao lãy lùng.  
  
Thế mà phải tinh thần suy kém,  
Uồng ngô xưa một điểm linh quang.  
Ăn năn ví chẳng sớm toan,  
Mỗi dây oan nghiệt buộc ràng bên chân.

\*\*\*

Rượu là giống trăm phần ác độc,  
Làm cho người hình vóc héo hon.  
Kẻ ra hại chất bằng non,  
Đốt tiêu phế phủ, soi mòn tâm can.  
  
Khi quá chén tào khang chẳng kể,  
Lúc lỡ say nào nể xóm giềng.  
Mẹ cha thảm, vợ con phiền,  
Nhuốc nhớ danh giá, đảo điên đạo nhà.  
  
Ví biết trọng tề gia chi bửu,  
Đừng lân la quán rượu lầu cao.  
Vui mê bầu ngọc chén đào,  
Đã suy khí lực, lại hao tinh thần.

\*\*\*

Chùa mấy chốn lầu Tần, quán Sở,  
Thói trắng huê dầu lở đắm sa.  
Ăn năn sớm tháo chân ra,  
Khỏi vòng lục dục mới là người khôn.  
Con sóng sắc dập dồn biển ái,  
Mảnh hồng nhan là cái gươm đao.

Xưa nay mấy mặt anh hào,  
Giang san sự nghiệp chôn vào tình si.  
Trai xấu tiếng cũng vì sắc hại,  
Gái mất trinh cũng tại gian dâm.  
Đảo điên đức bốn, thường năm,  
Phong thương tục bại, tội dâm muôn đời.

\*\*\*

Trường đỗ bác là nơi gieo nạn,  
Hại nhiều tai bại sẵn khuynh gia.  
Chung sòng nào kể trẻ già,  
Xô bồ quí tiện cũng là đồng vai.  
Khi vận đỗ hiếm tay niêm nở,  
Thói a dua tiếng bợ lời tung.  
Rủi thua vương lấy nợ nần,  
Người xa gièm siểm, kẻ gần khinh khi.  
Cơ túng ngọt kể chi tội phước,  
Lòng rắp ranh tim chước gian tham.  
Việc chi hễ lợi thì làm,  
Thân danh là trọng cũng đam chôn vùi.

\*\*\*

Biết nhẫn nhịn tính xuôi muôn sự,  
Mặc tình ai làm dữ nấy lo.  
Lửa lòng nóng quá lửa lò,  
Biết khôn dồn xuống khỏi lo tụng đình.  
Giận một lúc mà sinh hại cả,  
Dầu ăn năn cũng đã muộn rồi.  
Chi bằng giả điếc làm đui,  
Thị phi ử hử cho xuôi mọi bè.  
Nôm na một bỗn giác mê.

# CHUNG

---

**CHÂU THÂN GIẢI**

Tác giả: NGUYỄN TRUNG HẬU  
Nhà in HOÀNG HẢI 152 Douaumont SAIGON  
1955

Thánh Thất New South Wales - Australia  
Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002  
[thanhhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhhthatnsw@yahoo.com.au)

---

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

---

**CHỌN LÝ**

Tác giả NGUYỄN TRUNG HẬU

Có trình cho Hội Thánh kiểm duyệt,  
ý theo Luật Đạo ngày 12 October 1928

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

## **MỤC LỤC**

- Lời Tựa
  - I. Đại Đạo
  - II. Đạo thờ Trời
  - III. Tam giáo hiệp nhứt
  - IV. Tu hành
  - V. Đức tin
  - VI. Đức chí thành
  - VII. Lòng bác ái
  - VIII. Thất tình, lục dục
  - IX. Biển khổ
  - X. Đạo Bát Chánh
  - XI. Lương tâm
  - XII. Tam qui, Ngũ giái
-

## LỜI TỰA

Phàm trong việc Đạo, người chưa thông chơn lý, hoặc chưa tìm ra chơn lý, luận biện tất phải sai lầm, thành ra **chơn lý vẫn có một**, song mỗi người mỗi do theo kiến thức mình mà thích giải đạo lý khác nhau, vì vậy mới hay xa chánh gốc (chơn ngươn).

Tỉ như bốn ngọn đèn, cũng thì thắp một thứ dầu, cũng thì chung một ánh sáng, mà giọi ra chõ tò, chõ lờ, chõ xanh, chõ đỏ. Ấy cũng bởi ngọn đèn này chụp bóng trong, ngọn kia bóng đục, ngọn nọ bóng xanh, ngọn nọ lại bóng đỏ.

Lý luận trong quyển sách "**Chơn lý**" này sở dĩ cũng như một bóng đèn trong bốn bóng tỉ thí trên đó vậy. Tò hay lờ, xanh hay đỏ, chỉ nhượng cho cặp mắt tinh đời của quý vị cao nhơn xem lấy.

*Chơn thành ngũ ý góp nên lời,  
Lý luận dầu ai bắt nhặt lời.*

*Lược giải Đạo Trời nương lẽ chánh,  
Biên thành một bốn chút khuyên đời.*

Tháng Tám, năm Mậu Thìn.

**NGUYỄN TRUNG HẬU**



## I. ĐẠI ĐẠO

Vạn vật trong Càn Khôn, Thế Giải đều do một căn bỗn, một nguyên lý mà ra (la Cause primordiale). Cái nguyên lý ấy là khí Hư Vô. Dầu cho Trời Đất cũng không ngoài cái công lệ ấy. Thái Cực là ngôi của Đức Chí Tôn (Đấng Tạo Hóa) mà Thái Cực cũng do khí Vô Cực (khí Hư Vô) mà ra. Khí Vô Cực lại do chỗ động tịnh (manifestation) mà biến thành Thái Cực.

Nguyên hối khí Hồng Mông (le Chaos) chưa phân phán, là lúc sơ khởi khí Vô Cực, ở không gian chỉ mờ mịt mịt. Thoạt nhiên có hai lần nguyên lực không biết gốc ở đâu mà ra, nên gọi là "*Hư Vô chi khí*": một thứ tánh cang gọi là Dương, một thứ tánh nhu gọi là Âm. Hai nguyên lực ấy xung đột lẫn nhau nổ ra một khối lửa lớn gọi là Thái Cực (ấy là ngôi của Đức Chí Tôn). Thái Cực động mà sanh lại khí Dương, động Cực rồi lại tịnh mà sanh khí Âm, tịnh Cực rồi lại động, động Cực rồi lại tịnh, cứ một động, một tịnh như vậy mà phân Lưỡng Nghi, gài Tứ Tượng, lập thành Bát Quái, rồi Bát Quái mới vận chuyển theo mạng linh của Đức Chí Tôn. Lần lần khối lửa Bát Quái nứt văng ra mà thành muôn muôn vàn vàn ngôi tinh đầu, gọi là biến hóa vô cùng. Khi Bát Quái vận chuyển thì không khí thảy đều chuyển động mà xoay quanh theo ngôi Thái Cực, rồi gom thành một khối tròn gọi là quả Càn Khôn (Le Kosmos). Cái sức không khí vận chuyển càng lâu càng yếu bớt, thì lại càng dang ra xa, thì quả Càn Khôn lại càng lớn rộng ra thêm. Lần lần lớp không khí bao ngoài vỏ quả Càn Khôn đông đặc lại mà trở nên dày hơn khối không khí ở trong.

Sau khi phân chất ra mà tác thành Càn Khôn, Thế Giải, khối Thái Cực vì hết phần vật chất mà trở nên nhẹ nhàng hơn không khí, đoạn mới vượt lên khỏi vòng Càn Khôn mà an ngôii nơi chốn tuyệt đối gọi là Niết Bàn hay là Bạch Ngọc Kinh.(\*)

Tuy vân, Đức Chí Tôn chuyển Âm Dương nhị khí mà tác thành Càn Khôn, Thế Giải, song Ngài cũng

không thoát khỏi ra vòng Âm Dương. Âm Dương tức gọi là Đạo (Nhứt Âm, nhứt Dương chi vị Đạo).

Vả chẳng chỗ bỗn nguyên của Âm Dương là khí Hư Vô, cũng gọi là khí Tiên Thiên, nghĩa là có trước Trời Đất (*tiếng Pháp gọi La Substance précosmique, tiếng Phạn gọi là Mulaprakriti*). Cho nên sách gọi Đạo là "Nhứt khí Hư Vô" có trước Trời Đất. Đạo đã là khí Hư Vô, có trước Trời Đất, thì Đạo vẫn tự nhiên mà có (la Cause incrémentée), không tiêu, không diệt, không trước, không sau, xem chẳng thấy, lóng chẳng nghe, rờ chẳng đụng, gọi lớn thì chở che muôn vật, bao hàm cả Trời Đất, đâu đâu cũng có, vô lượng vô biên, gọi nhỏ thì từ trong hột cát, cọng rau, Đạo vẫn cũng dãy dà chan chứa. Đạo tức là cơ mầu nhiệm sanh ra vạn vật, mà vạn loại, nhứt là nhơn loại, cũng nhờ cơ mầu nhiệm ấy mà trở về chỗ bỗn căn, tức là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập thánh vậy.

Kinh Dịch có câu: "*Lập Đạo Trời là Âm Dương, lập Đạo Đất là Cang Nhu, lập Đạo Người là Nhơn Nghĩa*". Đạo Trời là Thiên Đạo, Đạo Đất là Thế Đạo, Đạo Người là Nhơn Đạo. Làm người ở đời cần phải giữ tròn ba Đạo ấy mới đặng hoàn toàn nhơn cách.

\*\*\*

Đạo tuy vô hình, song phải mượn chỗ hữu hình mà thể đạo, vì phải có cái hữu hình mới rõ đặng cái vô hình. Tỉ như một người kia muốn tỏ bày ý kiến tư tưởng mình cho một người khác ở xa, thì phải viết chữ ra trên giấy mà gửi cho người ấy xem. Văn tự vẫn là vật hữu hình dùng để tỏ ra cái ý kiến, tư tưởng vô hình vậy. Cho nên đạo nào cũng phải dùng chỗ hữu hình để bảo tồn trật tự mà truyền đạo đời này qua đời khác. Nhưng sợ lòng người, hoặc thái quá, hoặc bất cập, không giữ đạo chánh đặng lâu dài, nên phải lập ra luật lệ, lễ phép để bó buộc lòng người noi theo đó mà tu, mà giữ đạo cho tròn, ấy gọi là Giáo.

Các Giáo như đạo Phật, đạo Tiên, đạo Thánh, đạo Do Thái, đạo Hồi Hồi vân vân, đều chia cái giáo lý (doctrine) ra làm hai bộ phận: một phần hữu hình minh minh, bạch bạch để dạy bực hạ thừa, một phần vô hình huyền huyền, bí bí để mật truyền cho bực thượng thừa. Vì nhiều kẻ vô đạo không thể nào rõ thấu chỗ huyền bí ấy, nên hễ thấy ai nhiễm thâm mùi đạo mà phê hết việc đòi, thì lại chê là người "mê tín". Nếu những kẻ ấy ra công tim kiếm đạo lý sâu xa mà học hỏi, thìắt hiểu rằng các tôn giáo đều một gốc mà ra, đều tôn trọng một Chơn lý (la Vérité-Une) đều giống nhau ở chỗ vô hình, chỉ khác nhau bởi chỗ hữu hình mà thôi. Cái hữu hình (\*2) ấy sở dĩ khác nhau là vì các tôn giáo phải tùy theo phong hóa và phương sanh hoạt của người nước mình, chứ tựu trung cũng giữ đồng một chữ nghĩa rất cao thượng là làm lành, lánh dữ, hàm dưỡng tinh thần để cầu cho linh hồn siêu việt ra vòng tử sanh luân chuyển.

\*\*\*

Đạo là vô vi, Đời là hữu hình. Vô vi và hữu hình buộc phải hiệp nhau làm một mới đăng. Có Đạo tức có Đời, có Đời tức có Đạo.

Như một cây đèn: luôn về ngọn lửa của nó là vật hữu hình, tỉ là Đời. Còn cái ánh sáng giọi ra là vô vi, tỉ là Đạo. Người ta làm cây đèn chớ ai làm ánh sáng (vô vi), mà hễ thắp đèn thì tự nhiên có ánh sáng.

Như một cái chén: vòng gốm ngoài là vật hữu hình, tỉ là Đời. Còn cái lòng trống ở trong là vô vi, tỉ là Đạo. Người ta làm cái chén chớ không làm cái lòng trống ở giữa (vô vi), mà hễ làm cái chén thì cái lòng trống ở giữa tự nhiên phải có.

Như một cái cửa: Luôn vừa khuôn vừa cánh cửa là vật hữu hình, tỉ là Đời. Còn cái khoảng trống để vô ra là vô vi, tỉ là Đạo.

Người ta làm cái cửa chớ không làm cái khoảng trống ấy (vô vi), mà hễ làm cái cửa, thì cái khoảng trống ấy tự nhiên phải có.

Như một cái bánh xe: luôn về vành tròn và cái hoa cùi là vật hữu hình, tỉ là Đời. Còn cái lỗ để tra cốt vào cho bánh xe quay là vô vi, tỉ là Đạo. Người ta làm cái bánh xe chớ không làm cái lỗ cốt (vô vi), mà hễ làm cái bánh xe, thì cái lỗ cốt ấy tự nhiên phải có.

Cây đèn, cái chén, bánh xe, cái cửa là vật hữu vi. Người ta sở dĩ chế tạo mấy vật ấy là để lợi dụng cái chỗ vô vi của nó mà thôi. Ấy vậy Đạo quý trọng cho Đời là đường nào? Người không Đạo chẳng khác nào có đèn mà không biết thấp cho ra ánh sáng, có chén mà không biết chỗ đựng nước, có cửa mà không cửa khoảng trống thì làm sao mà ra vô được, có bánh xe mà không cửa lỗ cốt thì làm sao bánh xe quay được?

\*\*\*

Đã biết rằng Đạo nào cũng tôn trọng ông Tổ Giáo mình trên hết, nhưng há nên vì đó mà xem thường mấy vị Giáo chủ Đạo khác hay sao? Vả chăng các vị Giáo chủ, bất câu là của Đạo nào thảy đều lãnh một thiên chức giáo hóa nhơn sanh từ đời tối cổ đến bây giờ, song những giáo lý của các Ngài thuyết minh ra cần phải tùy thời mà truyền bá. Gặp đời ly loạn, cần phải dạy dân cho biết đạo nhơn hòa, gặp buổi nghịch luân, phải dạy cho biết cang tam, thường ngũ. Đến nay là đời khoa học, lại cần phải do theo lối khoa học thiêt nghiêm mà thuyết minh đạo lý. Cho hay các lý thuyết, dẫu rằng có chỗ xung đột khắc lẫn nhau, song cả thảy cũng đều giúp đời để tìm một **Chơn lý**. Vì một **Chơn lý** nên các Tôn giáo đều công nhận và tôn sùng có một đẳng cao nghiêm tuyệt đối, toàn tri, toàn năng, cầm quyền thiêng liêng tạo hóa ra muôn loại.

Vả lại, ngày nay chúng ta được thông hiểu ít nhiều đạo lý, thì chúng ta phải biết ơn và tôn trọng các Đẳng

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Giáo chủ cùng các bậc Cao sư đời trước, vô luận là ở về đạo nào, vì các đấng tiền bối ấy đã ra công phát gai vạch lối cho chúng ta thấy đường ngay nèo sáng mà đi. Các tôn giáo sau này sẽ dung hòa đặng là nhờ hai lẽ vừa kể trên đây vậy.

Muốn rõ hai lẽ ấy đích xác hơn, xin xem qua hai bài luận tiếp: Một bài luận về "Đạo thờ Trời", một bài luận về "Tam Giáo hiệp nhứt".

---

(\*1) Sách có câu: "*Khí chi khinh thanh, thương phù giả vi Thiên, khí chi trọng trược, hạ ngưng giả chi Địa*". Nghĩa là: "*Khí thanh nhẹ nhàng bay lên làm cõi Trời, khí trược nặng nề đặc lại làm cõi Đất*". Khí trọng trược tức là phần vật chất (matière) của khói Thái Cực đặc lại mà biến thành 72 địa cầu, 3000 thế giới và muôn vàn ngôi tinh đầu trong Càn Khôn. Nghĩa lý chữ đất là vậy đó, chớ không phải chỉ riêng có một quả đất cỏn con của chúng ta ở mà thôi đâu, như nhiều người hiểu lầm.

Khí khinh thanh là phần tinh ba (essence) của khói Thái Cực vượt lên khỏi vòng Càn Khôn mà lập ra cõi Trời, gọi là: "Thượng phù giả vi Thiên".

(\*2) Cách thức thờ phượng và lễ nghi tế tự.



## **II. ĐẠO THỜ TRỜI**

Thứ hỏi: "Ai sanh ra ta đây?". Rồi hỏi luôn: "Ai sanh ra Đấng mà đã sanh ra ta?". Cứ truy nguyên như vậy cho đến ông ngươn tổ của loài người, tức là Đấng tạo hóa ra muôn loại. Đấng Tạo Hóa ấy phải vô thi, vô chung, toàn tri, toàn năng, biến hóa vô cùng mới sanh ra đặng muôn loại, làm cha chung của chúng sanh. Người Annam ta gọi là Ông Trời, người Tàu gọi là Thượng Đế, người Pháp gọi là Dieu. Người Ấn Độ gọi là Brahma, người Hébreux gọi là Jéhovah, v.v... Tuy mỗi nước xưng tụng danh hiệu Đức Chí Tôn theo tiếng nước mình, chớ tựu trung cái tư tưởng cũng chỉ về có một Đấng Chúa Tể mà thôi. Đã rằng Đấng Tạo Hóa sanh ra muôn loại, thì con người ai lại chẳng tôn trọng cái hồng ân vô cực ấy? Đã rằng Đấng Tạo Hóa là bực toàn tri, toàn năng, biến hóa vô cùng, thì con người ai mà chẳng khùng khiếp cái hồng oai vô thượng ấy? Có tôn trọng cái hồng ân của Ngài, có khùng khiếp cái hồng oai của Ngài, lòng người mới phát hiện ra cái quan niệm sùng bái thờ phượng Ngài vậy.

Toàn cả thế gian, tự cổ chí kim, từ dân tộc dã man dĩ chí dân tộc văn minh, nhơn loại bao giờ cũng chú trọng về Đạo thờ Trời, nhưng cách thức thờ phượng cùng lễ nghi tế tự, sở dĩ khác nhau là vì nước nào do theo phong tục nước nấy. Bên Âu Mỹ, ai cũng được thong thả thờ Trời, chớ không phải như nước Tàu và nước Nam ta khi xưa, chỉ có nhà vua mới đặng đứng ra tế Trời (Tế Giao) mà thôi, vì ý tưởng rằng chính mình bực Thiên tử mới xứng đáng thay mặt cho cả thần dân mà dựng lễ tế ấy, cho rằng thần dân là bực thấp hèn không phép đường đột ra mà tế Trời, e khi có thất lễ đi chăng, cho nên nhơn dân dẫu rằng có lòng tôn trọng sùng bái đến đâu đi nữa, cũng không thể tỏ ra bè ngoài, mỗi năm chỉ đợi đến ngày mồng tám tháng Giêng, đặt ra trước nhà một bàn vọng Thiên gọi là hả hơi chút ít. Cái quan niệm thờ Trời đã sai lầm như thế làm cho đạo tâm con người một ngày một mòn mỏi. Ai ai cũng biết rằng

Đức Thượng Đế là Chúa Tể cả Càn Khôn Thế Giới, khi ốm đau tai nạn thường hay cầu khẩn nơi Ngài, nhưng đối với Ngài người Nam ta chỉ có cái chủ nghĩa "Kính trọng mà không thờ phượng". Ngặt vì tánh tình người mình vẫn chú trọng về lối tôn sùng, mà bởi không phép thờ Trời, nên mới sanh ra cái chủ nghĩa "Đa Thần", rồi tha hồ ai muốn tôn trọng vì Thần Thánh nào tùy ý. Trong việc tế lễ đã chẳng có pháp mục qui điều gì cả, mà lòng mê tín cho đến đổi thờ phượng Tà thần Tình quái. Nhơn đó mà sản xuất ra nào là Tả đạo Bàng môn, dị đoan, tà thuyết.

Cuối kỳ Hạ ngươn này, Đạo Trời rộng mở ra tại Nam phuong cho mọi người có lòng tin ngưỡng đều được thong thả phượng thờ Đức Thượng Đế nơi nhà, thế thì lòng ngưỡng vọng của chúng ta đổi với Đạo Trời từ đây mới mẫn nguyễn, rồi sự mê tín xưa nay của phần nhiều trong bực hạ lưu nước ta sẽ bắt đầu lần lần tiêu diệt.

Thoảng như có người sẽ hỏi: "*Tạo Hóa là Đáng toàn tri, toàn năng, hóa sanh muôn loại, bông hoa, cây trái, vật nào lại không phải của Ngài tạo ra, như vậy cần chi mình phải dùng những vật của Ngài tạo ra mà cung dâng lại cho Ngài?*".

Xin đáp: "Đáng Tạo Hóa sanh ra ta lại ban cho ta một điểm linh hồn thông sáng, nhờ đó mà ta đứng vào địa vị tối linh hơn muôn loại. Vậy ta phải biết ơn Đáng Tạo Hóa. Cũng bởi muốn tỏ dấu biết ơn ấy, ta mới thờ phượng Ngài, mà đặt ra hễ thờ phượng thì phải dụng hương đăng trà quả theo lẽ nghi tế tự nước nhà vây thôi, chứ Ngài đâu phải dùng đến".

Hoặc giả kẻ ấy gạn hỏi nữa như vầy: "*Tôi tưởng lại Ngài là bực tối cao, tối trọng, đại từ, đại bi, cần chi cho chúng ta biết ơn? Mà đâu cho chúng ta không biết ơn đi nữa, lòng đại từ đại bi của Ngài cũng không bao giờ chấp nhứt*".

Xin đáp: "Phải, Đáng Tạo Hóa là bực tối cao, tối trọng cần chi cho ta biết ơn, lại lòng đại từ, đại bi của

Ngài vẫn không hề chấp nhứt kẻ không biết ơn Ngài, thậm chí Ngài cũng không chấp đến kẻ không tin có Ngài nữa. Song bỗn phận chúng ta đặt ra hễ có mang ơn thì phải biết ơn mới là phải đạo. Cúng kiêng thờ phượng Ngài, mến yêu tin tưởng Ngài, ấy là tỏ dấu biết ơn Ngài trong muôn một. Ví dụ như kẻ kia có thọ ơn nặng của một người giàu sang, quyền quái. Kẻ ấy lại nói rằng: "*Người ơn của tôi tiền của có, quyền tước có, tuy tôi thọ ơn nặng của người, chớ không cần chí tôi phải trả ơn, vì người có cần chí đến tôi đâu?*". Lời luận lảm nhảm như vậy, tưởng không cần thất công cãi lẽ.

Hoặc giả kẻ ấy lại còn hỏi thêm rằng: "*Dầu mình biết ơn Đấng Tạo Hóa, tưởng lại một tấm lòng kinh thành tin tưởng là đủ, vì Ngài là Đấng tối linh, tâm mình vừa động, Ngài đã hiểu biết rồi, vị tất phải bày ra lẽ nghi tế tự là cuộc phô trương bề ngoài?*".

Xin đáp: "Ở nhảm thời đợi ôn ào náo nhiệt này, nhiều việc làm cho đạo tâm ta mau xao lâng: nào là nỗi sờm lo, chiêu liệu trong đườong sinh kế, nào là cuộc bi thương hoạn lạc, mỗi mỗi làm cho ta xa lìa mối đạo. Cho nên cần phải có phương chi để nhắc nhở và bó buộc lòng ta cho khỏi thất đạo (\*1). Cái phương pháp ấy, tức là việc cúng kiêng, phượng thờ Đấng Tạo Hóa vây. Vả lại, việc cúng thờ cần phải hiệp đồng người và phô trương ra một cách chí thành, chí kinh, có pháp mục oai nghiêm mới ra vẻ tôn giáo. Ấy chẳng những là một phương pháp nhắc nhở lòng ta đừng lâng xao đườong đạo và nuôi nấng đức tin cho những người cùng chung một mối tu tưởng, mà lại cũng là một cách khôi phục lòng người ngoại cuộc. Kìa một Thánh Thất đương khi hành lễ, cả bốn đạo đồng quy lại trước Thiên bàn, miệng đương thành kinh niệm kinh, tinh thần đương lúc nương theo mùi hương ngào ngạt mà bay thấu Linh Tiêu. Đôi với tấm lòng chí thành, chí kinh của nhiều người hiệp lại, dầu cho ai là kẻ trước muôn chê bai phỉ báng, mà đã vào nơi một cái hoàn cảnh oai nghiêm êm tịnh như vậy rồi, tưởng lại tấm lòng khi ngạo cũng phải xiêu xiêu giảm xuống".

Ngày nào cái quan niệm thờ Trời khắp cả hoàn cầu đều được đồng nhứt thể, nghĩa là ngày nào cả thiên hạ hiểu rằng tuy tiếng đặt ra để xưng tụng Đấng Tạo Hóa mỗi nước mỗi khác, chớ kỳ trung cũng chú ý thờ phượng Đấng Chúa Tể cả Càn Khôn, Thế Giải, thì ngày ấy cái chủ nghĩa tín giáo sẽ được thống nhứt (unité des croyances) rồi các sắc nhơn dân, hễ nuôi nồng một lòng tin ngưỡng, thì mới biết hòa hiệp nhau, tương thân, tương ái, chung một Tỉ Tỗ tức là chung một Cha, nước này nhơn đó mà liên hiệp với nước kia, người xứ kia nhơn đó mà đoàn thể với người xứ nọ, làm cho năm châu chung chợ, bốn biển một nhà, hết phân biệt màu da sắc tóc, bỏ nghi ky lẫn nhau, thôi xâu xé lẫn nhau, rồi đời mới được thái bình, trăm họ mới được núp mát dưới bóng cờ bác ái.

Chúng ta nên hăng bùa thấp hương cầu nguyện cho mau đến ngày hạnh phước ấy, cho cái chủ nghĩa "Tín giáo thống nhứt" đặng mau kết quả. Mà muốn cho cái chủ nghĩa cao thượng ấy kết quả đặng, duy có **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** là cơ quan vận động. Lẽ ấy cũng do Thiên ý, chớ chúng ta là kẻ phàm phu tục tử khó mong vọng cầu đến việc lớn lao tài định như vậy. Tiên Nho có câu: "*Nhứt ảm nhứt trác sự giai tiền định*". Một việc ăn, một việc uống là việc rất nhỏ mọn mà còn có định trước thay, hà huống Đạo Trời mới phổ thông vừa đặng bốn năm mà số người tín ngưỡng kể đến hằng triệu. Xét đó thì biết rằng nếu không phải Thiên ý thì nhơn lực không bao giờ làm đặng.

Vốn từ trước Thánh giáo bị vào tay phàm mà hóa ra phàm giáo, người trong mỗi đạo chỉ biết tôn trọng vị Giáo chủ của mình mà thôi, vì vậy mà đạo này nghịch lẩn đạo kia, nhơn đó mà gây ra lắm cuộc công kích xung đột lẩn nhau về đường tôn giáo.

Ngày nay **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** ra đời là để giải cái nạn tôn giáo ấy. Tôn chỉ cốt để lo truyền bá cho dân gian biết rằng các tôn giáo đều một gốc mà ra, đều phải tôn sùng chung có một vị Chúa Tể. Ngài là Đấng cầm quyền qui các Đạo gom về một mối, để dùi dắt cả

sanh linh thoát đọa tam đồ, khỏi vòng luân hồi quả báo mà trở về nguyên bỗn, không một ai dưới thế này được gọi mình là Giáo chủ. Hội Thánh (le Sacerdoce) lập ra là sở dĩ buộc cho có chánh thể tôn ti để giữ gìn trật tự mà phồ thông mối Đạo. Hội Thánh không phải toàn là người Nam Việt, chẳng luận người nước nào, ai nhiều đạo đức, quyết chí tu hành đều được gầm ghé vào hàng Chức Sắc (\*2). Tưởng chắc trong vài năm sau đây, trong Hội Thánh sẽ hòa hiệp dân lành các nước rồi xúm nhau chung lo nền đạo, phồ thông chủ nghĩa "Bác ái" khắp cả toàn cầu.

Nhơn loại biết thương lẫn nhau, biết nhìn nhau là con một cha, ngoài ra cái chủ nghĩa tối cao tối thượng của **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, vị tất còn biết trông cậy vào đâu cho đặng?

*Đạo Trời mừng gặp mở lần ba,  
Có Đạo như con ở một nhà.  
Trăm họ cùng chung lòng tín ngưỡng,  
Ngậm com vỗ bụng hưởng an hòa.*

---

(\*1) Đối với người đạo tâm mạnh mẽ, thì không cần phải nhắc nhở, song đó là phần ít.

(\*2) Hiện nay trong hàng Chức Sắc đã có người ngoại quốc rồi: Langsa, Trung Huê, Cao Man.



### **III. TAM GIÁO HIỆP NHỨT**

Khắp hoàn cầu, không nước nào là không có một nền tôn giáo, mà tôn giáo nào cũng trải qua một cái lịch sử vẻ vang, trong đấy lại tương truyền lắm chuyện huyền bí, phép tắc lạ thường. Song những việc mầu nhiệm ấy, một phần là có thiệt, phần nhiều tự tay người trong đạo vẽ viên ra, chủ ý là để nâng cao giá trị đạo mình.

Lược luận về Tam Giáo phát tích ở Trung Nguyên (nước Tàu) tác giả sở dĩ do theo chơn lý mà giải bày ý tưởng, về việc sâu xa huyền bí, xin để riêng ra.

\*\*\*

Nước Tàu vẫn có ba mói Đạo lớn là: Lão Giáo, Thích Giáo, Khổng Giáo gọi là **Tam Giáo**. (\*1)

Lão Giáo là Đạo của Đức Lão Tử truyền ra. Ngài sanh nhầm đời nhà Châu, lối 604 năm (\*2) trước Chúa Giê-giu giáng thế.

Khổng Giáo là Đạo Nho của Đức Khổng Tử lập thành. Ngài cũng sanh nhầm đời nhà Châu, lối 551 năm (3\*) trước Chúa Giê-giu giáng thế.

Cũng trong đời nhà Châu, Đức Thích Ca (Thích Già) lại giáng sanh bên Ấn Độ lối 560 năm trước Chúa Giê-giu giáng thế. Ngài lập thành Đạo Phật. Sau lần lần Đạo Phật truyền sang Trung Quốc mà đặng thanh hành là kể từ khi ông Trần Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh Tam Tạng đem về nước mình (629 năm sau Chúa Giê-giu giáng thế).

Sách truyền rằng có một lần Đức Khổng Tử yết kiến Đức Lão Tử, khi trở về nói với chư môn đệ rằng: "Chim thì bay, cá thì lội, thú thì chạy. Mà chim bay có thể bắn, cá lội có thể câu, thú chạy có thể giăng lưới, duy có con rồng biến hóa theo mây gió thì ta không biết làm sao mà bắt đặng. Lão Tử tức là con rồng vậy".

Đó đủ chứng rằng Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử xưa kia chẳng hề nghịch lẩn nhau, mà Khổng Tử lại còn khen phục Lão Tử nữa. Sau ra Khổng Giáo và Lão Giáo có chỗ xung đột lẩn nhau là chỉ tại nơi môn đồ hai bên vì câu "Các thị kỳ đạo" (\*4) mà ra nồng nỗi.

Đức Khổng Tử dạy về Nhơn Đạo, lấy nhơn luân xã hội làm gốc. Tôn chỉ Đạo Khổng là lo chung cho xã hội vậy.

Đức Lão Tử thì dạy về Tiên Đạo, chuyên chú về phương pháp hư vô huyền bí, để cầu cho linh hồn đặng thảnh thoι an tịnh. Tôn chỉ Đạo Lão là lo phần hồn cho cá nhân vây. Đạo Lão vẫn là cao thâm huyền bí, nên ít người hiểu thấu. Vả lại, trong kinh sách Đạo Lão, nhứt là trong "*Đạo Đức Kinh*" lý luận đều là lời nói bóng dáng, chỗ giấu chỗ bày, làm cho nhiều người chẳng những học saí hiểu lầm, mà lại còn canh cài vẽ vien ra nhiều thế, thành ra một mối đạo rất cao thượng ẩn vi phái hóa ra một lối dí đoán thậm là hoang đàng vô lối.

Nay thử đem Khổng Giáo và Lão Giáo dung hòa lại để bỗ khuyết cho nhau, thì hạp lẽ lắm. Ta nên vừa lo Nhơn Đạo (Đạo Khổng) vừa lo Tiên Đạo (Đạo Lão) một lượt. Vả Đạo Khổng cần phải *động*, còn Đạo Lão là Đạo cần phải *tịnh*. Phàm con người ở đời, hễ có *động*, tất phải có *tịnh*, ấy là luật quân bình (loi du rythme). Như ban ngày hoạt động lao thần mệt xác, ban đêm cần phải nghỉ ngơi để tịnh dưỡng tinh thần cùng bồi bổ sức lực lại mới đặng. Khi phải bôn xu theo đường sinh kế, ta cần phải lấy cang thường luân lý mà cư xử với đời, lấy lòng đạo đức mà đối đãi với nhơn quần xã hội cho tròn nghĩa vụ làm người. Ấy là giữ theo Nhơn Đạo vậy.

Ngoài giờ làm lụng, trong cơn nhàn, khoảng vắng, ta phải biết di dưỡng tinh thần, cho tâm hồn được thảnh thoι mát mẻ, đoạn cả điều tư lụ, không cho một điềm tràn diêu động đến thanh tâm, thì tinh thần mới được yên tĩnh mà tiếp lấy thanh khí Tiên Thiên, tắm tưới cho linh hồn ngày một được thêm nhẹ nhàng trong sạch, rồi đem cái tinh cảm hóa của ta để ứng hiệp với Trời Đất.

Ấy là giữ theo Tiên Đạo vậy. Thê thì Nhơn Đạo (Đạo Khổng) và Tiên Đạo (Đạo Lão) cần phải nối nhau để bỗ khuyết cho nhau mới thuận theo luật quân bình thiên nhiên đặng.

Bây giờ ta thử xem Đạo Lão và Đạo Phật có chỗ điều hòa nhau được chăng? Lúc Đạo Phật mới bắt đầu phổ thông qua Trung Quốc, thì nhà Phật cũng nương theo Đạo Lão mà truyền bá tôn chỉ đạo mình. Cũng nhờ tư tưởng và triết lý Đạo Phật và Đạo Lão có nhiều chỗ phù hợp nhau lắm, nên các nhà truyền Đạo Phật mới mượn những danh từ của Đạo Lão để diễn giải tư tưởng mới của đạo mình. Nhờ vậy Đạo Phật mới được người Tàu hoan nghinh mà sự phổ thông cũng khởi gấp lắm điều trắc trở. Thê thì Đạo Lão và Đạo Phật đã điều hòa nhau từ khi Đạo Phật mới bắt đầu truyền sang Trung Quốc vậy. Cứ theo mấy cớ bày giải trước đây, thì **Tam Giáo hiệp nhứt** là lẽ phải vậy. Đó là một lẽ. Còn một lẽ thứ hai như vầy:

Theo lẽ tuần hườn, việc chi cũng có đầu, có giữa rồi mới tới khúc đuôi là chỗ cuối cùng. Đến chỗ cuối cùng rồi, tất phải trở lại đầu, gọi là *qui nguyên*. Đại Đạo mở ra đều do theo ngươn hội, mỗi ngươn hội đều có Tam Giáo cả.

Như Thượng ngươn nhằm Tý hội, thì có **Nhứt Kỳ Phổ Độ**. Nhơn Đạo thì có Bàn Cỗ mở mang, Tiên Đạo có Hồng Quân Lão Tổ lập thành, Phật Đạo có Nhiên Đăng truyền giáo.

Qua Trung ngươn nhằm Sửu hội, thì có **Nhị Kỳ Phổ Độ**. Lập Nhơn Đạo có Khổng Tử, Tiên Đạo có Lão Tử, Phật Đạo có Thích Ca.

Nay đến kỳ Hạ ngươn nhằm Dần hội, nên Đức Thượng Đế lựa năm Bính Dần, dùng huyền diệu cơ bút lập thành **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**. Vì Hạ ngươn là ngươn chót, ngươn cuối cùng, nên Đại Đạo phải *qui nguyên* theo lẽ tuần hườn. Vì vậy mới có cái chủ nghĩa **Tam Giáo qui nhứt**. Tam Giáo bằng không qui nhứt, thì thế nào *qui nguyên* cho đặng? Đó là lẽ thứ hai.

Vâ, nước Nam ta chịu ảnh hưởng Tam Giáo rất lâu đời, mối chánh truyền đã biến đổi.

Cho nên mục đích **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** là cốt để qui Tam Giáo hiệp nhứt, sửa đổi tôn chỉ lại cho quang minh chánh đại, cho thích hợp thời nghi, rồi gióng trống "Lôi Âm" rung chuông "Bạch Ngọc", thúc tinh nhơn sanh khử ám hối minh mà theo đường đạo đức.

Từ đây nước Nam ta mới có một nền Chánh giáo rất long trọng mà tự chúng ta nhờ Đức Thượng Đế dùi dắt lập thành. Ấy là một điều đại hạnh phúc cho nòi giống Việt Nam ta, lại cũng là một điều đại vinh diệu xưa nay ta chưa từng thấy vậy. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ săn lòng hoan nghinh cả tín đồ trong các giáo, đánh đổ cái quan niệm "*Các thị kỳ đạo*" rồi dùng một mối "*Tín ngưỡng độc nhứt*" mà buộc nhau cho ngày một khắng khít, để cùng nhau chung thò một Thần Chơn lý mà thôi.

Ấy ai là người mộ đạo tu hành, xin bỏ dạ hiềm nghi, dứt lòng đố kỵ, hãy đồng tâm hiệp lực, sót nhọc chia lo để hoằng hóa mối Đạo Trời, thả chiếc thuyền từ vớt muôn triệu sanh linh đương nổi chìm trong khổ hải. Ấy là công quả rất lớn lao trong thời kỳ khai đạo lần ba này vậy.

---

(\*1) Xin luận về Tam Giáo về Nhị Kỳ Phổ Độ mà thôi. Còn Nhứt Kỳ Phổ Độ thì lâu đời lắm, xin miễn luận.

(\*2)&(\*3) Do theo các nhà bác học Âu Châu khảo cứu.

(\*4) Ai cũng lấy Đạo mình làm phải, làm chánh.



## **IV. TU HÀNH**

- A. Điều cần ích nhẫn tiền của việc tu hành
    - Ảnh hưởng cho gia đình đức dục.
    - Ảnh hưởng cho xã hội giáo dục.
  - B. Tu hành vẫn có cái công hiệu phủ ủy lòng người
- 

Nghe đến tiếng *Tu*, có người dường như sợ sệt, vì cho là một việc rất khó khăn khổ hạnh xưa nay chỉ để cho một ít người có căn phần riêng chi đó mới mong làm đặng. Cái quan niệm sai làm như vậy làm cho nhiều người thuở nay đã có tu chút ít rồi mà tự mình không dè đến, lại còn có kẻ bao giờ đã thi thoả lầm điều tội lỗi mà chẳng biết tìm phương tự hồi. Nếu biết nghĩa lý chữ *Tu* rộng ra là dẹp hết tánh tình hư xấu, giỏi lòng sửa nết để dọn mình cho trong sạch mà chuyên bề đạo đức, chớ không có điều chi buộc mình phải chịu khó khăn khổ hạnh, thì thiếu chi người dám tu, mà rồi kẻ dữ nào đã còn chút lương tâm tất có ngày cũng biết hồi tâm hướng thiện mà trở lại đường ngay nẻo thẳng.

Tu không buộc mình phải cạo đầu, mặc áo già, ở chùa tụng kinh gỗ mõ mà đếm công. Quý chăng tại tâm đó thôi. Phương ngôn có câu: “*Nhứt tu thị, nhị tu sơn*”. Thế thì tu tại gia mà giữ tròn bốn phận, công phu còn hơn kẻ tu núi, là vì ở chốn phiền ba não nhiệt mà đạo tâm bền vững chẳng nhiễm bợn nhơ, không khác nào hoa sen mọc chốn ô nê mà vượt lên tốt tươi trong sạch. Tu tại gia, mỗi người vừa lo được Nhơn đạo vừa lo được Thiên đạo, cũng bươn chải làm ăn như thường, song khác hơn người thường là ngoài giờ làm lụng, thay vì chơi bời vô ích, cờ bạc rượu trà, vân vân, cho tốn tiền sanh bịnh, mình lại để giờ rảnh ấy mà trau giờ đức hạnh, quan sát việc hành động mỗi ngày lại coi phải quấy thế nào, như lỡ có làm điều chi mình nghĩ ra biết là quấy, thì phải ăn năn sám hối hầu ngày sau đừng tái phạm. Trong giờ rảnh lại cần phải để lòng thanh tịnh mà di

dưỡng tinh thần cùng tưởng Trời niệm Phật. Hễ thành tâm tưởng niệm, tự nhiên có Trời Phật độ cho, vì Trời Phật tại tâm chớ chẳng đâu xa.

Vẫn biết rằng tu hành còn có nhiều bức cao thượng khó khăn hơn nữa, nhưng đó là bức thượng thừa, chớ tu tại gia mà giữ cho tròn bốn phận một người cư sĩ, một bức tín đồ, tưởng lại người có lòng mộ đạo ai ai cũng tu được cả.

## **A. ĐIỀU CẦN ÍCH NHÃN TIỀN CỦA VIỆC TU HÀNH**

Do theo sách luân lý học thuyết của các bức hiền triết Âu Châu làm ra, ta có thể đoán rằng những bức ấy thường đã nghiên cứu về luân lý một cách rất quang minh tiêm tắt chẳng kém gì các bức tiên nho của ta. Thế thì văn minh Âu Châu, phần nhiều dồn cho xu hướng về vật chất, chớ cũng chú trọng về tinh thần vậy. Ngặt vì người mình hấp thụ cái văn minh ấy chỉ mới cảm cái hình thức (vật chất) mà thôi, chớ chưa thâm thúy đến chỗ tinh thần. Cho nên từ khi người Nam ta bỏ cựu theo tân mà được ảnh hưởng chút ít văn minh hình thức của Âu Châu, thì nền luân lý nước nhà xem chừng có chiều nghiêng đỗ. Thành thử trong cuộc hành vi sanh hoạt, trăm ngàn hạnh phúc đều đắm đắm, đuối đuối cho mảnh hình hài xác thịt mà quên hẳn tinh thần, thậm chí có người chỉ chuyên tâm về đường vật chất mà thôi, cho rằng Thiên đường, Địa ngục là câu chuyện hoang đàng; thất phách, tam hồn là lời bịa đặt. Vì vậy nên hãy nghe đến việc "*tụ khí ngưng thần*", "*trúc cơ luyện kỷ*" lại nhăn mặt trề môi, cho là lỗi dị đoan mê hoặc. Song đó là quyền tư tưởng tự do của mọi người, chúng ta chỉ có thở than mà không nên biện bác. Thế tình đã vậy, chúng ta buộc phải giải bày cái công dụng cần ích nhẫn tiền của việc tu hành cho rõ ràng đích xác, thế nào cho kẻ thiên lệch về phương vật chất cũng chẳng còn có lời chi chối cãi. Vả chăng, luật Đạo buộc phải ăn chay giữ giải,

lánh dữ theo lành. Giữ đăng vây át thấy cái lợi nhẫn tiền không sai. Ăn chay đã ít tốn kém, lại tiếp dưỡng thân mình tráng kiện (\*1). Không tà dâm thì khỏi hao kém tinh thần, khỏi lo bệnh phong tình hoa liễu, trong gia đình khỏi xảy ra cái thảm trạng ghen tương để bỏ, ngoài xã hội lại khỏi gây thù kết oán. Không tham lam trộm cướp khỏi lo tù tội buộc ràng, không rượu thịt khỏi lo hao kém tinh thần, say sưa vất vả, không vọng ngũ, kẻ chuộng người tin, không cờ bạc khỏi lo thua kém, làm lành đời bữa an tâm, gây dữ ghe ngay mang hại, vân vân... Đó là lẽ cố nhiên ai ai cũng biết lựa phải giải luận đông dài.

Nhà luân lý, nhà giáo dục đều nhắc nhở hằng ngày, chẳng lựa chi đến nhà tôn giáo. Song le, nhà luân lý chẳng qua là chuyên về lý thuyết (théorie), nghĩa là chỉ bày cách thức phải làm, làm sao gọi là lành, là dữ, là phải, là quấy cho hoàn toàn nhơn cách ở đời, tức là định cái phương châm cho nhà giáo dục noi theo đó mà hóa dân, chứ sao bằng nhà tôn giáo là người đứng ra thiết hành cái phương châm ấy để làm tiêu chuẩn, làm gương sống (exemple vivant) cho mọi người bắt chước. Muốn thí cho dễ hiểu hơn, thì nhà luân lý chẳng khác nào người vẽ họa đồ nhà (architecte), nhà giáo dục ví như anh thầu khoán (entrepreneur) do họa đồ mà chỉ vẽ cho dân thợ làm theo, còn nhà tôn giáo chính là dân thợ (ouvriers) đứng ra cất nhà vậy. Luân lý học, giáo dục học là lý thuyết, tôn giáo tức là thiêt hành (pratique). Tóm lại, đối với nền đạo đức, nhà tôn giáo vẫn có cái công hiệu trỗi hơn nhà luân lý, nhà giáo dục bội phần.

Trước kia đã cho rằng nhà tôn giáo là một cái gương sống cho mọi người bắt chước, vậy tưởng cũng nên bàn giải coi nền tôn giáo hiện kim tức là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** vì đâu mà có cái ảnh hưởng rất long trọng ấy cho gia đình đức dục và cho xã hội đức dục.

### **1. ẢNH HƯỞNG CHO GIA ĐÌNH ĐỨC DỤC.**

Vả, gia đình là nơi bắt đầu đào tạo nhơn cách. Trẻ con ví như hột giống, gia đình là vuông đất để gieo

giống xuống, đức dục là phân tốt nhờ đó mà hột giống nảy nứt ra cây tươi, nhánh tốt. Mà ai là người đứng ra vun quén cho cây nhánh tốt tươi? Tức là kẻ làm cha mẹ trong gia đình đó vậy. Song kẻ ấy phần nhiều là không đủ tư cách nhà đức dục, tuy cũng có người hoàn toàn phẩm hạnh, học thức cao sâu, song lại bị gia đạo buộc ràng, bôn xu theo thế sự mà lập chước sanh nhai, cho đủ cơm ngày hai buổi theo cái thời đợi gạo chau cùi quê này, không mấy người là rảnh rang để chăm nom un đúc tánh tình con trẻ, thành ra cái "*đèn đức dục*" nơi gia đình bảo sao không hết dầu mà sáp tắt? Dương hồi ngọn đèn ấy bực lên lần chót hầu sáp sửa tắt đi, may đâu lại có người đem dầu đến châm thêm, đoạn khêu cao ngọn lên cho sáng tỏ. Dầu ấy ở đâu? Người châm dầu, khêu ngọn ấy là ai? Dầu ấy tức là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, người ấy tức là chư Chức Sắc đã lãnh cái trách nhiệm phổ thông nền Đạo vậy.

Như vợ chồng có Đạo mà giữ cho đúng đắn, thì đối với nhau vẫn có hai cái tình mệt thiết, một là vì tình đồng tịch, đồng sàng, hai là vì chỗ đồng thuyền đồng đạo. Rồi hai đảng làm mô phạm lẫn cho nhau trong đường đạo, chồng có ý phui pha, sẵn có vợ nhắc chừng, vợ có dạ lâng xao, sẵn có chồng kèm thúc. Cái lạc thú trong gia đình nhưn đó mà được vững vàng miên viễn.

Phàm con cái đều là bắt chước theo cha mẹ trong việc cử chỉ hành vi. Cha mẹ đã có ít nhiều đạo đức, đã biết tu tâm dưỡng tánh, lẽ nào con cái không nhờ đó mà cảm hóa theo? Ấy vậy, hễ cha mẹ có đạo mà giữ cho chính chắn, thì tức là "*gương sống*" để cho trẻ con bắt chước vậy. Phương chi, mỗi lần cúng kiêng, toàn là tụng niệm kinh lành, lần lần nhặt nhu, nguyệt nhiễm, bảo sao con cái không cảm lấy điều lành mà trở nên lương thiện?

Lại nữa, người giữ Đạo chính chắn trong nhà không bao giờ có những pho truyện phong tình hoa nguyệt, có chăng là chỉ có sách đạo, kinh lành vây thôi, trẻ con đã khỏi cái nạn "*dâm thơ dục quấy*" mà lại còn được cảm giác lấy lời hay lẽ phải, ý tốt, gương lành. Tôn

giáo có ảnh hưởng cho gia đình giáo dục cốt yếu là vì thế.

## **2. ẢNH HƯỞNG CHO XÃ HỘI GIÁO DỤC.**

Thử xem trong một nhà trường kia, khi chưa tới giờ học, trừ ra một vài trò siêng năng biết lo ôn bài đọc sách, còn bao nhiêu thì là chơi bời, giỡn trứng nào là đánh nhà, bắn đạn, nào là rượt bắt lẫn nhau, nói năng cười cợt, không lo chi đến việc học hành, mà hễ nghe trống học giống lên, cả thảy đều bỏ hết việc chơi, im lìm lặng lẽ, xúm nhau sắp hàng, lớp nào theo lớp nấy đặng có vô mà học. Quí hóa thay mấy hồi trống lịnh! Chỉ có ít tiếng "thùng thùng ..." mà đủ nhắc nhở cho cả học sinh biết lo tròn bổn phận.

Bây giờ ta lại xem qua cái "*nha trường xã hội*". Trừ ra có một ít người đạo đức chuyên việc tu thân, còn bao nhiêu thì là đua chen theo đường sanh kế, nào là trực lợi đồ danh, nào là giành giựt lẫn nhau mạnh hơn yếu sút, không mấy ai nghĩ đến tiền căn cựu vị phòng lo việc tu hành. Nếu có tiếng trống chỉ để cảnh tỉnh lòng người, tưởng lại chẳng mấy ai mà không biết hồi tâm hướng thiện. Tiếng trống ấy tức là tiếng trống Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vậy. Mới gióng lên vừa đặng bốn năm mà công hiệu rất nên to tát, cảm hóa ngọt một triệu con người biết truy hồi mà lo bề đạo đức. Số một triệu người ấy (\*2) vừa làm mô phạm lẫn nhau vừa treo lên một cái gương sống để soi chung cho xã hội. Nhờ cái ảnh hưởng ấy mà xã hội Việt Nam sau này sẽ đầm thắm trong đường đạo đức.

## **B. TU HÀNH VĂN CÓ CÁI CÔNG HIỆU PHỦ ỦY LÒNG NGƯỜI**

Một người kia, thuở nay chỉ có bo bo mưu lợi cho mình mà thi thoả lăm tội ác: quanh năm cứ vụ tắt đồng tiền, chỉ biết có mình mà không biết thiên hạ, chỉ riêng cầu hạnh phúc cho gia đình mình mà không đoái hoài

đến xã hội. Trong cơn khoảng vắng canh tàn, là buổi tâm hồn được thảm thơi, thơ thoí, giá như người ấy biết hồi đầu suy nghĩ, xét đến từng cách mình đã thủ lợi, từng chước mình đã gạt người, thì có lẽ cũng lai láng tấm lòng truy hối. Đó là lúc lương tâm bắt đầu trách cứ, vì vậy mà lo lo, ngại ngại, trên đầu sợ Thần minh, ngoài thiện với thiên hạ, trong hổ với lương tâm. Nếu không phương pháp chi để phủ ủy cho tâm hồn an tịnh, thì bao nhiêu sự nghiệp tự mình đã gầy dựng ra, tưởng bất quá cũng là một món để làm cho trái tai, gai mắt vậy. Cái phương pháp huyền diệu ấy phải tìm đâu mà đặng? Tức là trong việc tu hành vậy. Có quyết chí tu hành là biết cải hóa tự tân (\*3) bòn chen âm chất, tuy chưa ắt thuộc hết tội tình nghiệt ác buổi xưa, nhưng một ngày hành thiện là một ngày vui dạ an lòng, rồi tâm hồn cũng nhờ đó mà lần lần an ổn. Vả chăng tu hành là thuận theo thiên lý, mà xa đường nhơn dục, thì ác tâm lại hóa ra thiện tâm, tâm đã thiện niệm rồi, thần trí mới được an tịnh thành thơi mà đặt mình ra khỏi vòng thống khổ của lương tâm đã bấy lâu cắn rút.

Một người khác thuở nay đã đem hết tài trí quyết lo cho vận mạng nước nhà, đã hiến trọn tâm thân hữu dụng cho xã hội đồng bào, nhưng gặp nhiều cảnh ngộ khó khăn trắc trở, trái ngược với tâm chí mình, thêm nỗi thê tình khe khắc, nay thị, mai phi, làm cho một đắng ưu thế, mẫn thời bỗng nhưng lại hóa ra người chán đời thất chí.

Lại một người nữa thuở nay đã phẫn chí đua chen trong đường sanh kế, đã dụng hết tâm huyết để kinh dinh sự nghiệp với đời, song vì số phận chẳng may, khiến gặp nhiều tai biến bất kỳ mà phải ra thân suy sụp, làm cho một kẻ có chí lo lắng làm ăn bỗng nhưng lại hóa ra người thất vọng. Người thất vọng, kẻ chán đời! Đôi với kiếp sống thừa, thôi còn biết chi là phong thú? Nếu không có phương chi để phủ ủy lòng người trong cảnh ngộ khổ cùng như thế, e lầm khi họ cũng tính quấy làm liều. Cái phương pháp quý hóa ấy phải tìm đâu mà đặng? Tức là trong việc tu hành vậy. Vì tôn giáo vẫn có cái

năng lực cảm hóa lòng người rất nên thần hiệu: nhờ biết đạo, con người mới rõ tại sao mình phải lao đao, lận đận, tại sao cõi đời là cõi tạm, cuộc danh lợi là cuộc phù vân, đặng cũng không mừng, mà mất cũng không nên tiếc. Nhờ vậy người khuẫn bức mới phổi được cả điệu xót xa phiền não, tự đặt mình ra ngoài vòng bi khổ, thì tự nhiên tâm hồn được khuây khỏa an ổn.

Tóm lại, tôn giáo ví như giọt nước rưới mát cả thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại. Đối với kẻ biết hồi tâm tự hồi, đối với người thắt chí chán đời, lao đao lận đận, tôn giáo vẫn có cái phương phủ ủy rất nên hiệu nghiệm vậy.

---

(\*1) Trong một bài văn tắt như vậy, tác giả không thể luận việc ăn chay cho được đích xác e ra khỏi phạm vi đi chăng? Vậy xin xem qua quyển sách "ĂN CHAY" thì rõ.

(\*2) Trừ ra mấy người giả dối, mượn danh Đạo để tính việc chǎng lành. Đó bất quá là một vài con sâu mọt trong Đạo mà không sớm thì muộn cũng bại lộ chơn hình cho thiên hạ ngó thấy. Vậy xin ai chớ vội thấy một ít người quấy đó mà cho cả người trong Đạo là quấy hết.

(\*3) Chừa lỗi cũ mà sửa mình lại cho trong sạch.



## **V. ĐỨC TIN (\*1)**

Tôn giáo nào cũng lấy đức tin làm gốc. Đức tin rất cần ích cho người giữ đạo. Có đức tin làm đạo mới bền, không đức tin hoặc là yếu đức tin, sớm chầy phải "*ngã*". Vì đức tin giúp cho trí lực ta thêm hăng hái, tinh thần ta thêm mạnh mẽ, mà nếu ta đem cả trí lực hăng hái, dụng cả tinh thần mạnh mẽ mà làm đạo, trí ta tin vậy, bung ta chắc vậy, thì thế nào lại không đủ nghị lực mà chịu nỗi những điều khổ hạnh trong cuộc tu hành. Phương ngôn Pháp có câu "*La foi transporte les montagnes*", nghĩa là: "**Đức tin chởặng núi non**". Thế thì đức tin mạnh là đường bao. Hễ ta hết lòng tin tưởng Trời Phật thì Trời Phật cảm ứng không sai, vì đức tin tỉ như vật chi đựng nước, còn cơ cảm ứng đối với đức tin ví như nước đem chứa vào trong. Hễ vật đựng lớn thì chứa nước nhiều, vật nhỏ thì chứa nước ít, mà hễ vật đựng nước bị nứt bể đi (là khi mất đức tin) thì chứa nước vào đâu đặng nữa?

Đức tin của người nào đều do theo sở kiến của người này. Ai rõ thấu cơ huyền diệu Đạo Trời rồi, đức tin vẫn đặc đồng thành khôi, cứng khu như sắt đá, đập chẳng nát, đốt không tiêu.

Đức tin của kẻ cạn nghe hép thấy thì lụng chừng yếu ớt lăm, chẳng khác nào như bèo nỗi mây bay, trên dưới đều không dựa vào đâu cả, một lượn sóng thị phi cũng đủ bùa tan, một trận động kích bác cũng là quét sạch. Những kẻ ấy chỉ thấy người tin, cũng bắt chước tin theo, chớ không hiểu tại sao mà tin, rồi nghe ai kích bác lại vội vã "*ngã*" liền. Cái nhẹ tánh ấy lấy làm nguy hiểm, vẫn là một điều đại tội đối với Đạo minh đã sùng bái vậy. Cho nên, trước khi tin tưởng điều chi, ta nên tìm kiếm, xét suy tột lý coi việc ấy đáng tin cùng chăng (\*2). Đến khi ta cho là chánh lý rồi, ta phải làm sao để nuôi nấng đức tin một ngày một mạnh thêm nữa, dầu phải gấp cơn khổ hạnh khó khăn, ta cũng chẳng ngã lòng thối chí.

\*\*\*

Muốn cho gia đình hạnh phúc, ta cần phải nuôi nấng đức tin trọn cả gia tiêu, nhứt là của trẻ thơ. Vả chăng, trẻ thơ còn nhỏ, chưa biết điều tội lỗi, chưa nhiễm thói dì đoan, áy là lúc ta nên un đúc đức tin của chúng nó về đường chánh lý. Đó là một phương châm đặc biệt để ngăn ngừa oan nghiệt. Nếu chẳng sớm toan, đợi cho con trẻ lớn khôn gây nên nghiệp báo rồi mới lo ngăn đón, thì chẳng khác nào đợi cho mất của rồi mới lo phòng trộm cướp. Vả lại, con người từ nhỏ chí lớn có sẵn đức tin, ngày giờ nuôi nấng đã lâu thì đức tin rất mạnh, mà hễ đức tin đã mạnh, thì đủ thần lực mà cự đương với tục tình tội ác.

*Phải làm thế nào để nuôi nấng đức tin cho trẻ con về đường chánh lý?* Trước hết cha mẹ phải có một cái đức tin cho chánh lý. Đức tin ấy cần phải cho thiệt vững vàng, phải gom đủ tinh thần mãnh lực. Đức tin ấy phải lộ ra cho con cháu thấy mà bắt chước. Phàm con cháu hay bắt chước theo ông bà, cha mẹ trong việc cử chỉ hành vi. Như cha mẹ dạy con phải kính Trời, trọng Phật mà chính mình, mình không chủ ý đến, thì có ảnh hưởng vào đâu? Làm như thế chẳng khác nào mây tấm bảng chỉ đường (poteau indicateur) dựng mây ngã ba, ngã tư vậy. Mây tấm bảng ấy cứ chỉ rằng đường này đi..., đường kia đi... mà bảng thì vẫn ở yên một chỗ. Hành khách do theo bảng ấy có khi cũng lạc đường, sao bảng có người dẫn dắt. Cha mẹ biểu con cái tin kính Phật Trời mà mình thì không lộ ra một cái đức tin cho chánh đáng, bảo sao chúng nó không tin lầm, tưởng sai?

Phần nhiều người mình hễ con khóc thì nhát rắng: "Nín đi kẻo "Ông Kẹ" bắt chết. Lời nhát ấy làm hại cho trí tưởng con nít biết bao, vì cái tiếng "Ông Kẹ" ấy triêm nhiễm vào đức tin chúng nó, làm cho chúng nó tưởng tượng một "Ông Kẹ" rất hung ác bạo tàn hay bắt con nít mà ăn thịt. Đó là một bước đầu dì đoan của cha mẹ mở ra cho con vậy.

Con nít thường hay rắn mắt, cha mẹ nghiêm cấm điều chi, tuy trước mặt không dám cãi lời, chớ sau lưng không khỏi lõi lầm. Thay vì nhát “Ông Kẹ”, phải chi cha mẹ dặn con như sau đây thì quí biết bao:

*"Con ngược mặt lên coi, khỏi trên xanh xanh đó có ông Trời rất nên linh hiển: Ngài hóa sanh ra trời, đất, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, người ta, thú vật, cây cỏ, vân vân ... Con mắt Ngài sáng lắm, điều chi mình làm, dầu trong chỗ tối, dầu giữa chỗ sáng, Ngài đều thấy rõ. Làm lành Ngài ban ơn, làm dữ Ngài răn phạt" (\*3).* Dặn như vậy, trẻ con tất phải tin sợ hoài hoài, rồi việc chi nghiêm cấm, dầu trước mặt, dầu sau lưng, chúng nó không dám phạm đến, vì chúng nó tự nghĩ rằng: *"Tuy cha mẹ mình không thấy, chớ Ông Trời thấy hết"*.

Áy có phải là một phương châm đặc biệt để nuôi nấng đức tin cho trẻ con chăng? Lớn lên, trẻ con vừa kính tin Đáng Tạo Hóa, vừa triêm nhiễm điều lành, có phải là vừa giữ Thiên Đạo, vừa giữ nhơn đạo chăng?

---

**(\*1)** Tôi có dọn riêng một quyền luận về “Đức tin”, đây xin bàn nhón những điều đại khái mà thôi.

**(\*2)** Huyền vi màu nhiệm Thiên Đạo nhiều chỗ trí phàm chúng ta, dầu cho tần hóa đèn đâu đi nữa, cũng không thể nào thấu đáo được, nhà khoa học thiệt nghiệm cũng phải khoanh tay mà chịu. Ngày nay chúng ta được rõ chút đỉnh cơ màu nhiệm ấy là nhờ Trời, Phật, Tiên, Thánh thương đời giáng cơ chỉ bảo. Những Thánh Ngôn ấy sưu tập thành một cái giáo lý đặc biệt chúng ta phải tin tưởng như lời, chớ không thể nào cãi lẽ cho được. Như Đức Chí Tôn dạy rằng có 72 địa cầu (Tam thiền thế giới không kể), mà địa cầu chúng ta ở thuộc về hang 68. Cái giáo lý ấy có thể nào mà thử cho biết chính lý hay không? Trừ ra ai không muốn tin thì thôi, chớ chúng ta đã tin nơi đạo thì có lẽ nào lại còn mơ hồ nghi hoặc?

**(\*3)** Tuy trẻ con chưa đủ trí khôn biết phân điều quấy phải, dữ lành chớ điều gì cha mẹ cấm răn, tất nhiên chúng nó cũng hiểu đó là việc chăng nên làm.

## **VI. ĐỨC CHÍ THÀNH**

Đức chí thành là tánh chất thành thật, chơn chánh mà mọi người cần phải có, hầu để đối đãi nhau cho ngay thẳng, thật thà trong đường đời hay là đường đạo. Đức chí thành là gốc nấm thường, là nguồn trăm nết. Có chí thành, đạo hạnh con người mớiặng rõ ràng, sáng tỏ, không chí thành, đạo hạnh phải bị tà khuất tối tăm. Cho nên, con người ở đời mà không un đúcặng một khối chí thành là gốc rễ, thì trông chi đến việc trau giồi đức hạnh là nhánh lá vậy. Đức chí thành tỉ như một khối vàng ròng, dùng đó mà chế tạo ra lầm đồ trang sức tốt xinh cao giá. Chí ư khối vàng ấy phải pha, phải trộn, thì mất nguyên chất tự nhiên, rồi bảo sao những đồ trang sức làm ra không phải xấu hèn thấp giá?

Người xưa tuy quê hèn, song giữặng hai chữ chí thành: đối đãi với nhau chẳng hề biết dối giả, gạt gẫm là gì? Một tiếng ừ với nhau cầm đáng ngàn vàng, một lời hứa với nhau vẫn khư khư giữặng chặt. Người nay tuy gọi văn minh tần bộ, song cái ánh sáng văn minh chóa ra làm cho con người dường như bị nắng quáng đèn lò mà xem không rõ cái chân tướng của đức chí thành đặng vậy. Cũng bởi không chí thành cho nên ở đời mới có người nầy xảo trá, kẻ kia gian tham, sanh lòng nghi kỵ lẫn nhau, đền đổi trong một việc làm nhỏ mọn mà có nhiều kẻ chung lo, thì cũng hóa ra hư hỏng. Theo đường đời mà đức chí thành còn quan trọng là thế, huống chi đường đạo là chỗ cần phải treo lên một tấm gương thanh bạch, hầu để soi chung thiên hạ. Người hành đạo cần có đức chí thành, tôn chỉ đạo mớiặng quang minh chánh đại, rồi nhơn đó mớiặng lòng tin nhiệm của chúng sanh. Khi tụng kinh cầu sám, khấn vái Trời Phật, nếu không đặng chí thành, thì tụng niệm luống công vô ích. Phải có chí thành mới có cảm, có cảm mới có ứng, có ứng mới có nghiệm. Cho nên có câu "*Hữu thành tắc hữu Thần*" là vây đó.

Người làm đạo mà chí thành, thì chẳng hề để ý chi riêng về việc công quả, nghĩa là chẳng hề tính lập công

quả mà cầu danh, chẳng hề ỷ mình lập nhiều công quả mà tự kiêu, tự đắc, rồi tác oai, tác phuớc, lập thế chuyên quyền, gây ra lăm điếu trái đạo, ai nói cũng không nghe, ai khuyên cũng không nạp, ai trách cũng không dung. Người làm Đạo mà chí thành, thì chỉ lo cho sanh chúng chớ không kể đến thân mình, tự buộc mình vào nơi khổ hạnh, đem cả hình hài trí thức làm món hy sinh cho tôn chỉ Đạo, thân còn chẳng kể huống lừa là lợi, là danh!

Nói tắt một lời là làm Đạo mà còn để chút ý riêng về lợi, về danh, thì chưa thiệt là chí thành vậy.

Người theo Đạo mà không chí thành, thì bất quá là tu "cầu vui" tu "bắt chước", hoặc là tu "cầu mị" theo ông nọ, bà kia, đặng có dễ bề thân cận mà chặc chuộng mua yêu, cùng trông ỷ lại nơi người vây thôi. Người theo Đạo mà không chí thành, thì bất quá là mượn danh Đạo để vụt đồng tiền, hoặc lợi dụng đức tin của hàng thắp thôi để mưu điều trái đạo.

Người giữ đạo mà không chí thành, dẫu cho bác lâm quán thơ, rõ thông đạo lý đến đâu đi nữa, tưởng cũng không trông thành đạo. Ấy vậy, nếu rủi trong Đạo mà có đại đa số người không chí thành, dẫu cho tôn chỉ Đạo cao thượng đến đâu đi nữa, nền Đạo bất quá cũng để một trò cười cho thiên hạ.

Tóm lại, đức chí thành là gốc của nền đạo, tức là tánh mạng của Đạo vậy. Cho nên trong bài kinh "*Niệm hương*" mở đầu có câu: "*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*". Đức chí thành không cần tập luyện mới có, chỉ tại nơi tâm mình muôn cùng không mà thôi. (1)

---

**(1) Ghi chú:** Theo quyển Đạo Sứ 2 Thánh Thất Westminter ấn hành năm 1990 thì hai bài “Đức chí thành” và “Lòng bác ái” do Đức Qu. Giáo Tông lưu lại. Thánh Thất NSW chúng tôi có trích in trong phần Phụ lục quyển “Phương châm hành đạo”.



## **VII. LÒNG BÁC ÁI**

1. Tại sao ta phải thương yêu cả nhơn loại?
  2. Tại sao ta phải thương yêu cả sanh vật?
- 

Trên mặt địa cầu này, nhơn loại phần nhiều cũng bởi cái lòng vị kỷ mà gây ra lăm điểu bạo ngược. Kẻ tham trộm là bởi quý trọng của mình mà không quý trọng của thiên hạ, vì vậy nên tính lấy của người đặng bồ thêm của mình, yếu sức thì gạt lường trộm cắp, mạnh thế lại ép đè cướp giựt, có khi còn hại đến mạng người. Ăn thịt một con sanh vật là lấy huyết nhục nó để bồi bổ cho huyết nhục mình, tức là quý trọng sanh mạng mình mà không quý trọng sanh mạng nó vậy. Như hai đàng chiến đấu, bên nào cũng đem hết sức lực để tiêu diệt bên kia, thì đàng nào cũng quý trọng mạng mình mà không quý trọng sanh mạng bên nghịch. Cái lòng vị kỷ gia hại cho nhơn quần xã hội cốt yếu là vì thế.

Nay muốn tảo trừ các điều hại ấy, cần nhứt phải làm thế nào cho thiên hạ ai ai cũng có cái lòng bác ái. Bác ái là gì? Bác là rộng, ái là thương. Lòng bác ái tức là lòng thương rộng ra. Ta chẳng những thương ông bà, cha mẹ, vợ con cùng là thân tộc họ hàng, mà ta còn phải thương rộng ra cho đến cả nhơn loại, chẳng luận nước nào, dân tộc nào. Ta chẳng những thương cả nhơn loại, mà ta còn phải thương rộng ra cho tới cả loài sanh vật khác nữa.

### **1. TẠI SAO TA PHẢI THƯƠNG CẢ NHƠN LOẠI?**

Trên mặt địa cầu này, nhơn loại sở dĩ chia ra nhiều nòi, nhiều giống là cũng tại nơi phong thổ, khí hậu mỗi xứ mỗi khác. Cũng bởi xứ này nóng nực, xứ kia lạnh lẽo, xứ nọ ấm áp nên mới có ra các sắc nhơn dân đen, trắng, vàng, vân vân. Song đó bất quá là khác nhau về hình thể bề ngoài, chớ về tinh thần thiêng liêng thì ai ai cũng đồng thợ noi Đẳng Tạo Hóa một điểm linh quang

(hòn) nhờ đó mà sanh hoạt, mà tri giác. Đức Chí Tôn có dạy: "Thầy phân Thái cực ra Lưỡng nghi, Lưỡng nghi phân Tứ tượng. Tứ tượng biến Bát quái, Bát quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giải. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống, ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận".

Lòng háo sanh của Đức Chí Tôn đã là không cùng tận, chúng ta đây há không biết thuận theo thiên lý mà thương yêu cả nhơn loại như anh em một cha hay sao? Giữ được lòng bác ái như vậy, ắt khỏi phạm luật trời, tức là giữ Đạo Trời, tức là biết thờ Trời vậy. Tiên Nho có câu: "Tồn tâm sở dĩ sự Thiên" là vậy đó.

## **2. TẠI SAO TA PHẢI THƯƠNG CẢ SANH VẬT?**

Sanh vật vẫn là một phần trong chúng sanh, mà thương chúng sanh tất nhiên có thương cả sanh vật trong đấy. Cầm thú tuy không biết nói, chớ cũng biết đau đớn, thương yêu, tình nghĩa như mình. Kiếp này nó là con sanh vật, biết đâu kiếp sau nó không tần hóa làm con người? Kiếp này ta làm được con người, biết đâu kiếp trước ta không phải là con sanh vật? Thế thì người và vật cũng đồng một loại, mà đồng loại phải thương nhau, vậy mới gọi là bác ái. Vì lòng bác ái nên nhà tôn giáo trọng việc phóng sanh mà cấm sát sanh. Cũng vì lòng bác ái mà các nhà luân lý xưa nay thảy đều khuyên đời không nên đánh đập, hủy hoại đến con ngoại vật. Bên nước Pháp có luật ngăn cấm việc tàn nhẫn áy rất nghiêm. (Loi de Gramont).

Mình thương yêu người ắt được người thương yêu lại, mình giúp đỡ người ắt được người giúp đỡ lại, mình quý trọng người ắt được người quý trọng lại. Cứ bác ái xây vần như vậy, thì thế nào xã hội không được hòa bình, nhơn loại không được lâm điều hạnh phúc?

Nhưng lòng người tỉ như mạch suối, nếu nước mạch chảy ra hoài mà trời không mưa xuống cho suối được nước thêm, e cho một ngày kia, suối ắt phải khô phai cạn. Lòng bác ái con người cũng cần phải có trời mưa xuống cho tươi nhuận, thầm đầm mới khỏi lo khô cạn. Mưa ấy tức là đạo đức vậy. Hễ người đủ đạo đức rồi, thì lòng bác ái chẳng hề xao lâng.

Tóm lại, nhơn loại biết thương lẫn nhau là nhờ có lòng bác ái. Lòng bác ái được bền vững là nhờ có đạo đức. Đạo đức lại do nơi chí thành, chí thành lại là nền móng của tôn giáo vậy.



## **VIII. THẤT TÌNH, LỤC DỤC**

- Thất tình
- Lục dục

---

### **THẤT TÌNH**

Con người vẫn có hai phần: phần vật chất (khu xác) và phần tinh thần (hồn). Sự động tác đôi bên đều khác nhau.

1. Động tác về xác thịt là: hô hấp, tiêu hóa, vận động.
2. Động tác về tinh thần là: mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muối, gọi là thất tình.

Thất tình vẫn tự nơi tâm mà phát khởi. Khi tâm còn bình tĩnh, thất tình chưa vọng động, vẫn còn là *tánh*. Mà hễ khi nào *tâm* ta bị tiếp xúc sự vật ở ngoài mà diêu động, mà cảm giác, thì mới sanh ra *Thất tình*.

Ví dụ: *Tâm* ta là cái ao, *Tánh* vẫn là nước còng đương bình tĩnh. Tình là sóng dợn lên sau khi bị gió dậy. Gió ấy tức là ngoại vật cảm xúc vào tâm vậy. Thất tình vẫn là bảy sự cảm giác tự trong tâm phát ra, cảm giác về sự khoái lạc cho xác thịt, thì là cảm giác đê hèn theo đường nhơn dục, còn cảm giác theo lối nghĩ ngợi sâu xa trong tinh thần, thì là cảm giác cao thượng theo đường thiên lý. *Nhơn tâm* và *Đạo tâm* đều do theo hai lẽ ấy mà phát sanh: do theo đường nhơn dục là *Nhơn tâm*, do theo đường thiên lý là *Đạo tâm* vậy. Hai cái sức cảm giác ấy thường hay xung đột nhau lắm. Ai lại không muôn cảm giác theo lối tinh thần cao thượng? Nhưng phần nhiều bởi không thoát khỏi cái dục tình nó đè nén, nên mới xa đường thiên lý mà gây ra tội tình phiền tệ.

Tâm ta ví như cái lòng nhà, mắt, mũi, tai, lưỡi vẫn là mấy cái cửa, ngoại vật tỉ như gió bụi. Mấy cái cửa có mở ra thì gió bụi mới bay lọt vào nhà mà làm cho nhơ

bọn. Vậy muốn giữ cho lòng nhà được trong sạch, cần phải đóng bít mấy cái cửa ấy đi, thì khỏi lo gió bụi lọt vào, nghĩa là phải tập sao cho mắt đừng mê sắc đẹp, tai đừng nghe giọng thâm trầm, mũi đừng thích mùi thơm, lưỡi đừng ưa vật béo.

Vẫn biết giữ đăng vây là rất khó, song chớ nên thấy khó mà ngã lòng. Ban đầu cứ tập lần một ngày một ít, lâu ngày chày tháng mình át đè nén được thắt tình mà không cho nó vọng động nữa. Tâm tánh của bức tu hành khác với tâm tánh người đời sở dĩ là vậy đó.

### **LỤC DỤC**

Lục dục là sáu điều tham muối của con người. Lục dục (\*1) là: muốn danh vọng, muốn tài lợi, muốn bóng sắc, muốn cường dỗng, muốn sung sướng, muốn sống lâu.

- **Danh vọng:** Danh vọng không phải muốn mà có, tìm mà được. Người đáng có danh vọng, tự nhiên danh vọng nó đến cho. Nếu cõi tâm tìm kiếm nó như vác tiền mua phẩm trước, làm một hai việc chi để cầu danh, thì cái danh vọng ấy là danh vọng hảo, tức là hư danh vậy.

- **Tài lợi:** Nhiều người cứ bo bo đeo đuổi theo tài lợi, lấy đó làm hạnh phúc, chớ không dè mình buộc phải đem cả xác thịt, cả tinh thần làm nô lệ lại cho tài lợi. Nhiều khi lòng tham muối tài lợi nó làm cho mình u ám mà quên cả nghĩa nhơn đạo đức.

- **Bóng sắc:** Bóng sắc vẫn là cái vẻ đẹp thiên nhiên của Đất Tạo Hóa sanh ra, tuy nó có cái mỹ quan thiệt, song trong cái vẻ mỹ quan ấy chất chứa biết bao nhiêu điều nguy hiểm, chẳng khác nào một lưỡi dao bén kia vây. Tuy lưỡi dao bén là một vật hữu dụng, song nó trở lại giết người rất dễ. Thánh Hiền xưa thường ví bóng sắc như một lượn sóng (sóng sắc) xưa nay chìm đắm biết bao người trong sông mê biển ái.

- **Cường dũng:** Cường dũng (mạnh bạo) là cái lợi khí của người này để xâm lấn quyền tự do của người khác. Nói rộng ra nữa, là lợi khí của xã hội này để đè ép xã hội khác, của nước này để đè ép nước khác hèn yếu hơn mình. Sự cường dũng thường hay trái ngược với thiên lý, vì vậy mới có câu: "*Dũng bất quá thiên, cường bất quá lý*". Nghĩa là: "*Mạnh bạo thế nào cũng không qua lẽ phải*".

- **Sung sướng:** Ở đời, trong mười người, thì hết chín người ngày đêm cứ lo sao cho mình được sung sướng, tìm hoài, kiêm mãi mà chẳng thấy chi gọi là sung sướng cả, thì chẳng khác nào một anh hành khách lẩn thẩn ở giữa đồng cát kia, đương hồi nắng nôi khao khát, thấy trước mặt mình một vũng nước, cố ý đi mau đến đó mà giải khát, song le đi tới chừng nào vũng nước lại dang ra xa chừng này. Thiệt vậy, trên cõi "*luyện hình*" là cõi tạm này, thiết tưởng có chi gọi là sung sướng mà mong lòng ham muốn? Như gọi giàu sang vinh hiển là sung sướng, chớ biết đâu mấy bức giàu sang vinh hiển ấy lại chẳng có cái khỗ tâm, lo lắng hơn người thường dân lao động? Đức Chí Tôn có dạy rằng: "*Sự sang trọng vinh hiển của các con chẳng phải ở nơi thế giới này*".

- **Sóng lâu:** Phật Thích Ca gọi cõi trần này là biển khô (\*2), thế thì con người cần chi phải ham sóng lâu để chịu lầm điều thống khổ. Chúng ta cần sống nán lại đây là vì muốn sống mà lo cho tròn phận sự làm người. Sóng lâu mà hữu dụng cho đời thì cái sống ấy hãy còn có nghĩa lý. Chí ư kẻ muốn sống lâu là để tính hưởng sự giàu sang vinh hiển, thì kẻ ấy chẳng khác nào tự hãm mình vào chốn chung thân khổ sai kia vậy. (\*3)

Con người bởi không thông đạo lý nên cứ đắm đắm đuổi đuối trong vòng lục dục, vì vậy mà phải lao lụy cả đời, triền miên trong vòng ngũ trược, nổi chìm trong biển khô. Lục dục vẫn là nguồn cội của sự khổ vậy. (\*4)

---

(\*1) Có người kể lục dục là danh vị, tài lợi, sắc, tư vị (?), hư vọng (?), tật đố (?)

(\*2-\*3-\*4) Xin xem qua bài kế luận về "Biển khô".

## **IX. BIỂN KHỔ**

Đạo Phật cho cõi trần này là biển khổ, mênh mông lai láng, không biết đâu là bến, là bờ, cả chúng sanh đều phải trầm luân trong biển khổ ấy muôn muôn ngàn ngàn kiếp. Phật lại cực tả cái khổ ở đời như vầy: "*Nước mắt chúng sanh trong ba ngàn thế giới đem chừa lại còn nhiều hơn nước ngoài bốn biển*".

Thật vậy, đời là khổ, mà cái khổ ấy chẳng chừa ai. Người giàu sang có cái khổ theo cuộc giàu sang, kẻ nghèo khó lại có cái khổ theo cuộc nghèo khó. Kia một đứa bé mới lọt lòng mèo, thì đã kêu vang thảm thiết, vì nó tự trong khổ mà sanh ra, vì khổ mà sanh ra, sanh ra rồi phải chịu muôn vàn sự khổ.

Con người từ nhỏ đến lớn trải qua biết bao nhiêu sự khổ, lui đụi đến cảnh già thì cái khổ lại càng gia bội. Nào là lưng mỏi, gối dùn, nào là tai điếc mắt lờ, răng rụng, sức lực giảm suy, tinh thần mờ mệt. Chừng ấy dầu cho giàu có bạc muôn cũng không tìm được cái suối huyền đồng (fontaine de jouvence) mà tắm tươi, dầu cho chức trọng quyền cao, cũng chẳng dùng oai lực nào mà cự đương với cảnh khổ.

Mà dầu cho ai giữ phép vệ sanh thế nào đi nữa, cũng không tránh khỏi những tật bệnh vô thường xảy đến. Thân thể con người là một bộ máy thiên nhiên (cơ thể), đã là một cái máy tắt nhiên có khi liệt, khi hư. Cái hư, cái liệt ấy vẫn là khổ bệnh mà con người phải lăm phen đau đớn. Ngoài cái khổ vật chất (douleurs matérielles) lại còn cái khổ tinh thần (douleurs morales). Nào là nỗi thương tâm oán hận trong cơn tử biệt sanh ly, trong buổi thời quai vận kiễn, nào là cơn tuyệt vọng, nào là lúc thất tình. Ôi! Thật là khổ tăng gia khổ.

Khổ này dồn dập, thoát đến khổ kia, thấm thoát đến ngày nhắm mắt. Nào là vật vã trong lúc ngặt mình, nào là nỗi thương con mến vợ, tiếc vật tham sanh, nào là nỗi sợ cho linh hồn, sau khi lâm chung rồi, không biết

đoạ lạc thế nào đây nữa. Thật cái khổ tử ấy lấy làm ghê gớm!

Tóm lại cuộc đời là biển khổ. Nếu biết lẽ ấy rồi, cần phải tìm một phương pháp chi hay để mà diệt khổ. Mà muốn diệt khổ, trước phải biết nguyên nhân sự khổ bởi đâu mà ra.

Đức Thích Ca có dạy rằng: "*Sự vô minh (ám muội) sanh ra lòng tham dục, lòng tham dục mà chẳng toại là mầm móng cho kiếp luân hồi, kiếp luân hồi lại là nguyên nhân sự khổ.*"

- **Sự vô minh:** Con người vì vô minh nên không rõ hình thể mình bởi đâu mà ra, mình sanh ra ở đời để làm gì, và khi thác rồi, hồn mình phải đi đâu? Cũng vì ám muội không rõ lẽ tử sanh, nên tưởng rằng kiếp con người sanh ra trên cõi tạm này chỉ trong một thời gian rồi hết.

- **Lòng tham dục:** Vì vậy nên mới bo bo theo điều cạn lợi nhẫn tiền, ham muốn những cuộc khoái lạc về đàng vật chất, muôn làm thế nào để kéo cái kiếp sống lại cho dài ra mãi, đặng vui hưởng những cuộc vinh hoa phú quý mà không xét rằng những cuộc vinh hoa phú quý ấy vẫn là một miếng mồi để nhử lòng người miệt mài mãi mãi trong vòng luân chuyển, thế thì lòng tham dục là nguồn gốc của kiếp luân hồi vậy. Phàm mọi việc chi ở đời, hễ có *nhơn*, thì phải có *quả*. *Nhơn* (cause) là cái cội rễ, cái cớ sự của mọi việc. *Quả* (effet) là cái ảnh hưởng, sự báo ứng của cái *nhơn*. Ví dụ như lửa với khói. Lửa là nguồn gốc của khói, cho nên lửa là nhơn, khói là quả. Nhơn lại là điều mình làm ra, quả là cái trả lại (báo ứng) vậy. Ví dụ như một người kia vì phạm tội mà phải chịu lao tù. Cái tội làm đó tức là *nhơn*, cái lao tù đó tức là *quả*. Tục thường nói: "Nhơn nào quả nấy". Cho nên tiên nho có câu: "Chưởng đậu đắc đậu, chưởng qua đắc qua". Cái lý "hữu nhơn hữu quả" đã xét đến rồi, thì chúng ta thấy rõ rằng những điều tham dục, nhứt là ham muốn mà không đặng toại, toàn là cái sự cớ để làm nhơn cho kiếp luân hồi vậy. Vì lòng tham dục mà con người làm ra

lắm điều trái đạo, gây kết tội tình nghiệp báo. Mà hễ tự mình gây ra tội tình nghiệp báo, thì tự mình phải trả. Vì cái lẽ phải trả ấy (oan báo) mà con người phải luân chuyển kiếp này qua kiếp khác. Kiếp hiện tại không những để trả quả cho kiếp trước, mà lại còn làm nhơ cho kiếp tương lai. Rồi kiếp tương lai này lại làm nhơ cho kiếp tương lai khác nữa. Những kiếp này kiếp kia cứ làm nhơ quả lắn cho nhau (cứ nối đuôi nhau hoài) thì con người biết chừng nào tránh khỏi tiền kinh nghiệp báo mà thoát kiếp luân hồi choặng?

- **Kiếp luân hồi:** Có kiếp luân hồi mới có chết đi sanh lại luôn luôn. Mà mỗi lần chết đi là mỗi lần khổ, mỗi lần sanh lại cũng là mỗi lần khổ. Thế thì kiếp luân hồi là nguyên nhân của sự khổ vậy.

Đến đây ta đã biết nguyên nhân của sự khổ rồi. Vậy muốn diệt khổ phải siêu diệt kiếp luân hồi, muốn siêu diệtặng kiếp luân hồi, phải diệt lòng tham dục, muốn diệt lòng tham dục, phải diệt sự vô minh. Mà muốn diệt sự vô minh thì phải làm sao? Phải hội hết tinh thần trí lực của mình lại cho thông sáng, rồi dùng phương pháp “chiêu minh” (illumination) ấy mà khám phá sự vô minh là nguồn cội của cuộc đời khổ náo. Đạo Phật có chỉ một phương pháp để diệt trừ sự vô minh, gọi là Đạo Bát Chánh (les huit nobles sentiers).



## **X. ĐẠO BÁT CHÁNH**

Đạo Bát Chánh là tám con đường phải noi theo để diệt trừ sự vô minh.

1. Chánh kiến (bien croire) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà tin tưởng.
2. Chánh tư duy (bien penser) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà xét suy.
3. Chánh ngữ (bien parler) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà nói năng.
4. Chánh nghiệp (bien agir) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà hành động.
5. Chánh mạng (bien vivre) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà sanh phuơng để nuôi mạng sống.
6. Chánh tinh tấn (bien s'efforcer) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà tấn hóa.
7. Chánh niệm (bien se souvenir) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà hồi tưởng (tưởng nhớ).
8. Chánh định (bien méditer) nghĩa là giữ theo lẽ chánh mà thiền định (tưởng gẫm).

- **Chánh kiến:** Muốn tin tưởng theo lẽ chánh, trước phải biết luật thiên nhiên của Tạo Hóa mà tin theo. Như biết rằng cả nhơn loại đồng thợ của Đấng Tạo Hóa một điểm chơn hồn, tức là con một Cha. Đã là con một Cha, tức phải thương nhau như anh em ruột thịt, đó là cái quan niệm chủ nghĩa bác ái vậy. Phải biết rằng muôn loại trong trời đất đều ở dưới luật nhơn quả, dưới cơ báo ứng, cho nên cả thảy đều liên lạc và tương đươong nhau. Ví dụ, sự ác của một người làm có thể làm hại cho nhiều người khác, hoặc nhiều sanh loại khác. Trái lại, điều thiện của một người làm có thể làm lợi cho nhiều người khác, hoặc nhiều sanh loại khác. Cho nên mình làm một việc chi quấy, chẳng những mình làm quấy cho một mình mình, mà mình còn lây quấy cho người khác nữa, thế thì chẳng những mình đắc tội với

Trời Đất, mà mình còn đắc tội với chúng sanh nữa. Cho nên con người nếu biết cái lẽ chánh ấy mà tin theo, thì khỏi sợ sa vào nơi tội lỗi mà phải lạc lối sai đường, tức là diệt được sự vô minh đó vậy.

- **Chánh tự duy:** Phàm muôn việc chi, hễ có thiệt thì có giả, hai cái vẫn tương tự nhau, song cũng nhờ có cái giả mới nhận ra được cái thiệt, mà muốn phân biệt được hai lẽ chánh tà, ta cần phải thành thật và do theo lẽ chánh mà suy xét từ điểu. Nếu do theo lẽ chánh mà suy xét từ điểu, thì ta ắt thấy rõ được cái chơn tướng của nó, rồi trí khôn ta mới hết mờ hồ, hết nghi hoặc, hết sanh hoạt trong vòng ảo cảnh, hết đeo đuổi theo lối tà thuyết dị đoan, tức là diệt được sự vô minh đó vậy.

- **Chánh ngữ:** Mình biết xét suy theo lẽ chánh thì đã đành rồi, song mình cũng phải giữ lời nói của mình theo lẽ chánh mới được, vì một lời nói bất chánh có thể làm cho người ta lầm lạc mà lỗi đạo tu hành. Người xưa có làm một pho tượng hình người bằng vàng, nơi miệng lại có ba sợi dây ràng buộc lại. Ấy là tố ý rằng người xưa vẫn cẩn thận lời nói lắm vậy. Vả lại Đức Chí Tôn có dạy rằng: "... Nơi Tòa Phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dặn các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể..." .

Tóm lại, lời nói chánh thì khỏi làm cho người làm lạc vào nẻo tà vạy tối tăm, tức là diệt được sự vô minh đó vậy.

- **Chánh nghiệp:** Mình nói chánh cũng chưa gọi đủ, sự hành vi của mình cũng cần phải theo lẽ chánh mới được, thế mới khỏi cái câu "ngôn bất cố hạnh". Trước kia, mình đã tin tưởng theo lẽ chánh, nói năng theo lẽ chánh, bây giờ đây, nhứt thiết phải hành vi theo lẽ chánh, thì chẳng những mình bước chơn vào con đường quang minh chánh đại, mà mình còn dẫn dắt thiên hạ theo mình nữa. Dẫu người tánh vốn chẳng lành mà được mình dẫn dắt, lâu ngày chầy tháng rồi, họ sẽ

hóa lành theo mình chẳng sai. Đức Lão Tử có dạy rằng: “... Người lành làm thầy cho người chẳng lành...”.

Tóm lại, dùi dắt người vào đường quang minh chánh đại, tức là diệt sự vô minh đó vậy.

- **Chánh mạng:** Dầu là bức tu hành, chẳng phải cả thầy đều phê hết gia đình thế sự, tu vào bức thượng thừa, tối thượng thừa thì chẳng nói chi, đến như bức hạ thừa, thì cũng cần phải có phương thế sanh nhai để mưu cầu mạng sống. Cái phương thế sanh nhai của bức tu hành ấy lại cần phải do theo lẽ chánh mới được. Vì vậy mà phải tránh những việc ích kỷ tồn nhơ, thương luân, bại lý. Ví như bán rượu, bán thuốc phiện, chứa cờ bạc, nuôi gái thanh lâu, ... tuy lợi cho mình mà hại cho kẻ khác, làm hàng thịt, săn bắn, tuy lợi cho mình mà hại mạng con sanh vật. Những điều bất chánh ấy, người tu hành cần phải tránh xa, thì mới gọi là “chánh mạng”. Làm được một việc phải, tức là bớt được một việc quấy, làm được hai việc phải, tức là bớt được hai việc quấy, ... mà trọn đời cứ làm việc phải hoài, thì tiện thị là khỏi làm việc quấy. Khoả làm việc quấy, tức là khỏi tội tình nghiệt báo, khỏi gây tội tình nghiệt báo, tức khỏi phải trả quả, khỏi phải trả quả, thì khỏi phải luân hồi (\*1) nữa, khỏi phải luân hồi nữa, thì diệt được kiếp luân hồi, tức là diệt sự vô minh đó vậy.

- **Chánh tinh tấn:** Chánh mạng đãng rồi, phải do theo lẽ chánh mà tán hóa về trí thức và tinh thần. Phải tìm chơn lý mà học hỏi cho trí thức ngày một mở mang. Phải giữ sao cho tinh thần được an tĩnh, cho được đầy đủ, an tĩnh thì tinh thần được trong sạch sáng láng mà phát huệ, đầy đủ thì tinh thần mới có năng lực mà huyền diệu được.

Tóm lại trí thức quang minh, tinh thần phát huệ, tức là diệt sự vô minh đó vậy.

- **Chánh niệm:** Đắc huệ rồi, cần phải tìm chốn u huyền (nhập tịnh thất) mà tu luyện. Cả ngày cứ tiệm dụng cái huệ của mình mà hồi tưởng những việc quá khứ, cho rõ thấu mọi lẽ đã qua rồi của cơ Tạo Hóa, tìm

đến cái nguồn cội của các vật, cái trước sau của mọi việc, cho biết tại sao mà vật này đã sanh ra thế này, vật kia đã sanh ra thế khác, tại sao việc này đã xảy ra là vậy, việc kia đã xảy ra là khác (\*2). Thấu đáo mọi lẽ đã qua rồi, chẳng những là diệt được sự *vô minh*, mà mình lại đã gần Đạo rồi vậy.

- **Chánh định:** Đã tìm ra được mọi lẽ quá khứ, hiện tại rồi, đến đây phải cần tưởng gẫm theo lẽ chánh để tìm ra mọi lẽ tương lai, tức là đến thời kỳ chánh định. Chánh định chia ra làm bốn bước:

1. Để ý tứ cho thiệt thanh tịnh mà tưởng gẫm.
2. Giữ cho tâm hồn đừng xao xuyến.
3. Tâm thần đã bình tĩnh rồi, thì biết rõ chơn tưởng mọi sự quá khứ, hiện tại và vị lai và thấu rõ cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đắc thông vạy.
4. Đắc thông rồi, lòng không ỷ thiện, không phụ ác, không khổ, không vui, có như không, không như có, rồi tự đặt hồn mình ra khỏi vòng cảnh sắc mà sanh hoạt vào cõi vô vi, tức là đắc đạo vạy. Đó là chỗ bí yếu của Đạo diệt khổ mà Phật Thích Ca xưa đã tìm ra, giữ được tám con đường chánh, thì tiện thị là minh chánh, chánh thì tịnh, tịnh thì an, an thì sáng, sáng thì thông, thông thì đắc đạo. Đắc đạo thì diệt sự vô minh, tức là hết già, hết bịnh, hết phiền não, hết nghiệp báo luân hồi, thì chơn hồn mới được siêu thăng lên cõi Niết Bàn vậy. "Chữ Niết Bàn do tiếng Phạn Nirvâna mà âm ra. Nirvâna nghĩa là tắt hết củi lửa, tức là cõi thiêng liêng, tới đó rồi bao nhiêu sự khổ sầu phiền não thảy đều tắt cả, khởi phải cái kiếp luân hồi nữa".

---

(\*1) Người tu hành mà giữ được năm con đường chánh trên đây cho tròn vẹn, tuy là còn theo lối hạ thừa, nhưng sau khi thoát xác rồi ắt được chứng quả Thần vị, hoặc Thánh vị mà lánh đọa luân hồi. Bằng

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

có giữ mà chẳng tròn vẹn, thì phải tái kiếp lại nữa, song sẽ ở địa vị giàu sang mà hưởng nhở hồng phước.

(\*2) Chính như Đức Khổng Tử có nói rằng: "Vật gì cũng có gốc có ngọn, việc gì cũng có thi có chung, hễ biết cái sau cái trước, ấy là gân Đạo vậy".



## **XI. LƯƠNG TÂM**

Con người sanh ra ở đời, có nhiều phận sự bó buộc lấy mình, phải ăn mới no, phải mặc mới lành, nên chi cần phải sớm liệu chiêu lo, lao thân cực trí mới có tiền chi độ hò khâu cùng nuôi dưỡng thê thi. Vậy thì cái đời người trên cõi trần ai khốn đốn này toàn là một đời phải khổ tâm làm lụng. Việc làm lụng lại chia ra hai hạng khác nhau, làm phải và làm trái (làm quấy). Làm phải là thuận theo lẽ Trời, hiệp với đạo người, ấy điều Thiện. Làm trái là nghịch với lẽ Trời, trái với đạo người, ấy là điều Ác. Làm Thiện thì bao giờ trong lòng cũng được an tịnh và mừng vui khoan khoái. Làm ác thì bao giờ trong lòng cũng bị xốn xang hồi hộp, tựa hồ như văng vẳng bên tai có tiếng thiêng liêng khen ngợi khi ta làm phải và rầy la khi ta làm quấy. Đó tức là *Thần Lương Tâm* của ta. Thần Lương Tâm vẫn là một chơn linh của Đức Thượng Đế sai xuống để gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn của mọi người. Thần Lương Tâm chẳng những giữ gìn sanh mạng cho ta mà lại còn dạy dỗ cho ta biết biệt phân điều nào là phải mà làm, điều nào là quấy mà tránh. Song người đời phần nhiều lại có lòng dục lợi, đồng tiền tài thường hay ám nhẫn, cho nên trong việc hành vi động tác ít hay nghe theo Lương Tâm mình, việc tuy biết quấy mà vẫn cứ làm, điều tuy biết tội mà vẫn không từ, quanh năm chỉ lo cho điều cặn lợi mà quên hẳn Lương Tâm.

Phàm muốn vẹn đạo làm người, trong mỗi việc hành vi, ta cần phải giữ sao cho khỏi nghịch với Lương Tâm, thì khi lìa khỏi xác rồi, linh hồn ta mới có thể siêu lên cõi Thiên đàng mà lánh xa Địa ngục. Đạo vẫn là con đường để cho linh hồn noi theo mà lần lên Thiên đàng vậy. Thì linh hồn ta ví như người hành khách cứ lo đi đến nơi tuyệt đích ấy. Xác thịt ta tỉ như cái xe để chở linh hồn. Việc cử động hành vi của ta ví như con ngựa để kéo cái xe ấy. Nếu cuộc hành động của ta cảm giác theo đường thiện, thì ngựa mới kéo xe đưa người hành khách đến nơi đến chốn (tức là đưa linh hồn lên cõi Thiên đàng vậy). Còn nếu cuộc hành động của ta cảm

giác theo đường ác, người hành khách tất phải bị ngựa dắt lạc đường, rồi thế nào đi đến nơi đến chốn đặng? (Tức là linh hồn phải sa vào Địa ngục vậy). Mà muôn cho ngựa khỏi lạc đường, cần phải có người cầm cương đánh xe mới được. Người ấy là Thần Lương Tâm của ta đó vậy.

Song nhiều khi sự cảm giác của ta mạnh về lối vật dục thấp hèn, Thần Lương Tâm cũng không kèm chế đặng. Ấy là lúc ngựa đương chứng vậy. Người cầm cương bây giờ cần phải có ngọn roi để kèm chế ngựa kia đương chứng. Roi ngựa ấy tức là cái chí ý (volonté) của ta đó. Phải có cái chí lớn mới kèm chế tính dục được, mới mong làm đạo được. (\*1)

Nhiều người trước vẫn bôn chôn theo thê tình tục sự, nào là đắm mê túu, sắc, tài, khí, nào là ích kỷ tồn nhơn, mà khi biết ăn năn rồi, trong một thời gian ngắn ngủn cũng đủ hồi tâm hướng thiện, chuyên việc tu hành. Ấy là bức đại chí.

---

(\*1) Thánh ngôn ngày 5-3-27 có câu: "Làm vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ cũng cần phải có cái chí lớn mới mong thành tựu đặng ... "



## **XII. TAM QUI (Les Trois Rapports)**

Muốn giải rành nghĩa hai chữ tam qui, trước hết phải hiểu nghĩa ba chữ Phật, Pháp, Tăng. Có Thánh ngôn Đức Chí Tôn dạy như vầy:

*"Thầy khai Bát quái mà tác thành Càn khôn Thê giải, nên mới gọi Pháp. Pháp có mói sanh ra Càn khôn vạn vật, rồi mới có người, nên gọi là Tăng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy".*

Vậy thì Phật là Đáng Tạo Hóa (Dieu), Pháp là Thê Giải (la Nature), Tăng là cả nhơn loại (l'Humanité).

1. Qui y Phật là Tạo Hóa giao thông (Rapport avec Dieu).
2. Qui y Pháp là Thê Giải giao thông (Rapport avec la Nature).
3. Qui y Tăng là Nhơn loại giao thông (Rapport avec l'Humanité).

### **1. QUI Y PHẬT**

Đối với Đáng Tạo Hóa ta phải hết lòng thờ phượng kính tin Ngài, vì Ngài là Đáng gầy dựng Càn khôn, Thê giải, sanh ra nhơn loại cùng vạn vật khác. Thờ phượng Ngài là tỏ dấu biết ơn Ngài sanh chúng ta ra, kính tin Ngài vì Ngài là Đáng tuyệt đối (l'Absolu) (\*1) vô cùng biến hóa. Chẳng những bỗn phận chúng ta là thờ phượng kính tin Ngài mà thôi, chúng ta lại còn phải noi theo lẽ Trời mới được (Thiên lý). Đức háo sanh của Đáng Tạo Hóa là thương đồng muôn loại, chở che nuôi dưỡng hết cả quần sanh, vận hành quảng đại mà không riêng, thi ân huệ mà không kể, Đáng Tạo Hóa vẫn làm cái tiêu chuẩn pháp lý cho chúng ta, thì chúng ta phải coi theo mà bắt chước. Bắt chước Trời tức là giữ Đạo Trời vậy.

## **2. QUI Y PHÁP**

Vạn vật hữu sanh trên Thế giới chia ra là: thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại gọi là chúng sanh. Nhơn loại vẫn là bực tối linh hơn hết trong hàng chúng sanh. Cách nhơn loại giao thông sẽ bàn giải về khoản "Qui y Tăng". Đây xin luận về cách đối đãi với thảo mộc, thú cầm gọi là "Thế giới giao thông".

**a) Đối với thảo mộc:** Gần đây có nhà bác sĩ Ấn Độ tên là Sir Bose mới thuyết minh rằng loài thảo mộc cũng biết cảm giác (biết đau đớn) như cầm thú và nhơn loại vậy. Nhà bác sĩ ấy đoán quả quyết rằng bộ thần kinh (bộ gân) của loài thảo mộc còn tiếp cảm mau lẹ hơn của loài người nữa. Ta thử động đến cây "mắc cỏ" thì nó xếp lá lại liền, mà xếp một cách rất lanh lẹ, tiếng Pháp gọi cây mắc cỏ là "la sensitive" nghĩa là cây biết cảm giác. Các loại thảo mộc khác cũng biết cảm giác như vậy, song sự cảm giác ấy, mắt thường ta khó thấy đặng. Ấy là một bằng cớ chứng chắc rằng loài thảo mộc đều biết cảm giác, tức là có một điểm thú hồn (âme animale).

Chúng ta dùng vật thực phần nhiều là ở nơi chất thảo mộc mà nuôi thân (\*2) song luật Trời nghiêm cấm không cho vô cớ mà phá hại đến loài thảo mộc.

**b) Đối với thú cầm:** Chúng ta chẳng những nương cậy nhau là nhờ có xã hội nhơn quần, mà còn phải cậy nơi sức lực của con ngoại vật nữa, như trâu cày, bò kéo, ngựa chở... Vậy nên đối với loài thú vật, chúng ta phải có một cái bỗn phận riêng là:

1. Chẳng nên đánh đập con ngoại vật vì nó cũng biết đau đớn như mình.
2. Phải săn sóc nuôi dưỡng nó cho tử tế để đền đáp lấy công cực nhọc của chúng nó giúp đỡ ta.

3. Chẳng nên hại mạng chúng nó vì chúng nó cũng đồng thọ một điểm linh quang của Đấng Tạo Hóa như chúng ta vậy (xin xem lại bài luận về "Lòng bác ái").

### **3. QUI Y TĂNG**

Qui y tăng là nhơn loại giao thông, nghĩa là bỗn phận người đối với người vậy. Đại khái bỗn phận người đối với người chia ra nhiều bực là: đối với thân tộc họ hàng (ông bà, cha mẹ, bà con, chồng vợ, anh em), đối với quốc gia, xã hội cùng cả nhơn quần. Cả bỗn phận ấy đều gom về một mối gọi là Nhơn Đạo.

Tam qui vừa giải trước đó là tam qui đối với bên ngoài (extérieur) nên gọi là "*Tam qui ngoại*".

Đối với bên trong, nghĩa là trong châu thân mình, lại có "*Tam qui nội*".

### **TAM QUI NỘI**

Đấng Tạo Hóa vẫn là Phật, dùng huyền diệu thiêng liêng gọi là Pháp mà phân tánh (hòn) cho nhơn loại, gọi là Tăng.

Luyện ngươn tinh cho trong sạch nhẹ nhàng đặng hiệp với ngươn khí gọi là *Qui y Tăng*.

Luyện Hậu Thiên Khí trở nên Tiên Thiên Chơn Khí, rồi dùng huyền diệu bí pháp đặng hiệp Khí với Thần, gọi là *Qui y Pháp*.

Luyện ngươn thần cho được thuần dương cho Âm Thần trở nên Dương Thần, hầu trở lại chỗ bỗn nguyên là "Hư Vô chi Khí" đặng hiệp làm một với bỗn nguyên Phật, gọi là *Qui y Phật*.

Nghĩa lý "*Tam qui nội*" rất xâu xa huyền bí, chỉ giải sơ lược ra đây vậy thôi. Ai thâm đạo lý rồi mới có thể thấu đáo rõ hơn được.

## **NGŨ GIÁI**

(Xin xem Thánh Ngôn in thành quyển riêng) **(1)**

---

**(\*1)** Không vì Tiên Phật nào sánh bằng.

**(\*2)** Có nhiều nhà tu giữ giải rất chín chắn đến đỗi ăn ròng trái cây và rau đậu mà thôi, nghĩa là giữ thể nào cho khỏi hại đến mạng sống của loài thảo mộc. Như ăn trái cây thì không hại đến mạng cây, còn ăn rau thì chỉ hái lấy ngọn mà dùng, là chủ ý để cho cây rau còn sống dặng.

**(1) Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.2:** Bất sát sanh. Bất du đạo. Bất tà dâm. Bất âm tưu. Bất vọng ngữ,

**HẾT**

---

**CHƠN LÝ**

Tác giả NGUYỄN TRUNG HẬU

IMPRIMERIE ĐỨC LUÚ PHƯƠNG

158 rue d'Espagne.

SAIGON

Thánh Thát New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

[thanhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhthatnsw@yahoo.com.au)

---

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

---

**ĂN CHAY**

**Người soạn THUẬN ĐỨC**

**Có Bàn Kiểm Dượt cửa Đạo  
xem xét trước khi ấn hành**

**Hội Thánh Giữ Bản Quyền**

## **MỤC LỤC**

- Lời dẫn
  - I. Ăn chay
  - II. Ăn chay đối với thân thể
  - III. Ăn chay đối với cơ bình
  - IV. Ăn chay đối với khoa học
  - V. Ăn chay đối với luân lý
  - VI. Rượu
  - VII. Ăn chay đối với Tôn giáo
  - VIII. Cách thức ăn chay
  - IX. Trai kỲ
-

## LỜI DẪN

Ăn chay! Nghe hai tiếng "Ăn chay", chắc sao cũng có người trề môi, nhăn mặt mà rằng: "Đến thế kỷ hai mươi này mà bạo gan xướng ra cái thuyết "Ăn chay", thì còn chi đại bằng? Đã đến thời đợi văn minh lại còn muốn kéo ngược người lại thời kỳ ăn cây, ở lỗ, thì có bổ ích vào đâu?"

Đó là dư luận thường tình đối với lý thuyết nào, bất câu sang hay hèn, mà trái hẳn với thế gian tục sự.

Bất luận thời đợi nào, hễ việc chi hợp với vệ sanh, thuận theo luân lý cùng lẽ tự nhiên, thì nên đem ra bàn giải. Cỗ nhân ăn cây, ở lỗ mà vẫn được mạnh khoẻ, sống lâu, ta nên nghiên cứu coi điều hạnh phúc ấy bởi đâu mà ra? Có phải phần nhiều là nhờ nơi ăn uống chǎng? Mà ăn những vật chi? Ăn cây trái, rau củ, tức là ăn chay vậy. Vả lại ăn chay, ăn mặn là do theo thói quen vây thôi. Ai thuở nay quen ăn mặn, thì khó mà ăn chay; song hễ quyết chí tập lần, cũng có ngày được vậy. Ban đầu thử tập hai ngày, rồi lên lần sáu ngày, mười ngày, vân vân. Tập mãi như vậy thì ăn được trường trai. Trường trai rồi nghe trong mình nhẹ nhàng khoan khoái lắm, thấy mặn không biết thèm. Đó là sự thật, ai có làm rồi đều biết.

Ở nước Nam ta, nhiều người tuy chǎng tu hành chi, song lòng hay tín ngưỡng Phật Trời, nên hai ngày sóc vọng thường giữ ăn chay.

Còn nói chi đến người mộ đạo tu hành, thì tưởng lại ai ai cũng giữ ăn chay một tháng ít nữa là sáu ngày.

Trong quyển sách nhỏ này, tôi giải sơ về điều cần ích của việc ăn chay đối với thân thể, đối với luân lý và đối với tôn giáo.

Chẳng những là đợi tu mới cần ăn chay, tưởng lại ai mà xét suy tột lý rồi, dầu không tu cũng nên tìm chay lánh mặn.

Từ khi Đạo Trời rộng mở lần ba, tức là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", nhiều người trong đạo lưu tâm về lối

ăn chay, nên phát minh ra nhiều món chay rất ngon miệng, ăn không biết chán, thế thì có kém chi đồ mặn?

Ước ao sao trong Đạo có người xướng lên, dọn một quyển sách "*Nấu ăn chay*" cho ai chưa thạo coi theo mà dùng, tưởng cũng là một điều công đức chẳng nhỏ vây.

### **TÁC GIẢ**



## I. ĂN CHAY

Nhiều người cứ tưởng rằng muôn có đủ sức mạnh để làm việc lao động, phải cần ăn thịt cá cho bổ dưỡng. Tưởng vậy rất sai vì nhiều nhà tu bên miền Đại Sa Mạc (Région saharienne) chẳng bao giờ dùng đến thịt cá mà cũng làm nổi lầm việc nặng nề, như đào mương đốn cây vân vân; không những mạnh khỏe như mọi người mà lại còn sống lâu hơn nữa. Người Nhựt cũng cho thịt là một vật thực ít nên thường dùng. Các bức trứ danh bên Pháp quốc kể sau này đều dùng toàn vật thực thảo mộc (\*1): Voltaire, Diderot, Jean Jacques Rousseau, Pascal.

Bên Bỉ quốc, Pháp quốc, và Anh quốc, hiện thời đều có lập "Hội Thảo mộc thực", được nhiều nhà bác học trứ danh dự vào.

Ông Flourens, ông Daubenton, ông Cuvier, ông Buffon đồng nhận rằng cơ thể loài người không hợp với nhục thực. Các ngài cho rằng con người lẽ phải dùng vật thực toàn là cỏ, rau cây trái mới thuận theo lẽ tự nhiên.

Tôi xin phiên dịch ra đây bài luận về lý thuyết của quan lương y G. Durville.

### **NGƯỜI TA KHÔNG PHẢI SANH RA ĐỂ MÀ ĂN THỊT**

"Người ta ngày nay hợp dùng nhục thực là nhờ buổi trước phải lầm công trình dài dặc mới lập thành thói quen ấy; thế mà đã phải chịu lầm nỗi gay go đau đớn mới được vậy.

Thuở ban sơ, người ta không phải là loài ăn thịt; cơ thể và tạng phủ con người đều chứng rõ lẽ ấy và làm cho ta nhận biết rằng vật thực mà phù hợp với tỳ vị ta chính là cỏ rau cây trái vậy.

**A. Răng của con người không phải răng để mà ăn thịt:**

Đảng thuộc phái thực nhục nói rằng con người cần phải ăn thịt vì người ta có thứ "*răng chó*", mà loài chó lại là loài *ăn thịt*.

Nói như vậy rất sai; là vì răng của loài chó cùng là các loài thực nhục thì dài; tức là để mà xé thịt; còn răng của chúng ta mà thường gọi là "*răng chó*" đó (canines) lại cựt, giống như răng khỉ, mà loài khỉ thì *ăn trái cây*.

### **B. Bao tử và ruột của loài người không phải dùng để ăn thịt:**

Răng cắm các loài thực nhục đều nhọn nên nhai thịt không được nát, song lại nhờ bao tử dày mạnh vận động giúp vào cho nhục thực dễ bèle tiêu tán. Bao tử của ta lại mỏng yếu, bởi không cần phải nặng công làm cho vật thực tiêu tán, là vì răng cắm của ta dày dẹp đủ sức nhai cho vật thực nát nhỏ rồi mới nuốt, mà răng cắm của ta lại giống như răng cắm của các loài vật *ăn cây trái*.

Ruột của loài thực nhục thì cựt, còn thịt thì mau tiêu. Ruột của ta lại dài hơn có máy thước; ấy đủ chứng tỏ rằng ruột ta rất cần ích cho thực vật nào lâu tiêu (\*2); mà nhà sanh lý học đều biết rằng thảo mộc thì lâu tiêu hơn thịt.

### **C. Phần nhục thực nào thừa ra không cần ích cho châu thân, thì cơ thể của loài ăn thịt lại có thể đổi thành chất diêm cường (ammoniaque) mà theo đường tiểu tiện. Cơ thể con người lại không được vậy. Thế thì Tạo Vật sanh người ra là không chủ ý định cho loài người ăn những vật thực nào mà chứa nhiều chất thịt".**

---

(\*1) Thảo mộc đây xin hiểu là chỉ chung hết cả loại tự noi đất mọc lên như: Cây, trái, khoai, củ, rau, đậu, vân vân...

(\*2) Xin chó lầm tưởng rằng vật thực tiêu hóa nơi bao tử là cùng. Nó còn phải xuống đến ruột mới trộn phần tiêu tán.



## **II. ĂN CHAY ĐỐI VỚI THÂN THỂ**

Thường thường chúng ta hay có nhiều bệnh hoạn là tại nơi không biết giữ vệ sinh về *ẩm thực*; cứ gọi ăn hải vị sơn trân là bổ, cho rằng uống sâm banh cỏ nhác là sang; nay tiểu yến, mai đại diên; thậm chí hễ có mời nhau thì chỉ mời *ăn uống*, vì vậy mà hay sanh bệnh hoạn, làm cho chỗ gọi là *phòng ăn* phải hóa ra *phòng bệnh*.

Muốn ít hay bệnh hoạn ta cần phải ăn uống cho có độ lượng, và dùng ròng những vật thực nào có đủ chất bổ dưỡng và dễ bề tiêu hóa. Khoa hóa học cho rằng chất bổ dưỡng nhơn thân là chỉ ở nơi thảo mộc, mà thảo mộc có chất bổ ấy là nhờ hấp thụ khí dương của mặt trời.

Phần nhiều thú cầm ăn thảo mộc (\*1) mà bổ dưỡng chau thân; ấy là cách bổ dưỡng trực tiếp (direct). Ta lại ăn thịt thú vật đó tức là tiếp lấy chất bổ thảo mộc mà đã chứa sẵn vào thịt thú vật đó vậy. Ấy là cách bổ dưỡng gián tiếp (indirect).

Ấy vậy trong hai cách bổ dưỡng, một là trực tiếp, nghĩa là dùng ngay thảo mộc làm vật thực, hai là gián tiếp, nghĩa là dùng nhục thực mà lấy chất bổ thảo mộc, thì cách nào phả hơn?

Nhiều người gọi mình ăn mặn mà kỳ trung mỗi ngày lại ăn chay nhiều hơn đồ mặn. Chẳng cần chi kể đến trái cây ăn thường ngày, ta thử xem trong mỗi buổi ăn, tuy gọi là đồ mặn, chó thật là hết hai phần chay. Một tô canh chỉ phải hết hai ba phần đồ hàng bông mới có một phần thịt cá. Một dĩa đồ xào chỉ phải hết hai phần rau đậu mới có một phần tôm thịt. Vật mình ăn nhiều hơn hết là cơm, mà cơm tức thị là đồ chay. Té ra mỗi ngày mình ăn chay nhiều hơn ăn mặn mà mình không để ý vậy.

Kẻ lại nói rằng: "*Trời sanh ra hễ vật thi dưỡng nhơn; nếu không ăn heo, bò, gà, vịt, cá tôm vân vân, thì thú vật ấy để mà làm chi?*"

Xin đáp: Tạo Hóa vẫn là Đấng Chí Công sanh ra muôn loại là để cho chúng nó sanh sanh, hóa hóa, nòi giống nào theo nòi giống này, theo lẽ tự nhiên. Trên trời thì có loại phi cầm, dưới đất thì có loài tấu thú; dưới sông thì có loài thủy tộc cùng đua với nhau loại mà làm sanh linh trong thế giới. Nếu hỏi Trời sanh ra thú vật làm chi? Sao lại không hỏi luôn như vậy: "*Trời sanh nhau loại ra để làm gì?*" Có phải sanh để mà tiêu diệt cùng cướp quyền tự do của loài cầm thú khác chăng?

Con người may linh hơn vạn vật, rồi lợi dụng trí khôn của mình để ăn thịt loài này, áp chế loài kia. Ấy có phải là trái hẳn với lẽ công bình và đức háo sanh của Tạo Hóa hay chăng?

### **NHỤC THỰC CHĂNG NHỮNG LÀ KHÔNG BỎ DƯỠNG BẰNG THẢO MỘC, MÀ CÓ KHI CÒN LÀM HẠI CHO THÂN THẾ LÀ KHÁC.**

Có thứ nhứt đã giải rồi, xin chỉ qua cớ sau. Nhục thực thuộc về chất nặng nề, tuy ăn mau tiêu mà tiêu không trọn, làm cho phải thương tỳ, phạt vị; phần nào không tiêu tán lại phải thúc hôi mà gây bệnh cho tạng phủ. Ai cũng biết rằng thịt ăn nhét vào kẻ răng trong giây phút thì thúc hôi lắm. Vì vậy nên loài vật nào ăn thịt thì lưỡi răng dơ dáy, hơi thở thúc hôi khó chịu.

Vả lại, cái hại của nhục thực là không phải ở nơi cấp kỳ, cho nên ít ai quan tâm đến. Tí vị ai còn mạnh mẽ thì không đến nỗi gì; đến khi suy kém rồi, tức phải vì đó mà sanh bệnh hoạn.

Ăn thịt có cái hại này nữa là nhiều khi ta ăn nhầm thịt thú vật bệnh hoạn mà ta không biết được, chớ như đồ chay, thì ta không khi nào chịu ăn vật chi thúc hôi, khô héo bao giờ.

---

**(\*1)** Loại nào ăn thịt thì bỏ dưỡng theo cách gián tiếp, thì thịt nó còn phải thua thịt của loài vật ăn thảo mộc. Thế thì ăn thịt nó có ra chi?

### **III. ĂN CHAY ĐÓI VỚI CƠ BÌNH**

Nhiều người mang bệnh hiểm nghèo, y khoa đã hết phương điều trị, lại nhờ ăn chay mà thuyên giảm. Ai đau mẩy bệnh sau này, nếu ăn chay thì đỡ lắm, dầu không dứt tuyệt cũng giảm đáng nhiều: bệnh đườòng (diabète), bệnh bón, ho lao, ung độc, nhức gân cốt.

Tôi không phải chuyên về y khoa mà giải kĩ vấn đề này, song cứ theo lời của nhiều người bệnh mà đã thí nghiệm đồ chay rồi, tưởng cũng là một điều rất hữu lý vậy.

Quan lương y Hồng Mao Haig và các quan lương y Pháp quốc như Hureau de Villeneuve, Bonnejoy, Dujardin Beaumtez, Plateau đều công nhận rằng các ngài chỉ nhờ vật thực thảo mộc mà lành bệnh.

Thường thấy các nơi dưỡng đườòng quan lương y lại cấm không cho bệnh nhơn ăn thịt. Lương dược phần nhiều lại thuộc chất thảo mộc, thế thì thảo mộc (đồ chay) có phải là bổ dưỡng cho bệnh nhơn chăng?

Vậy ai rủi có vương láy bệnh chi mà uống thuốc không lành, xin thí nghiệm đến đồ chay thì sẽ thấy công hiệu.



## **IV. ĂN CHAY ĐỐI VỚI KHOA HỌC**

Thú cầm đói biết kiêm ăn, khát biết kiêm uống, ấy là vật dục tự nhiên (instinct) của chúng nó. Con người linh hơn cầm thú, không những vì đói mà ăn, vì khát mà uống, lại còn vì ngon miệng mà ăn, thì biết chọn vật thực ngon béo, ngọt bùi. Vì vậy mới gọi món này là cao lương, vật kia là mỹ vị, nay cỗ bàn, mai yến tiệc.

Song nếu vì cao lương, mỹ vị mà không biết biệt phân vật nào bổ dưỡng, vật nào độc hại, thì nguy hiểm cho cơ thể chẳng biết chừng nào. Vậy mới đặt ra có vệ sinh ẩm thực phù hợp theo sanh lý học (physiologie) và hóa học (chimie) để bảo tồn sự sanh hoạt của nhơn thân.

Cơ thể con người tỉ như một cái máy hoạt động không ngừng. Sự động tác ấy làm cho cơ thể phải hao mòn thì một phần sanh vật trong châuh thân tất phải tiêu tụy. Phải nhờ vật chi để bổ vào sanh vật tiêu tụy ấy? *Phải nhờ vật thực.*

Chẳng những vậy thôi, mà cơ thể con người cũng tỉ như một cái món động cơ (moteur) để làm ra sức lực nữa (énergie). Muốn cho động cơ ấy chạy, cần phải có than củi (\*) chụm vào. *Vật thực tức là than củi để chụm vào cho cơ thể vậy.* Tóm lại, vật thực có hai phần lợi cho cơ thể:

1. *Một phần để thé vào cho sanh vật nào trong cơ thể mà phải hao mòn, tiêu tụy.*
2. *Một phần để giúp vào cho có sức lực.*

Khoa hóa học đã chứng minh rằng thực vật giúp phần sức lực là những vật nào chứa đựng nhiều thủy thán chất (hydrate de carbone), mà vật thực có thủy thán chất toàn là thực vật thuộc về thảo mộc. (\*1)

Đó là một bằng cớ chứng chắc rằng nhà lao động cần phải ăn vật thực thuộc thảo mộc (đồ chay) mới có đủ sức lực để làm lụng nặng nề.

Một nhà kỹ nghệ Huê Kỳ muốn nghiên cứu coi trong phe ăn chay và phe ăn mặn, phe nào làm lụng giỏi hơn, bèn chia cả dân thợ mình ra làm ba đảng: một đảng cho ăn ròng đồ chay, một đảng cho dùng cá thịt, một đảng lại ăn nửa chay, nửa mặn.

Không bao lâu thì thấy rõ là đảng ăn chay làm lụng trỗi hơn hai đảng kia. Đoạn ông mới đổi cho đảng ăn cá thịt trở lại ăn chay, thì đảng ấy làm lụng lấn hơn hồi ăn mặn; khảo cứu đến đảng ăn nửa chay nửa mặn thì kết quả cũng đồng một thế.

Năm 1898, gần thành Berlin (kinh đô Đức quốc) quan Bình Bộ Thượng Thơ xứ ấy có tổ chức ra một cuộc chạy đua, có 23 người dự vào, mà trong số ấy có tám người ăn chay, mà tám người này lại toàn thắng trong cuộc chạy đua ấy.

Cũng còn nhiều chứng tích khác nữa, song kể ra choán chỗ, xin hãy đọc quyển sách "La philosophie de l'Alimentation" của quan lương y Jules Grand và quyển "Faut-il être Végétarien" của quan lương y Henri Collière thì rõ ràng hơn.

---

(\*1) Trong vật thực thuộc về thú chất (matière animale) thì chỉ có trứng gà, trứng vịt là có thùy thân chất mà thôi.

(\*) Sách được viết vào năm 1928, thời bấy giờ động cơ còn chạy bằng than đá.



## **V. ĂN CHAY ĐỐI VỚI LUÂN LÝ**

Bất câu nước nào, dân tộc nào, ai ai cũng biết rằng *rượu thịt* là hai vật hằng đi cặp nhau. Nhiều kẻ ghiền rượu là tại nơi ưa thịt mà ra. Họ thường nói rằng *thịt béo mà chẳng rượu ngon ăn không thú*. Than ôi! Hai vật độc ấy mà đi cặp với nhau thì còn chi hại bằng? Rượu thịt không những làm cho con người bệnh hoạn, mà lại làm cho tánh tình trở nên nóng nảy, dữ dằn mà lọt vào đường tội lỗi.

Muốn cho tánh tình thuần hậu, ta phải ăn chay, vì thảo mộc có chất ôn hòa. Thủ xem một con thú ăn cỏ với một con thú ăn thịt thì đủ biết rằng thú ăn cỏ thường là hiền hơn thú ăn thịt.

Vả lại ăn chay là phương nhắc mình giữ việc nhơn lành. Ngày nào ăn chay tức là ngày đó mình biết dập lửa lòng, biết tránh điều tội lỗi. Miệng mình ăn chay, lòng mình tưởng chay (\*1), mà hễ lòng chay thì kèm chế được thắt tinh, lục dục. Một tháng ăn đặng sáu ngày chay là giữ đặng sáu ngày lành, mười ngày chay là giữ đặng mười ngày lành, mà hễ giữ đặng trường trai, thì còn chi quí bằng? Kẻ ăn chay là biết hồi tâm hướng thiện, đặng vậy thì tánh tình hòa hưởn, cư xử khiêm cung, ăn ngay ở thật, lửa giận biết dàn, lòng hay nhẫn nhịn, gấp việc phải thường chẳng bỏ qua.

Biết hồi tâm hướng thiện, không đành vì no dạ mà hại mạng con sanh vật là *nhơn*.

Tánh tình hòa hưởn, cư xử khiêm cung là *lễ*.

Ăn ngay ở thật là *tín*.

Lửa giận biết dàn, lòng hay nhẫn nhịn là *trí*.

Gặp việc phải chẳng bỏ qua là *nghĩa*.

Thế thì ăn chay có ảnh hưởng cho luân lý là đường nào? Một người ăn chay là một người biết hồi tâm hướng thiện, hai người ăn chay là hai người biết hồi tâm hướng thiện, v.v ... Cả nước được vậy, chẳng

những nền luân lý vững vàng, mà tinh thần con người, tức là hồn nước sẽ vì đó mà nhắc cao lên mãi.

Ngày nàoặng đông người ăn chay, thì mấy cái thảm trạng "vợ khóc con than" nơi gia đình sẽ dần dần giảm bớt, mấy tấn bi kịch "gây gỗ chém đâm" mà xưa nay từng xảy ra nơi hàng rượu thịt tất phải một ngày một dứt.

Ước ao sao kẻ làm cha mẹ chó nênlàm tưởng như xưa nay rằng *ăn thịt là bỗn* vì nó có máu (lẽ này đã giải rành nơi thiêng trước, không cần nhắc lại làm chi), rồi tập lần trẻ con tiện dụng đồ chay. Làm như thế, không những là giữ gìn cho trẻ con ít hay bình hoạn, mà còn dưỡng dục tinh thần chúng nó trở nên tráng kiện, tánh xu hướng về việc nhơn lành. Một nhà làm như vậy, hai nhà làm vậy, ba nhà theo vậy..., không những là nơi gia đình êm ám, mà còn thuận theo lẽ Trời như quan lương y G. Durville đã giải rành nơi thiêng thứ nhứt vậy.

Vả lại, ăn chay lấy làm tiết kiệm cho mình, vì đồ chay rẻ hơn đồ mặn. Một ngày ăn chay tức là một ngày tiện tặn, có tiện tặn rồi mới dư tiền mà tiêu dùng về việc ích lợi khác. Đức cần kiệm phải tập mới nên, mà tập ăn chay tức là tập cần kiệm vậy.

Có người mỗi lần quải giỗ, thường ngả heo bò cúng tế. Cứ mỗi năm quải giỗ đôi ba lần như vậy, thì tổn biết bao nhiêu tiền của? Nếu cúng chay thì lợi biết bao! Làm như vậy không phải sợ tổn (có lòng cúng tế ông bà mà còn sợ tổn nỗi gì), song tổn mà tổn cho thái quá, tổn mà hại mạng con sanh vật, há không phải là điều nên chê bǒ hay sao?

---

(\*1) Có kẻ ăn chay một là vì bắt chước, hai là cầu tiếng khen rằng mình ăn chay, chớ kỳ trung lại chẳng để lòng tưởng chay, ăn chay như thế chẳng những là không bồ ích về luân lý mà lại làm một trò cười cho thiêng hạ.

## **VI. RƯỢU**

Rượu tuy không phải là vật mặn, song đã nói rằng nó là một giống độc đi cặp với thịt, thì cũng nên đem ra bàn giải đôi lời.

Rượu vẫn là đứng đầu trong tú đồ tưống (tưu, sắc, tài, khí) lại thuộc vào hạng ngũ giải cấm (Sát sanh, Du đạo, Tà dâm, Tửu nhục, Vọng ngữ). Thế thì khoa luân lý và nhà tôn giáo thảy đều cấm rượu.

1. Vì rượu làm hại cho cơ thể và tinh thần, vì rượu làm hại cho xã hội và luân lý.
2. Vì sao mà cấm rượu?

**a) Hại cho cơ thể:** Có người cho rằng uống rượu đặng ăn mau tiêu, cho dẫn huyết. Lời ấy cũng phải, song sự lợi dụng chỉ có nhứt thời, mà điều di hại lại trỗi hơn thập bội. Rượu vẫn là chất nóng, làm cho tạng phủ và cả cơ quan khác (organes) phải hoạt động tăng lên (excitant), hoạt động tăng lên chừng nào, cơ thể phải hao mòn, suy kém chừng ấy. Chẳng khác nào một anh hành khách, nếu cứ chậm rãi đi hoài, tuy không mau mà ít mệt, còn như muôn gấp, cần phải chạy; mà chạy lại mau mệt mỏi, mệt mỏi rồi phải nghỉ mất ngày giờ, thành thử muôn mau mà hóa chậm.

Vả lại, cơ quan con người cần phải giữ cho thường tráng kiện, một là để bảo tồn sự sanh hoạt (entretien de la vie), hai là để mà chống cự với muôn muôn vạn vạn loại vi trùng độc hiểm mà thường bừa ta hít vào phế phủ. Chí ư cơ quan vì rượu mà kém suy, bảo sao con người không vương lấy nhiều chứng bệnh hiểm nghèo truyền nhiễm.

**b) Hại về tinh thần:** Nhà hóa học đều công nhận rằng rượu chứa nhiều chất độc, thế thì uống rượu chẳng khác nào dùng độc dược mà thuốc lấy tạng phủ mình, mà tạng phủ lại ăn chịu với não cân (\*1), tạng phủ suy thì não cân kém, não kém thì giảm phần trí lực (intelligence), cân suy lại hại đến giác quan (les sens).

Vì vậy mà kẻ uống rượu nhiều thường hay lảng trí, tay chơn tê bại, tai điếc mắt lờ.

**c) Hại về xã hội:** Bợm rượu không những làm lụy cho thân mình, mà còn lưu hại đến con cái là khác, vì con cái mạnh yếu là do nơi bẩm chất của mẹ cha. Sách vệ sinh Langsa có câu: "*90% des idiots sont des enfants d'alcooliques*". Nghĩa là: "*Trong một trăm đứa xuân ngu, hết chín mươi đứa là con nhà bợm rượu*". Suy đó thì đủ biết rằng rượu không những là hại cho cá nhân mà lại là hại cho xã hội nữa. Nước Nam ta, người già vóc ốm, nếu không trừ cái "*nạn rượu*" đi, e khi sau rồi sẽ trở nên một hạng người "chăn chắc" nơi cõi Việt Đông này mà chớ.

**d) Hại về luân lý:** Rượu uống vào hùng chí, hùng chí lại nhiều lời, nên tục ngữ có câu: "*Rượu vào lời ra*", mà hễ nhiều lời thì sao khỏi lâm vấp, sao khỏi trái tai người mà sanh cãi cọ? Cãi cọ lại mất niềm hòa khí.

Tục ngữ lại có câu: "*Đứa say như đứa dại (đIÊN)*". Hễ say rồi thì kể chi phải quấy, nhiều khi làm đến những việc can danh, phạm nghĩa.

Về khoản này, sở dĩ lược luận đôi lời vây thôi, chớ tưởng lại ai ai cũng đều biết cả.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế kiêm viết CAO ĐÀI, ngày Rằm tháng Chạp năm Bính Dần (1927) giáng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh, giới tửu như vầy:

"Các con nghe vì sao mà phải giải tửu.

Thầy đã dạy rằng thân thể con người là một khối chơn linh câu kết lại, những chơn linh ấy là đều hằng sống. Phải hiểu rằng ngũ tạng, lục phủ cũng là khôi sanh vật mà thành ra, nhưng phận sự chúng nó làm, thoảng hiểu biết hay là không hiểu biết đều do nơi mạng lệnh Thầy đã phán dạy.

Vậy Thầy lấy hình chất xác phàm các con mà giảng dạy. Trước Thầy nói vì cớ nào rượu làm hại cho thân thể con người về phần xác. Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu

vào tỳ vị, nó chạy vào ngũ tạng lục phủ hết, thì trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trữ sự sống, cũng phải bị nó thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đổi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho đặng, trước huyết ấy thối lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trước vào trong sanh vật, mỗi khói ấy ăn nhầm phải bịnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt chỉ lần lần phải chết, thì thân thể các con phải bị chết theo. Nhiều kẻ phải bị chết nửa thân mình vì rượu nêu ra đến đỗi.

Thầy dạy về cái hại phàn hòn của các con.

Thầy nói cái Chơn thần là Nhị xác thân (\*2) các con là khí chất (le sperme évaporé), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mõ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ Chơn linh các con, khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với khí, rồi khí mới đưa thấu đến Chơn thần hiệp một mà siêu phàm nhập thánh.

Vậy thì óc là nguồn cội của khí, mà óc cũng bị huyết mạch vận động vô chừng làm cho đến đỗi tán loạn đi, thì Chơn thần thế nào mà an tĩnh đặng điều khiển, thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình, mất phẩm nhơn loại, rồi còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa, buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình, mà phải chịu phạt luân hồi muôn kiếp.

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à".

---

(\*1) Não là óc, cân là gân.

(\*2) Nhị xác thân là cái thân thứ nhì của con người, mất phàm khó thấy được (Périsprit). Nhị xác thân nhờ Tinh, Khí, Thần luyện thành.

## **VII. ĂN CHAY ĐỐI VỚI TÔN GIÁO**

Đối với Tôn giáo, việc ăn chay lại cần thiết hơn nữa, vì ăn chay thì khởi sát sanh, mà sát sanh lại là luật cấm nhặt trong Đạo.

Trời, Phật là Đức Háo Sanh, không nỡ ngóie xem cho loài người vì miếng cao lương mỹ vị mà hại mạng con sanh vật. Cầm thú tuy không biết nói, chó cũng biết muôn sống, sợ chết như mình, cũng biết đau đớn, buồn vui như mình, cũng biết tình nghĩa thân ái như mình. Nó cũng đồng thọ một điểm linh quang của Tạo Hóa như mình. Thế thì một con sanh vật tức là một mạng sống vậy. Mình nỡ nào vì ngon miệng mà hại mạng nó cho đành?

Thầy Mạnh Tử có nói: "Quân tử chi, u cầm thú giả, kiến kỳ sanh bất nhẫn kiến kỳ tử, kiến kỳ thính bất nhẫn thực kỳ nhục". Nghĩa là: "Người quân tử đối với cầm thú, trông thấy sống mà không nỡ trông thấy chết, nghe tiếng kêu la mà không nỡ ăn thịt".

Ta thử xem một con bò dắt đến lò thịt, nét mặt nó vẫn dầu dầu, cặp mắt nó vẫn rưng rưng úa lụy, vì nó biết rằng chúng dắt nó đem mà xẻ thịt. Bởi không phương chống chỏi với nhà hàng thịt bạo tàn, nên phải ép lòng chịu chết. Phải chi nó biết nói, ôi! Biết bao nhiêu đoạn thảm tình thương, biết bao tiếng trách tay độc ác.

Trong kinh: "Lão nhơn đắc ngộ", có bài thi giới sát như vầy:

*"Thiên bá niên lai, hoản lý canh,  
Oan thâm tỵ hải, hận nan bình.  
Yếu tri thế thượng đao binh kiếp,  
Đang thính đồ môn, bán dạ thính".*

### **THÍCH NÔM (\*1)**

*"Thường ngày cá thịt dọn đầy bàn,  
Thú vật vì mình bị thác oan.  
Sát khí thấu Trời, sanh giặc giả,  
Như nghe tiếng thảm lúc lâm hàng".*

Thiên Đạo thì chuộng phần *hồn* hơn phần xác. Bậc tu hành cần phải trau giòi linh hồn cho trong sạch nhẹ nhàng, hầu khi thoát xác mới có thể phi thăng lên cõi tiêu diêu cực lạc. Mà muốn cho linh hồn nhẹ nhàng trong sạch, trước phải giữ xác phàm trong sạch; mà muốn cho xác phàm trong sạch cần phải bỏ dưỡng bằng thực chất nhẹ nhàng trong sạch. Vật thực nhẹ nhàng trong sạch là vật nào? Tức là vật thực thuộc về thảo mộc, tức là đồ chay vậy. Đồ chay thuộc *dương*, nhờ hấp thụ khí dương của mặt trời, ăn vào đã bỏ mà lại trong sạch. Đồ mặn thuộc *âm*, là chất huyết nhục nặng nề ô trược.

Thiên Đạo dạy có luân hồi chuyển kiếp: Tuy kiếp này ta được làm người, biết đâu kiếp trước ta không phải là con sanh vật? Nhơn loại thú cầm vẫn đồng một gốc mà ra, tức là đồng loại, mà đồng loại nỡ nào ăn thịt lẫn nhau cho đành đoạn?

Tóm lại, Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) thảy đều trọng việc ăn chay.

Về việc giữ trường trai đặng luyện Đạo, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, kiêm viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương có giáng cơ ngày mồng tám, tháng 6, năm Bính Dần, dạy như vầy:

"Chư môn đệ phải giữ trai giải. Vì tại sao? Chẳng phải Thầy còn buộc theo Cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng. Thầy cắt nghĩa:

Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là *corporel* (\*2) còn một thiêng liêng gọi là *spirituel* (\*3). Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng, mà cũng có thể không thấy đặng. Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh xác phàm như khuôn in rập. Còn như đắc đạo mà có Tinh Khí, không có Thần, thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần

không có Tinh Khí, thì khó hùn đặng Nhị xác thân. Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là hình chất, tức hiệp với không khí Tiên thiêng, mà trong khí Tiên thiêng thì hăng có điện quang.

Cái Chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn khôn đặng. Nó phải có bốn nguyên Chí Thánh, Chí Tiên, Chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rủi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?

Như rủi bị hùn (\*4) thì đến khi đắc đạo, cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí thì lại là vật chất tiếp điện (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bậc "Nhơn Tiên" thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo".

Nhiều nhà giàu có lại ngả heo, ngả bò mà cúng tế ông bà cha mẹ. Làm như vậy, không những mình phạm tội sát sanh, mà vong linh ông bà cha mẹ mình cũng còn phạm tội liên can với mình nữa. Tôi xin mượn tích sau này của ông Mạnh Quốc Thoại để sau Kinh Di Đà cho ai chưa xem kinh này đặng biết. Tích như vầy:

Ông Tôn Hành Giả kia (chẳng phải Đại Thánh) gần chết, trối với vợ con rằng: "Đừng cúng tôi, cúng mà ai ăn, sát sanh hại mạng buộc tội cho tôi". Vợ con nói: "Minh giàu có, nếu không cúng ông, thì người ta chê là hè tiện, chẳng tưởng nghĩa chồng vợ, cha con. Như ông sợ sát sanh là tội, vậy cúng chay đặng chăng?" Ông nói: "Được, có lòng một trái chuối hay là một trái mân cung là tình nghĩa trọng". Ba năm y lời trối. Năm kể, vợ ông tưởng phải làm trâu heo, trước là cúng ống, sau đền ơn cho kẻ giúp công, cùng tình nghĩa bậu bạn chẳng phải lo

cúng, thì vợ ông giết trâu heo. Tức thì vua Diêm Vương đòi ông Tôn Hành Giả xuống (ông nhơn đức hồn được về trời) tỏ cho ông biết rằng vợ con sát sanh hại mạng mà cúng ông, dạy ông phải ở lại mà giữ hồn oan chúng nó, vì chúng nó chưa tới số đòi về, không xác mà nhập, để chúng nó phá hại thì có tội. Ông Tôn Hành Giả tâu với vua Diêm Vương rằng: "*Hồi tôi gần chết, có biểu vợ con đừng cúng*". Vua phán: "*Như vợ con người làm mà ăn thì tội chúng nó chịu, chờ chúng nó giết mạng vật mà cúng người, thì tội người phải chịu, ấy là vạ lây tội tràn*". Ông Tôn Hành Giả tâu: "*Muôn tâu bệ hạ cho tôi về nói với vợ con tôi*". Vua phê cho. Đoạn ông Tôn Hành Giả biến ra một đứa nhỏ chừng mười hai tuổi, cõi một con trâu vô nhà coi sửa soạn cúng. Vừa tới cửa ngõ, ông xuống trâu cột đó, vô nhà một mình. Giây phút con trâu ngoài cửa ngõ nhào chết. Người thấy vậy kêu ồng mà nói rằng: "*Trâu mày chết, về nói cho chủ mày hay*". Ông đi bút một nắm cỏ và nói rằng: "*Trâu, trâu, dậy ăn*". Mấy người thấy vậy mắng ồng rằng điên. Ông hỏi: "*Ai điên hơn? Trâu tôi mới chết, xác còn nằm đây mà tôi cho ăn cỏ, mấy người gọi tôi rằng điên, còn ông Tôn Hành Giả chết đã hơn ba năm, thây chôn mất mà ăn uống gì? Chủ nhà cúng trâu heo cho ồng bị tội lỗi, vậy ai điên hơn?*". Nghe mấy lời ấy, cả thảy hồn kinh, rồi hỏi ồng làm sao cho ông Tôn Hành Giả khỏi tội. Ông trả lời: "*Phải chôn những trâu heo đã làm và thỉnh thầy mà cầu siêu cho chúng nó*". Nói rồi biến mất vừa người và trâu.

---

(\*1) Bài thích nôm này nguyên của ông Trần Phong Sắc (Tân An).

(\*2) Corporel là thuộc về xác thịt.

(\*3) Spirituel là thuộc về thiêng liêng, không thấy, không nghe, không rò được.

(\*4) Hườn được Nhị xác thân.



## **VIII. CÁCH THỨC ĂN CHAY**

Ăn chay có nhiều cách:

**1)** Có người ăn ròng trái cây chín mà thô (*Fruitarisme*), vì trong thảo mộc chỉ có trái cây là bổ hơn hết. Trái cây là cơ quan sanh trưởng của loài thảo mộc (*organe de reproduction*), cho nên chất bổ dưỡng đều tụ nơi đó nhiều hơn hết. Trái cây lại nhờ hấp thụ dương khí của mặt trời mà chín, vì vậy nên ăn trái cây chín rất bổ.

**2)** Có người lại vừa ăn trái cây chín, vừa ăn những rau đậu nào mà thuở nay để dùng ăn sống, như rau sống, dưa chuột, cải salade, v.v...

Hai bực này không chịu ăn đồ nấu nướng (đồ khói lửa) vì cho rằng: một là cách nấu nướng không hợp với lẽ tự nhiên, hai là nấu nướng làm cho cây trái giảm bớt chất bổ đi.

Ăn chay theo cách trên đây tốt lắm, song ít người giữ được, vì từ bao giờ nhơn loại đã quen dùng nấu nướng rồi.

**3)** Ăn cả vật thực nào thuộc về chất thảo mộc, song nấu chín mà ăn (*Végétalisme*).

Có người giữ chính chǎn lại không dùng đến hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu vì cho là năm thứ rau hôi nồng (ngũ huân).

**4)** Ăn đồ thảo mộc nấu nướng lại dùng đến sữa bò, trứng gà nữa (*Végétarisme ou régime ovolactovégétarien*).

Ăn chay theo cách này rất hợp với vệ sinh (sữa bò, trứng gà là vật chứa nhiều chất bổ) song đối với tôn giáo thì trái luật. Gà vịt do nơi trứng mà nở ra, ăn một trứng tức là làm tuyệt một mạng sống vậy. Ăn sữa bò, tuy không làm hại đến mạng con bò, song sữa ấy lại thuộc về chất thú (*matière animale*), ăn vào không được tinh khiết cho phần xác và phần hồn.

Có người lại cho rằng phàm hễ con gì không máu thì chay nên ăn được như: tôm tép, ngao sò, mực v.v.... Nói vậy dặng ăn cho ngon miệng đó thôi, chớ không trùng luật ăn chay của tôn giáo. Phàm những con động vật nào, hễ thuộc về loài tú sanh (\*1) biết bò bay, máy cưa, thì đều có sanh mạng cả, ăn thịt chúng nó tức là phạm tội sát sanh.

---

**(\*1)** Tú sanh là bốn loại sanh:

- 1) Thai sanh là loài đê con như trâu bò.
- 2) Noãn sanh, đê trứng.
- 3) Thấp sanh, loại ở nước.
- 4) Hóa sanh, loại hóa hình, như đuông, nhộng, v.v...



## **IX. TRAI KỲ**

***Ngươn Thủ lục trai:*** Giữ lục trai theo luật Ngươn Thủ thì là ăn chay ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, hăm chín, ba mươi.

Nhu tháng thiếu ăn thêm ngày 28.

***Chuẩn Đề thập trai:*** Giữ thập trai theo luật Chuẩn Đề thì ăn chay ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín, ba mươi.

Tháng thiếu ăn thêm ngày 27.

***Trường trai:*** Giữ trường trai là ăn chay luôn luôn.

***Ăn chay hai ngày Sóc, Vọng*** (mồng một, rằm) là chú ý tập lần cho quen vây thôi, chớ không thuộc vào luật Đạo.

Ăn lục trai, thập trai phải nhớ giữ cho trọn bữa. Tỉ như ăn chay bữa mồng tám, thì phải giữ chay từ 11 giờ khuya mồng bảy cho tới 11 giờ khuya mồng tám. Bữa ăn chay cần phải giữ mình cho tinh khiết, phải cấm phòng, phải giữ sao cho mắt chay, tai chay, mũi chay, lưỡi chay, thân chay, ý chay thì mới phải Đạo. (\*1)

---

(\*1) Sách "CHÂU THÂN GIẢI" giải rõ về khoản này.

## **CHUNG**

---

**ĂN CHAY**

Người soạn THUẦN ĐỨC

In tại nhà in TAM THANH

108-110, PLACE MARÉCHAL FOUCH.

DAKAO-SAIGON

1928

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

[thanhtthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhtthatnsw@yahoo.com.au)

---

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

---

**ĐỨC TIN**

**Soạn giả THUẦN ĐỨC**

**Có Bàn Kiểm Dượt cửa Đạo  
xem xét trước khi ấn hành**

**Hội Thánh Giữ Bản Quyền**

## **MỤC LỤC**

- Lời Tựa
  - Đức tin
- I. Ta tin có Đáng Tạo Hóa
  - II. Ta tin có linh hồn còn mãi
  - III. Đức tin đối với gia đình
  - IV. Ta tin có số mạng
  - V. Ta tin phải càn khổ hạnh mới mong thành đạo
-

## LỜI TỰA

Đức Tin là cái làm sao,  
Đức Tin là cái đắp cao Đạo Trời.  
Đức Tin chở núi như chơi,  
Mới hay thản lực muôn người khó đương.  
Đức Tin bày rõ Thiên đường,  
Phân ranh Địa ngục đôi đường khác xa.  
Đức Tin gầy dựng Đạo nhà,  
Đường ngay chỉ tới, nẻo tà chỉ dang.  
Đức Tin đánh đổ dị đoan,  
Khỏi điều lăng phí tiền ngàn bạc muôn.  
Đức Tin kèm ché trẻ con,  
Giữ gìn Thánh chất, linh hồn sạch trong.  
Đức Tin quý hóa vô cùng,  
Ai ơi ghi tạc vào lòng đừng sai.  
Đức Tin chó đẻ long lay,  
Một phen lâm vấp, ngàn ngày ăn năn.

Mồng 8 tháng Chạp năm Đinh Mão  
**THUẦN ĐỨC**



## **ĐỨC TIN**

Các Tôn giáo đều lấy Đức tin làm gốc. Đức tin rất cần ích cho người giữ Đạo. Có Đức tin lòng mới vững vàng, không Đức tin sớm chầy phải ngã. Vì Đức tin làm cho trí lực ta thêm hăng hái, tinh thần ta thêm sốt sắng, mà nếu ta dụng cả trí lực hăng hái, đem cả tinh thần sốt sắng mà giữ Đạo, trí ta tin như vậy, bụng ta chắc vậy, thì thế nào không lo tròn phận sự? Có câu phương ngôn Langsa như vậy: "*La foi transporte les montagnes*", nghĩa là "Đức tin chở đặng núi non".

Đức tin tỉ như vật chi đựng nước, còn cơ cảm ứng đối với Đức tin tỉ như nước đem chứa vào trong đó. Hễ vật đựng lớn, thì chứa nước nhiều, vật nhỏ thì chứa ít, mà hễ vật đựng nứt bể đi (là khi mất Đức tin) thì chứa nước vào đâu đặng nữa?

Đức tin của người nào đều do theo sở kiến của người này. Ai rõ thấu cơ huyền diệu Đạo Trời rồi, Đức tin vẫn đặc đong thành khôi, cứng khu như sắt đá, đập chẳng nát, đốt không tiêu.

Đức tin của kẻ cạn nghe, hép thấy tỉ như bèo nỗi mây bay, trên dưới đều không dựa vào đâu cả, một lượn sóng thị phi cũng đủ búa tan, một trận dông kích bác cũng hay quét sạch. Kẻ ấy chỉ thấy người tin cũng bắt chước tin theo, rồi nghe ai kích bác lại vội vã "ngã" liền. Cái nhẹ tính ấy lấy làm nguy hiểm, vẫn là một điều đại tội đối với Đấng Chí Tôn, lại là một mối đại hại đối với nền Đạo mà mình đương lo bồi đắp.

Cho nên, trước khi tin tưởng điều chi, ta nên tìm kiếm, xét suy tột lý coi việc ấy đáng tin cùng chăng. Đến khi ta cho là chánh lý rồi, ta phải làm sao để nuôi nướng Đức tin một ngày một cao thêm nữa, dầu phải gặp cơn khổ hạnh khó khăn, ta cũng chẳng ngã lòng thối chí.

Vả lại, Đức tin thuộc về quyền tự do của ta, miễn ta chẳng phạm tội phép nước, luật đời, thì không một ai trên thế gian này chuyên chế quyền tự do tín ngưỡng của ta đặng.

Song Đức tin của ta phải xu hướng về lẽ chánh, điều lành mới được. Chớ tưởng rằng ta có quyền tự do tín ngưỡng rồi bạ đâu tin đó, nghe đâu tin đó, không biết phân biệt chánh tà, thì nguy hiểm lắm. Kẻ không biết phân biệt chánh tà tốt hơn là đừng tin chi hết.

Thói dị đoan đã triêm nhiễm lâu đời vào trí não của bực thường nhơn hạ tiện.

Nay Đạo Trời rộng mở lần ba, đem ánh sáng thiêng liêng chơn chánh mà chói rọi nẻo tối đường tà. Thé thì thói dị đoan như phù thủy, bóng chàng, vân vân..., từ đây phải dần dần tiêu diệt.

Xưa có thày pháp hay chuyên môn "*phản ác*" (\*1) mà cứu chữa bệnh tà, song cũng là Tả đạo, Bàng môn, không nên tin tưởng vì không chơn chánh. Mãi ra đến ngày nay, lại có nhiều tay dối trá lợi dụng đức tin của bực thường nhơn mà làm kế sanh nhai, cũng sai Thần, khiển Tướng hò hét om sòm, song xét ra thì vẫn là một phuờng gạt gẫm.

Về việc bóng chàng, tôi không dám đề quyết rằng họ lên giả luôn luôn. Có khi cũng lên thiệt vậy, song thiệt là thiệt nơi đồng cốt, còn giả là giả nơi tà mị ứng vào, rồi đổi xưng ông nọ, bà kia (ông lên bà xuống) cho dễ phục lòng người. Ai nhẹ tánh, tin tưởng đến rồi, tất phải mê muội tối tăm, nhơ bợn chơn linh, lu lờ Thánh chất.

Về cúng vật, ta sở dĩ thắp đèn là để cho sáng tỏ, cho có vẻ huy hoàng, ta sở dĩ đốt nhang là để khử trược và cầu lấy mùi thơm, ta sở dĩ dâng cúng phẩm là để tỏ dấu kính thành, chớ Thần, Thánh, Tiên, Phật nào lại hưởng đồ trần tục?

---

(\*1) Phản ác là làm ác trở lại, nghĩa là dụng Quí mà trừ Quí, cũng trong một bọn, mà lại trở lại hại nhau, như ăn cướp trở lại bắt ăn cướp cũng gọi là phản ác.



## I. TA TIN CÓ ĐẮNG TẠO HÓA

Tại sao ta tin có Đắng Tạo Hóa? Tuy trí phàm ta không thể tưởng tượng Đắng Tạo Hóa, mắt phàm ta không thấy đặng Đắng Tạo Hóa, chớ đem cuộc tạo lập Càn khôn, Thế giải ra mà suy nghĩ, thì ta tin chắc rằng phải có một Đắng biến hóa vô cùng mới gầy dựng ra được. Đắng gầy dựng ấy gọi là *Đắng Tạo Hóa* (*Le Créateur*).

Ví dụ ta thấy một vật chi chạm trổ khéo léo, tuy ta chẳng thấy tên thợ làm, chớ ta đã đoán chắc rằng phải có một tay thợ tinh xảo mới làm ra vật đó. Ta thấy một con chim bị tên sa xuống, tuy ta không thấy ai bắn, chớ ta đã đoán chắc rằng phải có một tay bắn giỏi mới làm cho con chim ấy bị tên. Chí như điền khí, ta chán biết rằng nhờ điền khí mà đèn điền chiếu sáng, xe điền chạy mau, thậm chí nếu ta rờ tới dây điền thì tê cả thân mình, khó chịu, thế mà thuở nay ta có thấy hình dạng điền khí thế nào chưa?

Kia đôi vàng Nhựt, Nguyệt làu làu ánh sáng, nọ hăng hà sa số đầu tinh, đêm thanh nhấp nháng giữa bầu trời hình như nhân ngọc, nào là nhơn loại thông minh tinh xảo, nào là tẩu thú, phi cầm, nào là thắng cảnh danh sơn, kỳ hoa dị thảo, luân phiên theo thời tiết đổi thay, hạ nồng, đông lạnh chẳng sai chẳng dời, nếu chẳng ai gầy dựng thì lẽ đâu tự nhiên mà có? Chỉ xem cơ tạo thì đủ đoán chắc rằng phải có một ông Tạo Hóa.

Việc nhỏ mọn mà còn như vậy, huống là cuộc đại tạo của Càn khôn, Thế giải?

Ta tin có Đắng Tạo Hóa là Chúa tể Càn khôn, Thế giải, thì tự nhiên ta sùng bái Ngài hơn hết. Vậy thì không giây phút nào ta dám quên Ngài cho được, ấy là Đạo, mà Đạo quí chăng là tại nơi đó. Cho nên trong Tứ Thơ có câu: "*Đạo giả dã, bất khả tu du lỵ dã*". Nghĩa là: "*Đạo phải có luôn luôn trong lòng, chẳng khía lìa ra trong giây phút nào*".

Ta tin tưởng Ngài biến hóa vô cùng, thì mọi việc hành động gì của ta, đều có Ngài xem xét cả. Nhờ vậy ta mới biết sợ mà chẳng dám làm điều chi sai quấy. (\*1)

Ta tin tưởng Ngài là Đấng cầm quyền thưởng phạt, nên chi điều hạnh phúc nào ta đương hưởng là một phần thưởng quý hóa của Ngài ban cho, còn điều tai họa xảy đến cho ta vốn là hình sửa phạt của Ngài xuống vậy. Cho nên, hễ ta được hạnh phúc chừng nào, ta lại càng phần chí lo tu công bồi đức chừng này. Đến như ta gặp điều tai nạn, khổn cùng thì ta lại càng sợ sệt mà lánh dữ, chừa hung, lại thêm gắng công trì chí mà chống chịu với mạng phần, để đền trả cho phu tội lỗi.

Ta tin tưởng Ngài là một ông Cha đại từ, đại bi, đại hỉ xả cho con cái nào có lỗi mà biết ăn năn chừa cải. Vậy nên trong khi hoạn nạn cùng gặp lúc ốm đau, ta cứ khẩn nguyện nơi Ngài cho chí thành, chí kinh, may ra nạn khỏi bình thuyên. Dầu khôngặng như lời khẩn nguyện đi nữa, ta cũng nên tin rằng đó là do nơi nghiệp trước, cắn xưa hãy còn vương vấn mà luật công bình thưởng phạt thiêng liêng của Tạo Hóa không vì khẩn cầu mà tư vị.

Nhưng nếu tội lỗi ta làm nội kiếp này, mà ta biết ăn năn tự hối, lập đức bồi công và hết lòng cầu khẩn, thì lòng từ bi của Đấng Chí Tôn cũng có khi dung thứ. Còn nếu nghiệp oan tự nơi kiếp trước, thì khó mà khẩn cầu choặng. Ấy cũng do nhiều cớ: Một là tại kiếp trước ta đã gây ra tội tình oan nghiệt mà ta chẳng biết ăn năn tu niêm, hai là kiếp này buộc ta đền trả cho rồi oan trái, hẫu thân sau hưởng phước thanh nhàn. Còn như cầu khẩn mà có cảm ứng đi nữa, thì chỉ được giảm bớt vài phân mà thôi, tỉ như tội nhơm mà được ân xá, thì cũng đã chịu nhiều hình phạt đi rồi.

Vả lại, khi ta mắc phải tai nàn, bệnh hoạn, trí phàm ta làm sao biết chắc được nguyên nhân bởi đâu mà ra? Vậy nên hể lâm việc, cứ khẩn cầu nơi Thượng Đế, dầu được không cũng do nơi Thiên ý.

(\*1) Kẻ phản đối với cái thuyết về "Đức tin" sao cũng hô lên rằng: "Con người sở dĩ ra làm lành sợ dữ là nhờ có Lương tâm thường phạt mà thôi". Tôi xin đáp: "Phải, Lương tâm là tòa án thường phạt điều lành dữ của ta làm. Song những kẻ đã quen điều hung ác rồi, thường xem điều tàn bạo của họ làm như ăn cơm bữa, đối với hạng người ấy thì Lương tâm đã chết rồi. Vả lại Lương tâm chỉ đợi cho người làm lành dữ rồi mới thường phạt sau. Còn Đức tin lại làm cho người ta sợ sệt mà ngừa trước việc hung bạo. Thế thì cái thuyết về Lương tâm không hay cao thượng bằng cái thuyết về Đức tin vậy.



## **II. TA TIN CÓ LINH HỒN CÒN MÃI**

Ta tin có Linh hồn không tiêu, không diệt, vẫn còn mãi đời đời kiếp kiếp. (\*1)

Vậy thì khi hồn lìa khỏi xác rồi, thế phải đi đâu? Linh hồn ấy hoặc thăng, hoặc giáng. Thăng thì được hưởng điều tiêu diêu khoái lạc nơi Bồng Đảo (Cảnh Tiên), Niết Bàn (Cõi Phật). Còn rủi giáng, thì phải đọa sa vào chốn U minh Địa ngục, mà đền tội lỗi xưa, rồi phải chuyển kiếp lại nữa để trả xong oan nghiệp. (\*2)

Hình phạt nơi Diêm cung là hình phạt thiêng liêng (peines morales) buộc về tội không giữ luật Trời. Còn chuyển kiếp lại mà chịu điều khổ sở nơi trần thế này (\*3) là hình phạt về phần xác thịt (peines matérielles) buộc về tội đối với nhơn quần xã hội.

Kiếp luân hồi là một hình phạt mà cũng là một cơ huyền diệu cho linh hồn lợi dụng để đào luyện cho trong sạch, nhẹ nhàng thêm mãi, cho đến ngày trở về ngôi cũ, hiệp làm một với Đấng Tạo Hóa, gọi là đắc đạo (xin xem sách "Châu Thân Giải", đương sắp in).

Ta tin có luân hồi chuyển kiếp, vì nếu không có vậy thì lấy đâu mà cắt nghĩa những trình độ, đẳng cấp bất đồng của nhơn quần, xã hội. Người cũng là người mà sao lại kẻ khôn ngoan, người khờ dại, kẻ giàu sang, người hạ tiện?

Đấng Tạo Hóa sanh ra nhiều hạng người như vậy chẳng là bất công lắm sao? Giải đặng vẫn đề ấy chỉ nhờ có cái thuyết luân hồi chuyển kiếp mà thôi. (Xin xem bài luận về số mạng).

Ta tin có luân hồi quả báo thì mọi việc chi ở đời ta ít hay lầm lỗi. Nghèo nàn ta chẳng than thân, khổ hạnh ta không trách phận, vì ta tin chắc rằng đó là do noi cơ cảm ứng của kiếp tiền thân ta, nên ngày nay phải cam gánh vác. Đức tin ấy làm cho ta đủ thắn lực mà chống chỏi với cuộc đời cùng khổ. Ta tin có kiếp tương lai, thì kiếp này ta rán tu nhơn, bồi đức hầu hưởng phước về sau và để lại cho con cháu, vì kiếp chết là kiếp mất thì ở

đòi ai tu nhơn tích đức làm chi? Việc ác nào lại chẳng dám làm, miễn được của nhiều, vợ ấm con no, ai lo phận nầy, vui sướng cho qua một kiếp, rồi chung cuộc ai cũng ra tro. Thế thì còn chi là cang thường luân lý, tương ái tương thân?

---

**(\*1)** Đạo Phật tin có Thiên đàng, Địa ngục, chuyên kiếp luân hồi.

Đạo Thiên Chúa tin có Thiên đàng, Địa ngục mà không tin có luân hồi. Đạo Thần linh bên Âu châu tin có luân hồi chuyên kiếp mà không tin có địa ngục hữu hình. Tin tưởng tuy có chỗ khác nhau mà cũng đồng một lẽ là: Tin có linh hồn đời đời, kiếp kiếp.

Tôi đặt quyền sách nhỏ này chỉ do noi Đức tin của tôi mà thôi, chẳng dám phản đối tôn giáo nào khác cả.

**(\*2)** Nghiệp báo tự nơi kiếp trước gây ra.

**(\*3)** Cõi trần này là chốn "Luyện hình" (purgatoire terrestre). Song linh hồn người hiền lương nhơn đức sở dĩ phải chuyên kiếp lại thì không phải để chịu điều hình phạt, vì được tái kiếp lại làm người giàu sang, quyền tước mà hưởng điều hòng phước. Nhưng đã gọi trần là chốn "Luyện hình" thì trong cái hòng phước ấy vẫn có bốn điều khổ là: Sanh khổ, bịnh khổ, lão khổ, tử khổ ... Phải chi kẻ ấy sanh tiền biết tu luyện thì đã ra ngoài kiếp luân hồi. Cho nên con người ở đời cần phải có đủ đạo đức mới hoàn toàn. Có Đạo nghĩa là biết phương tu luyện (Thiên Đạo). Có Đức nghĩa là trau giòi tánh đức (nhơn lành) cho toàn vẹn (Nhơn Đạo).



### **III. ĐỨC TIN ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH**

Muốn cho gia đình hạnh đức, ta cần nuôi nấng đức tin trọn cả gia tiều, nhứt là của trẻ con. Trẻ con còn nhỏ chưa biết điều tội lỗi, chưa nhiễm thói dị đoan, ấy là lúc ta nên un đúc đức tin của chúng nó. Đó là một phương châm đặc biệt để ngăn ngừa oan nghiệt.

Nếu chẳng sớm toan, đợi cho con trẻ lớn khôn gây nên nghiệp báo rồi mới lo ngăn đón thì chẳng khác nào đợi cho mắt của rồi mới lo phòng kẻ trộm. Vả lại, con người từ nhỏ chí lớn có sẵn đức tin, ngày giờ nuôi nấng đã lâu thì đức tin đã mạnh, mà hễ đức tin đãng mạnh, thì đủ thần lực mà cự đương với tục tình tội ác.

#### ***Phải làm thế nào để nuôi nấng đức tin cho con trẻ?***

Trước hết cha, mẹ phải có một đức tin cho chánh lý. Đức tin ấy phải cho thiệt vững vàng, phải gồm đủ tinh thần mãnh lực.

Đức tin ấy lại phải lộ ra cho con cháu thấy mà bắt chước. Phàm con cháu hay bắt chước ông bà cha mẹ về phương cử chỉ hành tàng. Nếu cha mẹ dạy con bảo phải kính Trời, trọng Phật, mà chính mình, mình không chủ ý đến, thì có ảnh hưởng vào đâu? Làm như thế chẳng khác nào mây tấm bảng chỉ đường (poteau indicateur) dựng nơi ngã ba, ngã tư vậy. Mây tấm bảng ấy chỉ rằng đường này đi..., đường kia đi..., mà bảng thì vẫn ở yên một chỗ. Hành khách do theo bảng ấy, có khi phải lạc đường, sao bảng có người dẫn dắt.

Cha mẹ biểu con cái tin kính Phật, Trời mà mình thì không lộ ra một cái đức tin cho chánh đáng, biểu sao trẻ con không tin lầm tưởng sai?

Phần nhiều người mình hễ con khóc thì nhát rắng: "Nín đi kéo ông Kẹ bắt a".

Lời nhát ấy làm hại cho con trẻ biết bao nhiêu, vì cái tiếng "Ông Kẹ" ấy triêm nhiễm vào đức tin của chúng nó, làm cho chúng nó tưởng tượng rằng có một "Ông

*Kẹ*" rất hung ác bạo tàn hay bắt con nít mà ăn thịt. Đó là một bước đầu dì đoan của cha mẹ mở ra cho con vậy.

Con nít thường hay rắn mắt, cha mẹ nghiêm cấm điều chi, tuy trước mặt ít dám cãi lời, chớ sau lưng thường hay làm lỗi. Thay vì nhát "*Ông Kẹ*", phải chi cha mẹ dặn con như sau đây thì còn chi tốt bằng:

"Con ngược mặt lên mà coi, khỏi trên xanh xanh đó có ông Trời rất hiển linh, Ông lập ra trời đất, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, người ta, thú vật, cây cỏ vân vân... Con mắt Ông lại sáng lầm: Điều chi mình làm, Ông thấy hết. Mình làm lành, Ông ban ơn, mình làm dữ, Ông răn phạt". (\*1)

Dặn như vậy, trẻ con tất phải tin sợ hoài hoài, rồi ra việc chi nghiêm cấm, dẫu trước mặt, dẫu sau lưng, nó không dám phạm đến. Vì tụt nó nghĩ rằng: "*Tuy cha mẹ mình không thấy, chớ ông Trời thấy hết*".

Ấy có phải là một phương châm đặc biệt để nuôi nấng đức tin trẻ con không?

Lớn khôn, trẻ con vừa kinh Đắng Tạo Hóa, vừa triêm nhiễm điều lành, có phải là giữ được vừa Nhơn Đạo vừa Thiên Đạo chăng?

Vậy thì còn chi quí bằng!

---

(\*1) Tuy trẻ con chưa đủ trí khôn mà biết phân điều quấy phải, dữ lành, chớ điều gì mà cha mẹ cấm răn, tất nhiên nó cũng hiểu là việc chǎng nên làm.



## **IV. TA TIN CÓ SỐ MẠNG**

*Nếu con người có số mạng thì lẽ công bình của Tạo Hóa ở đâu? Đáng Tạo Hóa là bức chí công, sao lại sanh ra kẻ giàu người nghèo, kẻ khôn người dại, kẻ sống lâu, người chết yểu?*

Ây là câu hỏi thường tình của người thuộc về phái "Duy vật luận" (Matérialisme). Con người vẫn có số mạng, song cái số phú bần, quý tiện, thọ yểu ấy đều do nơi tiền kiếp mình gây ra. Kiếp trước ta nhơn từ, đức hạnh, kiếp này ta được hưởng phước giàu sang. Kiếp trước ở bất nhơn độc ác, kiếp này phải chịu khổ cùng mà đền tội trước.(\*)

Sự thông minh ám muội của con người do nơi duyên cớ sau này:

Cõi trần là một chốn học đường cho linh hồn học tập. Ai học được lâu năm, lên được nhiều lớp thì vẫn thông minh hơn kẻ học sau. Trí thức tên Xoài trỗi hơn trí thức tên Ôi là vì tên Xoài đã luôn chuyển nhiều kiếp hơn tên Ôi.

Sự thọ, yểu của con người cốt do nơi hai cớ: Một là tại nơi người, hai là vì mạng số.

1. Tại nơi mình không biết giữ vệ sinh.
2. Tại nơi khí bẩm mè cha yếu ớt rồi sanh con yếu ớt, lại thêm dưỡng nuôi không đặng kỹ càng cho nên trẻ con phải cam phần yếu tử.
3. Tại nơi mình say mê mù tục làm cho hao tán tinh thần mà phải chết sớm. Tỉ như một thép đèn chưa được hai chiêm dầu. Nếu thắp vừa vừa, không lu không tỏ, đèn ấy chong (sống) được trọn đêm. Mà nếu mình khêu tim lên cho thật tỏ, dầu phải chóng hao, rồi tự nhiên thép đèn phải tắt (chết) trong canh hai, canh ba vậy.

Luận thế sao cũng có người hỏi rằng: "Có người cũng biết giữ vệ sinh, biết bảo tồn thân thể, mà sao cũng chết yểu vậy?"

Kẻ ấy kiếp trước vì mấy duyên cớ mới giải trên đây mà phải yểu mạng (hoặc là bắt đắc kỳ tử) nghĩa là chết trước ngày tiền định, vì lỗi tại nơi mình, nên kiếp này phải tái thế, mà chỉ sống thêm cho đủ số phần đã định nơi kiếp trước vậy thôi, nên số không trường thọ. Tí như tôi nhơn kia bị án một năm tù, ở được tám tháng lại vượt ngục thoát thân. Nay bắt buộc phải ở tù thêm bốn tháng nữa cho đúng kỳ mãn hạn. (Có khi còn phạt thêm về tội đào tị là khác).

### ***Bắt đắc kỳ tử có phải là tại số mạng chăng?***

Bắt đắc kỳ tử là gì? Là chết không nhầm (đặng) chỗ. Đã gọi không nhầm chỗ thì tưởng lại không phải là do nơi số mạng.

Bắt đắc kỳ tử do nơi hai cớ:

- Một là tại tự vận (đâm họng), tự ái (thắt cổ), tự phần (thiêu mình), tự độc (uống thuốc độc), tự nịch (trầm mình).
- Hai là chết vì rủi ro như: té sông, chết ngợp, chết đâm, chết chém, bị xe cán, vân vân...

**1/.** Kẻ hủy mình là vì bị cảnh tình sở bức, hết mong sống sót là vui, nên chi quyết chí liều thân để sớm dứt rời oan trái. Thác như vậy là muốn trốn lánh điều khổ hạnh của đời người mà ai ai cũng phải chịu một phần gánh vác. Kẻ hủy mình chẳng khác nào tội nhơn vượt ngục, vì không đủ sức chống chịu với khổ hình cho đến kỳ mãn hạn. Mấy kẻ ấy không những phạm tội trốn lánh mạng Trời mà lại còn đáng cho người đời khinh bỉ. Trừ ra kẻ nào tử tiết (\*2) thì mới được chê châm.

**2/.** Chết về rủi ro (\*3) là tại mình không trọn cẩn phòng như té cây, bị xe cán, tại mình đem thân vào nơi nguy hiểm (rừng núi, biển sông), như bị hùm tha, sấu nuốt, tại mình gây thù, kết dữ với người, như bị chết đâm, chết chém, v.v...

Nếu ra đường biết quan phòng sau trước, thì có đâu đến cho xe cán? Nếu mình không leo cây thì thế nào té cây đặng? Kẻ không biết đề phòng cẩn thận, có

rủi ro lại đồ cho mạng số thì rất sai lầm. Cho nên, thày Mạnh Tử có nói rằng: "*Thị tri mạng giả, bất lập nham tường chi hạ*". Nghĩa là: "Kể biết mạng mình thì không khi nào dám đứng dưới vách tường hầm đồ".

Nếu mình không lên rừng, xuống biển, thì thế nào bị hùm tha, sấu nuốt? Tại mình chuyên lấy nghề nguy hiểm thì chắc lấy nguy hiểm đã đành, nếu đồ cho mạng số thì rất sai lầm lắm đó. Cho nên Đức Khổng Tử có nói rằng: "*Bạo hổ, bằng hà tử nhi vô hối*". Nghĩa là: "*Bắt cọp, lội sông, chết không đáng tiếc*".

Không gây thù kết oán với ai, không cướp giựt của ai, có lẽ nào mình lại bị chết đâm, chết chém? Đức Thái Thượng có nói: "*Họa phước vô môn, duy nhơn tự triệu*". Nghĩa là: "*Họa phước không nhút định cửa nào, tại mình dời mới đến*". Thày Mạnh Tử lại nói: "*Trất cốc nhi tử, phi chánh mạng dã*". Nghĩa là: "*Chết vì trăng cùm là không phải tại nơi mạng chánh vậy*".

Tóm lại, làm người phải tin có số mạng, song chẳng nên tin thái quá mà phải sai lầm, nếu mỗi việc chỉ cứ đồ cho mạng số rồi chẳng hết sức lo, thì thiệt hại cho mình lắm. Phàm việc gì mình rán hết sức mà làm không đặng thì mới đồ cho là mạng số. Cho nên có câu: "*Tận nhơn lực, dĩ tri Thiên mạng*".

Vâng lại, Trời định số cho ta là do nơi căn quả tiền kiếp của ta. Ấy là cơ báo ứng thiên nhiên, chớ chẳng phải Trời thương ai mà định cho số mạng giàu sang, chẳng phải Trời ghét ai mà định cho căn phần bần tiện. Đã biết rằng Trời định mạng cho ta, song có khi ta cũng sửa đặng vậy. Cho nên mới có câu: "*Tạo mạng giả Thiên, lập mạng giả ngã*". Nghĩa là: "*Định số mạng là Trời, sửa số mạng là ta*".

### **Làm sao gọi là lập mạng?**

Tỉ như mạng ta nghèo khổ, mà ta cứ tu nhơn tích đức, thì ta thuộc được tội lỗi tiền khen, rồi Trời cũng xót thương mà sửa số mạng ta lại khá được.

Còn kẻ có số mạng giàu sang mà tham lam tàn bạo, thì phải bị Trời giảm phước mà mang điều tai họa.

Lẽ báo ứng ấy chỉ trong chóng chầy mà thôi, chứ không chạy đâu cho khỏi. Vì vậy mới có câu: "*Thiện ác đáo đầu chung hưu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai tri*". Nghĩa là: "*Họa phước cuối cùng đều có trả, chỉ trong hai lẽ chóng cùng chầy*". Lại có câu: "*Vi thiện giả Thiên báo chi dĩ phước, vi bất thiện giả Thiên báo chi dĩ họa*". Nghĩa là: "*Người làm lành, Trời ban phước, kẻ làm dữ Trời xuống họa*".

---

(\*1) Tuy sự khổ cùng là hình phạt, song cũng nhờ đó mà con người đào luyện linh hồn. Nhờ khổ cùng mới biết đủ mùi cay đắng, có khó mới có khôn, có khôn linh hồn mới trong nhẹ. (Xin xem qua chương giải về khổ hanh).

(\*2) Tử tiết như là gấp điều sở bức, tôi liều thácặng giữ trung với chúa, gái liều thác để trọng tiết với chồng.

(\*3) Chết về rủi ro mà chẳng phải lỗi nơi mình, thì có lẽ mới đỡ cho mạng số được, tỉ như bị giết lầm, bị cây ngã đè chết, v.v. ...



## **V. TA TIN PHẢI CẦN KHỔ HẠNH MỚI MONG THÀNH ĐẠO**

Tu hành chia nhiều bực: Có người tuy đã nhập môn cầu Đạo rồi, chớ cũng lo bèn ấm lạnh làm ăn như thường, song phải giữ theo luật Đạo mà trau giòi đức hạnh. Ấy là kẻ giữ Đạo mà thôi, còn đứng vào bực hạ thừa.

Còn người nào thiệt gọi là *tu*, thì phải phê hết nhơn tình thế sự, trường trai giữ giới mới đứng vào bực thượng thừa.

Đến địa vị *người tu* rồi, cần phải đem mình vào nơi khổ hạnh, nhiều khổ hạnh chừng nào, thì công quả càng cao chừng ấy, mà hễ công quả càng cao bao nhiêu, thì phẩm vị sau rồi lại rõ ràng bấy nhiêu. Tỉ như một khúc cây đem ra chạm trổ: Hễ khúc cây chịu đẽo đục chừng nào thì nét chạm trổ lại nổi cao chừng ấy. Khổ hạnh là một viên đá thử vàng. Mà vàng đây là gì? Tức là đạo đức. Kẻ khổ hạnh mà lòng chẳng đổi dời, cứ khu khu dạ săt gan đồng, không than thân trách phận, cứ vui đạo an nghèo, kẻ ấy mới đáng làm tôi *Thượng Đế*.

Sự khổ hạnh cũng là một phương châm tuyệt diệu để cự đương với tình dục. Người thường cam khổ hạnh không còn luyến đến việc trần, tâm tục diệt lần thì lửa lòng phải dập. Tỉ thí: Muốn cho thịt tươi để lâu khói thúi, ta cần phải muối đi, còn muốn cho linh hồn khỏi nhiễm điều tình dục, ta cần phải cam khổ hạnh. Khổ hạnh là muối để ướp cho linh hồn khỏi hôi thúi vậy.

Sách có câu: "Xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần". Nghĩa là: "Bỏ thân để cầu mối đạo, bỏ giàu để cầu nghèo khổ".

### ***BỎ THÂN LÀ SAO VÀ TẠI SAO MÀ BỎ ĐI?***

Bỏ thân nghĩa là không kể đến thân phàm mình nữa, vì nó là xác thịt không hay bền bỉ. Nhưng chớ lầm tưởng rằng xả thân là phải đem thân ra mà hủy hoại cho mau tiêu diệt, hoặc dùng cách ép xác (như tịch cốc) cho hình vóc hao gầy. Nghĩ vậy rất sai lầm, là vì muốn tận

tâm hành đạo, ta cần phải giữ gìn thân hình cho tráng kiện mới có thể gánh vác điều cực nhọc. Đó là điều cần yếu để bảo tồn sự sống, có sống rồi mới có thể tu hành được.

### ***Thế thì phải làm sao gọi là xả thân?***

Xả thân nghĩa là:

**1/.** Thân hình chẳng nên trau chuốt, như gọt chơn mày, cạo lông mặt cho sắc xảo, hớt tóc sửa râu cho vén khéo, xông hương ướp xạ cho thơm tho. Cách trang điểm ấy chẳng qua là phương chung diện của kẻ thường tình tục thế để cầu huê mỹ mà chắc chuộng mua yêu. Nói thế chắc có người phản đối rằng: "*Để tóc râu cho u xù làm sao giữ sạch được? Mà nếu không giữ sạch thì thế nào cho tráng kiện?*"

Tôi xin đáp: "*Sự tráng kiện cốt do noi người biết cùng không biết giữ vệ sanh đó thôi. Tóc dài râu rậm mà nồng tẩm gội thì lo chi không sạch. Chớ như cạo râu hớt tóc mà một tháng chưa tẩm gội một lần thì trông gì sạch đặng?*"

Thơm tho về tinh thần, danh giá mới được trường tồn. Kia như ông Nguyễn Hiền, ông Trạng Trình, vân vân, là bực tài ba xuất chúng, đã trải bao tuế nguyệt tinh sương mà danh thơm hays còn ràng ràng trong thanh sử, nọ như bà Triệu Âu, bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, ông Trần Hưng Đạo, quan Tả quân Lê Văn Duyệt, vân vân, đã mấy phen thỏ lặn, ác tà, mà nơi linh tự hays còn khói hương nghi ngút.

Cái thơm tho về xạ ướp hương xông chẳng qua là lợi dụng bè ngoài, chỉ mượn hương vị ướp tẩm vào mình, cầu thơm trong giây giờ rồi hết, tức là điều giả dối vậy.

**2/.** Thân chẳng cần mặc áo lụa quần hàng để lòe mắt chúng, để mê mặt người. Kẻ tu hành cần chi việc ấy? Quần vải áo bô, miễn cho sạch sẽ và kín đáo là đủ che thân ấm cật, đã vẹn bè tiết kiệm lại phải đạo tu hành. Ấy là xả thân cầu đạo.

Cho nên trong Tân Luật, chương thứ hai, điều lệ thứ 15, buộc bức thương thừa phải để râu tóc, mặc toàn đồ bô vải.

### **Xả phú cầu bần là sao?**

Chúa Cứu Thế (Jésus Christ) có dạy rằng: "Nếu con muốnặng hoàn toàn, hãy bán hết gia tài rồi phân phát cho người nghèo khổ". (Si vous voulez être parfait, allez, vendez tout ce que vous avez, et distribuez-le aux pauvres.)

Lời chau ngoc ấy đáng cho ta bái phục. Vì tiền bạc hay xui giục người vào nోo quây đường tà. Kẻ có của thường dễ sa vào bốn vách (tửu, sắc, tài, khí) rồi miệt mài trong cuộc truy hoan mà quên bẽ đạo đức. Chỉ bằng mình tự ép mình vào cảnh khổ nghèo thì tránh xa mấy điều tội lỗi ấy được.

Ta có chắc phế hết của tiền mà cầu đạo được chǎng? Hễ quyết chí thì được chǎng sai. Tỉ thí như mình gởi tiền phương xa mua vật chi quí báu, tuy chưa gởi đến chớ tự mình chắc rằng mình đã có vật ấy rồi, vì mình đã xuất tiền mua lấy.

Nếu mình phế hết tiền để yêu cầu mối đạo, tuy nhiên mình chưa đắc đạo, chớ tự mình đã chắc trước rồi, vì tự mình đã xuất tiền mà cầu vậy.

Vả lại, Đáng Tao Hóa cho mình nghèo khổ là muôn cho mình dễ tránh tội tình tục thế. Tao Hóa cho mình hèn hạ là muôn cho mình khỏi truyền nhiễm đến cuộc giả lợi dối danh. Nên chi, cái khổ hạnh là cái quí báu cho người làm đạo, sợ khổ hạnh là chưa biết đạo vậy.

Luận đến đây, tôi bắt nhớ đến sự tích ông Chung Ly Quyền đời Hán, trước buổi Ngài đăng Tiên. Sự tích sơ lược như vầy:

Ông Chung Ly Quyền là tướng đại tài đời Hán. Ngày kia đánh đuổi binh giặc. Lý Thiết Quả Tiên Ông thây vây than rằng: "Chung Ly vốn có căn tu, nếu để và trọn thắng, về trại được gia tăng quyền tước, chi cho

*khỏi sa mê danh lợi mà chẳng khứng tu hành. Chi bằng phá va thất trận cho ngã lòng thì mới dễ bèle độ rồi". Đoạn Ngài mới đốt trại Chung Ly để giúp cho nghịch binh thủ thắng. Nhờ vậy mà ông Chung Ly ngã lòng về thế sự, an thân tu luyện, sau đắc đạo gọi là Hớn Chung Ly.*

Sự tích này là phương thuốc giải lòng cho chư đạo hữu nào thường mắc phải hồi lao đao lận đận.

Còn ông Tào Hữu, vốn là một vị Quốc Cựu Tống trào, Ngài chán ngán việc trần, bèn xuất hết gia sản bố thí cho dân nghèo, ly gia, cát ái, lên núi tu trì, sau rồi cũng đắc đạo. Nếu Ngài tiếc của thương nhà, thì thế nào dăng Tiên cho đăng?

# CHUNG

---

## ĐỨC TIN

Soạn giả THUẦN ĐỨC

In tại nhà in TAM THANH  
108-110, PLACE MARÉCHAL FOUCH.  
DAKAO-SAIGON  
1928

Thánh Thất New South Wales - Australia  
Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002  
[thanhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhthatnsw@yahoo.com.au)

---

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

---

**LUÂN HỒI QUẢ BÁO**

Tác giả  
**NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TÂN ĐÃI**

**Hội Thánh Giữ Bản Quyền**

# **MỤC LỤC**

- Lời nói đầu

## **CHƯƠNG NHỨT**

- Linh hồn bất diệt
- Bằng chứng
- Xuất thân
- Thần giao cách cảm
- Một ông giáo sĩ hiện hồn về
- Đứa bé mất thần
- Trực phách người sống

## **CHƯƠNG HAI**

- Thuyết Luân Hồi qua các Tôn giáo và học thuyết cổ kim
  - I) Ở nước Ấn Độ
  - II) Ở nước Ai Cập
  - III) Ở nước Ba Tư
  - IV) Ở nước Hy Lạp
  - Tân học phái Platon
  - V) Ở nước Ả Rập
  - VI) Ở xứ Judée
  - VII) Ở nước Trung Hoa
  - VIII) Ở nước Nhựt Bồn
  - IX) Ở nước Việt Nam
  - Thánh Ngôn Hiệp Tuyễn
- Những bằng chứng về Luân hồi
  - Những tiền thân của Đức Địa Tạng
  - Nhớ bài hát kiếp trước
  - Cho mẹ biết trước mình sẽ tái sanh
  - Chuyện luân hồi ở Việt Nam
  - Một hiện tượng ly kỳ về Thần linh
  - Chuyện Luân hồi ở Ấn Độ
  - Chuyện thay hồn đổi xác
  - Tại sao người ta nhớ được kiếp trước?
  - Thần đồng
  - Thần đồng xưa và nay

## **CHƯƠNG BA**

- Nhơn quả
- Thời gian báo ứng
- Chuyện Nhơn Quả
- Tiền kiếp Nhơn quả
- Trả nợ tín thí
- Đức Cưu-ma-la-đa giảng cơ báo ứng

## **IV. Làm phước gấp phước**

- KẾT LUẬN

## LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta ở vào thế kỷ văn minh vật chất, thêm gấp buổi khó khăn, con người mảng chật vật về kiếp sống còn, lo cho hiện tại chưa kham, ít ai được tâm trí rảnh rang nghĩ tới những việc cao xa, sâu kín.

Cái trạng huống ấy còn kéo dài, nhiều người rồi đây không khỏi bị lôi cuốn theo làn sóng duy vật mà bỏ hẳn tinh thần đạo đức bỗng cả quan niệm thiện ác.

Nhận thấy cái viễn cảnh ấy, chúng tôi chẳng quản tài sơ trí thiển, soạn in quyển nhỏ này với những bằng chứng về Luân Hồi Quả Báo, để anh chị em cùng xem mà suy nghiệm.

Vốn không phải một công trình sáng tác, mà là một công trình sưu tập, sưu tập những giáo lý và học thuyết của các đấng tiên nhân, sưu tập những chuyện xưa tích nay về "KIẾP LUÂN HỒI" và "LUẬT NHƠN QUẢ" có thể gây ảnh hưởng sâu xa cho nhoạn tâm thế đạo giữa sức cạnh tranh của hai thuyết Duy Tâm và Duy Vật.

Thừa biết có nhiều khuyết điểm không thể tránh, chúng tôi cầu xin các bậc cao minh đại đức vui lòng điểm xuyết, cho quyển sách nhỏ này được đầy đủ hơn trong kỳ tái bản.

Mùa Xuân năm Bính Thân  
NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TẤN ĐÃI



## **CHƯƠNG NHÚT**

---

### **1. Linh hồn bất diệt**

Linh hồn là điểm linh quang bất diệt. Từ ngàn xưa, nhơn loại vẫn tin như thế. Sự tin tưởng ấy chính là một tín điều, làm căn bản cho các tôn giáo.

Qua nhiều thế hệ, tôn giáo vì bị diên cách mà thất kỳ truyền, cho tới ngày nay, tôn giáo kém lầm uy tín tinh thần, khiến cho lòng người hoang mang thắc mắc, rồi đâm ra ngờ vực cái tín điều cổ hữu ấy. Giai dã vào thế kỷ 20 này, khoa học vật chất phát triển rất mau, những tìm tòi và phát minh khoa học đã biến cải điều kiện sanh tồn theo quan niệm mới và đã hoàn thiện đời sống vật chất của nhơn loại.

Tuy nhiên, nếu khoa học thắng lợi về phương diện vật chất, nó lại làm càng lu mờ cái tín ngưỡng về linh hồn, thành thủ ít người chịu quan tâm đến phần linh diệu của mình, không cần tìm hiểu sau khi lìa khỏi xác phàm, linh hồn sẽ ra sao. Họ bận lo cho kiếp hiện tại, cho những cặn lợi nhẫn tiền, mặc cho kiếp tương lai mà họ không tin là có.

Thêm vào đó, những phát kiến gần đây của thiên văn học, địa chất học, nhơn loại học đã đánh đổ những bịa đặt quá đáng của một vài tôn giáo, gây thành mối tương phản giữa đức tin và lý trí.

Tóm lại, một phần vì sức bành trướng của khoa học, một phần vì lập thuyết mập mờ của vài tôn giáo, nhơn sanh quá chú trọng về vật chất, bỏ quên hẳn về tinh thần. Dẫu các nhà tín ngưỡng chơn chánh có đem tài hùng biện tranh luận với các nhà khoa học trên địa hạt triết lý cách nào đi nữa tưởng cũng không thể đem thắng lợi về mình. Phải tìm một phương pháp khác: QUAN SÁT và THỰC NGHIỆM. Phải tìm đủ bằng cớ

minh chứng linh hồn là một điểm linh quang hiện hữu và có thể linh hoạt ngoài cơ thể.

May thay! Những bằng chứng ấy đã có và không khó để xác nhận, nếu người ta chịu khảo sát một cách vô tư những hiện tượng như huệ nhẫn (clairvoyance), huệ nhĩ (claireaudience), thần giao cách cảm (télépathie), linh cảm (prémonition), xuất thần (dédoublement) vân vân...

### **2. Bằng chứng**

Ngay từ năm 1882, Hội Anh quốc Nghiên cứu Tâm linh (Société Anglaise des Recherches Psychiques) đã dày công khảo sát và nghiên cứu hàng ngàn hiện tượng siêu hình. Việc làm tiêm tất ấy khiến giới trí thức phải quan tâm rồi quen dần với những hiện tượng xảy ra chứng tỏ linh hồn có thật. Nên nói rằng Hội Nghiên cứu này gồm nhiều danh nhân trong giới khoa học và thần học của nước Anh vào thế kỷ 19.

Tháng ba năm 1922, giáo sư Charles Richet (người Pháp) đem trình tại văn phòng Khoa học Hàn lâm viện (Académie des Sciences) một tác phẩm của ông, nhan đề "SIÊU LINH HỌC KHÁI LUẬN" (Traité de métaphysique), trong đó ông chứng thực những hiện tượng nói trên.

Các nhà thông thái như Grookes, Alfred Russel Wallace, Myer Sir Oliver Lodge, Lombroso đều công nhận thuyết Thần linh là đứng đắn, có thể giải quyết các vấn đề siêu việt về những hiện tượng siêu linh.

### **3. Xuất thần**

Năm 1884, ông Cố đạo Huc, sau khi du lịch bên xứ huyền bí Tây Tạng, về Ba Lê (Paris) có thuật lại cho một người bạn nghe một chuyện ly kỳ mà ông đã thấy tận mắt hồi ông ngụ tại chùa Koumboum. Ông nói: "Một hôm đương ngồi đàm đạo với một nhà sư, bỗng tôi thấy

vùng nín thinh, dường như lắng nghe điều gì, đoạn nói:  
"Tôi phải đi mới được". Ngạc nhiên, tôi hỏi: "Ông đi đâu?  
Và vừa nói chuyện với ai?" Ông đáp: "Đi lại chùa X, ông  
Thầy Cả chùa ấy cần nói chuyện với tôi, nên mới gọi tôi".

Từ Koumboum đến chùa X rất xa, đi bộ phải mất  
vài ngày, nhưng nhà sư đi bằng cách xuất thần. Ông  
vào tịnh phòng, tôi vô theo. Ông bảo một sãi khác đóng  
cửa lại. Vài phút sau, ông sãi cho tôi biết rằng nhà sư đã  
đi rồi. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cửa phòng đóng chặt, đi làm sao được?
- Ông xuất thần đi như chớp nhoáng, đâu phải đi  
bằng xác phàm.

Ba ngày sau, vì chưa thấy động tĩnh, tôi hỏi tin tức  
thì nghe nói chiều hôm ấy nhà sư về. Thật vậy, mặt trời  
vừa lặn, tôi nghe từ trên mây có tiếng bảo mở cửa. Tôi  
dòm lên thấy nhà sư bay xuống rồi vô phòng.

Vài hôm sau, người ta đưa ông Cố đạo Gabet và  
tôi ra khỏi biên giới Koumboum vì chúng tôi tò mò quá.

\*\*\*\*

Cũng về hiện tượng xuất thần, cách đây lối 25  
năm, chúng tôi được nghe một chuyện cũng kỳ bí như  
chuyện trên do một nhà giáo già thuật lại. Lúc ấy ông  
làm hiệu trưởng một trường công tại ngoại ô Saigon,  
một người đáng kính và đáng tin cậy.

Ông thuật chuyện dưới đây:

"Hồi tôi còn trẻ lối hai mươi mấy tuổi, tôi cùng vài  
bạn lên viếng núi Điện Bà (Tây Ninh). Vừa đến chân núi,  
chúng tôi gặp ông sãi tu tại động Linh Sơn, đương đi  
đạo dưới núi. Không ai biết tên ông, chỉ biết ông là  
người Chàm (Chiêm Thành), nên gọi ông Chàm thôi.

Khi chúng tôi lên tới động, ông Chàm đã chực sẵn  
tiếp rước chúng tôi. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng thầm  
nhឹ có lẽ ông biết đường đi tắt nên lên động trước hơn.

Hầu chuyện được một lúc, ông lại bảo chúng tôi: "Xin mấy ông ngồi chơi giây lát tôi có việc phải đi".

Nói đoạn, ông lặng thính cúi mặt xuống bàn như ngủ. Chúng tôi ngạc nhiên không hiểu đâu vào đâu cả. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn ngồi yên lặng đợi chờ, không dám làm kinh động giấc nhấp của ông. Một lát lâu, ông ngược mặt lên, thì kỳ dị thay! Trên bàn chất đầy nào là nhang, đèn, trà tàu và bánh in mà ông bảo mới đi Cholon mua về.

Thuật dứt câu chuyện huyền bí ấy, nhà giáo cười nói: "Đó là chuyện thật tôi thấy tận mắt. Thấy sự mâu nhiệm ấy, tôi muốn tu quá, ngặt vì tuổi còn thơ, gia đình còn ràng buộc chưa thể thi hành theo ý nguyện".

Về sau nhà giáo tu thuật. Ông nhập môn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và hành đạo một cách sắt sắng.

Còn ông Chàm, sau khi đắc quả, có giáng cơ với danh hiệu Huệ Mạng Trường Phan và cho bài thi tú tuyệt dưới đây:

Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn,  
Chẳng quần mùi đời thiệt với hơn.  
Trăm đắng ngàn cay đành một kiếp,  
Công hầu, vương bá có chi hơn?"

\*\*\*

Nhờ cơ bút, người phàm có thể thông công với những linh hồn giải thể đương linh hoạt ở cõi hư không mà người đời quan niệm về đẳng cấp, gọi là Thần, Thánh, Quỷ, Ma...

Ở nước Pháp, các nhà Thần linh học còn dùng phương pháp thiết thực hơn để chứng nhận một cách đích xác sự hiện diện của linh hồn bằng cách chụp ảnh và lấy dấu tay của những người chết hiện hồn về. Cuộc thí nghiệm này được tổ chức rất chau đáo để phòng ngừa những sự gian lận hoặc ảo ảnh.

Và sau những cuộc thí nghiệm, nhiều nhà bác học còn điều tra lại nhiều lần rồi mới chịu tin chắc, mặc dầu những nhà duy vật cố tâm xuyên tạc.

#### **4. Thần giao cách cảm**

Tờ báo International Psychic Gazette có tường thuật hiện tượng dưới đây:

Bà Maria Szabo ở tại một làng của nước Hung gia lợi (Hongrie), gần Ezegedin.

Bà có một người con trai sang lập nghiệp ở Mỹ quốc đã 20 năm mà vẫn bất tin túc, cho nên ai cũng tưởng nó đã bỏ thây nơi đất khách.

Một đêm vào đầu tháng tám dương lịch, bà mẹ đương ngủ vùng thức dậy la lên: "Chính nó, chính con tôi trở về!".

Con gái bà nghe la lật đật chạy đến phòng bà, thì bà bảo vừa nǎm mồng thấy con trai bà chống tay dựa lan can một chiếc tàu, bà còn nói thêm rằng gò má bên trái của nó có một cái theo. Cả nhà đều cho bà nói mê, không quan tâm đến. Qua chiều ngày sau, quả thiệt con trai bà từ Mỹ quốc trở về. Nó cho biết trong lúc tàu tiên gần duyên hải Âu Châu, nó chống tay dựa lan can mà trí tưởng đến mẹ già. Lúc bấy giờ ai nấy đều nhận thấy trên gò má bên trái của nó có một cái theo dài, hỏi nó thì nó bảo trong thời gian lưu ngụ tại Hiệp Chủng Quốc (Etas Unis) nó bị thương trong một cuộc ẩu đả.

Theo truyền trên đây, chúng ta nhận định rằng trong khi người con trai đem hết tinh thần ý chí tưởng tới mẹ già, thần của y xuất về thăm mẹ, và bà ấy vốn có linh cảm mới thấy được con trong giấc mộng.

#### **5. Một ông giáo sĩ hiện hồn về**

Tờ Thần Linh Tạp Chí (Revue spirite) xuất bản vào tháng Giêng năm 1932, cho biết tờ The Two Words

có thuật một hiện tượng kỳ quái đã xảy ra tại Manchester (Anh quốc), nơi tịnh viện mà 38 năm về trước ông giáo sĩ Sharrock đã lìa trần. Những người ở nơi tịnh viện đêm nào cũng thấy ông ấy hiện hồn về, thét rồi họ phải báo cáo cho Mục sư J. Drescher hay biết. Mục sư liền ban phép lành và rải nước thánh cho tịnh viện ấy. Rồi người ta tụng kinh cầu siêu cho linh hồn giáo sĩ Sharrock tại nhà thờ mà trước kia giáo sĩ đã hành sự.

Mục sư Drescher lại tuyên bố: "Tôi không cho rằng những hiện tượng như thế có tánh cách xấu. Giáo hội Công giáo nhìn nhận sự hiện hồn sở dĩ có là: hoặc người chết còn để lại nơi thế gian một công trình đương bỗ dở, hoặc để nhắc nhở người rằng một thế giới khác đương chờ chúng ta bên kia màn bí mật".

### **6. Đứa bé mắt thần**

Báo Wahres Leben, xuất bản tại thành phố Leipzig (nước Đức) vào tháng 2 năm 1929, dưới ngòi bút của ông Willi Dobberkan, có thuật chuyện một đứa bé có thần nhãn. Hiện tượng này đã được nhà khoa học huyền bí là bác sĩ Petro Niel tại thành Madrid (Tây Ban Nha) khảo cứu kỹ càng. Dưới đây là những điều được quan sát mà ông đã trình bày trước mặt các thính giả chuyên môn:

"Đó là một đứa bé bảy tuổi, ngó xuyên qua các vật, dường như cặp mắt nó phát ra những quang tuyến Roentgen.

Đứa bé ấy tên Benito Paz, con một nhà giáo người Tây Ban Nha, hồi lên năm, bỗng nhiên nó đọc được những trang chữ trong một quyển sách gấp lại và để trước mặt nó. Lúc đầu, cha nó nghi nó đã học thuộc lòng trước. Rồi ông thử nó nhiều cách: nhơn ông đã đánh mất một nút áo, bảo nó kiểm thì nó nói nó thấy ở trong hộp đựng thuốc lá của ông. Đúng như vậy. Đoạn ông lấy những điều thuốc đem giấu nhiều chỗ, nó vẫn

chỉ đúng chỗ giấu. Lúc bấy giờ, nhà giáo mới chịu tin và dẫn nó đến Bác sĩ Petro Niel ở thành Madrid, cho ông ấy quan sát và thí nghiệm. Bác sĩ bèn giấu nhiều vật trong những cái tráp bằng kim khí, rồi bảo nó mô tả từng vật một, đoạn ông bắt nó đọc những bức thơ đựng trong ba bốn phong bì để chồng cái này lên cái kia, ông còn bắt nó mô tả những vật đựng trong mấy túi áo ông. Có điều lạ là đưa bé có thể thấy và đọc xuyên qua giấy, giấy bồi, hàng vải và kim khí, nhưng vật nào để trong hộp hay rương bằng cây thì nó không thấy được."

## **7. Trục phách người sống**

Trong lúc người Á Đông, vì thiếu phương pháp hoặc thiếu tánh háo kỳ, nên thờ ơ với những hiện tượng siêu hình, thì người Mỹ hay người Âu lại dùng cách thí nghiệm để chứng chắc rằng trong bản thân con người vốn có linh hồn và thể phách.

Năm 1893, đại tá Rochas, tác giả quyển sách "Những kiếp sống liên tục" (Les vies successives) có dùng một cô đồng để trục phách cô ấy.

Sau khi ở vào trạng thái mênh mông, cô ấy không biết mình là ai nữa, không còn nhớ gì cả, nhưng pháp đàm hay biết điều chi thì cô cũng hay biết y theo. Bỗng phía bên mặt cô hiện ra một luồng thanh khí vặn tròn, đồng thời, phía bên trái cũng xuất hiện một luồng hồng khí, đoạn hai luồng ấy hòa lẫn nhau qua phía bên trái biến thành một tướng tinh giống in hệt cô ấy. Đó là phách của cô được trục khỏi bản thân. Ai nhẹ búng vía (voyant) có thể thấy đặng.

Nếu đưa một miếng đường vào miệng cái phách ấy, thì cô biết ngọt, còn đưa tùng hương (nhựa thông) cô ấy lại dùn mình. Nói tắt là cô và phách của cô vẫn đồng một cảm giác.

Người ta có thể chụp hình cái phách, nhưng việc này chưa đủ bảo đảm cho mọi người tin là vì không biết tại sao khi thì chụp được, khi lại không ăn ảnh.

Gần đây ông H. Durville, Tổng Thư ký Viện Từ Khí học cũng có nghiên cứu về thần phách và được kết quả cụ thể. Ông dùng thôi miên làm cho một người kia ngủ, rồi trực phách người ấy ra khỏi xác phàm, đoạn ông điều khiển cái phách ấy sang qua phòng khác. Bấy giờ ông mới bắt đầu thí nghiệm về giác quan của người ngủ. Ông đem một tờ báo sang phòng cho phách xem, thì nơi phòng bên cạnh, người ngủ lại đọc được. Những vật gì đem để gần phách, thì cái xác nằm tro tro bên phòng kia vẫn mô tả hình trạng đúng y.

Cái phách lại nghe được tiếng đồng hồ tíc tắc, lời nói thầm thì bên mình, biết được mùi Ammoniaque, dầu thơm và các mùi khác, nó nếm dầu xổ, đường sulfate de guinsire, nước bông cam, rồi truyền các sự cảm xúc ấy cho xác thân không sai một mảy.



## **CHƯƠNG HAI**

---

### **Thuyết Luân Hồi qua các Tôn giáo và học thuyết cổ kim**

Từ cổ chí kim, từ Âu sang Á, hầu hết các dân tộc, dưới hình thức này, hoặc hình thức khác, với một trình độ trí thức thấp kém hay cao siêu, vốn có một tin tưởng tương tự nhau về sự linh hồn bất diệt. Sự tin tưởng ấy, lúc đầu còn mập mờ vì kém quan sát và thiếu phương tiện khảo cứu, lần lần phải trải qua nhiều thế hệ, cái đức tín ấy mới được minh xác. Cho đến ngày nay, linh hồn bất diệt được cho là một sự thật hiển nhiên. Ngoại trừ phái duy vật, hầu hết các dân tộc nhìn nhận rằng: "Chết không phải là hết", như nhà Nho bảo: "Sanh ký tử qui" (sống gởi thác về). Chết là xác thịt rã tan, nhưng con người vẫn còn một cái gì thiêng liêng và luôn luôn tồn tại, ta gọi linh hồn đó.

Để minh chứng điều nói trên, chúng tôi xin mời quý vị cùng chúng tôi lược khảo các Tôn giáo và học thuyết cổ kim về quan niệm luân hồi.

#### **I. Ở nước Ấn Độ**

Ấn Độ có thể nói là nước phát triển trước nhất về trình độ tinh thần trí thức, là nơi sản xuất nhiều Tôn giáo.

Ấn Độ Giáo (Hindouïsme) do Bà La Môn Giáo (Brahmanisme) mà ra và được phổ biến ở Ấn Độ tân thời. Ấn Độ Giáo có hai phái: một phái thiên về triết lý, lấy kinh Vedas và kinh Upanishad làm căn bản cho giáo lý mình, một phái thì chuyên chú về lễ bái nhiều hơn. Phái sau này, ngoài hai thứ kinh kể trên, còn dùng thêm nhiều thứ kinh khác, như Pourânas viết bằng chữ Phạn và theo lối vận văn, trong đó có giảng giải về Càn Khôn Võ Trụ, nguồn cội, tông tích các vị thần và các triều vua

chúa. Phái này chủ trương rằng tất cả thần linh đều do một Tôn thần độc nhất hóa thân ra và chịu dưới quyền chi phối của ba Hiện thể (Trimourti) của Tôn thần ấy là: Thần Sáng Tạo (Brahma), Thần Phá Hoại (Shiva) và Thần Bảo Tồn (Vishnou).

Trong kinh Pourânas có kinh Bhagavad-gita, trong đó ghi chép những lời giải thích của Đức Krishna đáp lại những nghi vấn của môn đệ Ngài là vua Arjuna, cũng như Luận Ngữ của Đạo Nho vậy.

Dưới đây, xin dịch một đoạn trong kinh ấy giải thích về linh hồn và kiếp luân hồi.

*"Linh hồn vốn bất sanh bất tử, nó không phải sanh ra lúc trước, nó không thể tái sanh, bất sanh bất diệt, vĩnh kiếp trường tồn và vốn có sẵn từ xưa, nó chẳng hề tiêu diệt khi người ta tiêu diệt thể xác."*

Vậy, có lẽ nào một người đã biết nó bất sanh, bất tử, vĩnh kiếp trường tồn, lại giết hoặc mướn giết kẻ khác?

*"Linh hồn bỏ những xác thân hư hoại để nhập vào những xác thân mới, cũng như người ta bỏ y phục hư rách để mặc vào những y phục mới vậy."*

Này Arjuna ta đã sanh ra nhiều lần, ngươi cũng thế. Ta thì biết rõ tiền thân của ta duy ngươi chưa biết đó thôi."

Lời dạy trên đây, chúng tôi đạo lý Ấn Độ thời xưa nhìn nhận linh hồn bất diệt và sự tần hóa của nó phải trải qua nhiều kiếp chuyển sanh cho tới khi đắc đạo trở về nguyên bỗn.

Lối 560 trước Tây lịch kỷ nguyên, Thái Tử Sĩ-đạt-tha (Siddharta) giáng sanh, Ngài là con vua Tịnh Phạn Đầu-đà-na (Suddhodana), nước Ca-tì-la-vệ (Kapilavastu).

Lớn lên, Thái Tử thấy chúng sanh đau khổ, trong nước chia nhiều giai cấp, còn Đạo Bà La Môn thì lầm lẫn sai biệt chém truyền, không còn phù hợp với trình độ tinh thần và trí thức của chúng sanh nên Ngài lìa bỏ giàu sang, quyết tu thành đạo mà giải thoát cho nhơn loại.

Sau khi đắc đạo với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài lập ra Phật Giáo, đánh đổ gai cắp và đè xuống chủ nghĩa Tù Bi.

Ngài nhập Niết Bàn rồi thì Phật Giáo chia làm hai tông: Bắc Tông hay Đại Thừa (Mahayana) xu hướng về duy tâm và được quảng đại quần chúng về theo. Nam Tông hay Tiểu Thừa (Ninayana) hơi thiên về duy vật và lập thuyết theo khoa học và lý trí. Tông này lại được hàng trí thức trong nước hoan nghinh.

Về sau, Phật Giáo Bắc Tông truyền bá qua nước Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam cho đến ngày nay.

Đức Thích Ca có dạy chư môn đệ như vầy: "*Bực chơn tu công viên quả mãn, đều biết được kiếp trước của mình*".

Ngài lại đơn cử một thí dụ cho dễ hiểu:

Có một người kia bỏ làng mình sang ở một làng khác, rồi lại đến ngủ một làng khác nữa. Khi trở về làng cũ là chỗ chôn nhau cắt rún, người ấy nói: "*Tôi đã di cư làng này đến làng kia, ở đâu tôi cũng có cách ngồi đứng riêng: ngày nay tôi trở về cố hương*".

Theo thí dụ trên đây, Phật ngụ ý bảo rằng bực chơn tu đắc đạo nhớ được những tiền kiếp của mình đã trải qua cũng như kẻ phiêu lưu khi trở về làng cũ, còn nhớ rõ những nơi mà trước kia mình đã cư ngụ.

Trong kinh Tục Tạng (quyển Lục Độ Tạp Kinh) có nói rõ sự tích về tiền thân của Đức Thích Ca lúc chưa thành Phật. Khi hóa sanh làm con vật, khi làm người, mà kiếp nào Ngài cũng đem của cải hoặc hy sinh cả tánh mạng bô thí cho các loài hữu hình.

Nhưng Đạo Phật không gọi điểm Linh quang là Hồn mà gọi là A-lại-da, người Tàu dịch là Trạng thức hay Nghiệp thức. Theo nhà Phật, con người có Bát thức mà A-lại-da là thức thứ tám. A-lại-da là cái tâm thức, vì lúc ban sơ không giữ được tự tánh, cứ tùy theo duyên kiếp hàm胎 các hột giống tốt xấu, lành dữ, thanh trược, và chứa đủ các món ác kiến, tà kiến, ngã chấp,

pháp chấp, vì thế mà tạo nhơn thọ quả rồi phải đọa luân hồi. Khi con người chết, A-lại-da thức đi đầu thai đem theo các hạt giống ấy, tức là những dục vọng và những tư tưởng tốt hay xấu của kiếp trước, gọi là Thức thần.

## **II. Ở nước Ai Cập**

Nước Ai Cập ở vào miền Đông Bắc Phi Châu, có một nền văn minh rất cổ, mà Tôn giáo lại vô cùng bí mật. Thủ để chon vào bãi sa mạc ấy, ta sẽ ngạc nhiên thấy nào là đèn thờ, chùa miếu, nào là đồng trụ, kim tự tháp có khắc cổ tự (hiéroglyphes) với con quái vật đầu người mình sư tử (Sphinx) ngồi xổm lên như đang nghĩ ngợi điều gì. Thêm những mồ mả đúc vào đá đưa những bức lõi ra tận bờ sông êm đềm lặng lẽ. Ai Cập thật là một pho sách quý mà các nhà khảo cổ dựa vào đó cổ sức vén màn bí mật của nền Tôn giáo tối cổ nước ấy.

Cỗ Ai Cập tôn thờ một vị Tô Linh Thần có ba thể phù hợp với khoa triết học của Ấn Độ: Hỏa Thần Osiris, biểu hiệu Thái Dương, xem xét và bảo hộ linh hồn người chết, Nữ Thần Isis, biểu hiệu Thái Âm, chưởng quản cơ mầu nhiệm tạo hóa, trên hai vị thần ấy là đứng cường kiện, cao minh, tối linh, tối diệu, người Ai Cập không dám bàn luận đến cũng không dám gọi danh là gì.

Dân cổ Ai Cập tin có linh hồn bất diệt và sau khi thoát xác cần có nơi nương dựa. Vì tin tưởng thế, họ bày ra phương pháp ướp xác chết (momie) và xây những kim tự tháp là nơi trú ngụ của linh hồn các bức đế vương, vì họ tin rằng nhờ phép huyền bí, linh hồn người chết sẽ sống lại một cuộc đời mới. (\*1)

Theo lễ giáo Ai Cập, người mới nhập môn cầu đạo, trước nhất phải học tự tri. Sau khi làm lễ nhập đạo, tân Tín đồ được một Mục sư đứng giảng rằng:

*"Hỡi người có linh hồn mờ tối! Người nên dự bị lấy bó đuốc soi sáng lẽ huyền vi, thì trong đêm khuya tăm tối ở cõi trần gian, người có thể tìm thấy cái Nhị xá xác sáng rõ và cái Linh hồn thiêng liêng của người được. Ta*

*là kẻ thợ Thiên mạng đưa đường, chỉ nèo cho người, còn chính người là vị thần hộ mạng cho người đó, vì người nắm giữ các chìa khóa đời trước và đời sau của người vậy".*

Câu trên đây (đời trước và đời sau của người) chứng tỏ Tôn giáo cổ Ai Cập tin có luân hồi chuyển kiếp.

---

(\*1) Thông Thiên Học (Théosophie) lại bảo rằng các Kim Tự Tháp đều do các vị Chơn Nhơn cất ra và chia làm nhiều phòng điếm đạo và dạy đạo cho các đệ tử.

### **III. Ở nước Ba Tư**

Ba Tư là một nước thuộc Châu Á, một cỗ quốc rất phồn thịnh.

Ba Tư Giáo (Mazdéisme) do Đức Giáo Chủ Zoroastre lập thành, chủ trương hai vị Thần Thiện và Ác. Tôn giáo này cho rằng sự cứu cánh của tất cả loài chúng sanh là sự cứu rỗi cuối cùng (rédemption final), chúng sanh phải trải qua nhiều kiếp trả vay, nhơn hòn mới được hưởng hạnh phúc cuối cùng.

Tôn giáo Ba Tư đánh đổ cái quan niệm một cảnh địa ngục giam hãm linh hồn đời đời kiếp kiếp, trái hẳn đức Từ bi của Tạo Hóa.

### **IV. Ở nước Hy Lạp**

Hy Lạp là một nước thuộc Nam bộ Âu Châu, khai hóa rất sớm, tất cả văn hóa Âu Châu gốc bối đó mà ra.

Nhà hiền triết Pythagore, vừa là một nhà chánh trị và tôn giáo cải cách, sau khi học đạo qua mấy nước Ai Cập, Ba Tư, Ấn Độ, trở về Hy Lạp xướng lên thuyết Luân Hồi. Thuyết này gồm có hai phần: phần tâm truyền riêng dành cho các cao đồ trí thức lãnh hội về khoa huyền bí, phần công truyền để dạy hàng thường nhơn

trí thức còn kém cỏi. Chính phần công truyền này để ra cái thuyết "*Luân hồi thối hóa*".

Theo thuyết này, ông Timée de Locres, một môn đồ của Đức Giáo Chủ Pythagore bảo rằng: "Linh hồn kẻ hèn nhát chuyển kiếp làm đàn bà để chịu khinh bỉ nhục nhã, linh hồn kẻ sát nhơn chuyển kiếp làm ác thú để đền tội, linh hồn kẻ tồi tệ vô liêm chuyển kiếp làm heo lợn, kẻ nhẹ dạ hay thay lòng đổi tính chuyển kiếp làm chim bay trên không khí, bọn lười biếng điên ruồng, ngu dốt chuyển kiếp làm thủy tộc."

Ông Hérodote mà thời nhơn suy tôn là "Ông cha của lịch sử" (Le père de l'histoire) tin rằng những linh hồn trong sạch có thể tấn hóa lên các vì tinh tú.

Một cao đồ khác nữa của Đức Giáo Chủ Pythagore là nhà hiền triết Platon, nêu ra hai luận thuyết:

- **Theo luận thuyết thứ nhứt**, ông bảo trên thế gian vì sự tử kế tiếp sự sanh, người ta có thể suy ngược lại mà bảo rằng sự sanh cũng kế tiếp sự tử vậy. Lại không có cái gì từ chối không mà sanh ra được, cho nên nếu những người chết rồi mà chẳng tái sanh, thì tất cả vạn vật sẽ nối tiếp nhau đi vào chối chết mà tiêu diệt.

- **Theo thuyết thứ hai**, ông căn cứ vào ký ức lực mà lập luận, ông cho rằng học hỏi tức là nhớ lại. Rồi ông suy luận, nếu linh hồn chúng ta nhờ học hỏi mà nhớ đã có sống một lần nào rồi trước khi nhập vào xác hiện tại, tại sao chúng ta chẳng tin rằng sau khi lìa bỏ cái xác hiện tại, linh hồn chúng ta sẽ liên tục thác sanh nhiều kiếp khác nữa.

Ông Platon còn quả quyết linh hồn nào đã tấn hóa đến chối toàn thiện, thì không còn chuyển kiếp nữa. Nhưng trước khi lên tới bực cao siêu ấy, tất cả linh hồn sau khi thoát xác phải xuống địa ngục hàng ngàn năm, đến lúc tái sanh (đi đầu thai) vì phải uống nước sông Léthé nên quên cả tiền kiếp của mình.

## Tân học phái Platon

Về sau các môn đồ ông Platon dựa theo học thuyết của thầy mà lập ra một học phái mới, gọi là Tân học phái Platon (Ecole néo Platonienne). Tông đồ học phái mới này, nhứt là ông Plotin càng làm cho thuyết luân hồi được rõ rệt thêm lên. Nguyên ông có biên tập 64 bộ sách, mỗi bộ gồm 9 quyển gọi Ennéades. Trong những kinh điển ấy, ông thường lập đi lập lại cái thuyết luân hồi. Ông bảo đó là một tín điều đã được công nhận từ đời thương cổ và truyền bá khắp hoàn cầu, linh hồn nào phạm tội phải chịu hình phạt nơi địa ngục, mãn hạn sẽ được chuyển sanh vào một xác mới để chịu nhiều cuộc thử thách.

Trong quyển thứ chín của bộ hai, ông bảo: "Thiên mạng của các Đấng Thần Linh qui định cho mỗi người trong chúng ta một kiếp số tương đối với những hành vi của chúng ta trong mỗi kiếp trước."

Một môn đệ của ông Plotin là Porphyre cũng bác thuyết "Luân hồi thối hóa". Theo Porphyre, linh hồn con người dù có nhiều tội lỗi đi nữa vẫn chuyển kiếp làm người thôi.

Tóm lại, theo chõ tin tưởng của các môn đồ ông Pythagore và Platon, thì không có hình phạt vĩnh viễn. Tất cả linh hồn đều tần hóa thêm lên và nhờ sự cố gắng của mình sẽ tiến lần đến sự cứu chuộc cuối cùng.

## V. Ở nước Ả Rập

Nước Ả Rập là một đại bán đảo ở về miền Tây của Nam Á Đông. Thành La Mecque Thánh địa của nước này, là nơi giáo chủ Mahomet giáng sinh. Ngài phải mất 15 năm công phu suy gẫm để tìm phương pháp cải cách tôn giáo và xã hội cho dân Ả Rập. Nhơn đó Ngài lập ra Hồi Giáo (Islamisme) năm 622 sau Tây lịch kỷ nguyên. Lúc sơ khai, Hồi Giáo được nhiều người hoan nghinh nhập môn cầu đạo, mà cũng bị lăm kẽ

đứng lên kích bác và đánh đỗ kịch liệt. Sau khi Đức Mahomet qui vị, các môn đồ tiếp tục truyền bá mối Đạo và được thạnh hành nhứt ở Trung Á, Tây Á, Bắc Phi, Thổ Nhĩ Kỳ và miền Tây Bắc Trung Hoa.

Giáo lý của Hồi Giáo được giảng trong Thánh kinh Coran gồm có 114 chương bằng chữ Á Rập. Hồi Giáo tin có số mạng, tiền định (prédestination) cho nên nếu một tai nạn nào xảy đến cho người Á Rập, họ tự nhủ: "Việc này đã tiền định rồi".

Thuyết Luân Hồi được chỉ rõ trong Thánh kinh Coran, chương XXX:

*"Đức Thượng Đế hóa sanh vạn vật cho luân hồi chuyển kiếp nhiều lần tới khi chúng trở về với Ngài".*

### **XI. Ở xứ Judée**

Do Thái Giáo (Judaisme), tôn giáo của người Do Thái (Juifs), là nguồn gốc của Cơ Đốc Giáo (Christianisme). Thánh Kinh (Bible) vốn có hai phần: phần thứ nhứt nói về Đạo Do Thái, gọi Sấm truyền cũ hay Cựu ước (Ancientestament), phần thứ nhì nói về Đạo Cơ Đốc gọi Sấm truyền mới hay Tân ước (Nouveau Testament).

Dân Do Thái cho rằng cả thế gian đều tin có luân hồi chuyển kiếp.

Sự tin tưởng ấy thấy nói một cách bóng dáng trong Thánh kinh nhưng được giải rõ hơn trong những kinh Phúc âm (Evangiles).

Thử xem những đoạn sau đây:

"Nguyên dân Do Thái tin tưởng rằng theo Cựu ước, ông Elie sẽ trở lại thế gian trước khi Đấng Cứu Thế (Messie) ra đời. Cho nên, khi môn đồ của Chúa Giê-su hỏi Ngài Elie đã đến chưa, Ngài đáp: Elie đã đến rồi, mà người ta không nhận biết, song họ lại xử với Người theo ý muốn của mình. Con người phải chịu khổ khốn với họ cũng vì vậy."

Chừng đó các môn đồ mới hiểu rằng Ngài ám chỉ ông Jean Baptiste.

(*Phúc âm Saint Mathieu, đoạn thứ 17*)

Vậy, theo đoạn Phúc âm trên đây, ta thấy rõ Chúa Jê-su ám chỉ rằng Elie đã đầu thai làm Jean Baptiste đó vậy.

Một lần khác, các môn đồ thấy một người ăn xin đui từ trong bụng mẹ, liền hỏi Ngài: "*Bạch Thầy, người này trước kia đã gây tội lỗi hay vì tội lỗi của cha mẹ làm ra mà người này vừa sanh ra đã mang tật đui mù?*"

Câu hỏi trên đây chứng tỏ các môn đồ vốn tin có luân hồi quả báo.

Nếu câu hỏi ấy trái hẳn chơn lý, chư môn đồ không khỏi bị Chúa Jê-su quở trách. Nhưng Ngài chỉ đáp: "*Không phải tại người ấy trước kia đã gây tội lỗi, cũng không phải tại cha mẹ nó gây ra, mà vốn là việc làm của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người*".

(*Phúc âm Saint Jean, đoạn thứ 9*)

Đoạn Phúc âm sau đây càng biếu lộ rõ rệt sự tin tưởng về kiếp luân hồi:

Ông Nicodème, trong dòng người Pharisiens hỏi Chúa Giê-su về kiếp tái sanh, Ngài đáp: "*Thật vậy! Thực vậy! Ta nói cùng Người, không ai thấy được cõi Trời, nếu chẳng tái sanh*".

Nicodème thưa rằng: "*Một người đã già tái sanh thế nào được? Người đó làm sao trở vào bụng mẹ rồi sanh ra một lần nữa?*"

Chúa Jê-su lại đáp: "*Thật vậy, thật vậy, Ta nói cùng Người, nếu người ta không nhờ nước và Thánh linh mà tái sanh thì không vào được cõi Trời, đừng ngạc nhiên về lời Ta bảo rằng các người phải sanh lại nữa. Gió muốn thổi đâu thì thổi, các người nghe tiếng động, nhưng không biết nó từ đâu đến và đến rồi đi đâu*".

Nhận thấy Nicodème ngơ ngác không hiểu được, Chúa lại phán: "*Tại sao người là giáo sĩ dân Israël mà không lãnh hội được điều ấy?*".

(*Phúc âm Saint Jean, đoạn thứ 3*)

Lời trách ấy chứng tỏ rằng Chúa Jê-su lấy làm lạ sao một nhà giáo sĩ Israël lại không hiểu sự luân hồi, vì trong thời kỳ ấy, cái giáo lý đó vốn được khẩu truyền cho các môn đồ trí thức. Những mạt lý tâm truyền lúc bấy giờ đều ghi chép trong những kinh điển gọi là Kabbale đã có trước Cơ Đốc Giáo.

Về sau ông Simon Ben Jochai chỉnh đốn Kabbale dọn thành kinh Zohar nghĩa là kinh Ánh sáng.

Trong Zohar, có biên chép những khoa nội giáo tâm truyền dành riêng cho các bực tu hành, được điêm đạo. Trong kinh ấy có nói:

*"Tất cả linh hồn khổ hạnh tiến hóa từ kiếp này sang kiếp khác, nhưng con người không biết được kiếp tiền định của mình ra sao. Linh hồn không biết được phải luân hồi bao nhiêu kiếp và biết bao nhiêu linh hồn tại thế còn phải đọa trần chưa được phản hồi Thánh vúc.*

*Tất cả linh hồn sau cùng đều trở về nguyên bỗn là cõi thiêng liêng, nhưng phải trong sạch như lúc giáng thế, bằng chẵng vậy còn phải đọa trần nữa. Một kiếp không rồi thì hai, hai kiếp không rồi thì ba, cứ luân luân chuyển như thế mãi đến khi được hoàn toàn trong sạch mới thoát trần mà về với Thượng Đế".*

## **VII. Ở nước Trung Hoa**

Nước Trung Hoa từ thời Tam Đại đã có một nền văn minh rực rỡ. Người Trung Hoa rất sùng tín sự cúng tế Thiên, Địa, Nhựt, Nguyệt, Sơn, Xuyên. Nhà vua lập đàn Nam Giao để tế Thượng Đế, lập nhà Xã tắc để tế Thổ Thần và Hậu tắc. Qua đời nhà Châu, học thuyết Trung Hoa đã đến cực thạnh, Lão giáo và Khổng giáo khởi đầu từ đây. Lại thêm Phật giáo từ Ấn Độ do Sos Tô

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

Đạt Ma truyền sang rồi Tam Giáo cùng được truyền bá khắp nơi trong nước, gieo cho nhơn dân một tín ngưỡng sâu xa.

Lão Tử đề xướng thuyết Võ Trụ Quan một cách cao siêu tinh nhì. Đạo của Ngài rất huyền bí, chỉ có các bạn cao đồ hiểu thấu thôii, người khác dẫu trí thức đến đâu cũng khó lòng mà lãnh hội. Ngài không gọi Đấng sáng lập Càn Khôn Võ Trụ là Thượng Đế, mà gọi là Đạo. Trong kinh Đạo Đức của Ngài trứ tác, về phần thứ nhứt luận về Đạo, ở chương XXV Ngài viết:

"Trước khi có Trời Đất, vốn có một Đấng vô hình. Ôi! Thật là yên lặng! Riêng đứng một mình không thay đổi, chau hành chẳng dứt, có thể làm mẹ của Trời Đất. Ta vốn không biết tên gì nên gọi là Đạo".

(*Hữu nhứt vật hồn thành, tiên Thiên Địa sanh. Tịch hè giao hè! Độc lập bất cải, chau hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi Thiên Địa chi mẫu, Ngô bất tri kỳ danh, tự chí vị Đạo.*).

Lập thuyết của Đức Lão Tử là trước khi có Trời Đất, chỉ có Đạo. Đạo là tinh thần của Trời Đất và vạn vật, mà Trời Đất và vạn vật là bản thể của Đạo. Đạo đã vào trong lòng người rồi thì gọi là Đức. Vậy muốn sửa mình và trị nước, phải cù xử thế nào cho trên hợp với lẽ Trời, dưới hợp cùng luân lý.

Về sau, Đạo của Ngài gọi là Đạo giáo. Cuối đời Đông Hán, Đạo giáo càng thanh hành, Đức Lão Tử được suy tôn là Thái Thượng Lão Quân.

Ngài không đề cập đến luân hồi mà lại nói rõ về quả báo, tức là mặc nhận có luân hồi vì hai điều ấy phải nối tiếp nhau, có quả báo tức phải có luân hồi mà trả quả.

Trong kinh Cảm Ứng, Thái Thượng nói rằng:

*"Sự hoa phước không có cửa (không định trước), chỉ người vời nó đến thôi. Điều lành và điều dữ đều có trả như bóng theo hình".*

(Thái Thượng viết: "Hoa phước vô môn, duy nhơn tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình").

Ngoài cơ báo ứng, Đức Lão Tử hay Thái Thượng Lão Quân vẫn đề cập đến Quí Thần, như ở chương "Minh Nghĩa Đệ Nhứt", Ngài dạy:

*"Cho nên Trời Đất có đặt mấy vị Thần, tùy theo tội lỗi của người nặng hay nhẹ mà bớt lộc. Lộc bớt tất chịu nghèo, thường gặp sự buồn rầu tai nạn"*

(Thị dĩ Thiên Địa hữu tư quá chi Thần, y nhơn sở phạm khinh trọng dĩ đoạt nhơn toán. Toán giảm tất bần hao đa phùng ưu hoạn).

Đức Khổng Tử sanh vào đời Ngũ Bá tranh hùng, nhơn dân khổ sở, phong tục suy đồi nên chủ trương của Ngài thiên về thực tế rất nhiều. Ngài định đem luân thường đạo đức dạy người đời đối xử với nhau thế nào cho hợp lẽ phải, chớ không truyền bá những lẽ huyền vi uẩn, những điều này Ngài chỉ truyền cho bậc cao đồ thôi. Ngài lập ra Lễ, Nhạc tiêu biểu cho phép trật tự và luật điều hòa của Trời Đất.

*(Nhạc giả, thiên địa chi hòa dã, Lễ giả, thiên địa chi tự dã - Sách Lễ ký).*

Đức Khổng Tử tin có Trời, có Quí Thần, có họa phước, tức là lẽ báo ứng (nhơn quả).

Theo Ngài, Trời là một Đáng vô hình mà Ngài gọi là Lý. Lý ấy rất linh động, rất cường kiện, cao minh, Chúa Tể cả vũ trụ. Lấy nghĩa cùng tột mà nói, thì gọi là Thái Cực, lấy nghĩa bao quát khắp thế gian, thì gọi là Thiên, lấy nghĩa làm Chúa Tể vạn vật thì gọi là Đế. Ấy vậy, Trời theo quan niệm của Đức Khổng Tử, là Đáng Thái Cực hay Thượng Đế.

Đức Khổng Tử đã nhận Thượng Đế là Chúa Tể vạn vật, tất nhiên nhận có cái ý chí rất mạnh để điều khiển sự biến hóa trong thế gian cho hợp với luật điều hòa, mà một khí ý chí ấy đã định sự biến động ra thế nào, thì không ai cưỡng lại được. Ấy là Thiên mạng hay Đế mạng. Đức Khổng Tử rất trọng Thiên mạng, nên

Ngài bảo: "Không biết Thiên mạng thì không lấy gì làm quân tử" (Bất tri Thiên mạng vô dĩ vi quân tử giả -Luận ngữ).

Đức Khổng Tử rất chú trọng sự cúng tế và trong lúc cúng tế phải hết lòng thành kính xem như có Thần tại đó. (*Tế Thần như Thần tại* - Luận ngữ).

Quỉ, Thần, theo Ngài quan niệm là khí thiêng liêng ở trong Trời Đất, mắt người không thấy nhưng vẫn thể được muôn vật không sai vật nào, đâu đâu hình như Quỉ Thần ở trên đầu ta, ở bên tǎ, bên hữu ta (*Dương dương hồ như tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu* - Trung Dung).

Ngài tin con người có xác và hồn. Khi con người chết, thịt xương chôn dưới đất mục nát và tiêu tan, còn khí thiêng (tức hồn) bay lên trên không rực rõ (*Tử tất qui thổ, cốt nhục tệ ư hạ, âm vi giả thổ, kỳ khí phát dương ư thượng vi chiêu minh* - Kinh Lễ).

Về nhơn quả, Ngài bảo: "Người quân tử sợ mạng Trời, ai làm điều quấy, trái lẽ đạo phải tội với Trời, thì còn cầu nguyện vào đâu được" (*Quân tử húy Thiên mạng hoạch tội ư Thiên vô sở đảo giả* - Luận ngữ).

Ngài còn bảo: "Người làm lành, Trời lấy phước mà ban cho, còn kẻ làm chẳng lành Trời lấy họa mà trả cho". (*Vi thiện giả, Thiên báo chi dĩ phước, vi bất thiện giả, Thiên báo chi dĩ họa* - Minh Tâm).

### **VIII. Ở nước Nhụt Bỗn**

Quốc đạo của Nhụt Bỗn là một tôn giáo phát khởi tại nước họ trải mấy mươi đời chớ không phải từ ngoài nước truyền sang. Quốc đạo ấy gọi là Thần giáo (Shintoïsme), trước hết thờ Thái Dương Thần Nữ (Amatérosu) biểu hiệu ngôi Thái Dương (Mặt trời), kế đó thờ chư Thần, sau nữa là thờ ông bà cha mẹ.

Người Nhụt tin có linh hồn và sau khi con người chết, linh hồn vẫn tồn tại.

Qua thế kỷ thứ 3, vì chịu ảnh hưởng văn hóa nước Tàu và mượn Hán tự chế ra văn tự của mình, người Nhựt tuy hấp thụ ít nhiều giáo điều của Khổng giáo và Phật giáo truyền sang, nhưng quốc đạo của họ vẫn không kém phần thanh hành.

Sau cuộc Tôn giáo cải cách 1868, ngôi Thái Dương Thần Nữ được thay thế bằng ngôi Thượng Đế. Thờ cúng, người Nhựt thì chỉ dùng hương trà hoa quả thôi.

### **IX. Ở nước Việt Nam**

Nước Việt Nam thuở xưa trên 1.000 năm lệ thuộc nước Tàu, tất nhiên phải chịu ảnh hưởng văn hóa nước này. Phàm phong tục và tín ngưỡng đều do học thuật và tôn giáo mà ra. Mà người Việt khi xưa đã theo học thuật và tôn giáo nước Tàu là Nho, Thích, Đạo rồi vào thế kỷ 19 Thiên Chúa giáo lại truyền sang. Vậy nước Việt Nam từ xưa vốn theo Tứ giáo, lẽ tất nhiên đã hấp thụ tín ngưỡng của bốn giáo ấy.

Gần đây, cách đâu lối ba mươi mấy năm, ở Việt Nam lại nỗi lên phong trào Tân Tôn giáo do các Đắng Thiêng liêng lại dùng thần cơ diệu bút giảng dạy và chủ trương. Trước nhứt Đức Đạo Tổ tức Thái Thượng Lão Quân giáng lập đạo Minh Lý, có đền thờ Tam Tông Giáo Chủ là Thích Ca, Lão Tử, và Khổng Tử, cho nên đền thờ ấy gọi là "Tam Tông Miếu".

Ké đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (người ngoài gọi Đạo CAO ĐÀI) xuất thế, rồi tới Đạo Minh Thiện, Minh Tân, vân vân...

Những đạo này chủ trương thuyết linh hồn bất diệt và Luân hồi, Quả báo.

Đạo Minh Lý có kinh "Sám hối", cũng gọi là kinh "Nhơn quả", là một cuốn kinh chỉ rõ lẽ báo ứng của luật Trời và khuyên khích người đời hồi đầu hướng thiện.

Về lẽ báo ứng, tức nhơn quả, xin trích trong kinh "Sám hối" một đoạn dưới đây:

Điều họa phước không hay tìm tới,  
Tại người dời nê mới theo mình.  
Cũng như bóng nợ tùy hìn,  
Dữ lành hai lẽ công bình thưởng răn.  
  
Khi vận thới lung lăng chẳng kể,  
Lúc suy vi bày lễ khẩn cầu.  
Sau bắng ở phải buổi đầu,  
Thần minh chánh trực có đau tư vì.  
  
Người làm phước có khi mắc nạn,  
Kẻ lăng loàn đặng mạng giàu sang.  
Ấy là nợ trước còn mang,  
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.  
  
Nếu vội trách người trên thì đọa,  
Cũng có khi tai họa trả liền.  
Đó là báo ứng nhẫn tiền,  
Mau thì mình chịu, lâu truyền cháu con.

---

Về kiếp Luân hồi, xin xem đoạn dưới đây:  
Xuống địa ngục đọa đày hành mãi,  
Đúng số rồi còn phải luân hồi.  
Hóa Công xem xét đền bồi,  
Lành siêu, dữ đọa thêm nhồi tội căn.

\*\*\*\*\*

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Đạo phổ độ kỳ ba, là kỳ mạt pháp này (Troisième Amnistie de Dieu). Đại Đạo do Đức Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút lập thành, tôn chỉ là "Qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi". Vì tôn chỉ ấy, nên Đại Đạo ngoài Thiên lý mật truyền, còn thâu nạp lý thuyết căn bản của Tam Giáo và Ngũ Chi, đồng thời Đại Đạo có trách nhiệm thuyết minh những lý thuyết đã bị người đời, hoặc vì thời gian, hoặc vì hiểu lầm mà sai biệt. Đại Đạo thờ Đức Thượng Đế bằng Thánh Tượng "THIÊN NHÃN".

Dưới đây là Thánh huân của Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài giáng cơ ngày 26 tháng 5 năm 1926 cho biết ý nghĩa sự thờ phượng ấy:

*"Chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đǐnh:*

*Nhẫn thị chủ tâm,  
Lưỡng quang chủ tể.  
Quang thị Thần,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả Ngã dã.*

*"Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập Thánh từ ngày Đạo bị bế. Lập "Tam Kỳ Phổ Độ" Thầy cho Thần hiệp với Tinh Khí đặng đủ Tam Bửu.*

*"Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày bế Đạo, thì luật lệ hối còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tản Thần, không cho hiệp cùng Tinh, Khí.*

*Thầy đến đặng hùn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Các con hiểu "Thần cư tại Nhẫn", bố trí cho chư Đạo hữu các con biết với. Nguồn cội Tiên Phật, yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên các con mỗi khi nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy".*

Khi Đại Đạo vừa sáng lập, Đức Quan Âm Bồ Tát giáng cơ tại đàn Minh Lý, dạy dâng kinh "Sám hối" qua cho Đại Đạo. Lễ tiếp kinh cử hành tại Thánh Thất Cầu Kho, cho nên Đại Đạo và Minh Lý Đạo cùng tụng một thứ kinh ấy.

Về kiếp Luân hồi, Đức Thượng Đế có giáng cơ dạy như thế này:

*"Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này, Thầy hỏi: Các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu? Chẳng một đứa hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy:*

*"Cả kiếp Luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu*

chuyển kiếp ngàn ngàn muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phảm. Nhơn phảm nơi thế này lại chia ra phảm giá mỗi hạng. Đứng bực Đề Vương nơi trái địa cầu này chưa đáng vào bực chót của địa cầu 67. Trên địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới "Đệ nhứt cầu", "Tam Thiên Thế Giải", qua khỏi "Tam Thiên Thế Giải" thì mới đến "Tứ Đại Bộ Châu", qua khỏi "Tứ Đại Bộ Châu" mới vào đẳng "Tam Thập Lục Thiên", vào "Tam Thập Lục Thiên" rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đẳng lên đến "Bạch Ngọc Kinh" là nơi Đạo Phật gọi "Niết Bàn" đó vậy....".

### **Thánh Ngôn Hiệp Tuyễn**

Về Nhơn quả, có bài Thánh huấn dưới đây, cũng trích ở Thánh Ngôn Hiệp Tuyễn:

"Chư môn đệ và chư nhu nghe: Chim lìa cội, nước tách nguồn, từ xưa con người giữa thế chǎng qua là khách đi đường, phận sự muôn cho hoàn toàn, cần phải bền chí và khỗ tâm, có bền chí mới đoạt được phảm vị thanh cao, có khỗ tâm mới rõ tuồng đời âm lạnh, lăng xǎng xạo xụ mùi chung đǐnh, vẻ cân đai, rốt cuộc chǎng khác chi một giấc huỳnh lương mộng. Mỗi bực phảm đều đẳng một vai tuồng của Đẳng cầm quyền thế giải ban cho, dầu thanh cao, dầu hèn hạ, cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hồn lìa cõi trần đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán, ai giữ trọn bực phảm đẳng Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này, ai chǎng vẹn trách nhiệm nhơn sanh phải bị đọa vào nơi U Minh Địa để trả xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ, bằng chǎng biết sửa mình thì luật Thiên điều chồng chập, khổ A Tỳ phải vướng muôn muôn đời mà đèn tội ác. Bậc nhơn sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào sổ luân hồi vay trả, trả vay, căn quả chǎng bao giờ tiêu đẳng".

## Những bằng chứng về Luân hồi

Tham khảo những kinh điển Đông Tây và cổ kim, chúng ta thấy có rất nhiều bằng chứng về kiếp Luân hồi. Muốn kể hết ra át phải choán nhiều trương, mất nhiều ngày giờ. Chúng tôi xin lược thuật một vài sự tích rút trong kinh điển xưa và sách vở cùng báo chí đời nay, tưởng cũng đủ gây thành một đức tin vững chắc về cơ mầu nhiệm kiếp Luân hồi vậy.

## Những tiền thân của Đức Địa Tạng

### I

Theo kinh Địa Tạng, Đức Địa Tạng trước khi đắc quả Bồ Tát, đã phân thân nhiều kiếp độ rồi chúng sanh. Có kiếp Ngài sanh làm thiếu nữ, có kiếp làm nam nhơn và cũng có kiếp làm vua. Dưới đây là sự tích Ngài chuyển sanh làm một thiếu nữ dòng Bà La Môn.

Hồi thời kỳ thượng pháp, một người thuộc dòng Bà La Môn, sanh được một đứa con gái rất đoan trang phúc hậu, ai cũng đem lòng kính trọng. Nhưng mẹ nàng mê theo ngoại đạo, không bao lâu mẹ nàng mang bệnh lìa trán. Vì lúc sanh tiền đã tạo nhiều ác nghiệp, nên Thần hồn phải theo nghiệp quả đọa lạc vào Vô gián Địa ngục.

Còn nàng, phần thương mẹ, phần sợ người nặng nghiệp trầm luân, nên bán tất cả ruộng vườn, rồi sắm sanh lễ vật đến chùa trước cúng dưng, sau cầu nguyện Đức Phật từ bi cứu độ mẹ nàng.

Lễ bái xong, nàng nhìn sững tượng Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà khóc, không chịu ra về. Bỗng từ không trung có tiếng bảo: "Thánh nữ đừng buồn rầu khóc lóc, để Ta chỉ chỗ thác sanh của mẹ nàng cho nàng biết".

Thiếu nữ vừa mừng vừa sợ, liền chắp tay ngửa mặt lên mà bạch rằng: "Xin Ngài từ bi cho biết Ngài là Đức Thánh Thần nào mà có lòng đoái thương đến kẻ phàm nầy vậy?".

- Ta đây là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà Thánh nữ mới vừa lễ bái. Vì thấy nàng chí hiếu nên mách bảo cho. Vậy nàng hãy trở về ngồi yên lặng mà tưởng niệm danh hiệu ta tự khắc sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ.

Nàng vâng lời về nhà làm y theo lời Phật dạy, ngồi tĩnh niệm trong một ngày một đêm. Bỗng nàng cảm thấy hồn mình đi tới một bờ biển cuồn cuộn ba đào, lại có vô số ác thú chạy tung tăng trên mặt nước, đồng thời hàng ngàn người đờn ông lẩn đờn bà lặn hụp dưới nước, mỗi khi trồi lên lại bị bọn ác thú ấy giành nhau cắn xé. Thêm vào đó, một bọn quỉ dạ xoa hình dung kỳ quái xúm lùa tội nhơ cho ác thú kia ăn.

Trước cảnh tượng thương tâm khủng khiếp ấy, hồn nàng lấy làm kinh sợ, song nhờ niệm Phật mà trấn tĩnh được.

Bỗng có Vô Độc Quỷ Vương thấy hồn nàng oai nghi rực rõ, biết chẳng phải bực phàm, bèn cúi đầu thưa:

- Bạch Đức Bồ Tát, chẳng hay vì chuyện chi Bồ Tát thân đến chốn này?

Hồn nàng đáp:

- Ta nghe nói giữa núi Thiết Vi có cảnh Địa Ngục, có đúng như vậy chăng?

- Bạch Bồ Tát quả đúng như vậy.

- Địa Ngục là nơi giam cầm phạm nhơ, vậy Ta có tội gì mà phải đến đây?

- Bạch Bồ Tát, đi tới đây vốn có hai lẽ, một là các Đấng có oai đức thần thông đến cứu độ phạm vong, hoặc là viếng cảnh. Hai là hồn những người tội ác đến thọ khổ hình theo cái nhơ đã tạo. Hồn nhốt nơi đây quá 49 ngày mà thân nhơ trên cõi Diêm-phù-đè không lo làm việc công đức chuộc tội giùm cho, thì hồn ấy phải

thọ khổ hình như đã định. Bạch Bồ Tát, ở bên phía Đông còn có một cái biển khác, nơi ấy sự hành phạt còn khổ hơn đây bội phần. Lại bên phía Đông biển ấy cũng có một cái biển nữa, sự trừng phạt nơi đó không biết sao mà tưởng tượng. Tất cả ba biển ấy gọi là "Biển nghiệp".

Hồn thiếu nữ lại hỏi:

- Sao nơi đây chỉ toàn là "Biển nghiệp", còn địa ngục ở đâu?

- Bạch Bồ Tát, địa ngục vốn ở giữa ba cái biển ấy. Kể riêng ra thì mỗi nơi mỗi khác.

- Mẹ ta mới thác chưa bao lâu không biết thân hồn đã giam vào ngục nào?

- Chẳng biết thân mẫu Bồ Tát quý danh là chi?

- Cha ta tên Thi La Thiên Hiện, mẹ ta là Duyệt Đề Li, cả hai đều dòng dõi Bà La Môn.

Quí Vô Độc nghe nói lật đật chắp tay bạch:

- Xin Thánh giá trở về bốn xứ khỏi phải lo buồn vì bà Duyệt Đề Li đã rời khỏi Địa ngục mà lên cõi Trời cách đây ba ngày rồi. Ấy cũng là nhờ lòng hiếu thảo của con cầu nguyện nơi tháp tự của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai nên cảm đến Phật Thánh mà được sanh về cõi Trời như vậy.

Dứt lời, Quí Vương chắp tay làm lễ xin lui. Còn thiếu nữ khi tỉnh lại nhớ rõ các việc mới biết đã nhờ Phật giúp cho hồn mình đến chỗ tháp sanh của mẹ. Nàng vội vàng đến quì trước tượng Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà phát niệm: Nay tôi nguyện cho đến kiếp vị lai nếu có chúng sanh nào tạo tội mà thọ khổ nơi Địa ngục, bắt luận là kẻ thân thuộc hay người cùu oán, tôi sẽ lập nhiều pháp môn cứu độ cho được giải thoát.

Người thiếu nữ trên đây, tức là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát.

## II

Trong đời quá khứ bất khả thuyết kiếp có hai vị quốc vương kết nghĩa lân bang với nhau rất hậu. Cả hai đều phát tâm hành thiện lo giáo hóa nhơn dân cải dũ theo lành.

Song vì nhơn dân ở các lân bang phần nhiều hay làm ác, không biết kính Phật trọng Tăng, lại mê theo Tà giáo. Hai vị quốc vương ấy thấy động lòng thương xót bèn cùng nhau tìm phương hóa độ chúng sanh thoát khỏi luân hồi nghiệp báo. Một vị thì phát nguyện xuất gia tu thành chánh quả để rồi hóa độ chúng sanh. Còn một vị thì nguyện tu hạnh Bồ Tát và nếu không độ được chúng sanh chứng quả Bồ Đề, thì quyết không chịu thành Phật.

Vì thứ nhứt vốn là tiền thân của Đức Phật Nhứt Thuyết Thí Thành Tựu.

Vì thứ nhì tức là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát lúc chưa thành đạo.

Vì lời nguyện ấy mà trải vô số kiếp, Đức Địa Tạng chưa chịu thành Phật, cứ ở quả vị Bồ Tát, hóa thân giáng thế phổ độ chúng sanh.

Đức từ bi bác ái và lòng độ sanh của Ngài thật bao la vô lượng vô biên.

## III

Vô lượng kiếp trước, lúc Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai ra đời có một ông đại trưởng giả thuộc hàng hào tộc và đức độ.

Một hôm, trưởng giả gặp Phật trang nghiêm rực rỡ với cái kim thân cực đẹp, lòng ông lấy làm hân hạnh nên ông đến đảnh lễ Phật và bạch: - Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử lấy làm kính phục cái dung quang nghiêm trang và cực đẹp của Ngài, chẳng rõ kiếp trước Ngài làm những

hạnh nguyện gì mà kiếp này Ngài được cái kim thân như vậy?

Phật liền đáp: - Nếu trưởng giả chịu phát nguyện tu hành theo đạo Bồ Tát một lòng tinh tấn, trải vô lượng kiếp lo hóa độ chúng sanh thoát khỏi đọa, đến ngày sau cũng được thân tướng tốt đẹp như ta vậy.

Trưởng giả nghe nói liền quì xuống, phát nguyện rằng: "Tôi nguyện từ đây cho đến muôn kiếp sau, nếu chúng sanh còn thọ khổ trong lục đạo luân hồi, tôi sẽ dùng đủ phương tiện dẫn độ đến chỗ hoàn toàn giải thoát. Được vậy, tôi mới chứng quả Phật".

Vị trưởng giả đây cũng là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát.

### **Nhớ bài hát kiếp trước**

Năm 1912, tờ Thông Thiên Học tạp chí "Ubtra" (Revue Théosophique), dưới ngòi bút của Đại Úy Floredo Battista, người nước Ý, có thuật chuyện lạ dưới đây:

Tháng 8 năm 1905, lời của Đại Úy, tiện nội có mang vừa được ba tháng. Trong khi nằm trên giường còn thức, bỗng thấy đứa con gái chúng tôi chết hơn 3 năm rồi, hiện hình về nói với mẹ nó: "Này má, con sẽ trở lại với má đa". Nói xong nó liền biến mất. Tiện nội đem chuyện lạ ấy thuật lại tôi nghe và nói nếu thiệt sanh con gái, thì nên đặt tên là Blanche, tức là tên đứa gái đã qua đời. Tôi cho là chuyện mộng mị và mặc dầu không tin, tôi vẫn hứa cho tiện nội vui lòng. Phải biết, thuở giờ, tôi không chịu tin cái thuyết đầu thai nhiều kiếp.

Sáu tháng sau, tiện nội quả sanh được một đứa gái giống hệt con Blanche, vợ tôi hết sức vui mừng. Sự giống nhau đó, đối với tôi, không có chi là lạ, vì tôi tự nghĩ hễ có mang mà mơ tưởng đến ai, khi sanh con, nó giống người ấy, thế thôi.

Lúc con bé được sáu tuổi, nó càng giống thêm chị nó, cho tới lời ăn tiếng nói và nết na cũng vậy. Tuy nhiên

tôi không thể nào tin được con Blanche chuyển kiếp. Kịp đến khi xảy ra chuyện lạ dưới đây, tôi mới chịu đổi ý kién.

Nguyên hồi trước chúng tôi giao con Blanche cho một chị vú chăm nom tên Marie, người nước Thụy Sĩ nói rành tiếng Pháp, mỗi lần ru em ngủ, Marie thường hát bài "Cantilène" bằng tiếng Pháp.

Sau khi con bé tôi bắt hạnh, chị vú không còn phận sự nên xin về xứ. Từ đó, trong nhà tôi, không còn nghe bài hát ấy nữa, và lại, có ai biết hát đâu?

Chín năm lặng lẽ trôi qua, một hôm vợ chồng tôi đang loay hoay làm lụng khít bên phòng con Blanche em, bỗng nghe có tiếng ai hát bài "Cantilène" trong phòng ấy.

Ngạc nhiên đến cực độ, chúng tôi không ai bảo ai, bước vào phòng, thấy con Blanche em, mắt mở trao tráo, miệng hát bài ru em ấy theo giọng Pháp một cách đường hoàng đứng đắn thật là lạ.

Tiên nội hỏi nó hát bài gì, nó đáp hát bài hát tiếng Pháp (mà có ai dạy nó tiếng Pháp đâu?)

Mẹ nó lại hỏi ai dạy nó hát, thì nó nói: "Không ai dạy hết tự một mình nó biết mà thôi".

Từ đây tôi mới chịu tin có kiếp Luân hồi.

### **Cho mẹ biết trước mình sẽ tái sanh**

Tờ Thần Linh Học tạp chí (Revue Spirite) xuất bản tháng 6 năm 1938, dưới ngòi bút của bác sĩ Carmelo Samona, thuật chuyện dưới đây:

"Ngày 15 tháng 3 năm 1910, lời bác sĩ, con gái tôi tên Alexandrine, mang bệnh lìa trần khi mới lên năm, làm cho vợ chồng tôi hết sức buồn lòng. Sau khi chôn xong ba ngày, vợ tôi nằm mộng thấy con bé về nói: "Má đừng buồn khóc nữa, vì con không xa má đâu. Rồi đây con sẽ trở về với má".

Ba ngày sau vợ tôi cũng chiêm bao thấy y như vậy, lấy làm chuyện lạ, tiện nội liền thuật lại cho một người chị bà con nghe, thì người ấy trao cho xem một quyển sách luận về kiếp luân hồi của tác giả Leon Denis, có ý làm cho tiện nội tin rằng con bé ấy sẽ đầu thai lại trong gia đình này.

Tuy nhiên, tiện nội không thể nào tin được, vì mới bị mổ trong lúc tiểu sản, thì làm sao chửa nghén được nữa, nên vẫn buồn nhớ đến con mãi.

Một buổi sớm mai, gia quyến tôi đương cùng nhau đàm đạo, bỗng nghe gõ cửa ba tiếng. Con trai tôi chạy ra mở cửa không thấy ai hết, làm cho cả nhà hết sức ngạc nhiên. Những chuyện lạ kỳ ấy khiến vợ chồng tôi nảy ra cái ý muốn thông công với người khuất mặt bằng cách tiếp diễn chỉ chữ trên một tấm bảng có viết mẫu tự.

Ngay trong đêm đầu, có hai hồn giáng diễn, một xưng là con Alexandrine, một xưng là Jeanne, em gái tôi chết hồi 15 tuổi, nó nói về giúp cho hồn con tôi giáng diễn. Hồn con Alexandrine lại báo tin trước rằng trước lễ Chúa Giáng Sinh (Noël), nó sẽ trở lại với gia đình.

Từ đây, đêm nào cũng có "cầu cơ", hồn con tôi bảo rằng nó chỉ về được ba tháng thôi, sau thời gian ấy không về được nữa, vì nó phải đầu thai.

Ngày 10 tháng 4 năm 1910, tiện nội cảm thấy trong người dường như có mang.

Qua ngày 4 tháng 5, hồn con tôi về cho hay nó sẽ trở lại dương gian với một hồn nữa đầu thai một lượt.

Mặc dầu những tin báo trước như vậy, vợ tôi vốn chẳng nguôi ngoai, vì nghĩ rằng nếu thật hồn con Alexandrine có đầu thai đi lại đi nữa, hình dung nó cũng không thể in hệt như xưa. Hồn con Jeanne vẫn hiểu thấu chỗ thắc mắc ấy, nên bảo: "Adille (tên vợ tôi) đừng lo ngại, con nhỏ sau này chẳng giống hệt Alexandrine khi xưa, mà còn đẹp đẽ hơn nữa kia.

Qua tháng 8, bác sĩ coi nói vợ tôi thật có thai mà lại song thai nữa.

Quả thật ngày 22 tháng 01 năm 1911, vợ tôi sanh một lượt hai đứa gái khác hẳn nhau từ nước da tới mặt mũi, nhưng một đứa lại giống hệt con Alexandrine".

## **Chuyện luân hồi ở Việt Nam**

"Cao Đài Tạp Chí" (Revue Caodaïste) xuất bản bằng Pháp văn, số ra tháng Giêng năm 1931 dưới ngòi bút ông Hiến Pháp, có thuật lại chuyện một đứa bé Việt Nam 7 tuổi nhớ được tiền kiếp của nó. Dưới đây là bản dịch bài báo ấy:

Trong số xuất bản vào tháng 8 vừa rồi, chúng tôi có thuật sơ chuyện một đứa bé Việt Nam nhớ được những kiếp trước của nó, và chúng tôi có hứa sẽ trở lại chuyện này với chi tiết đầy đủ và rõ ràng hơn.

Nên nói rõ rằng chúng tôi đã hai lần đến viếng đứa bé kỳ lạ ấy nơi nhà nó ở làng Đức Lập (quận Đức Hòa, hạt Chợ Lớn). Lần đầu tiên, chúng tôi tiếp chuyện với nó trước mặt cha mẹ nó, nhưng không hỏi được điều gì đáng kể, là vì đứa bé sợ cuộc điều tra của chúng tôi nên đối với những câu hỏi của chúng tôi, nó chỉ đáp mập mờ và vắn tắt.

Đứng trước một trường hợp hiếm có và rất đáng khảo cứu kỹ càng, chúng tôi nhận thấy cần phải điều tra một lần nữa với đứa bé ấy và với một người bạn thân làm giáo học ở tại Tân Phú Thượng vì người này trước kia đã đem nó về ở nhà mình nhiều ngày đặng đủ thì giờ quan sát.

Dưới đây là kết quả cuộc điều tra thứ hai:

Đứa bé ấy 7 tuổi, Phạm Văn Non. Cha mẹ nó nghèo hiện ở tại Đức Lập, một làng cách đường quản hạt số 15 lối sáu cây số ngàn.

Một hôm, đứa bé ấy đang chơi ở vệ đường thấy ông chú nó dắt trâu đi qua, nó liền hỏi:

- Ông chú đi đâu vậy?

Ông lão đáp:

- Tao đi đốn cây cất nhà.

- Ông nên bỏ ý định ấy đi, vì trong 10 bữa nữa đây, ông sẽ chết kia mà.

Ông lão làm thỉnh bỗn đi vì ông cho đứa bé nói đùa. Tuy nhiên, về đến nhà, ông không quên thuật chuyện ấy lại cho cha mẹ nó cùng ít người hàng xóm được nghe.

Thế mà ông lão chết đúng y lời tiên tri của đứa bé. Tin ấy tràn lan ra khắp cả làng, nhiều kẻ háo kỳ đồ xô đến nhà tên Non và cật vấn nó nhiều điều. Với những người có ít nhiều học thức, nó vui lòng đối đáp. Trái lại, đối với bọn vô luân, nó chỉ trả lời miễn cưỡng và vắn tắt. Trong những điều phát giác của nó đáng chú ý nhứt là câu chuyện tiền thân của nó như dưới đây:

"Trước kia, vốn lời của đứa bé, tôi đầu thai làm đàn bà, mẹ của một vị hương chức tên C... ở Sông Tra (Đức Hòa). Hiện giờ, trước ngôi nhà cũ của tôi có một hàng cây. Tôi nhớ rõ có đóng lút một cây đình trong thân một cây cau, ngày nay vẫn còn. Trong ngày giờ này, người ta đương làm đám giỗ tôi. Rất tiếc là tôi không đến dự được.

Lời tiết lộ lạ lùng và đột ngột ấy đã khêu gợi tánh háo kỳ của một vài người, nên họ đích thân đến Sông Tra điều tra coi có đúng như vậy chăng. Và họ hết sức ngạc nhiên mà xác nhận điều ấy.

Đứa bé còn quả quyết rằng nó đầu thai một lượt với một đứa gái tên Tang, con của một cô đào hát ở gần đó. Nghe vậy người ta dẫn nó tới rạp hát, nó chỉ ngay đứa gái ấy giữa một đám đông con gái khác đương ngồi coi hát. Người ta hỏi thăm ngày sanh tháng đẻ của Tang thì cũng y như ngày sanh tháng đẻ của Non.

Hiện giờ Phạm Văn Non vẫn còn sống, lối 31 tuổi, chuyên nghề ruộng nương. Và theo lời người ta thuật lại, càng lớn Non càng quên lấn những việc về kiếp trước của mình. Phải chăng vì không muôn bị người ta theo làm rộn mãi mà Non bảo thế?

**Một hiện tượng ly kỳ về Thần linh:  
Một đứa bé 4 tuổi, trong những trường hợp  
kỳ dị nhìn nhận là cha mẹ nó hai người mà  
thuở nay nó không biết**

Đó là tiêu đề và phụ đề một bài báo đăng trong  
Đuốc Nhà Nam ngày 6 tháng 9 năm 1932 dưới ngòi bút  
ông Phan Thế Ngọc. Dưới đây là nội dung bài báo ấy:

"Thầy Đội Lang làm sở Thương Chánh ở tại  
Khánh Hội, trong vùng ngoại ô thành phố Saigon. Tuổi  
ngày ngoài tám tuổi, thầy lấy làm sung sướng có được một  
đứa con gái tên Phiên, 19 tuổi mà sắc kiều diễm sánh  
bằng vẻ đẹp một đóa hoa tươi nở mùa xuân. Rủi thay!  
Sau một cơn bệnh dài xέo lối vài ngày, thiếu nữ ấy  
mạng chung, để thương nhớ cho cha mẹ.

Sự chết của thiếu nữ, cũng như của nhiều người  
khác, không có điều gì đáng chú ý, nó sắp đi vào chỗ  
lãng quên. Bỗng một hôm lại xảy ra cái hiện tượng ly kỳ  
dưới đây:

"Số là ngày 31 tháng 8 vừa qua, thầy Đội Lang  
thấy một đứa bé trai lối 4 tuổi đương ngồi trước nhà  
thầy. Đầu tiên thầy không chú ý tới, vì tưởng đâu là một  
đứa nhỏ ở lối xóm đến chơi. Nhưng, sau khi ăn cơm rồi  
trở ra, thầy vẫn thấy nó còn ngồi tại đó. Thầy vờ giận  
đuỗi đi.

Đứa bé liền nói:

- Nhà tôi ở đây, sau lại đuổi tôi?

Tất nhiên lời nói ấy không khỏi làm cho thầy, vợ  
thầy và vài người chứng kiến lấy làm ngạc nhiên. Có  
người làm lành bảo rằng đứa bé ấy vốn là con nhà ai đi  
lạc và trong lúc thất thần, ngộ nhận thầy là cha ruột nó.  
Nhưng thím Đội Lang vốn giàu lòng từ thiện, dùng lời  
dịu ngọt hỏi thăm cha mẹ nó tên gì và ở đâu. Đứa bé lấy  
tay chỉ hai vợ chồng thầy Đội và nói: "Thì cha mẹ tôi đây,  
nhà tôi đây, còn gì hỏi nữa?"

Thím Đội lại hỏi nó tên gì, mấy tuổi. Nó đáp: "Con tên Mọi, 4 tuổi".

Không muốn để ý tới mấy lời vô lý ấy, thày Đội dẫn nó đi từng nhà trong xóm kiếm cha mẹ nó mà giao lại. Đi lối 500 thước, thày tìm được bà nội nó. Giao đứa bé cho bà lão xong, thày quay gót trở về, nó chạy theo khóc lóc và níu kêu: "Tía ơi! Tía ơi!". Thày Đội xô nó ra rồi bỏ đi. Nó liền ngã lăn xuống đất khóc ngất lên. Thày không thể cầm lòng, liền quay trở lại. Thầy nó chịu nín, thày bỏ đi nữa, nó càng chạy mau theo thày. Bà nó thấy vậy, không biết tính sao, bèn năn nỉ thày đội tạm dẫn nó về nhà, đợi cha mẹ nó chiều đi làm về sẽ lãnh nó lại.

Ở đây, nên nói rằng gia quyền của Mọi trước kia ở Chợ Đũi, mới về cư ngụ tại Khánh Hội lối hai tuần nhụt và không hề giao thiệp với gia quyền thày Đội Lang. Vả lại, bà nội đứa bé không bao giờ để cho cháu bà rong chơi ở hàng xóm. Bà không khỏi ngạc nhiên khi thấy cháu bà bỗng nhiên nhận vợ chồng thày Đội, mà thuở nay nó không quen biết, là cha mẹ ruột của nó.

Chiều đến, khi cha mẹ nó tới lãnh về, nó lại không chịu theo, cưỡng bách thế nào cũng không được. Túng thế, cha mẹ nó đành tạm để nó ở lại rồi buồn bức ra về.

Tin này bắn ra khắp vùng làm cho nhà thày Lang bửa nào cũng chật nứt khách háo kỳ. Có người cắc cớ vò lấy món gì của thày Đội, nó chạy a tới giựt cho kỳ được.

Lại có điều lạ này nữa là đứa bé ấy biết rõ từng ngăn nắp trong nhà: phòng ăn, buồng ngủ, chỗ nào nó cũng quen thuộc dường như đã ở trong nhà này lâu lắm rồi. Tên họ và ngôi thứ mấy người bà con của thày Lang đến thăm, nó đều biết cả.

Trước cái hiện tượng lạ lùng không thể giải thích được ấy, người ta suy cứu mà tin rằng linh hồn của con Phiên, vì cảm thấy cha mẹ vô cùng đau khổ về câu tử biệt, nên đầu thai vào xác tên Mọi, cốt để làm dịu bớt phần nào sự đau thương của hai người vậy".

Tường thuật cái hiện tượng này, mục đích của tôi là trình bày nó cho các nhà Linh hồn học để tâm suy cứu, và mong ở họ một sự giải thích rõ ràng."

## **Chuyện Luân hồi ở Ấn Độ**

Báo Pháp văn "Le Populaire", xuất bản ngày 20-8-36 tại Saigon, cho biết tại Delhi, thuộc xứ Ấn Độ, mới đây cử một Ủy ban gồm nhiều vị lương y và bác học để quan sát một hiện tượng Luân hồi rất lạ.

Nguyên tại Delhi có một đứa bé gái 9 tuổi, tên Shanti Devi, mà từ 6 năm rồi cứ nói việc kiếp trước của nó cho cha mẹ nghe mãi. Vốn sanh trưởng tại Delhi, nàng chưa bao giờ đi đâu cả, thế mà nàng thường ngỏ ý muốn đến thành Muttra để thăm, theo lời nàng nói, chồng nàng là một chủ tiệm may nơi đó.

Nàng cứ nài nỉ như vậy mãi, thét rồi cha mẹ nàng cũng phải dọ hỏi tin tức, thấy quả nhiên y như lời nàng nói.

Vài thân nhân của chủ tiệm may mà nàng nhận là chồng, nghe vậy bèn đến Delhi xem sao, thì nàng nhìn biết ngay. Người chủ tiệm cũng có đến và khi bước chân vào nhà nàng, nàng chạy lại ôm cổ vừa reo lên: "Chồng tôi đến đem tôi về đấy".

Nhơn chủ tiệm có dẫn theo đứa con trai 11 tuổi, nàng chỉ và bảo là con nàng. Nàng còn cho biết nhiều chi tiết khác về kiếp trước của nàng, và tất cả chi tiết ấy được xác nhận là đúng, như nàng nói kiếp trước nàng sanh vào năm 1902, tên Ludgi và chết ngày 24 tháng 10 năm 1925 tại thành Agra, còn con nàng cũng sanh năm 1925.

Những lời tiết lộ ấy làm cho những người ở Delhi vô cùng ngạc nhiên. Thế rồi, họ mở ra một cuộc thí nghiệm. Được dẫn đến thành Muttra, nàng nhận biết ngay những người bà con của chồng nàng đương đứng tại bến xe lửa.

Người ta lại đặt nàng trên một cỗ xe và lấy vải bịt mắt nàng lại, thế mà nàng chỉ đúng đường cho xe chạy, đi ngang qua nhà ai nàng cũng chỉ mà nói đúng cả, sau rốt nàng bảo xe ngừng rồi nói: "Nhà tôi đây".

Lúc ấy có một ông lão trong nhà ấy bước ra, nàng gõ tẩm vải bịt mắt rồi nói: "Cha chồng tôi đây".

Diện mạo của Shanti Devi vốn không giống Ludgi, trái lại từ giọng nói đến tánh tình và cử chỉ, thảy đều y như của Ludgi vậy. Cho nên chủ tiệm may cho rằng Shanti Devi tức là Ludgi, rồi muốn cầm nàng ở lại. Thế thì người mẹ mới 9 tuổi mà con lại 11. Tuy còn phải đợi Ủy ban điều tra quyết định ra sao, nhưng chàng vẫn định ninh tin chắc rằng hồn vợ chàng đã nhập vào xác con bé Shanti Devi đó vậy.

### **Chuyện thay hồn đổi xác**

#### **1**

Chuyện thay hồn đổi xác cũng là một bằng chứng hiển nhiên về kiếp luân hồi. Trên 40 năm về trước, tại quận Cà Mau thuộc tỉnh Bạc Liêu (Nam Việt), có xảy ra chuyện lấy làm xôn xao dư luận và báo giới một dạo. Ông phán Nguyễn Thành Cương có đem chuyện ấy diễn thành kịch, rồi in phát cho dân chúng xem mà chiêm nghiệm cơ mầu nhiệm của Đạo Trời.

Nguyên hồi năm 1914, tại tỉnh Bạc Liêu làng Vĩnh Mỹ, có cô Trần Thị Phuông, tuổi độ 20, con của hương hào Trần Văn Thừa. Cô tánh tình hiền hậu, nhưng lại có cơn ngây, thường nói lầm thầm một mình, có khi lại chết giả.

Một hôm cô chết, rồi tỉnh lại, nhưng lại nói theo giọng người Bắc Việt, và hát điệu nhà trò, vài ngày thì hết. Lần khác cô cũng chết đi sống lại rồi nói tiếng Trung Hoa xưng là Lý Thắng, 13 tuổi, ở tại Hồ Quảng, vài ngày rồi cũng hết.

Lại một lần nữa, cô cũng chết đi sống lại nhưng lần này cô không nhìn vợ chồng hương hào là cha mẹ. Cô xưng tên là Trương Thị Cưu, con gái hương cả Hiếu ở Cà Mau và đòi về với cha mẹ.

Vợ chồng hương hào bèn cho người đến Cà Mau hỏi thăm hư thiệt, thì hẳn nơi đây có tên Trương Thị Cưu, con gái hương cả Hiếu, bị bệnh thiên thời chết 15 năm về trước. Nghe chuyện lạ, hương cả Hiếu sai con trai mình là Gấm lên Vĩnh Mỹ thử xem cho biết. Vừa thấy Gấm, cô Phuông kêu trúng tên và hỏi thăm cha mẹ. Gấm về thuật chuyện lạ ấy lại cho vợ chồng hương cả Hiếu nghe, thì bà cả đích thân đến nhà hương hào Thừa, hỏi Phuông nhiều việc riêng, thì Phuông nói đâu trúng đấy. Bà lại nói: "Nếu thiệt hồn con nhập xác Phuông, thì xuống ghe mẹ lụa coi có vật nào là dấu tích của con để lại hãy đem lên đây cho xem thì mẹ mới tin".

Phuông bèn xuống ghe đem lên một chiếc mùng và bảo rằng mùng đó chính của cô (hồn Thị Cưu) đã may trước khi từ trần. Lúc bấy giờ, bà cả mới tin thiệt là hồn con bà. Rắc rối là xác Thị Phuông, mà hồn là hồn Thị Cưu, bà không biết đổi xử thế nào. Việc đem ra tới quận Vĩnh Mỹ yêu cầu ông chủ quận H. Ng. B phân xử giùm. Ông này chẳng biết sao, phải xử phân hai, dạy Thị Phuông phải lui tới cả hai nhà.

Khi Phuông trở về Cà Mau với cha mẹ (về phần hồn), cô nhìn biết đủ mọi người trong gia thuộc, và biết dệt chiếu bông là kỹ nghệ đặc biệt của Cà Mau.

Về cái hiện tượng kỳ dị này, hồn Thị Cưu (trong xác Thị Phuông) nói rằng khi cô đau thiền thời mà chết, nhưng không phải chết thiệt, song cha mẹ vội đem chôn, cho nên lúc tỉnh lại không lên được phải chịu chết luôn dưới mả. Oan hồn của cô vì chưa tới số, phải kiềm nơi nương dựa cho tới khi gặp được xác Phuông phù hợp với cô, nên mượn mà sống lại.

Báo "Religo Philosophical", xuất bản tại thành Chicago (Hiệp Chủng Quốc), dưới ngòi bút của giáo sư Hodgson, có đang chuyện sau đây, nhan đề là "*Chuyện lạ tại Watseka*".

"Năm 1777, tại Watseka (Hiệp Chủng Quốc), cô Mary Roff, 18 tuổi, mang bệnh lâm chung. Hai tháng sau khi cô từ trần, lại có gia quyến tên Vannum về ở tại Watseka với một đứa bé gái mới một tuổi rưỡi, tên Lurancy. Nguyên Vannum trước kia cũng có ở nơi đây, sau lại sang làm ăn ở nơi khác, lần này về ở cũng chẳng lâu, rồi lại đi nữa. Lurancy chưa bao giờ biết mặt Mary Roff. Sáu năm sau, gia quyến Vannum trở lại cất nhà cửa ở luôn tại Watseka.

Mẹ Mary Roff tình cờ có gặp mẹ Lurancy một lần, về sau không gặp nhau nữa, vì hai đàng ở cách xa nhau.

Kịp khi Lurancy được 18 tuổi, nàng lại đau y một chứng bệnh với Mary Roff. Thêm sự ngẫu nhiên là bác sĩ đương săn sóc nàng trước kia cũng đã săn sóc cho Mary nữa. Lurancy, trong khi ngoa bệnh, kể tên nhiều hồn ma nàng ngó thấy, nhứt là tên cô Mary mà thuở nay nàng có biết là ai đâu.

Một hôm bỗng hồn Mary nhập vào xác Lurancy, đòi đi tìm cha mẹ, bà con, chó không chịu ở nhà Lurancy.

Thấy chuyện kỳ dị, bác sĩ Stevens liền báo tin cho gia quyến cô Mary hay. Họ lập đặt đến nhà Lurancy. Thuở giờ Lurancy chưa hề biết gia quyến cô Mary, nhưng khi thấy họ đến nàng lại vui mừng nhảy nhót và reo lên: "*Kia, mẹ tôi và chị Nervie tôi đây nữa*".

Bấy giờ Lurancy theo về với gia quyến Mary. Những người quen thuộc của Mary khi trước, nàng vẫn biết cả. Thấy mặt chị Darker và con gái chị là Nelly, là hai người trước kia nàng thích giao thiệp, nàng liền gọi trúng tên họ. Khi trông thấy cái mũ nhung mà Mary

thường đội trước khi chết lối một năm, nàng chỉ và nói: "*Đây là cái mõ tôi đội lúc tóc còn ngắn đó*". Nàng còn lại nói lúc trước nàng chơi dao bị đứt tay và có nuôi một con chó rất khôn mà nay đã chết rồi. Việc gì trước kia mà Mary đã làm, bây giờ Lurancy thuật lại đều đúng y cả. Lạ một điều là từ ngày về với gia quyến Mary, nàng Lurancy không còn biết cha mẹ ruột và bà con của nàng nữa. Khi nào có cha mẹ ruột nàng đến thăm, phải có người chỉ nàng mới biết, và mỗi lần muốn cho nàng về thăm cha mẹ ruột, phải có mẹ Mary dẫn, nàng mới chịu đi. Sự thay hồn đổi xác ấy kéo dài được 4 tháng, bỗng hồn Mary xuất khỏi xác để nhường cho hồn Lurancy nhập lại, cứ xuất đi nhập lại như vậy trong 15 ngày, rồi hồn Lurancy chiếm lại thiệt thòi cái xác của mình. Bây giờ Lurancy không chịu ở nhà Mary nữa, nên trở về với cha mẹ ruột của nàng. Từ đây, những chuyện cũ của Mary, nàng đều quên cả."

### **Tại sao người ta nhớ được kiếp trước?**

Không khỏi có người lấy làm lạ hỏi tại sao có kiếp luân hồi, mà chỉ có một ít người nhớ được kiếp trước của mình thôi? Và tại sao những kẻ khác lại không nhớ được?

Muốn giải đáp được nghi vấn này, cần phải nói dài dòng.

Theo nội khoa bí truyền con người có 4 thể là:

1. **Vật thể**, tức là xác thịt (Corps physique = Rupâ).
2. **Khí thể** hay Phách, gọi nôm na là Vía, thuật Âm phù gọi Tướng tinh (Double éthérique = Linga - Sharira).
3. **Thần thể** hay **Chơn thần** (Corps astral = Kama).

4. **Thánh thể** Phật giáo gọi là Mạt na thức hay Truyền tống thức. Tâm lý học gọi là trí thức (Corps mental inférieur = Manas inférieur).

Nên biết, những việc của ta đã làm, tuy đã qua rồi, dẫu lâu hay mau cái ấn tượng của nó vẫn còn, nhờ vậy mới nhớ được. Cái trụ sở của ký ức (trí nhớ) vốn không phải tại khối óc như nhiều người làm tưởng, mà ở tại mấy thể khác (Khí thể, Thần thể, Thánh thể). Sự thí nghiệm cho biết nếu dùng phép thôi miên trực thần một người nào, thì người ấy, trong khi ở vào trạng thái thôi miên, nhớ lại được những việc họ đã làm trong kiếp trước. Đó là bằng chứng ký ức ở trong Chơn thần, tức Thần thể.

Mỗi lần chuyển kiếp, bốn thể đều thay đổi, bốn thể cũ đã tan thì con người nhở đâu mà nhớ được kiếp trước chó? Ông Platon bảo linh hồn trước khi đi đầu thai, vì uống nước sông Léthé nên quên hết kiếp trước, cũng như người mình nói tại ăn "Cháo lú", đó chỉ là mượn lời nói bóng mà thôi.

Có khi linh hồn mới vừa bỏ xác thịt và phách lại được đi đầu thai liền, nên còn giữ Chơn thần và Thánh thể cũ nhở vậy mà lúc tái sanh, nhớ được kiếp trước, như mấy chuyện đã thuật ở mấy chương trước.

Như trên đã nói, mỗi lần chuyển kiếp, 4 thể cũ đã tan, để thay vào 4 thể mới, thể mà ký ức không mất, nó chỉ rút vào nhơn hồn như những hạt giống luân hồi (atomes permanents) rút vào đó vậy. Nhơn hồn nào trình độ tấn hóa còn thấp thỏi, khi tái kiếp không thể nhớ được những việc đã làm cùng những điều học hỏi và kinh nghiệm ở kiếp trước, lần lần tấn hóa thêm lên, thì nhớ được mang máng vội thỏi. Những bực thần đồng ở vào trường hợp này. Lại có khi chúng ta bỗng nhiên hiểu được nhiều vấn đề đạo lý cao siêu, không cần lý trí và học cứu. Đó là nhờ cảm giác những điều học hỏi và kinh nghiệm trong kiếp trước vậy. Sự cảm giác ấy gọi là trực giác (intuition).

Cũng vì lẽ ấy mà Đạo Nho nói: "Bực Thánh nhơn sanh ra tự nhiên hiểu biết, không cần học cứu" (*Thánh nhơn sanh nhi tri chi*).

## **Thần đồng**

Thử xem hai đứa học sanh: đứa này học được nhiều năm, đứa kia mới cắp sách đến trường. Đứa học lâu tất nhiên học giỏi hơn đứa mới nhập học.

Và cùng học một lớp, cùng được một thầy ân cần dạy dỗ, tại sao đứa thông minh đứa u ám?

Lại cũng trên quả địa cầu này, tại sao có dân tộc văn minh và dân tộc dã man lạc hậu?

Sự sai biệt ấy, ai cũng biết là do trình độ tần hóa khác nhau. Đứa học sanh u ám, một dân tộc kém văn minh là tại ít tần hóa. Nói tần hóa đây, tức là nói luân hồi chuyền kiếp. Phàm một kiếp luân hồi là một nắc thang tần hóa. Dân tộc dã man là dân tộc còn mới trên đường tần hóa, tức mới trải qua ít kiếp luân hồi, nên ít kinh nghiệm, ít học hỏi. Trái lại, dân tộc văn minh là dân tộc đã lâu đời trên đường tần hóa, tức đã trải qua nhiều kiếp luân hồi, nên thâu thập được nhiều kinh nghiệm, nhiều học thức.

Đành rằng kiếp luân hồi là kiếp chung cho Vạn linh, nhưng trình độ tần hóa của một kiếp riêng con người lại do thời gian của điểm Chơn linh dùng để tần hóa, kể từ khi bắt đầu thác sanh xuống thế. Cái trình độ tần hóa thấp hay cao là do điểm Chơn linh đã trải qua ít hay nhiều kiếp luân hồi vậy.

Các vị thần đồng là người đã được nhiều kiếp luân hồi và trong nhiều kiếp ấy, kiếp nào cũng chuyên học một khoa hay một nghệ thuật nào, nên học lực về các môn ấy được trỗi hơn bực thường nhơn. Vậy có nhiều hạng thần đồng, có hạng giỏi văn chương nghệ thuật, có hạng giỏi toán pháp, âm nhạc hay hội họa,v.v...

Có thần đồng tức là có bằng chứng về kiếp luân hồi. Ai không chịu tin có kiếp luân hồi tất không thể dựa

vào đâu mà giải thích được nguyên do cái siêu năng kỳ diệu của mấy vị thần đồng ấy.

## **Thần đồng xưa và nay**

Từ Âu sang Á, từ cổ cập kim, nước nào và thời đại nào cũng có bực thần đồng.

Bên Trung Hoa, Cam La mới 12 tuổi đã được Tần Thủ Hoàng phong chức Thượng Khanh. Thuở ấy vua nước Yên sai Thái Tử Đan qua nước Tần mượn Đại Tướng nước Tần là Trương Đường giúp Yên đánh Triệu. Lữ Bất Vi, tức cha ruột Tần Thủ Hoàng, đương làm Tể Tướng cũng nói giúp vào, nhưng Trương Đường sợ đánh không thắng Triệu, nên quyết chẳng chịu sang giúp Yên. Bất Vi thấy vậy lấy làm buồn bực. Cam La đương ở làm hạ khách cho họ Lữ hay được liền nói: "Tưởng việc gì khó, chờ việc thuyết phục Trương Đường, tôi thấy dễ như lấy đồ trong túi". Bất Vi giận nói: "Ta làm tối bực Tể Tướng, một tay điều khiển muôn binh, chỉ thua vua một bực, vậy mà Trương Đường không chịu tuân thay, huống chi người là một đứa bé, tài gì nói cho hắn nghe theo?". Cam La cười đáp: "Vậy ngài không nhớ thuở xưa Hạng Thác mới 7 tuổi mà thuyết phục được Khổng Tử đó sao? Nay tôi 12 tuổi, hơn Hạng Thác tới 5, tất nhiên phải hiểu biết nhiều hơn Hạng Thác".

Nghe lời nói khảng khái ấy, Bất Vi vui lòng để Cam La đi. Trương Đường tiếp rước Cam La rồi hỏi đến có việc chi, Cam La đáp: "Tôi đi qua điều tướng quân". Trương Đường lấy làm lạ hỏi:

- Tôi còn sống sờ sờ đây mà ngài nói vậy nghĩa là làm sao?

- Tướng quân sống cũng như chết rồi kia.
- Xin ngài cắt nghĩa.

- Tướng quân tài không bằng Bạch Khởi, quyền hành thì Phạm Thơ không bằng Lữ Bất Vi. Mà hồi trước Bạch Khởi vì không tuân lệnh Phạm Thơ sai chàng đánh

Triệu, nên thọ tử hình. Huống chi họ Lữ bây giờ có đủ quyền thế mà tướng quân lại cãi lệnh, vậy có phải tướng quân là người chết chưa chôn đó không?"

Trương Đường nghe lời hữu lý, giựt mình, cậy Cam La về thưa lại với Bất Vi, ông bỗng lòng sang đánh Triệu.

Cam La lại được Tần Thỉ Hoàng sai đi sứ qua thuyết phục vua Triệu. Triệu Vương thấy Cam La còn nhỏ, cười hỏi mỉa mai: "Bên nước Tần hết người lớn rồi thì phải?"

- Tâu bệ hạ, người lớn thì không thiếu gì, nhưng mỗi người phải tùy việc lớn nhỏ mà làm, lớn thì lãnh việc lớn, còn đi sứ bên nước Triệu đây vốn là việc nhỏ, nên hạ thần tuổi nhỏ phải đi".

Vua Triệu nghe nói, lấy làm thán phục Cam La. Nhơn cơ hội ấy Cam La mới thuyết phục được Triệu Vương chịu dâng thành cho Tần mà xin giao hảo.

\*\*\*

Ở nước Việt Nam, vào đời Trần Thái Tông, Nguyễn Hiền mới 12 tuổi được nổi tiếng thán đồng. Lúc Nguyễn Hiền còn là một thiếu sanh, có một ông huyện nhơn nghe danh họ Nguyễn, bèn ra cho ông câu đố sau nầy cốt để thử sức và trêu đùa:

- "Học trò là học trò con, quần áo lon xon là con học trò".

Nguyễn Hiền chẳng cần suy nghĩ, đối lại:

- "Ông huyện là ông huyện thằng, ăn nói lằng xăng là thằng ông huyện".

Nghe câu đố ấy, ông huyện chẳng những không giận mà còn thán phục thiên tài và chí khí của vị thần đồng.

\*\*\*\*

Ở nước Pháp, ông Pascal vốn là một bực thiên tài của thế kỷ 17: ông giỏi về hình học, vật lý học, triết học, luôn cả về văn chương. Lúc mới 12 tuổi, ông đã nổi tiếng thần đồng. Với từng ấy tuổi, ông không học hỏi sách nào thế mà đã tìm hiểu được những định lý đầu tiên về hình học của Euclide (*Premières propositions de géométrie d'Euclide*). Qua 16 tuổi, ông viết quyển "Khái luận về thiết diện hình nón" (*Traité des sections coniques*), làm cho nhà triết lý vừa toán học nước Pháp lúc bấy giờ là Descartes phải ngạc nhiên thán phục.

Nhà thiên văn học và toán học người Đức là ông Gauss, lúc mới lên ba, đã giải được những bài toán đồ về số học.

Ông William Hamilton, một triết gia xứ Ecosse, hồi 3 tuổi, đã học được tiếng Hy bá lai (Hébreu), đến 7 tuổi, học lực của ông đã trỗi hơn phần đông cử tử thi bằng thạc sĩ. Lên 13 tuổi, ông biết được 12 thứ tiếng.

Ông Michel Ange, người nước Ý, lúc lên 8, học nghề hội họa giỏi đến đỗi thầy dạy ông là Ghirlandajo, bảo ông không còn gì phải học nữa.

Ông Mozart, người nước Áo, mới 4 tuổi đã biết đánh dương cầm, đến 11 tuổi, ông đặt 2 bản hát dem diễn tại hí viện: bản Finta Simpliste và bản Bastien et Bastienne.

Thần đồng nếu kể ra còn nhiều lắm. Chúng tôi xin nói sơ lược vài vị thôi, và lập lại rằng nếu không có kiếp luân hồi, tất không thể dựa vào đâu mà giải thích được nguyên do cái siêu năng kỳ diệu của những bực phi thường ấy.

## **CHƯƠNG BA**

---

### **Nhơn quả**

Có luân hồi tất có nhơn quả, hai việc ấy vốn liên tục nhau.

Điểm linh quang (hòn) thác sanh xuống cõi phàm, mục đích để học hỏi kinh nghiệm mà tần hóa. Chuyển sanh xuống cõi sắc giới, tất phải mượn sắc thân mà hành động. Càng hành động, càng tạo nhơn. Tạo nhơn, linh hồn tái sanh phải trả quả, theo phép công bình Thiên đạo.

Từ xưa đến nay, dẫu trình độ trí thức thấp hay cao, nhơn loại phần nhiều đã tin có cơ báo ứng, tức là cơ nhơn quả.

Đạo Phật dạy: "Cha làm điều chẳng lành, con không chịu thế được, con làm điều chẳng lành, cha không chịu thế được. Làm lành tự được phước, làm dữ tự mang họa" (*Phụ tác bất thiện, tử bất đại thọ, tử tác bất thiện, phụ bất đại thọ. Thiện tự hoạch phước, ác tự thọ ương*).

Đạo Lão dạy Cảm Ứng có câu: "Điều lành, điều dữ đều có trả, như bóng với hình" (*Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình*).

Đạo Nho dạy: "Tròng đậu được đậu, tròng dưa được dưa" (*Chuồng đậu đắc đậu, chuồng qua đắc qua*).

Lại có câu: "Điều lành dữ cuối cùng đều có trả, khác nhau chỉ đến chóng hay chầy thôi" (*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*).

Chúa Giêsu dạy: "Ai sử dụng dao kiếm sẽ chết về dao kiếm" (*Qui manie l'épée périra par l'épée*).

Tục ngữ Pháp có câu: "Ai gieo gió thì gặt bão" (*Qui sème le vent, récolte la tempête*).

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Đời xưa quả báo thì chầy, đời nay quả báo một giây nhẫn tiền".

\*\*\*

Những câu trên đây đều biểu lộ rõ rệt cái quan niệm Nhơn quả vậy.

Đấng Tạo Hóa chí công, không vì thương mà thưởng, cũng không gì ghét mà phạt. Ngài chỉ lập ra *Luật nhơn quả*, cũng gọi là *Luật báo ứng*, là cái qui tắc định rằng hễ nguyên nhơn như thế nào, thì kết quả như thế ấy.

Ta thử nhìn vào một tấm gương, mặt ta sạch (Nhơn), gương rơi ra sạch (Quả), trái lại, mặt ta dơ, gương rơi ra dơ.

Và ta thử ném vào vách tường một quả banh cao su, ném nhẹ (Nhơn), tức banh dội lại nhẹ (Quả), trái lại, ném mạnh thì banh dội mạnh, Nhơn quả đại khái là thế.

Vậy, ai tạo nhơn lành (duyên lành), sẽ hưởng quả lành (nghiệp lành). Ai tạo nhơn dữ, tất rước quả dữ, chẳng sai.

Cái quả hay nghiệp vốn là kết quả cái nhơn hay duyên của chúng ta tạo ra trong kiếp trước hoặc kiếp này. Rồi cái quả ấy lại làm nhơn cho cái quả khác sẽ báo ứng về sau. Nhơn và Quả cứ tiếp tục tương ứng như vậy mãi như bóng tùy hình mà buộc trói con người trong vòng oan nghiệp, mới có cuộc trả vay, vay trả của kiếp luân hồi.

Vậy muốn biết nhơn quả kiếp trước của ai, cứ xem cái địa vị sang hèn của người ấy ở kiếp đương sanh. Muốn biết nhơn quả đời sau của họ thế nào, cứ xem tâm tánh và hành động của họ ở ngay kiếp này vậy.

\*\*\*

Nhơn quả hay nghiệp báo vốn có hai thứ: Biệt nghiệp (Karma individuel) và Cộng nghiệp (Karma collectif).

**1/. Biệt nghiệp** là quả báo riêng từng người, ai tạo nhơn là nấy thọ quả. Biệt nghiệp lại ứng quả có hai cách: Định nghiệp và Bất định nghiệp.

a) **Định nghiệp** là quả báo định trước. Nhơn hồn nào tần hóa khá rồi, khi được hoàn tỉnh sau cái trạng thái hỗn độn gây ra trong lúc thoát xác phàm, lần hồi thấy rõ tội lỗi đã làm (\*1) rồi biết ăn năn đau khổ, tự quyết khi chuyển kiếp sẽ trả quả bằng cách nào, trong lúc nào, hoặc trong một thời gian nào nhứt định. Nhơn hồn được tự do lựa chỗ thác sanh. Nếu phải chuyển kiếp để thọ khổ mà đền tội trước, nhơn hồn thường lựa gia đình nào bần hàn hoặc hung độc mà đầu thai cốt để có dịp cho mình trả quả.

b) **Bất định nghiệp** là quả báo không nhứt định trước. Những nhơn hồn thấp thỏi, hôn mê ám muội đã tạo ác duyên mà không tỉnh ngộ, cho nên quả ứng lúc nào hay lúc nấy, không biết tự mình quyết định.

**2/. Cộng nghiệp** là quả báo chung cho nhiều người phải chịu. Như nhiều kẻ đồng phạm một ác nhân, khi đền tội, phải chịu chung một ác quả.

Cũng có nhiều kẻ, tuy tạo nhơn khác nhau, song tội đồng nhứt thế, đến khi trả quả vẫn chung chịu với nhau một lượt.

Lại có khi một người làm ác mà nhiều người chung hưởng lợi, tất cũng phải thọ quả đồng thề.

Tất cả nạn nhơn một tai họa lớn như động đất, bão lụt, chìm tàu, hỏa hoạn, dịch khí, chiến tranh, v.v... đều là những kẻ chịu một quả báo chung vì họ đã đồng tạo một ác nhơn.

Mặc dầu xa lạ nhau, mặc dầu kẻ Nam người Bắc, Thiên cơ xui khiến thế nào cho họ hiệp nhau một chỗ đặng đền tội chung một lượt.

(\*1) Ở cõi phàm, con người hành động thế nào, sự hành động ấy đều hiển hay dữ, dẫu thấp hèn hay cao thượng, cái ấn tượng của nó in gán vào tinh chất (matière astrale) của cõi Thần (Plan astral). Đến khi hồn lén cõi Thần, cái ấn tượng ấy hiện ra có thứ lớp rõ ràng, hồn người trông thấy chẳng khác nào mục kích một phim chớp bóng. Nhà Phật gọi là "Nghiệt cảnh đài" (psyché astrale).

### Thời gian báo ứng

Phàm bắt câu một nguyên nhơn nào cũng có cái tính cách đem lại kết quả cấp kỳ. Nhưng lại thường có một nguyên nhơn khác xen vào phản ứng (Cause contradictoire), khiến cho cái kết quả ấy phải hoãn lại một thời gian.

Tí như chúng ta để ngón tay vào lửa (nguyên nhơn), chúng ta bị phỏng liền (kết quả cấp kỳ). Nhưng nếu chúng ta dè dặt, bao ngón tay bằng một chất thuốc gì có công hiệu che chở, ngón tay ấy không bị phỏng liền. Lửa cần phải đốt hết chất ấy rồi mới bắt qua ngón tay.

Lớp thuốc ấy là *nguyên nhơn phản ứng*.

Lại ở các nước miền ôn đới như Việt Nam chẳng hạn, phàm giống lúa hễ gieo xuống là nứt mộng lên mau. Nhưng ở các xứ lạnh, lúa lại chậm lên là tại tuyết giá cản ngăn. Tuyết giá vốn là *nguyên nhơn phản ứng* đó vậy.

Một đứa bé chơi nghịch bị cha nó bắt nambi xuống phạt rắn. Trong lúc người cha đưa roi lên sấp đánh, lại có một người khách đến thăm. Ông cha phải buông roi hoãn sự răn trùng để tiếp khách. Sự khách đến thăm ấy cũng là *nguyên nhơn phản ứng*.

Cũng vì "Luật phản ứng" mà cái quả của một thiện nhơn hay một ác nhơn có khi không báo ứng ngay trong kiếp tạo nhơn. Nên chúng ta thấy nhiều kẻ bạo tàn ác đức mà được giàu sang sung sướng nghinh ngang hống hách với đời. Ấy bởi họ đương hưởng cái quả của thiện nhơn họ đã tạo ra trong kiếp trước. Nhưng một khi đã tận hưởng quả lành thì ngay trong kiếp đương sanh

hoặc trong kiếp tái sanh, họ sẽ chịu khổ quả của cái ác nhơn mà họ đương tạo.

Chúng ta cũng thấy có người hiền lương đạo đức mà lận đận lao đao, ấy là họ đương trả quả của cái ác nhơn họ đã tạo ra trong tiền kiếp. Trả quả xong, họ sẽ được hưởng ngay trong kiếp này hay trong kiếp sau, cái quả của thiện nhơn mà họ đương tạo.

Vậy, đối với thời gian, sự báo ứng có ba cách:

1/. Báo ứng ngay trong kiếp tạo nhơn, gọi *đương kiếp nhơn quả*.

2/. Báo ứng theo cái nhơn kiếp trước, gọi *tiền kiếp nhơn quả*.

3/. Báo ứng ở kiếp sau do cái nhơn hiện tại, gọi *hậu kiếp nhơn quả*.

## **Chuyện Nhơn Quả**

### **Kéo cày trả nợ**

Chuyện này trích ở "Chuyện cổ nước Nam". Dầu rằng, người ta có thể bảo chuyện cổ là chuyện bịa đặt, nhưng thấy tác giả tin tưởng Luật Nhơn Quả và có dụng ý khuyến thiện, chúng tôi mượn chép ra đây:

Xưa có một người tên Châu Văn Địch, làm ăn vất vả, cửa nhà đói kém, nhưng tánh khí hiền lành, ăn ở thật thà có nhơn, có đức.

Trong hạt có một nhà giàu thường cho người ấy vay nợ, năm nào cũng vậy, vay vay, trả trả đã nhiều.

Gặp năm mất mùa, người ấy không trả được nợ, mà ông nhà giàu cũng không hỏi đến. Mấy năm sau, người ấy chết đi, nợ vẫn còn lại. Nên lúc hấp hối còn trối với con rẳng:

"Nợ nần chưa trả cho ai,  
Hòn này thác xuống thuyền đài chưa yên".

Một đêm, ông nhà giàu kia nằm mơ, nghe có tiếng người nói ở bên tai rằng:

"Tái sinh chưa dứt hương thè,  
Làm thân trâu ngựa đền nghìn trúc mai".

Sáng ra ông thấy con trâu đẻ ra được con nghé  
trên lưng có hai chữ "Văn Địch".

Con nghé mỗi ngày một lớn, khôn ngoan dễ bão,  
cày bừa rất khỏe. Người biết chuyện, ai cũng bảo rằng:

"Người ăn thì còn,  
Con ăn thì hết.  
Đã đến lúc chết,  
Hãy còn nhớ ơn".

Cách ít năm, hai đứa con Văn Địch khôn lớn lên,  
làm ăn nhờ Trời cũng khá. Một hôm đang cày ngoài  
đồng, nghe thấy ở thửa ruộng gần đấy có người bảo  
con trâu rằng:

- Văn Địch! Văn Địch! Nhanh chơn, mau bước,  
kéo đã trưa rồi.

Hai đứa con nghe kêu tên cha, ngạc nhiên chạy  
sang bên ruộng hỏi thì người kia nói rằng:

- Con trâu này từ lúc sanh ra, trên lưng có hai chữ  
"Văn Địch", mà có gọi đúng tên nó như thế, thì nó mới  
chiều làm.

Lúc về hai đứa con vội vàng sang nhà ông nhà  
giàu hỏi chuyện tỏ ý muốn mua con trâu, thì ông ấy bảo  
rằng:

- Trước tên "Châu Văn Địch" có vay nợ ta, không  
trả được ta cũng không đòi? Có lẽ gì vậy, mà phải hóa  
kiếp làm con trâu này trả nghĩa cho ta. Đã mấy năm nay  
nó làm ăn chịu khó, trong nhà ta đây cũng được thịnh  
vượng. Nó trả như thế, ta cho cũng là đủ rồi. Vậy hai  
người có phải là con, muốn mua chuộc về thì ta để lại  
cho. Ta lại trả cả văn khê cũ đem về mà hóa kiếp cho  
yên hồn cha.

Khi hai đứa con chuộc được con trâu về, vừa đem  
tờ văn khê ra đốt, thì nó lăn ra chết. Thế là nó đã trả  
sạch được nợ kiếp trước rồi.

Thấy chuyện này, người ta mới đặt câu "Kéo cày trả nợ" thành câu tục ngữ.

## **Tiền kiếp Nhơn quả**

Chuyện này trích ở quyển sách "*Vấn đề con người và số phận*" của Léon Denis, trang 289 "Le problème de l'être et de la destinée".

Năm 1862, ông hoàng Galitzin cùng với Hầu tước B... và Bá Tước R... đi nghỉ hè tại bờ suối nóng ở thành Hambourg. Một buổi chiều, ăn uống xong, có hơi trễ, ba người cùng đi dạo trong vườn một hí viện. Bỗng ba người bắt gặp một mụ bần hàn ngủ trên một chiếc "băng". Ba người liền đánh thức mụ và sau khi hỏi thăm tình cảnh cơ hàn lại dẫn mụ về khách sạn cho ăn uống no nê. Nguyên ông hoàng Galitzin vốn là một nhà biết thuật "thâu thần" nên nảy ra ý định thôi miên mụ ấy. Lạ một điều là bình thường mụ ấy chỉ bập bẹ một thứ thô ngữ nước Đức, thế mà lúc ngủ mê trong giấc thôi miên mụ lại nói tiếng Pháp đúng đắn và rành rẽ. Mụ bảo kiếp trước vào thế kỷ 18, mụ là một thiều nữ giàu sang ở một biệt thự tại xứ Bretagne. Vì tư tình với kẻ khác, mụ nhẫn tâm xô chồng từ một tảng đá xuống biển chết tươi. Cho nên kiếp này mụ phải chịu bần cùng khổ để rèn tội kiếp trước. Mụ còn cho biết rành mạch nơi đã xảy ra án mạng ấy.

Về sau, ông hoàng Galitzin cùng Hầu tước B... dò theo lời mụ chỉ, đến xứ Bretagne tìm được nơi ấy, rồi hai người chia ra hai ngả để điều tra riêng nhau cho chắc ý. Lúc đầu hỏi không ai biết, sau gặp nhiều ông lão hỏi thăm thì mấy ông ấy bảo rằng có nghe cha mẹ thuật lại chuyện một thiều nữ kiều diễm và giàu sang ở một biệt thự nọ, vì ngoại tình, đành nhẫn tâm xô chồng xuống biển. Thế là lời mụ kia thú tội trong giấc ngủ thôi miên đã được xác nhận.

Khi ông hoàng về ngang qua Hambourg, ông ghé hỏi thăm viên cảnh sát trưởng nơi đây về lai lịch của mụ

Ấy, thì được biết mụ chỉ biết bập bẹ được ba tiếng Đức và sống bằng nghề đưa rước quan nhơn.

\*\*\*

Chuyện Nhơn quả dưới đây viết theo tài liệu rút trong bản phúc trình của Hội Khảo Cứu Thần Linh Học thành Huesce, nước Tây Ban Nha (Espagne) mà tờ Tạp chí Khoa học và Luân lý Thần Linh Học năm 1912 có đăng tải (Revue scientifique et morale du spiritisme).

Từ năm 1881 tới năm 1884, người ta vẫn thấy đi lang thang trên đường thành Huesca một người điên tên Suciac. Chàng ăn vận một cách hì hòm, cứ nói lầm thầm một mình, ai hỏi điều chi cũng chẳng trả lời. Về sau, vì thấy hắn trở nên nguy hiểm, người ta buộc phải xem chừng từng hành động của hắn.

Cũng tại thành này có một Hội Khảo Cứu Thần Linh Học (Groupe d'Etudes spirites) của một nhóm người học thức trung bình, mà Hội Trưởng là ông Domingo Montréal và đồng tử là Sanchez Antonio. Đồng tử này vốn không biết chữ, nhưng lại có cái đặc biệt là "chắp bút" viết ra không hề chấm câu, nhưng cũng có khi viết được nhiều bài dài thậm thượt và đúng theo văn phạm.

Khi Suciac chết, hồn anh giáng bút do Antonio viết ra cho biết kiếp trước anh là vị lãnh chúa (Seigneur) thành Sangarren, vì gây nhiều tội lỗi nên chuyển sanh phải thọ khổ mà trả quả. Suciac còn quả quyết rằng nếu muốn tin chắc nên quan sát những tài liệu trong văn khố còn giữ tại đền đài của anh ta ở trong kiếp trước tại Sangarren.

Nghe vậy nhóm người trong Hội Khảo Cứu Thần Linh Học gồm có quý ông Domingo Montréal, Severo Lain, và Marvallo Bakkestar đích thân đến cái đền cổ ấy để quan sát nhưng người nơi đó bảo rằng đền ấy không chứa một dấu vết gì về văn khố cả.

Mấy ông ấy thất vọng trở về bảo Antonio chấp bút hỏi lại thì hồn anh Suciac về cho biết những tài liệu ấy giấu kín bên cạnh lò lửa trong nhà bếp.

Đoàn quan sát bèn đến Sangarren một lần nữa và được người ta cho phép dò xét trong nhà bếp, thì lạ làm sao, họ tìm được một mớ tài liệu viết trên da mỏng và giấu trong một chỗ kín vách tường.

Những tài liệu ấy được đem về thành Huesca, nhờ giáo sư Oscariz dịch ra tiếng Tây Ban Nha thì đúng theo lời của hồn anh Suciac đã cho biết.

### **Trả nợ tín thí**

Đức Ca-na-đề-bà (Kanadeva) Tổ sư thứ 15 của Phật giáo bên Ấn Độ, có lần sang truyền đạo tại nước Tila. Thuở ấy, vườn ông trưởng giả Phạm Ma Tín Đức có một cây đại thụ sanh ra một thứ nấm rất thơm, thường bữa ông cùng con thứ hai là La Hầu La Đa nhổ nấm ấy ăn rất ngon, mà hễ nhổ sớm mai thì chiều thấy nấm khác mọc ra.

Tổ sư vốn biết rõ nguyên nhân việc ấy, nên đến viếng trưởng giả và giải cho ông ấy biết việc lạt ấy vốn như vậy:

"Nguyên trong một tiền kiếp, ông và con ông thành tâm cúng dường cho một thầy tì khưu. Nhưng thầy ấy đạo hạnh chưa hoàn toàn, quanh năm suốt tháng cứ ngửa tay thọ lãnh của hai người mà ăn tiêú, nhưng chẳng lập được một đạo nghiệp nào đáng kể. Cho nên kiếp này tì khưu ấy phải đọa sanh làm nấm để trả món nợ tín thí ở kiếp trước đó vậy".

Nghe thuật rõ có báo ứng, ông trưởng giả liền thưa:

-Bạch Tôn sư, tôi vô phước không sớm được gặp Ngài, nay tôi đã già nua, sức yếu tiếc không thể theo hầu hạ Ngài, nay tôi tình nguyện cho con tôi đây là La Hầu La Đa theo thọ giáo, xin Ngài từ bi thâu nạp.

Tổ sư vui vẻ đáp:

- Kiếp trước con ông đã có duyên lành được Đức Như Lai Thế Tôn thọ ký, sau này sẽ là một vị Giáo chủ trong Phật đạo. Vậy, sự hội ngộ hôm nay không phải ngẫu nhiên, mà là do duyên từ trước vậy.

(Viết theo tài liệu rút trong "Sự tích 33 vị Tổ sư" của Phật giáo).

### **Đức Cưu-ma-la-đa giảng cơ báo ứng**

Chuyện này viết theo tài liệu rút trong "Sự tích 33 vị Tổ sư" do Phật học Tạp chí "Tử bi âm" xuất bản.

Đức Cưu-ma-la-đa (Kumarata) là Tổ sư thứ 19 của Đạo Phật bên Ấn Độ. Sau khi đắc đạo, Ngài sang thuyết pháp bên miền Trung Ấn Độ. Thuở ấy có đại sĩ Xá-dạ-đa hỏi Ngài:

- Bạch Ngài, song thân tôi vốn hiền lương, rất tin sùng Phật giáo, song thường bị đau ốm và bất câu làm việc gì cũng thất bại; còn người bên cạnh, chuyên nghề hàng thịt sát hại chẳng biết bao sanh mạng. Ấy vậy mà hắn vẫn khỏe mạnh và làm ăn ngày thêm phát đạt. Thật tôi không rõ thê nào là cơ báo ứng, cúi xin Ngài từ bi chỉ giáo.

Tổ sư giảng giải:

- Cơ báo ứng vốn có ba thời kỳ, không nên lấy lẽ thạnh suy, bĩ thoái hiện tại mà đoán được cẩn phần hiện tại. Phải biết cái lý nhơn quả không bao giờ sai chạy. Nhơn với quả cũng như bóng với hình, hình thẳng tức bóng ngay, hình chinh tức bóng lịch. Người đời không rõ cái lý ấy mới dám ngờ vực khi thấy bực hiền lương mà hoạn nạn, kẻ bạo tàn lại được vinh quang, chớ họ biết đâu rằng sở dĩ kẻ tích ác mà đặng giàu sang là nhờ hưởng cái duyên kiếp trước, cũng như kẻ hiền từ mà chịu nghèo khổ là tại cái oan nghiệt tự mình đã tạo ra kiếp xưa, nên kiếp này phải trả. Đến như cái nhơn hiện tại là mầm móng cái quả tương lai đó vậy.

Đành rằng có ba nghiệp, nhưng mỗi nghiệp cũng do vọng mà sanh, vọng hoặc lại do thức tình mà dấy, thức tình sở dĩ có vì tánh bất giác, mà tánh bất giác lại ở nơi tâm. Nhưng bỗn thể của tâm vốn là thanh tịnh, không sanh, không diệt, không tạo tác mà cũng không báo ứng. Con người thấu được chỗ diệu lý ấy, thì đối với họ, tất cả những pháp hữu vi và vô vi đều là mộng ảnh, không cần phải quan tâm đến.

Người như vậy tức đồng bức với Phật đó.

## **IV. Làm phước gấp phước**

Thuở xưa có hai vợ chồng Kế-la-di, tuy nghèo nhưng mà biết an thân thủ phận, vui sống cuộc đời thanh bạch, tâm tánh từ hòa và hay nhịn nhục. Một hôm, vợ chồng thức dậy sớm, chia nhau một người một ngả đi làm mướn kiếm tiền đặng độ nhựt.

Dọc đường, Kế-la-di gặp nhiều ông trưởng giả ăn mặc chỉnh tề hội nhau trong một ngôi chùa để tổ chức một cuộc bố thí. Thấy vậy, chàng thầm trách mình nghèo khổ chẳng có phương tiện bố thí như người ta, nên lòng càng buồn bực.

Tối lại, chàng về nhà không ngủ được, cứ nằm lăn qua trở lại thở dài. Chàng thầm nghĩ vì kiếp trước không làm điều thiện, nên kiếp này phải chịu bần cùng khổ sở, còn mấy ông trưởng giả kiếp trước có tu nhơn tích đức, nên kiếp này được giàu có hơn người. Chàng lại nghĩ nếu kiếp này không sớm lo lập âm đức, kiếp sau ắt còn khổ sở hơn nữa.

Người vợ thấy chàng buồn bực liền hỏi duyên do, thì chàng đáp:

- Này hiền thê! Anh sở dĩ ưu phiền là vì kiếp trước không vun cội phước nên ngày nay phải chịu cực khổ cơ hàn, muốn làm âm chất ngặt nỗi không tiền.

- Anh chẳng nên buồn bực, mà than dài thở vắn cũng chẳng ích chi. Tốt hơn là đem bán em cho nhà giàu lấy tiền bố thí có phải ích lợi xác thực hơn không?

Kế-la-di nghe vợ nói hết sức thương tình, rồi đáp:

- Chúng ta vốn cùng chung một số phận, cùng chia nồng sót lạnh, lẽ nào anh làm được điều vô nhơn đạo ấy?

- Thôi thì chúng ta đồng bán thân lấy tiền làm công đức, anh nghĩ sao?

Kế-la-di vui chịu, rồi sáng ra cùng nhau đến nhà một ông phú hộ và thưa:

- Thưa ông, vợ chồng chúng tôi đến xin ông cho chúng tôi bán thân lấy ít đồng vàng đem về cúng Phật và làm phước.

Ông phú hộ ngạc nhiên hỏi:

- Hai vợ chồng muôn bao nhiêu?

- Thưa, lôi 10 đồng vàng thôi.

- Thôi, ta cho hai người mượn 10 đồng vàng, với điều kiện là trong bảy ngày phải lo huờn lại. Nếu quá kỳ hạn mà không trả, chừng đó hai người phải ở làm công cho ta mà trừ nợ.

Hai vợ chồng mừng rỡ, liền làm giấy nợ rồi lãnh tiền đi đến một ngôi chùa ra mắt chủ tăng, xin nạp 10 đồng vàng, nhờ chủ tăng qua ngày thứ 6 làm chạy bố thí giüm, rồi ngày thứ 7 sẽ huờn kinh cúng ngọ.

Chủ tăng vui lòng chấp thuận, lúc ấy hai vợ chồng ở tại chùa, vợ lo giã gạo xây bột, chồng bửa củi, gánh nước, bao hàm tất cả công việc cực nhọc về việc làm chạy.

Lúc ấy lại có một vị quốc vương đến chùa cậy chủ tăng lập đàn cầu siêu cho tiên vong và bố thí kẻ nghèo, nhưng trớ trêu làm sao, quốc vương cũng định ngày cầu siêu cùng một lúc với vợ chồng Kế-la-di.

Chủ tăng liền tâu ông đã định lo bữa ấy làm chạy cho vợ chồng Kế-la-di rồi, xin nhà vua dời qua ngày khác.

Quốc vương bất bình và phán:

- Trẫm đây là bực quân vương, còn kẻ kia là hạng thần dân, lẽ nào không nhường ngày ấy cho trẫm sao?

Nói đoạn, quốc vương sai người đến bảo La-di nhường ngày ấy cho Ngài làm chạy trước.

Vua sai người đi điều đình như vậy đến ba lần, nhưng La-di vẫn khăng khăng không chịu nhường.

Quốc vương lấy làm lạ liền cho đòi La-di đến giáp mặt hỏi nguyên do, thì chàng tâu rằng:

## **Đại Đạo Chơn Lý Yếu Luận**

---

- Tâu Thánh thượng, kẻ mạt dân này chỉ được tự do trong hai ngày ấy thôi, chớ qua ngày sau thân này phải làm nô lệ cho người khác, không còn tự do cúng Phật trai Tăng được nữa. Vì lẽ ấy, mạt dân không thể làm vừa lòng Thánh thượng.

Quốc vương gạn hỏi đuôi đầu, biết rõ ngọn ngành, lấy làm khen ngợi La-di, nên vui lòng nhường cho vợ chồng khai pháp hội trước mình. Ngài truyền lệnh xuất bạc vàng châu báu ban thưởng hai người, lại xuống chiếu dạy quan địa phuơng cắt đất cho hai vợ chồng chung hưởng huê lợi suốt đời.

Nhờ vậy, Kê-la-di có tiền đem trả ông phú hộ để chuộc lại tự do.

(Tóm tắt theo tài liệu "Tục tạng kinh")

## **KẾT LUẬN**

"LUÂN HỒI" là cơ mầu nhiệm cũng như "QUẢ BÁO" là luật thường phạt công bình của Thiên Đạo.

Là cơ mầu nhiệm, sự "Luân hồi" không thể đem phô diễn hằng ngày trước mắt muôn người. Tuy nhiên, vì đức từ bi, nên thỉnh thoảng Tạo Hóa cũng hé màn bí mật cho người đời chiêm nghiệm, cũng để nhắc chừng cho biết "Chết không phải là hết" và linh hồn, diêm linh quang bất diệt ấy, phải trải qua muôn muôn ngàn kiếp tái sanh đặng học hỏi, kinh nghiệm mà tần hóa.

Những chuyện "Luân hồi" và "Quả báo" chúng tôi đã trình bày cũng đủ chứng minh điều ấy. Chúng tôi không bịa đặt, chỉ ra công sựu tập tài liệu trích trong kinh điển và báo chí mà đăng ra, có xuất xứ rõ ràng, có bằng chứng hiển nhiên.

Có "Luân hồi" tức có tạo nhơn, tạo nhơn, linh hồn chuyển kiếp, phải trả quả là lẽ đương nhiên. Không cần nói đến "Luật thiêng liêng", ngay "Luật đời" cũng không bao giờ để yên cho người tạo ác. Song "Luật đời" phạm nhơn còn phương trối, chí ư "Luật thiêng liêng" thì một mảy không qua, dũ làh đều báo ứng. Trong mấy năm qua, chúng ta đau lòng mục kích chẳng biết bao nhiêu tang tóc, bao nhiêu tàn phá, giàu sang trở nên nghèo khổ, nghèo khổ hóa thành giàu sang, hầu hết những kẻ lưu manh tàn ác phải đền tội bằng cách này hoặc cách khác. Rõ ràng là "*Cơ báo ứng nhân tiền*" của công bình Thiên Đạo.

Họa phúc do con người tự tạo, bằng chứng rõ ràng, chúng ta có quyền lựa chọn giữa hai con đường SIÊU và ĐQA.

Phải chăng Hội Long Hoa, tức Hội Đại Đồng Phán Đoán (Grand Jugement Général) đã bắt đầu khai diễn vào thời kỳ mạt pháp này, để rồi mở ra một Nguồn mới, Nguồn Thánh Đức, cho những tâm hồn trong sạch chung sống cảnh HÒA BÌNH và HẠNH PHÚC của một đời mới?

HẾT

---

**LUÂN HỒI QUẢ BÁO**

Tác giả

NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TÂN ĐÃI

Nhà in HOÀNG HẢI  
152 Đường Cô Giang  
SÀI GÒN

Giấy phép số: 431/TXB ngày 13/4/1956

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

[thanhthatnsw@yahoo.com.au](mailto:thanhthatnsw@yahoo.com.au)

---